



CHUNG TAY CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

BÁO CÁO

Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 2021

Tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO

Chỉ số đánh giá Chi phí tuân thủ
thủ tục hành chính 2021

Tài liệu này được thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) thông qua Dự án Thúc đẩy cải cách và nâng cao năng lực kết nối của doanh nghiệp nhỏ và vừa (LinkSME). Nội dung của tài liệu này không phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

MỤC LỤC

MỤC LỤC BẢNG	5
MỤC LỤC HÌNH.....	6
MỤC LỤC HỢP	9
CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ KHÁI NIỆM.....	10
LỜI GIỚI THIỆU	1
1. CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.....	3
1.1. Giới thiệu.....	5
1.2. Kết quả APCI theo nhóm TTTC.....	10
1.3. Xu hướng cải cách 2021.....	17
1.4. Thông điệp cải cách từ APCI 2021	23
2. HỒ SƠ CÁC NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	31
2.1. Nhóm TTTC liên quan đến Đất đai.....	33
2.2. Nhóm TTTC liên quan đến Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh	42
2.3. Nhóm TTTC liên quan đến Đầu tư	53
2.4. Nhóm TTTC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới	63
2.5. Nhóm TTTC liên quan đến Khởi sự doanh nghiệp	73
2.6. Nhóm TTTC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành	84
2.7. Nhóm TTTC liên quan đến Môi trường	94
2.8. Nhóm TTTC liên quan đến Thuế.....	103
2.9. Nhóm TTTC liên quan đến Xây dựng	112
Phụ lục 1: Cách thức thực hiện và tính toán chỉ số APCI 2021 (cập nhật về phương pháp luận)	123
Phụ lục 2: Hồ sơ doanh nghiệp trong APCI 2021	131
Phụ lục 3: Danh mục các nhóm TTTC được định hướng cho chỉ số APCI 2021	132
Phụ lục 4: Danh sách các TTTC được khảo sát ở APCI 2021	133
Phụ lục 5: Danh sách các tỉnh thuộc vùng KTTĐ	135

MỤC LỤC BẢNG

BẢNG 1: Kết quả khảo sát APCI 2021 của các nhóm TTHC.....	10
BẢNG 2: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Đất đai qua các năm	39
BẢNG 3: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh qua các năm	50
BẢNG 4: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Đầu tư qua các năm.....	60
BẢNG 5: Thời gian thực hiện TTHC liên quan đến giao dịch thương mại qua biên giới theo phân luồng hàng hóa (giờ)	68
BẢNG 6: Các chỉ số thành phần qua các năm của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới	70
BẢNG 7: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp qua các năm	80
BẢNG 8: Chi tiết thời gian thực hiện theo TTHC theo Bộ chủ quản (Đơn vị: giờ).....	87
BẢNG 9: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành qua các năm	91
BẢNG 10: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Môi trường qua các năm.....	100
BẢNG 11: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC về Thuế	108
BẢNG 12: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Xây dựng qua các năm	117

MỤC LỤC HÌNH

HÌNH 1: Mức độ cải thiện APCI 2021 so với APCI 2020 và giai đoạn 2018-2021 theo nhóm TTHC	14
HÌNH 2: Điểm CPTT thực tế 2021 theo nhóm TTHC và theo vùng	17
HÌNH 3: Phân bố của các địa phương theo chi phí và thời gian thực hiện TTHC và xu hướng	18
HÌNH 4: Thực tiễn tốt nhất trong từng lĩnh vực	19
HÌNH 5: Mức độ cải thiện của các tỉnh thuộc vùng Thủ đô	20
HÌNH 6: Mức độ cải thiện các tỉnh muốn được phân cấp, phân quyền	21
HÌNH 7: Xếp hạng tạm thời về CPTT của một số địa phương.....	22
HÌNH 8: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Đất đai	34
HÌNH 9: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai	34
HÌNH 10: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Đất đai	35
HÌNH 11: Tỷ trọng thời gian chia theo theo các bước thực hiện của một TTHC Đất đai.....	35
HÌNH 12: Thời gian Chuẩn bị hồ sơ TTHC Đất đai của doanh nghiệp qua các năm	36
HÌNH 13: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai theo vùng	38
HÌNH 14: Điểm APCI của Nhóm TTHC Đất đai.....	39
HÌNH 15: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh	43
HÌNH 16: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh	44
HÌNH 17: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.....	44
HÌNH 18: Tỷ trọng thời gian chia theo theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.....	45
HÌNH 19: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo vùng	48
HÌNH 20: Điểm APCI của Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh qua các năm	49
HÌNH 21: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Đầu tư	54
HÌNH 22: So sánh về CPTT giữa nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ với nhóm doanh nghiệp quy mô lớn	55
HÌNH 23: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư.....	55
HÌNH 24: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Đầu tư.....	56

HÌNH 25: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC Đầu tư	56
HÌNH 26: Thời gian dành cho các công việc liên quan đến hồ sơ thủ tục	57
HÌNH 27: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư theo vùng	59
HÌNH 28: Điểm APCI của Nhóm TTHC Đầu tư qua các năm	60
HÌNH 29: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới.....	64
HÌNH 30: Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian và chi phí cho dịch vụ trung gian của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới.....	65
HÌNH 31: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới	65
HÌNH 32: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới	66
HÌNH 33: Tỷ trọng thời gian chia theo các hoạt động chính của một TTHC	66
HÌNH 34: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới theo vùng	69
HÌNH 35: Điểm APCI của Nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới qua các năm	69
HÌNH 36: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp.....	74
HÌNH 37: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp	75
HÌNH 38: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp	75
HÌNH 39: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp	76
HÌNH 40: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp theo vùng	78
HÌNH 41: Điểm APCI của Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp qua các năm	78
HÌNH 42: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành	85
HÌNH 43: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành	86
HÌNH 44: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành.....	86
HÌNH 45: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC Kiểm tra chuyên ngành	87
HÌNH 46: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành theo bộ quản lý.....	90
HÌNH 47: Điểm APCI của Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành qua các năm	91
HÌNH 48: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Môi trường.....	95
HÌNH 49: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Môi trường.....	96
HÌNH 50: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Môi trường	96

HÌNH 51: Tỷ trọng thời gian chia theo theo các bước thực hiện của một TTHC Môi trường	97
HÌNH 52: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Môi trường theo vùng	99
HÌNH 53: Điểm APCI của Nhóm TTHC Môi trường qua các năm	100
HÌNH 54: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC liên quan đến Thuế	104
HÌNH 55: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế	105
HÌNH 56: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Thuế.....	105
HÌNH 57: Tỷ trọng thời gian chia theo theo các bước thực hiện của một TTHC về Thuế	106
HÌNH 58: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế theo vùng.....	107
HÌNH 59: Điểm APCI của Nhóm TTHC Thuế.....	108
HÌNH 60: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Xây dựng.....	113
HÌNH 61: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng	114
HÌNH 62: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Xây dựng	114
HÌNH 63: Tỷ trọng thời gian chia theo theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Xây dựng.....	115
HÌNH 64: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng theo vùng	116
HÌNH 65: Điểm APCI của Nhóm TTHC Xây dựng qua các năm.....	117
HÌNH 66: Phương pháp xây dựng và tổ chức thực hiện APCI 2021	124
HÌNH 67: Mô hình tính toán CPTT	125

MỤC LỤC HỘP

HỘP 1: Ý kiến của Doanh nghiệp về thông tin TTHC cung cấp tại các cổng DVC.....	37
HỘP 2: Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong giải quyết TTHC.....	37
HỘP 3: Kiểm tra thực địa tại thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa	45
HỘP 4: Thực hiện trực tuyến thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa	46
HỘP 5: Khó khăn của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC nhóm Đầu tư	57
HỘP 6: Khó khăn của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC nhóm Đầu tư trực tuyến	58
HỘP 7: Chia sẻ của doanh nghiệp về quá trình Tìm hiểu thông tin	67
HỘP 8: Trải nghiệm của doanh nghiệp với hệ thống VNACCS/VCIS.....	67
HỘP 9: Chi phí không chính thức.....	78
HỘP 10: Chia sẻ của doanh nghiệp về thời gian chờ đợi Kiểm dịch động/thực vật.....	88
HỘP 11: Hạn chế của Cổng Thông tin một cửa quốc gia (VNSW).....	89
HỘP 12: Doanh nghiệp gặp khó gì khi không được thực hiện TTHC trên môi trường điện tử?	89
HỘP 13: Trải nghiệm của doanh nghiệp về Tìm hiểu thông tin và Nộp hồ sơ trực tuyến cho TTHC về Môi trường.....	98
HỘP 14: Áp dụng Cổng DVC trực tuyến tại Đà Nẵng.....	98

CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ KHÁI NIỆM

APCI	Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính
CPTT	Chi phí tuân thủ. Chi phí tuân thủ của một thủ tục hành chính là tổng cộng của tất cả các chi phí bao gồm chi phí thời gian và chi phí trực tiếp cần thiết để thực hiện thủ tục hành chính đó.
Chi phí thời gian	Là chi phí quy đổi từ việc đo lường thời gian cần thiết của mỗi doanh nghiệp kể từ khi bắt đầu tìm hiểu về thủ tục hành chính (tìm hiểu thông tin về thủ tục hành chính) cho đến khi hoàn tất việc thực hiện thủ tục hành chính theo quy định hiện hành (nhận kết quả thủ tục hành chính)
Chi phí trực tiếp	Là chi phí mà doanh nghiệp đã phải chi trả bằng tiền trong suốt quá trình thực hiện thủ tục hành chính để nhận được kết quả của thủ tục hành chính (không bao gồm chi phí cơ hội), bao gồm cả chi phí không chính thức.
CQNN	Cơ quan nhà nước
DVC	Dịch vụ công
DVCQG	Dịch vụ công quốc gia
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GCN	Giấy Chứng nhận
GCNĐKDN	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
KHCN	Khoa học và Công nghệ
KHĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KTTĐ	Kinh tế trọng điểm
NNPTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
PCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện với sự hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ tại Việt Nam.
CQNN	Cơ quan quản lý nhà nước
TNMT	Tài nguyên và Môi trường
TTHC	Thủ tục hành chính
TTTT	Thông tin và Truyền thông
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

VNSW	Hệ thống thông tin một cửa quốc gia
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I

CHỈ SỐ CHI PHÍ TUÂN THỦ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1.1. Giới thiệu

Bối cảnh

Năm 2021 là năm thứ 2 thế giới chứng kiến những diễn biến phức tạp, khó đoán định của đại dịch COVID-19, nhất là khi có sự xuất hiện của biến chủng mới Delta và Omicron lây lan nhanh và nguy hiểm hơn biến chủng trước đó, đã làm thay đổi rõ rệt trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị, tổ chức hoạt động kinh tế và đời sống xã hội toàn cầu, buộc nhiều nước phải điều chỉnh định hướng, chiến lược phòng, chống dịch bệnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Ở trong nước, đợt bùng phát dịch COVID-19 lần thứ tư (từ tháng 4/2021) xảy ra tại nhiều địa phương, trong đó có các trung tâm kinh tế, đô thị lớn, vùng kinh tế trọng điểm... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt đời sống – xã hội. Trước bối cảnh đó, toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó, Chính phủ và chính quyền địa phương phải tập trung và huy động mọi nguồn lực, đồng thời thực hiện những giải pháp, hành động quyết liệt và chưa từng có tiền lệ để phòng, chống dịch, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, duy trì ổn định trật tự xã hội và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Những biện pháp phòng, chống dịch đó đã tác động sâu sắc, mạnh mẽ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác. Trong đó, với mục tiêu bảo đảm ổn định sản xuất và hạn chế đứt gãy chuỗi cung ứng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã mạnh mẽ, kịp thời, quyết liệt, khẩn trương ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành (nghị quyết, quyết định, chỉ thị, công điện...) ¹ nhằm thực hiện “mục tiêu kép” vừa kiểm soát dịch bệnh vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, như: “an toàn để sản xuất, sản xuất để an toàn”, thực hiện “ba tại chỗ”, yêu cầu thiết lập “một cung đường hai điểm đến”, các địa phương không ban hành quy định riêng, thực hiện nghiêm túc quy định của Trung ương và Bộ Y tế, từng bước chuyển sang trạng thái “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”.... Bên cạnh đó, Chính phủ đã khẩn trương tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động và người sử dụng lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, bảo đảm ổn định sản xuất, lưu thông hàng hóa thông suốt, an toàn, hiệu quả, khắc phục gián đoạn chuỗi cung ứng. Đồng thời, với chiến lược vắc-xin thần tốc, hiệu quả, nước ta đã sớm bao phủ vắc-xin để sớm có miễn dịch cộng đồng nhằm đưa Việt Nam vào một giai đoạn “bình thường mới”. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cũng như ghi nhận của các tổ chức quốc tế ², tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2021 đạt 2,58% ³. Kết quả này khẳng định sự điều hành hiệu quả của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 và sự kịp thời, linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt, đúng đắn trong hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 và bảo đảm an dân, góp phần đưa nền kinh tế sớm vượt qua khó khăn, không lỡ nhịp với tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu, đồng thời tạo nền tảng và điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội cho cả giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo. Triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng (Nghị quyết 50/NQ-CP) ngày 20/05/2021. Tại nhiệm vụ

¹ Như: Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021; các Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 21/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh COVID-19...

² Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm như: S&P Global Ratings (S&P), Moody's, Fitch

³ Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2021, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>; Ngân hàng Thế giới, Không còn thời gian để lãng phí: Những thách thức và cơ hội đối với phát triển thương mại xanh tại Việt Nam, tháng 1/2022, trang 47.

chủ yếu đầu tiên, Nghị quyết 50/NQ-CP đã đặt ra yêu cầu “rà soát hệ thống văn bản, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng....”; “đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số một cách phù hợp, thực chất và hiệu quả”. Nghị quyết cũng đặt ra phương hướng “thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công. Thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ công và thu hút mạnh mẽ các loại hình kinh tế tham gia. Triển khai có hiệu quả Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và mô hình trung tâm phục vụ hành chính công trong giải quyết thủ tục hành chính giai đoạn 2021 - 2025.”

Trong bài phát biểu nhậm chức, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã xác định một trong những ưu tiên hàng đầu là: “tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp và người dân; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hơn nữa để sản xuất kinh doanh phát triển”⁴. Dựa trên những ưu tiên này, các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương tiếp tục thực hiện các chương trình, hoạt động về rà soát các quy định pháp luật, điều kiện kinh doanh để cắt giảm các quy định pháp luật gây cản trở cho hoạt động kinh doanh, như đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ năm 2020 ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 (Nghị quyết 68/NQ-CP) và Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 (Nghị quyết 76/NQ-CP).

Nghị quyết 76/NQ-CP đã xác định mục tiêu “Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp...”, và đến năm 2025, “cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020”. Nghị quyết 76/NQ-CP cũng đặt ra các mục tiêu cụ thể, được lượng hoá từng nội dung trong giai đoạn đến 2025 và đến 2030. **Đặc biệt, Nghị quyết yêu cầu đến năm 2030, môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.** Sự quyết liệt trong điều hành của Thủ tướng Chính phủ còn thể hiện ở việc chỉ đạo tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp và ảnh hưởng nghiêm trọng. Theo đó, sau khi nhận được kiến nghị của 63 địa phương về khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, các bộ, ngành đã tiến hành rà soát các quy định pháp luật; Thủ tướng Chính phủ đã có công điện yêu cầu 10 bộ liên quan có trách nhiệm rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khơi thông các “điểm nghẽn”, huy động mọi nguồn lực xã hội, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh⁵. Năm 2021, cả nước đã cắt giảm, đơn giản hóa 1.101 quy định kinh doanh; đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 924 quy định và sửa đổi, bổ sung 166 văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm

⁴ Báo Chính phủ, Toàn văn phát biểu nhậm chức của Thủ tướng Phạm Minh Chính, ngày 05/04/2021, <http://baochinhphu.vn/Cac-bai-phat-bieu-cua-Thu-tuong/Toan-van-phat-bieu-nham-chuc-cua-Thu-tuong-Pham-Minh-Chinh/427750.vgp>

⁵ Công điện số 1079/CP-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/08/2021 về việc rà soát pháp luật để tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, kinh doanh trong điều kiện dịch COVID-19 diễn biến phức tạp.

vi quản lý nhà nước của 07 bộ⁶. Dịch vụ công (DVC) trực tuyến mức độ 4 đạt trên 50%, kết nối trực tuyến từ Chính phủ đến gần 100% xã, phường, thị trấn tại các tỉnh, thành phố cũng đã góp phần thúc đẩy công cuộc chuyển đổi số quốc gia tại Việt Nam. Đến cuối năm 2021, đã có hơn 3.500 TTHC được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó có 1.879 TTHC dành cho doanh nghiệp. Số hồ sơ đồng bộ trạng thái xử lý là hơn 104 triệu hồ sơ. Cổng Dịch vụ công trực tuyến cũng triển khai tiện ích phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đối với TTHC với hơn 16.800 phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận và phản hồi⁷.

Để nâng cao khả năng điều hành dựa trên dữ liệu cho các bộ, ngành và địa phương, Cổng Dịch vụ công quốc gia đang xây dựng bộ chỉ số cung cấp thông tin về số liệu hồ sơ TTHC, kết quả xử lý hồ sơ TTHC và phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đối với việc xử lý TTHC thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia theo thời gian thực tế. Số liệu được cập nhật tính từ năm 2020 cho đến nay⁸. Thông tin này giúp cho công tác kiểm soát và cải cách TTHC ở trung ương và địa phương nắm bắt ngay được các thông tin liên quan đến tình hình xử lý TTHC để có thể có biện pháp can thiệp nhằm giải quyết được những vướng mắc, tồn đọng và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, cá thể hoá trách nhiệm và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, giảm tham nhũng tiêu cực. Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ cũng đang xây dựng và thử nghiệm để đưa vào vận hành Cổng Tham vấn quy định kinh doanh với 12 lĩnh vực chủ yếu gắn với hoạt động của doanh nghiệp kể từ khi Khởi sự doanh nghiệp cho đến khi Tạm dừng, chấm dứt hoạt động. Khi Cổng tham vấn này được đi vào vận hành chính thức sẽ giúp cho các cơ quan Nhà nước tổng hợp, phân tích dữ liệu để tìm ra điểm nghẽn, các quy định trùng lặp, bất hợp lý, gây khó khăn cho doanh nghiệp và nâng cao khả năng tham vấn, tương tác với các doanh nghiệp, hiệp hội. Đồng thời, Cổng Tham vấn giúp cho các doanh nghiệp, hiệp hội nắm bắt được các quy định hiện hành hoặc dự kiến được ban hành để có thể góp ý nhằm nâng cao chất lượng của quy định và tạo ra một kênh trao đổi, tương tác hai chiều có hiệu quả với các cơ quan Nhà nước⁹.

Những nỗ lực nêu trên đã tác động tích cực, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào các cơ quan, bộ máy hành chính nhà nước và quản lý, điều hành vĩ mô của Chính phủ. Theo đánh giá gần nhất của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới, mặc dù chịu tác động của dịch COVID-19, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn tiếp tục đứng vững, tỷ lệ doanh nghiệp gia nhập thị trường vẫn tăng, số doanh nghiệp trở lại thị trường cũng cao hơn số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn¹⁰.

⁶ Hà Văn, Thủ tướng yêu cầu 'đã nói phải làm', tạo đột phá cải cách hành chính trong năm 2022, Báo Điện tử Chính phủ, 09/03/2022. Xem thêm tại: <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-yeu-cau-da-noi-phai-lam-tao-dot-pha-cai-cach-hanh-chinh-trong-nam-2022-102220309121456511.htm>

⁷ Cổng Dịch vụ công quốc gia, <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>, cập nhật ngày 23/03/2022

⁸ Cổng dịch vụ công quốc gia, Bản đồ thực thi thể chế, <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dashboard-chi-tieu.html#>, truy cập lần cuối ngày 12/04/2022

⁹ Cơ sở dữ liệu và Cổng Tham vấn quy định kinh doanh, <https://quydinghinhdoanh.gov.vn/p/home/tmv-trang-chu.html>, truy cập lần cuối ngày 12/04/2022.

¹⁰ Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2021, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2021/>; Ngân hàng Thế giới, Không còn thời gian để lãng phí: Những thách thức và cơ hội đối với phát triển thương mại xanh tại Việt Nam, tháng 1/2022, trang 31, 32, 36.

Báo cáo Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI)

Báo cáo APCI 2021 của Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ là báo cáo đánh giá chi phí thực tế mà doanh nghiệp phải chi trả để thực hiện TTHC trên cả nước theo quy định hiện hành trong khuôn khổ của Đề án xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC (Đề án 383)¹¹ và theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021 (Nghị quyết số 02/NQ-CP). Chỉ số APCI được công bố lần đầu tiên vào năm 2018 và Báo cáo APCI 2021 là báo cáo được thực hiện lần thứ tư. Trong năm thứ tư này, Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC đã nhận được ý kiến và chia sẻ thông tin thông qua **phiếu khảo sát của 3.279 doanh nghiệp đã thực hiện các TTHC trên cả nước trong sáu tháng cuối năm 2020 và ba tháng đầu năm 2021 (từ tháng 07 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021) về thời gian và các chi phí cần thiết để thực hiện TTHC**. Ngoài ra, ý kiến của doanh nghiệp còn được phản ánh trực tiếp thông qua khảo sát chuyên sâu trong quá trình thực hiện nghiên cứu APCI 2021 với các cơ quan quản lý nhà nước thuộc địa phương, hiệp hội doanh nghiệp, chuyên gia, và các doanh nghiệp thông qua ba buổi tọa đàm trực tuyến.

Tương tự như các năm trước, Báo cáo APCI 2021 tiếp tục đánh giá chi phí tuân thủ (CPTT) của doanh nghiệp để thực hiện các TTHC do các cơ quan quản lý nhà nước (CQNN) thực hiện giải quyết, qua đó xác định những nhóm TTHC đã và đang là gánh nặng về chi phí của doanh nghiệp. Đồng thời, Báo cáo APCI 2021 có thể được sử dụng như một trong những thước đo về hiệu quả của những nỗ lực cải cách TTHC ở cấp trung ương (cấp ban hành chính sách) và cấp địa phương (cấp thực thi) nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành, chất lượng quản trị công của bộ máy hành chính nhà nước các cấp, và tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Báo cáo APCI được xây dựng trên hai chỉ số thành phần, phản ánh các loại chi phí chủ yếu mà doanh nghiệp sẽ phải chi trả khi thực hiện TTHC là:

- **Chi phí thời gian** thông qua đo lường về thời gian cần thiết của mỗi doanh nghiệp kể từ khi bắt đầu tìm hiểu về TTHC (tìm hiểu thông tin về TTHC) cho đến khi hoàn tất việc thực hiện TTHC theo quy định hiện hành (nhận kết quả TTHC). Chi phí thời gian trung bình cho mỗi nhóm TTHC được tính là trung bình cộng của chi phí của tất cả các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC, không bao gồm các doanh nghiệp thuê trung gian/bên thứ ba để thực hiện TTHC. Điểm chi phí thời gian (từ 0 đến 100 điểm) được tính là điểm phần trăm đạt được so với thời gian thực hiện TTHC ngắn nhất. Trong đó 0 điểm là thời gian dài nhất ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát, 100 điểm là thời gian ngắn nhất ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát;
- **Chi phí trực tiếp** mà doanh nghiệp đã phải chi trả bằng tiền trong suốt quá trình thực hiện TTHC để nhận được kết quả của TTHC. Chi phí trực tiếp càng thấp càng tốt. Chi phí trực tiếp trung bình cho mỗi nhóm TTHC được tính là trung bình cộng của chi phí của tất cả các doanh nghiệp tự thực hiện TTHC, không bao gồm các doanh nghiệp thuê trung gian/bên thứ

¹¹ Quyết định số 383/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính ngày 07/06/2017 về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

ba để thực hiện TTHC. Điểm chi phí trực tiếp (từ 0 đến 100 điểm) được tính là điểm phần trăm đạt được so với chi phí trực tiếp thấp nhất. Trong đó 0 điểm là Chi phí trực tiếp nhiều nhất ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát, 100 điểm là Chi phí trực tiếp thấp nhất ghi nhận được trong số các doanh nghiệp được khảo sát; và

- **Chi phí tuân thủ (CPTT)** bằng Tổng chi phí thực hiện một TTHC, bao gồm chi phí thời gian và chi phí trực tiếp cần thiết để thực hiện TTHC đó, hoặc tổng chi phí thuê bên thứ ba để thực hiện TTHC. Những trường hợp doanh nghiệp xác nhận có phát sinh chi phí không chính thức thì những chi phí này sẽ được tổng hợp chung vào Tổng chi phí (Chi phí tuân thủ). Chi phí tuân thủ trung bình cho mỗi nhóm TTHC được tính là trung bình cộng của chi phí của tất cả các doanh nghiệp tham gia khảo sát, bao gồm doanh nghiệp tự thực hiện TTHC và doanh nghiệp thuê trung gian/bên thứ ba để thực hiện TTHC.

Phạm vi Báo cáo APCI 2021

Các TTHC thuộc phạm vi đánh giá của Báo cáo APCI 2021 được lựa chọn dựa trên hai nguyên tắc là: 1) các nhóm TTHC liên quan đến vòng đời hoạt động của doanh nghiệp, và 2) các nhóm TTHC gắn với ưu tiên cải cách liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của Chính phủ (Chi tiết về Danh sách các TTHC được khảo sát ở APCI 2021 ở Phụ lục 3).

Căn cứ dữ liệu doanh nghiệp thực hiện TTHC trong 6 tháng cuối năm 2020 và 3 tháng đầu năm 2021 do các Bộ, địa phương cung cấp và căn cứ thông tin phản hồi từ doanh nghiệp, có 9 nhóm TTHC sau đảm bảo đầy đủ tiêu chí đánh giá của APCI 2021, gồm: i) Khởi sự doanh nghiệp, ii) Thuế, iii) Đầu tư, iv) Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, v) Giao dịch thương mại qua biên giới, vi) Đất đai, vii) Môi trường, viii) Xây dựng, và ix) Kiểm tra chuyên ngành. Thông tin về CPTT các TTHC do doanh nghiệp phản ánh trong APCI được ghi nhận trong khoảng thời gian khảo sát ở các địa phương.

Báo cáo APCI là nguồn thông tin quan trọng phản ánh ý kiến trực tiếp từ doanh nghiệp đối với quy định pháp luật và hoạt động thực thi pháp luật để thực hiện thành công mục tiêu được đề ra tại Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ năm 2022 về “*cắt giảm thực chất các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và đẩy mạnh chuyển đổi số*” theo tinh thần chủ đề điều hành của Chính phủ nhiệm kỳ khoá XV “**Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát triển**”. Báo cáo APCI cũng sẽ góp phần thúc đẩy việc thực hiện để đạt được các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ năm 2022 về nâng cao thứ hạng của Việt Nam trên các bảng xếp hạng quốc tế về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Đồng thời, Báo cáo sẽ là một nguồn thông tin “*bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn và lấy thực tiễn làm thước đo*” để giúp cho các CQNN có những chỉ đạo tháo gỡ nút thắt, điểm nghẽn trong việc ban hành, tổ chức thực hiện thể chế, pháp luật, thủ tục hành chính, từ đó, góp phần giảm những phiền hà cho người dân, doanh nghiệp đúng như tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật vào tháng 01/2022.

1.2. Kết quả APCI theo nhóm TTHC

1.2.1. Kết quả APCI 2021

Kết quả khảo sát APCI 2021 về CPTT trung bình của các nhóm TTHC được trình bày ở BẢNG 1 dưới đây. Các nhóm TTHC được xếp theo thứ tự bảng chữ cái.

BẢNG 1: Kết quả khảo sát APCI 2021 của các nhóm TTHC

Nhóm TTHC	CPTT trung bình (nghìn đồng)
DDA-Đất đai	5.982
DDK- Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh	4.846
DTU-Đầu tư	8.156
GTB-Giao dịch thương mại qua biên giới	4.442
KNG-Khởi sự doanh nghiệp	785
KTN-Kiểm tra chuyên ngành	2.697
MTR-Môi trường	42.766
TAX-Thuế	534
XDG-Xây dựng	36.237
NGUỒN: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021	

Phân phân tích dưới đây tóm tắt các chi phí thành phần của mỗi nhóm, và những khó khăn/thuận lợi tiêu biểu của từng nhóm được ghi nhận từ khảo sát doanh nghiệp và nghiên cứu của chuyên gia.

- Nhóm TTHC Đất đai:** Nhờ nỗ lực cải cách của ngành tài nguyên và môi trường (TNMT), trong năm 2020-2021, tổng số TTHC về đất đai đã được giảm đáng kể, trong đó các thủ tục không cần thiết trong giao đất, cho thuê đất và đăng ký, cấp giấy chứng nhận (GCN) thuộc thẩm quyền của cấp xã trước đây như xác nhận tình trạng tranh chấp đối với trường hợp đăng ký, cấp GCN mà người sử dụng có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đã được bãi bỏ. Để thực hiện một TTHC trong nhóm Đất đai, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 36,6 giờ, chi phí trực tiếp là khoảng 3,1 triệu đồng. Mặc dù không có sự khác biệt đáng kể về chi phí trực tiếp qua các năm, nhưng chi phí thời gian của doanh nghiệp dành cho các TTHC Đất đai tăng đáng kể. Việc doanh nghiệp thuê các đơn vị trung gian tư vấn ngày càng trở nên phổ biến, nhưng việc doanh nghiệp giao phó toàn bộ công việc thực hiện TTHC về Đất đai cho đơn vị trung gian tư vấn thì có xu hướng giảm đi. Ngoài ra, mức độ phổ biến về chi phí không chính thức trong các TTHC về Đất đai cũng có xu hướng tăng lên là những tín hiệu về việc cần phải đẩy mạnh DVC trực tuyến, và chia sẻ cơ sở dữ liệu về đất đai.

- Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh:** Để thực hiện TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra xấp xỉ 64,5 giờ, chi phí trực tiếp là 2,9 triệu đồng. Thời gian thực hiện TTHC có sự thay đổi đáng kể so với những năm trước đây, đặc biệt là ở khâu Chuẩn bị hồ sơ. Mặc dù vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các bước thực hiện thủ tục, thời gian Chuẩn bị hồ sơ trong nhóm TTHC này đã giảm xấp xỉ 13%, cụ thể từ khoảng 93% xuống 80%. Trong đó, doanh nghiệp thường mất nhiều thời gian thực hiện các công việc bao gồm tham gia tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và thu thập các loại giấy tờ theo yêu cầu). Trong năm 2020-2021, chia sẻ khó khăn của doanh nghiệp do đại dịch COVID-19, một số TTHC đã được giảm lệ phí thực hiện từ 10% đến 30%. Chỉ có 4/7 TTHC được khảo sát có thể thực hiện trực tuyến, trong đó nhóm thủ tục thuộc lĩnh vực y tế dẫn đầu về tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn phương thức nộp hồ sơ trực tuyến. Tương tự như kết quả ở các kỳ khảo sát trước, năm 2021 vẫn ghi nhận một tỷ lệ nhỏ doanh nghiệp (3,5%) đã phải chi trả chi phí không chính thức khi thực hiện các TTHC này.
- Nhóm TTHC Đầu tư:** Năm 2021, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 68,9 giờ và 3,8 triệu đồng để thực hiện một TTHC về Đầu tư. Khảo sát APCI 2021 ghi nhận những trải nghiệm khác biệt đáng kể giữa nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ với nhóm doanh nghiệp quy mô lớn về CPTT. Nhóm doanh nghiệp quy mô lớn có chi phí chỉ bằng 1/3 so với CPTT của nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ. Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong quá trình tìm hiểu thông tin và hoàn thiện bộ hồ sơ cấp phép, đặc biệt là với thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. Mức độ phổ biến của DVC trực tuyến trong nhóm này là 3,9% và chủ yếu ở khâu nộp hồ sơ. Trong bối cảnh bùng phát của đại dịch COVID-19, dịch vụ bưu chính là lựa chọn của 12,7% doanh nghiệp để nhận kết quả. Kết hợp giữa nộp hồ sơ trực tuyến và nhận kết quả qua bưu điện có thể là lựa chọn tối ưu cho doanh nghiệp để giảm thời gian thực hiện TTHC trong khi GCN Đầu tư bản giấy vẫn có nhiều giá trị liên quan đến ưu đãi đầu tư. Dù chưa phải là những tỷ lệ cao theo kỳ vọng, những số liệu này là đáng khích lệ trong số chín nhóm TTHC của APCI. Về chi phí không chính thức, 15% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết chi trả khoản này nhằm đẩy nhanh quá trình xử lý hồ sơ, hoặc là mang tính chất “quà cảm ơn”, “thù lao” cho cán bộ chuyên môn trong các hoạt động thực địa.
- Nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới:** Hệ thống thông quan điện tử tự động VNACCS/VCIS được đưa vào triển khai từ năm 2014, và đến nay đã phủ khắp 100% các đơn vị hải quan trên phạm vi toàn quốc thực hiện với hơn 99% doanh nghiệp tham gia, xử lý hơn 99,8% tờ khai¹². Theo APCI 2021, để thực hiện một thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra khoảng 9,8 giờ, chi phí trực tiếp khoảng 3,6 triệu đồng cho các dịch vụ logistics. Thời gian thực hiện thủ tục khai báo hải quan không có sự khác biệt rõ rệt so với các kỳ khảo sát trước, nhưng thời gian thực thi các hoạt động liên quan đến logistics gia tăng đối với tất cả các luồng hàng hóa do ảnh hưởng của các biện pháp phòng chống dịch COVID-19. Xu hướng sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói ngày càng gia tăng, năm 2021 ghi nhận tổng chi phí trọn gói trả cho các đơn vị dịch vụ đã tiệm cận với

¹² Tạp chí Tài chính, 2021, Ngành Hải quan luôn quan tâm đến sự hài lòng của doanh nghiệp để nâng cao chất lượng phục vụ, truy cập tại: <https://tapchitaichinh.vn/Chuyen-dong-tai-chinh/nganh-hai-quan-luon-quan-tam-den-su-hai-long-cua-doanh-nghiep-de-nang-cao-chat-luong-phuc-vu-343487.html>

tổng CPTT do doanh nghiệp tự thực hiện. 71,7% doanh nghiệp tham gia khảo sát sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói để thực hiện các thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới với chi phí trung bình 4,6 triệu đồng. Việc chi trả chi phí không chính thức để thực hiện các thủ tục kiểm tra thông quan hàng hóa có xu hướng giảm nhẹ theo thời gian.

- **Nhóm Khởi sự doanh nghiệp:** Năm 2020-2021, nhiều cải cách về mặt chính sách và pháp luật hỗ trợ khởi sự doanh nghiệp như bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy sau khi bộ hồ sơ nộp qua mạng điện tử, miễn và giảm phí, lệ phí liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, và miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập. Ngoài ra, nhiều địa phương cũng áp dụng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC như hỗ trợ cước dịch vụ bưu chính khi nhận kết quả TTHC trong giai đoạn bùng phát dịch COVID-19. Khảo sát năm 2021, trung bình doanh nghiệp bỏ ra 8,3 giờ làm việc và 467 nghìn đồng chi phí trực tiếp để hoàn thành một thủ tục về Khởi sự doanh nghiệp. Chi phí trực tiếp đã giảm so với năm liền trước, tuy nhiên mức giảm chưa nhiều. Tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn hình thức trực tuyến để thực hiện các TTHC về Khởi sự doanh nghiệp chưa như kỳ vọng do việc thực hiện trực tuyến chưa tạo ra sự khác biệt đáng kể so với hình thức trực tiếp. Vẫn còn khoảng 2% doanh nghiệp tham gia khảo sát đã chi trả chi phí không chính thức ở các khâu có tiếp xúc với cán bộ giải quyết TTHC để được có dịch vụ tốt hơn.
- **Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành:** Năm 2021, trung bình mỗi doanh nghiệp mất 14,5 giờ và gần 2 triệu đồng chi phí trực tiếp. Trong số các DVC trực tuyến đã được triển khai với các TTHC Kiểm tra chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NNPTNT) và Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN), dường như doanh nghiệp gặp thuận lợi hơn khi thực hiện các TTHC thuộc Bộ KHCN, với thời gian phải bỏ ra ít hơn, đặc biệt ở các khâu Nộp hồ sơ và Nhận kết quả. Không có sự khác biệt đáng kể về thời gian doanh nghiệp dành cho việc Tìm hiểu thông tin và Chuẩn bị hồ sơ ở các TTHC do ba Bộ quản lý. Trong số các thủ tục Kiểm tra chất lượng hàng hóa của ba Bộ được khảo sát, chi phí cho Kiểm dịch thực vật/động vật có mức chi phí trực tiếp trung bình thấp nhất so với các chi phí Kiểm tra chất lượng hàng hóa thuộc Bộ KHCN và Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT). Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức là 21,3%, đây là tỷ lệ cao nhất trong số chín nhóm TTHC được khảo sát trong APCI. Chi phí không chính thức phát sinh nhiều nhất ở các TTHC thuộc Bộ NNPTNT.
- **Nhóm TTHC Môi trường:** Sự cải thiện tích cực của nhóm TTHC Môi trường tại APCI 2021 khẳng định sự đúng đắn của việc đổi mới phương thức quản lý môi trường “từ bị động giải quyết sang chủ động phòng ngừa”, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” hướng tới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững trong Nghị định số 40/2019/NĐ-CP. Để thực hiện TTHC trong nhóm Môi trường, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra 284,9 giờ, và 14,4 triệu đồng chi phí trực tiếp. Chi phí trực tiếp cho việc lấy mẫu, quan trắc môi trường của các doanh nghiệp tăng cao ở khâu thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Doanh nghiệp mới chỉ có thể thực hiện 1 trong số 3 TTHC về Môi trường được khảo sát. Dù vậy, việc nhận kết quả trực tuyến vẫn chưa thể được thực hiện ở bất kỳ thủ tục nào. Đà Nẵng là địa phương được nhiều doanh nghiệp nhắc đến với những trải nghiệm hài lòng về nộp hồ sơ

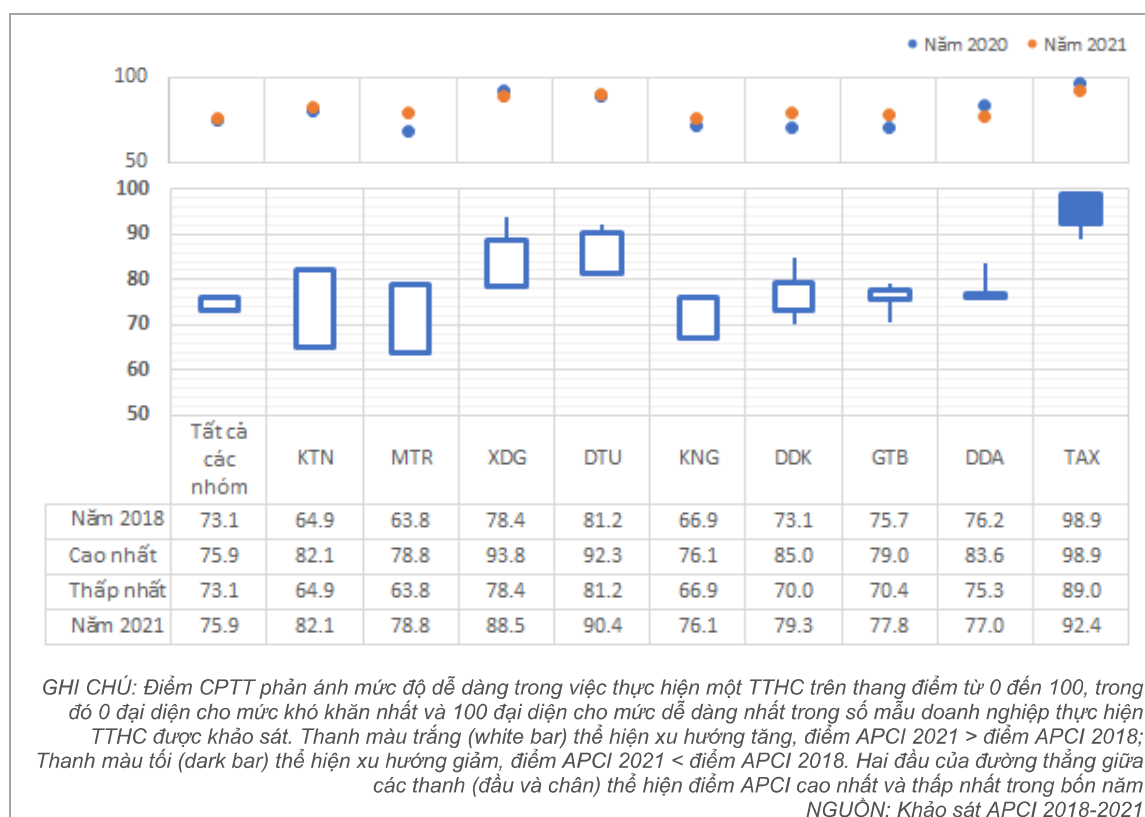
trực tuyến. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn nhận kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính có tăng nhẹ. Tỷ lệ doanh nghiệp thuê dịch vụ trọn gói để thực hiện TTHC giảm rõ rệt ở năm 2021 (chỉ chiếm 1% doanh nghiệp tham gia khảo sát). Chi phí không chính thức vẫn phổ biến ở mức độ 11,4%.

- **Nhóm TTHC Thuế:** Khảo sát APCI 2021 cho thấy để thực hiện các TTHC trong nhóm Thuế, doanh nghiệp hầu như chỉ phải chi trả các chi phí nguồn lực (thời gian làm việc, trung bình 5 giờ), chi phí trực tiếp hầu như không có hoặc không đáng kể (trung bình 374 nghìn đồng). Năm 2021, tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện TTHC Thuế lựa chọn nộp hồ sơ thông qua phương thức trực tuyến rất cao: 100% đối với Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ; 92% đối với Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Các hoạt động về Chuẩn bị và hoàn thiện hồ sơ là nút thắt đối với cải cách TTHC Thuế, và cũng đang được Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế gỡ bỏ dần dần thông qua việc áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử, và lược bỏ Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan trong thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể.... Tỷ lệ thực hiện TTHC trực tuyến cao giúp doanh nghiệp giảm thiểu các chi phí trực tiếp, và giảm khả năng phát sinh chi phí không chính thức do không tiếp xúc với cán bộ CQNN. Năm 2021, các doanh nghiệp được khảo sát về TTHC Thuế không phản ánh về việc phải chi trả chi phí không chính thức khi thực hiện các thủ tục về Thuế.
- **Nhóm TTHC Xây dựng:** Luật Xây dựng sửa đổi 2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đã rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng, tích hợp nhiều TTHC thành một, phân cấp thẩm quyền thẩm định cho chủ đầu tư/cán bộ địa phương, từ đó giúp đơn giản hoá quá trình thực hiện TTHC và dự kiến cắt giảm đáng kể CPTT cho các doanh nghiệp. Theo APCI 2021, để thực hiện TTHC Xây dựng, trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra khoảng 49,6 giờ và hơn 12 triệu đồng chi phí trực tiếp. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng DVC trực tuyến có sự cải thiện rõ rệt mặc dù vẫn ở mức thấp so với các nhóm khác. Nhiều doanh nghiệp thể hiện mong muốn nộp hồ sơ trực tuyến để tiết kiệm chi phí dành cho in ấn, đặc biệt trong trường hợp phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nhiều lần. So với kết quả ở kỳ khảo sát năm 2020, tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức khi thực hiện các TTHC Xây dựng giảm đáng kể (3% năm 2021 so với 16% năm 2020).

1.2.2. Mức độ cải thiện của các nhóm TTHC

So sánh điểm số APCI từ năm 2018 đến năm 2021 cho thấy xu hướng cải thiện (tăng) ở tất cả các nhóm mặc dù mức độ tăng ở từng nhóm có khác nhau (HÌNH 1). Có 8 trong số 9 nhóm TTHC có thay đổi dương (thanh màu trắng) ở điểm số năm 2021 so với điểm số năm 2018. Nhóm TTHC TAX-Thuế mặc dù có thay đổi âm (thanh màu tối) ở điểm số năm 2021 so với điểm số năm 2018, nhưng vẫn ở vị trí tăng so với các năm khác. Nhóm TTHC Thuế là nhóm luôn có điểm số cao nhất trong tất cả các kỳ khảo sát, và cùng với các nhóm XDG-Xây dựng và DTU-Đầu tư ở vị trí trên mức trung bình chung. Hai nhóm KTN-Kiểm tra chuyên ngành và MTR-Môi trường có xu hướng cải thiện mạnh (tốt) nhất, ngược lại nhóm DDA-Đất đai có xu hướng cải thiện yếu nhất. Hình dưới đây, cùng với các phân tích tiếp theo về mức độ cải thiện của từng nhóm TTHC được sắp xếp theo thứ tự mức độ tăng của điểm số năm 2021 so với điểm số năm 2018.

HÌNH 1: Mức độ cải thiện APCI 2021 so với APCI 2020 và giai đoạn 2018-2021 theo nhóm TTHC



Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành có điểm số APCI 2021 tăng nhẹ (2,3 điểm) so với APCI 2020, và tăng 17,2 điểm trong giai đoạn 2018-2021 (HÌNH 1). Kết quả trên đã thể hiện xu hướng cải thiện mạnh mẽ qua các kỳ khảo sát, và phần nào khẳng định hướng đi đúng đắn của Chính phủ và các bộ, ngành trong công tác cải cách TTHC và mô hình Kiểm tra chuyên ngành. Quản lý theo nguyên tắc rủi ro, thống nhất về đầu mối kiểm tra chuyên ngành, áp dụng công nghệ thông tin và chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC, cắt giảm chứng từ và thông tin mà doanh nghiệp phải nộp/xuất trình khi thực hiện việc kiểm tra nhà nước về chất lượng nhận được sự đồng tình mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp. Kết quả khảo sát qua các kỳ cho thấy mặc dù các chi phí về thời gian của doanh nghiệp chưa có nhiều thay đổi, nhưng chi phí trực tiếp và tổng CPTT của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành đã có những thay đổi mạnh mẽ, giảm từ 50% đến 60% so với kỳ khảo sát đầu tiên.

Nhóm TTHC Môi trường có điểm số APCI 2021 tăng cao nhất (10,3 điểm) so với APCI 2020 trong số các nhóm TTHC được khảo sát, và tăng 15 điểm trong giai đoạn 2018-2021 (HÌNH 1). Sự cải thiện của nhóm Môi trường được cho là đến từ tác dụng của các chính sách về bảo vệ môi trường giúp thay đổi nhận thức của chủ doanh nghiệp/chủ dự án trong việc tham gia vào xây dựng và thực thi các phương án giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động sản xuất đến môi trường thay vì phó mặc hoàn toàn cho đơn vị tư vấn. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng trung gian trọn gói giảm rõ rệt ở năm 2021 (chỉ 1% tổng số doanh nghiệp được khảo sát trong kỳ) so với các năm liền trước (trung bình 55% tổng số doanh nghiệp được khảo sát trong kỳ). Với thực tế như vậy, doanh nghiệp kỳ vọng về việc áp dụng rộng rãi thực hiện TTHC trực tuyến đối với các TTHC Môi trường cấp địa phương, cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc TNMT, sự chủ động phối hợp giữa các CQNN trong

xử lý TTHC, cập nhật các bộ các quy chuẩn và tiêu chuẩn về môi trường với các thực hành tốt nhất về bảo vệ môi trường của khu vực và quốc tế.

Nhóm TTHC Xây dựng có điểm số APCI 2021 giảm 3,4 điểm so với APCI 2020, tuy nhiên so cả kỳ khảo sát (2018-2021) tăng 10,2 điểm (HÌNH 1) nhưng không có xu hướng cải thiện rõ ràng. Điểm số năm 2021 chỉ cao hơn so với kỳ khảo sát đầu tiên năm 2018, còn lại thấp hơn so với hai kỳ khảo sát gần nhất. Năm 2020 và 2021 ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của ngành Xây dựng trong việc cải cách TTHC, điển hình là những cải cách về mặt chính sách và pháp luật, cùng với đó là cắt giảm một số TTHC, và tăng cường phân cấp thẩm quyền cho địa phương. Nhóm TTHC Xây dựng được kỳ vọng sẽ có sự cải thiện bứt phá nếu thực hiện thành công các kế hoạch hành động mạnh mẽ và quyết liệt trong việc điện tử hóa TTHC hướng tới đạt DVC trực tuyến mức độ 4.

Nhóm TTHC Đầu tư có điểm số APCI 2021 tăng 1,2 điểm so với APCI 2020, và tăng 9,2 điểm trong giai đoạn 2018-2021 (HÌNH 1), là nhóm có điểm số cao và giữ được xu hướng cải thiện trong số chín nhóm TTHC của APCI. Tuy nhiên xu hướng cải thiện này của nhóm TTHC Đầu tư ở mức độ chậm và chưa song hành với các chính sách thu hút đầu tư ở cấp địa phương. Sự minh bạch thông tin của các CQNN về sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, các thông tin về môi trường, và sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong giải quyết TTHC cần phải được cải thiện mạnh mẽ hơn nữa để có thể đáp ứng sự kỳ vọng của các nhà đầu tư. Bên cạnh việc áp dụng DVC trực tuyến một cách rộng rãi và thực chất hơn, các cơ chế linh hoạt đề cao sự hợp tác và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc giải quyết TTHC cho nhà đầu tư là rất cần thiết nếu các cơ quan quản lý về đầu tư muốn tạo ra sự bứt phá về cải cách hành chính.

Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp có điểm số APCI 2021 tăng 5,1 điểm so với APCI 2020, và tăng 9,1 điểm trong giai đoạn 2018-2021 (HÌNH 1) nhờ việc áp dụng CNTT và những cải cách hành chính trong năm 2020-2021. Cho đến nay, tất cả 5 TTHC của nhóm đều đã có thể thực hiện trực tuyến. Năm 2021, mặc dù tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn hình thức thực hiện này chỉ đứng sau nhóm TTHC Thuế và Giao dịch thương mại qua biên giới, nhưng vẫn ở mức thấp so với kỳ vọng. Doanh nghiệp được khảo sát ở APCI mong muốn CQNN tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, và các giải pháp công nghệ, đặc biệt là Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, theo hướng thân thiện hơn với người dùng, và tăng hiệu suất để giảm thời gian thực hiện và giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, các Phòng đăng ký kinh doanh cần nâng cao chất lượng phục vụ với người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là ở các khâu hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện TTHC.

Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh có điểm số APCI 2021 tăng 9,3 điểm so với APCI 2020, và tăng 6,2 điểm trong giai đoạn 2018-2021 (HÌNH 1) từ những cải cách về mặt chính sách và pháp luật. Trong đó, tiêu biểu là chính sách giảm phí, lệ phí và cách thức quản lý của ngành y tế, và công thương trong năm 2020 và 2021. Thời gian thực hiện TTHC đã giảm một cách ấn tượng (50%) so với năm trước đó. Theo các doanh nghiệp được khảo sát, nâng cao chất lượng DVC và nguồn nhân lực tiếp nhận và thẩm định hồ sơ là những nội dung mà các cơ quan quản lý cần tập trung hơn nữa để có thể tạo ra những đột phá trong cải cách TTHC.

Nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới có điểm số APCI 2021 tăng 7,4 điểm so với APCI 2020, và tăng 2,2 điểm so với kỳ khảo sát đầu tiên, nhưng xét cả giai đoạn 2018-2021 thì chưa hình thành xu hướng rõ ràng (HÌNH 1). Sử dụng dịch vụ hải quan chuyên nghiệp ngày càng tăng, và có thể giúp tiết kiệm CPTT đối với các doanh nghiệp không có nguồn lực và kinh nghiệm về việc thực hiện các thủ tục hải quan. Trong nỗ lực chung của toàn ngành, các chỉ số cho thấy sự biến chuyển tích cực đến từ các cơ quan hải quan lớn hơn so với các cơ quan liên quan khác như cơ quan về kiểm tra chuyên ngành hay các đơn vị quản lý và kinh doanh cảng. Hệ thống quản lý hải quan tự động (VASSCM) nếu được áp dụng rộng rãi có thể tạo ra sự đột phá trong cải cách các thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới.

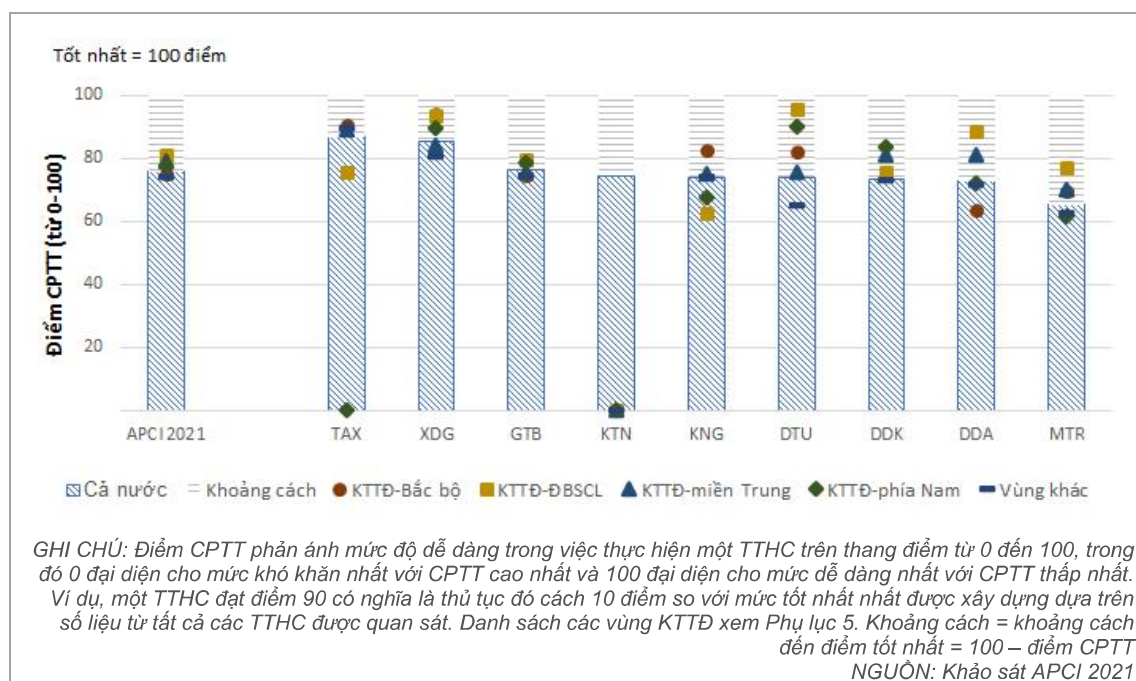
Nhóm TTHC Đất đai có điểm số APCI 2021 giảm 6,6 điểm so với APCI 2020, tuy nhiên so với kỳ khảo sát đầu tiên, nhóm tăng 0,7 điểm (HÌNH 1). Kết quả APCI cho thấy đã có sự cải thiện nhất định do việc áp dụng DVC trực tuyến với một số TTHC Đất đai, tuy nhiên phân tích các chi phí thành phần về thời gian và chi phí trực tiếp cho thấy còn nhiều không gian cho việc cải cách các TTHC về Đất đai. Những cải cách được nhiều doanh nghiệp mong chờ là kết nối điện tử liên thông trong giải quyết các TTHC, cơ chế phản hồi sớm trong môi trường điện tử, công khai và minh bạch quá trình xử lý hồ sơ của cơ quan quản lý nhà nước và các chi phí.

Nhóm TTHC Thuế giảm 3,8 điểm so với năm 2020 và 6,5 điểm trong giai đoạn 2018-2021 (HÌNH 1). Mặc dù có sự giảm nhẹ về điểm APCI so sánh trong năm 2021 với các kỳ khảo sát trước, nhóm TTHC Thuế vẫn là nhóm TTHC có điểm APCI cao nhất trong chín nhóm TTHC được khảo sát năm 2021. Những nỗ lực của ngành Thuế trong công cuộc cải cách TTHC theo hướng hiện đại hoá, đơn giản hoá thủ tục giúp nhóm TTHC Thuế luôn dẫn đầu trong số các nhóm TTHC được khảo sát APCI. Trong bối cảnh dịch COVID-19 phức tạp, ngành Thuế vẫn duy trì bền bỉ những nỗ lực này và cả những hỗ trợ tích cực đối với doanh nghiệp và người dân. Những hành động cải cách của ngành Thuế trong những năm tới như áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử, nâng cấp hệ thống khai và nộp thuế trực tuyến, tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp với các cơ quan, bộ ngành liên quan được doanh nghiệp kỳ vọng rất nhiều.

1.3. Xu hướng cải cách 2021

Kết quả APCI năm 2021 cho thấy điểm CPTT thực tế của cả nước là 75,9/100 điểm (HÌNH 2).

HÌNH 2: Điểm CPTT thực tế 2021 theo nhóm TTHC và theo vùng

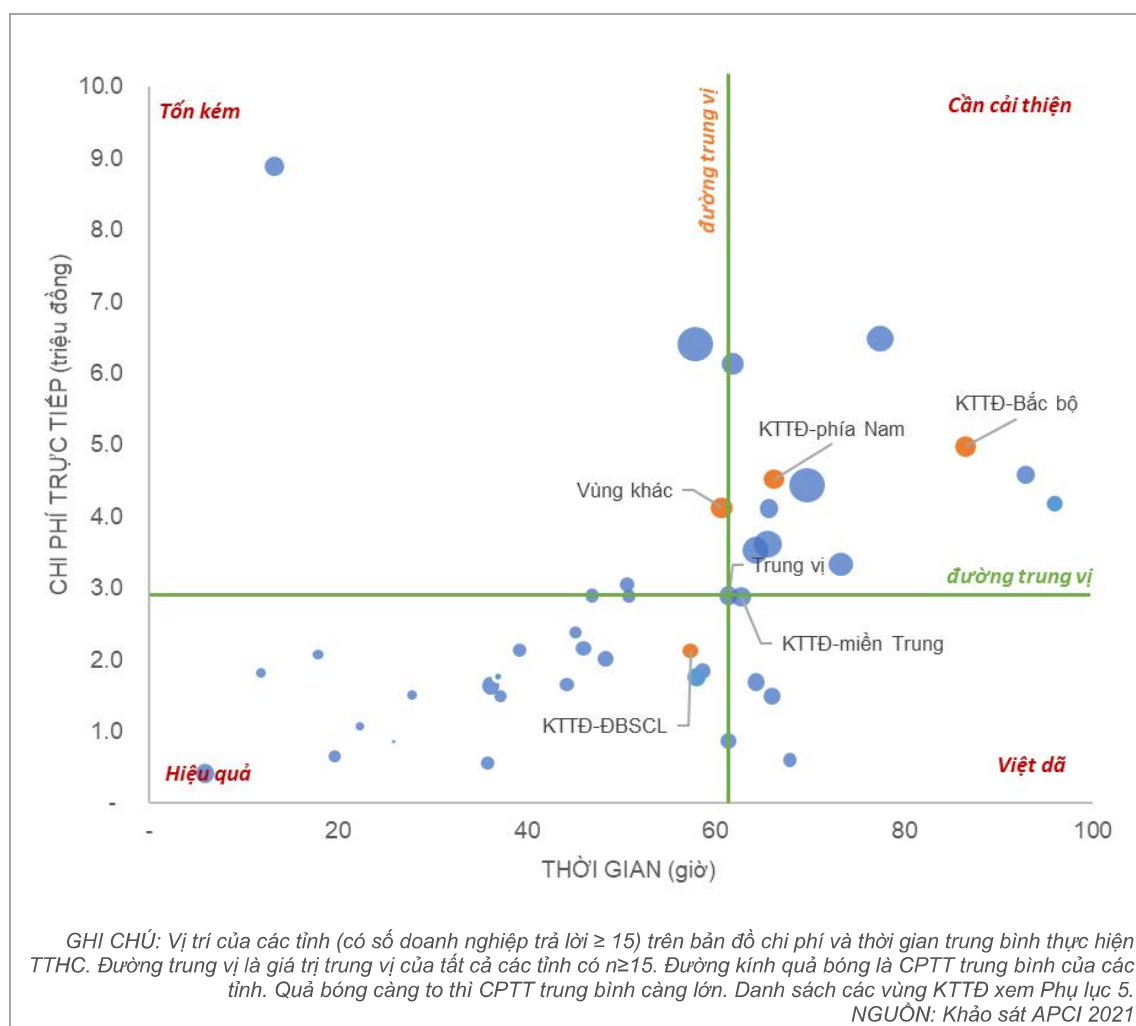


HÌNH 2 cho thấy điểm số giữa các vùng KTTĐ trong từng nhóm thủ tục tương đối đồng đều¹³. Những vùng KTTĐ đứng đầu ở từng nhóm thủ tục thấp hơn trung bình 13,4 điểm so với điểm tốt nhất (100 điểm). Đầu tư là nhóm TTHC duy nhất có vùng KTTĐ đạt trên 95 điểm (Vùng KTTĐ ĐBSCL: 95,9 điểm); trong khi đó, TTHC Môi trường là nhóm duy nhất có vùng KTTĐ tốt nhất chưa đạt 80 điểm (Vùng KTTĐ ĐBSCL: 77 điểm). Vùng KTTĐ ĐBSCL cũng là vùng dẫn đầu ở nhiều nhóm TTHC được khảo sát (5/9 nhóm TTHC).

Kết quả đánh giá các chi phí thành phần (HÌNH 3) của từng địa phương được khảo sát được định vị thành bốn nhóm theo tương quan hai chỉ số thành phần (trục X biểu thị chi phí thời gian và trục Y biểu thị chi phí trực tiếp), phân chia bởi hai đường tỉnh trung vị. Xu hướng cho thấy nhiều tỉnh tập trung ở góc trái dưới cùng của đồ thị (góc Hiệu quả với chi phí trực tiếp thấp và thời gian ngắn) hoặc ở góc phải trên cùng của đồ thị (góc Cần cải thiện với cả hai chỉ số thành phần đều cao). Đối với góc phải dưới cùng của đồ thị (góc Việt dã), các tỉnh tập trung ở đây có mức chi phí trực tiếp thấp tương ứng với các tỉnh ở góc hiệu quả song thời gian lại cần được cải thiện để được kéo về góc Hiệu quả. Tương tự như vậy, các tỉnh ở góc trái trên cùng của đồ thị (góc Tốn kém) lại cần tiết kiệm chi phí trực tiếp hơn nữa để tiệm cận với các tỉnh ở góc Hiệu quả.

¹³ Với nhóm TTHC Thuế, số mẫu KTTĐ phía Nam không đủ để phân tích

HÌNH 3: Phân bố của các địa phương theo chi phí và thời gian thực hiện TTHC và xu hướng



Biểu đồ cho thấy các tỉnh có xu hướng phân bố quanh điểm giao trung vị, với phần lớn các tỉnh đang ở góc *Hiệu quả* và góc *Cần cải thiện*. Tại góc *Cần cải thiện*, một vài tỉnh tách rời khỏi xu hướng tập trung quanh điểm giao trung vị, đây là những tỉnh đang có chi phí trực tiếp và chi phí thời gian cao hơn nhiều so với các tỉnh khác. Rõ ràng là, với một nhóm các TTHC tương đồng, được quy định bởi cùng một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, sự khác biệt về CPTT giữa các địa phương chính là chênh lệch trong chất lượng thực thi TTHC ở cấp địa phương. Các địa phương có sự bứt phá về CPTT thường có chi phí thời gian chuẩn bị hồ sơ và sửa đổi hồ sơ ngắn hơn, và doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí trực tiếp do hiểu rõ thủ tục để thực hiện mà không cần phải thuê một bên thứ ba. Điều này nhấn mạnh vào sự cần thiết của những hướng dẫn thực hiện TTHC ở cấp địa phương để các đối tượng thực hiện TTHC hiểu rõ nhằm thực hiện thông suốt và thuận lợi.

Trên hình cũng biểu thị vị trí của các vùng KTTĐ Bắc bộ, ĐBSCL, phía Nam, miền Trung, và vùng khác. Vùng KTTĐ ĐBSCL nằm ở góc *Hiệu quả*. Vùng KTTĐ Bắc bộ và phía Nam nằm ở góc *Cần cải thiện*; điều này cho thấy sự cần thiết phải cải cách để cắt giảm tối đa CPTT của 2 vùng KTTĐ này ở cả 09 nhóm TTHC được khảo sát. Vị trí của vùng KTTĐ miền Trung nằm ngay bên cạnh điểm trung vị về phía tay phải, cho thấy vùng KTTĐ này cần ưu tiên cải cách chi phí thời gian hơn

so với chi phí trực tiếp; trong khi đó vùng khác (không thuộc các vùng KTTĐ) nằm ở góc *Tốn kém* chỉ ra rằng cần phải cải cách giảm chi phí trực tiếp.

Tính riêng cho mỗi nhóm thủ tục được rà soát, các tỉnh và vùng KTTĐ được ghi nhận có chỉ số thành phần hiệu quả nhất, và điểm APCI 2021 cao nhất được thể hiện ở HÌNH 4. Kết quả cho thấy trong mỗi chỉ số thành phần và điểm APCI 2021 không có mối tương quan giữa địa phương tốt nhất và vùng KTTĐ tốt nhất. Một địa phương làm thật tốt chưa đủ để đưa cả vùng KTTĐ bứt phá nhưng có thể làm hạt nhân và truyền cảm hứng cải cách cho các địa phương trong vùng.

HÌNH 4: Thực tiễn tốt nhất trong từng lĩnh vực

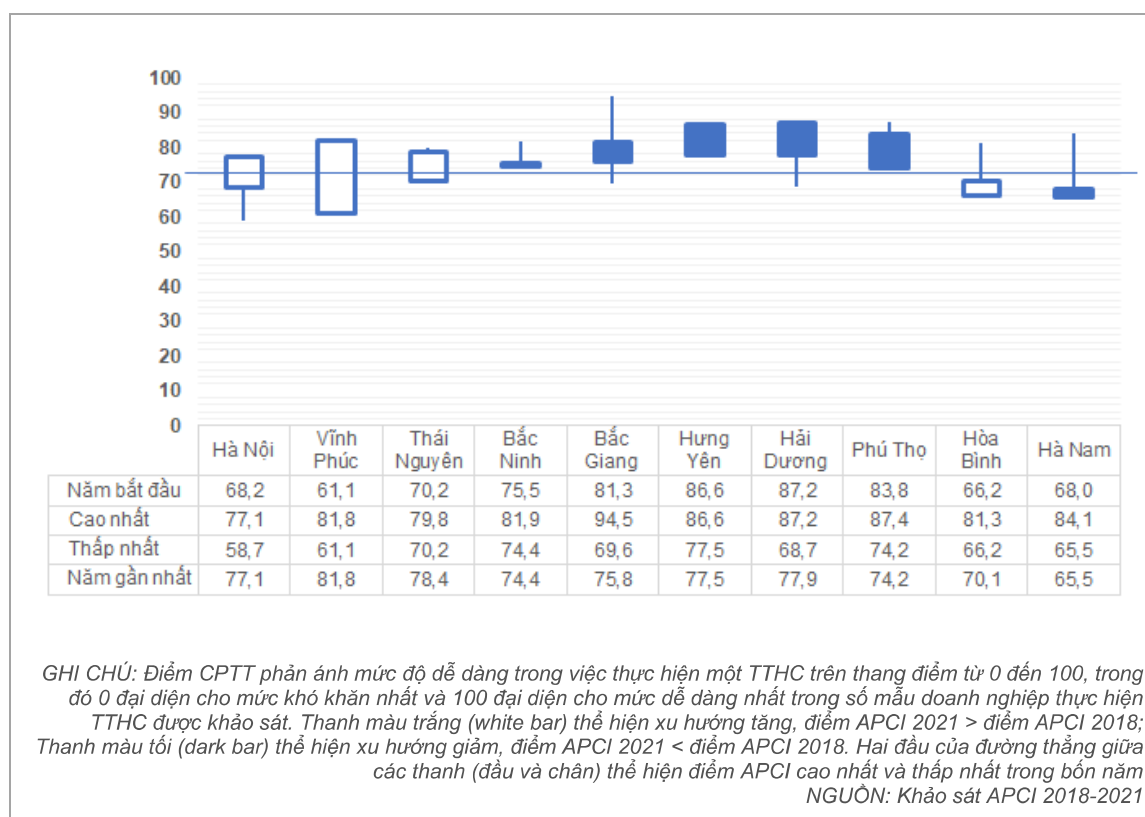
Nhóm TTHC	Chỉ số thời gian tốt nhất		Chỉ số chi phí trực tiếp tốt nhất		Chỉ số tổng chi phí tốt nhất	
	Địa phương	Vùng KTTĐ	Địa phương	Vùng KTTĐ	Địa phương	Vùng KTTĐ
DDA	Quảng Ninh	KTTĐ-phía Nam	Bà Rịa Vũng Tàu	KTTĐ-ĐBSCL	Thừa Thiên Huế	KTTĐ-ĐBSCL
DDK	Quảng Nam	KTTĐ-phía Nam	Gia Lai	KTTĐ-phía Nam	Gia Lai	KTTĐ-phía Nam
DTU	Trà Vinh	KTTĐ-ĐBSCL	2 địa phương (Thái Nguyên*)	KTTĐ-ĐBSCL	Bình Phước	KTTĐ-ĐBSCL
GTB	Hải Dương*	KTTĐ-Bắc bộ	Bình Dương	KTTĐ-phía Nam	Tây Ninh	KTTĐ-ĐBSCL
KNG	Thái Bình	KTTĐ-miền Trung	2 địa phương	KTTĐ-Bắc bộ	Đà Nẵng	KTTĐ-miền Trung
KTN	Thủ tục thực hiện tại cấp trung ương					
MTR	Phủ Thọ*	KTTĐ-ĐBSCL	Cần Thơ	KTTĐ-miền Trung	An Giang	KTTĐ-ĐBSCL
TAX	Hậu Giang	KTTĐ-ĐBSCL	9 địa phương (Hà Nội*)	KTTĐ-miền Trung	Yên Bái	Vùng khác
XDG	Kon Tum	KTTĐ-ĐBSCL	Kon Tum	KTTĐ-ĐBSCL	Bình Dương	KTTĐ-ĐBSCL

GHI CHÚ: Chỉ lấy các tỉnh số doanh nghiệp trả lời ≥ 15 . Danh sách các vùng KTTĐ xem Phụ lục 5. () các tỉnh thuộc vùng Thủ đô. NGUỒN: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021*

Điểm số APCI cũng đem lại một gợi ý cho các địa phương trong các vùng KTTĐ hoặc vùng lân cận (như vùng Thủ đô¹⁴) có thể hợp tác với nhau trong việc liên thông thực hiện TTHC, chia sẻ dữ liệu thông tin để có thể hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp trong vùng, nhờ đó có thể thúc đẩy việc phát triển kinh tế. HÌNH 5 dưới đây thể hiện điểm số và xu hướng cải thiện của 10 địa phương thuộc vùng Thủ đô qua các năm. Nếu lấy Hà Nội làm gốc so sánh thì phần lớn các tỉnh (8/10 tỉnh) có điểm số trung bình nằm ngang hoặc phía trên mức trung bình của Hà Nội. 4/10 tỉnh có xu hướng tăng so với năm khởi đầu, 6/10 tỉnh có xu hướng giảm so với năm khởi đầu. Tuy nhiên về tổng thể các tỉnh thuộc vùng Thủ đô có điểm số APCI là khá gần nhau ở mức độ cao. Những tỉnh này có thể cân nhắc về việc triển khai hợp tác kiểu mẫu cho các vùng KTTĐ khác. Hà Nội, Vĩnh Phúc và Thái Nguyên có thể là một mẫu hình hợp tác lý tưởng. Trong thời gian tới, xu hướng đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng (như giao thông đường bộ, đường sắt kết nối các địa phương, hoặc đường dây truyền tải điện qua nhiều địa phương, nhà máy xử lý rác thải...) giữa các địa phương xuất hiện. Các địa phương có thể liên kết để cấp phép cho một hoặc một chuỗi các dự án thay vì phải thực hiện các TTHC để xin phép ở cấp Chính phủ. Các tỉnh trong vùng Thủ đô có điểm số APCI tốt ở từng lĩnh vực (Hình 4) có thể là những mô hình tốt để triển khai nhân rộng trong vùng.

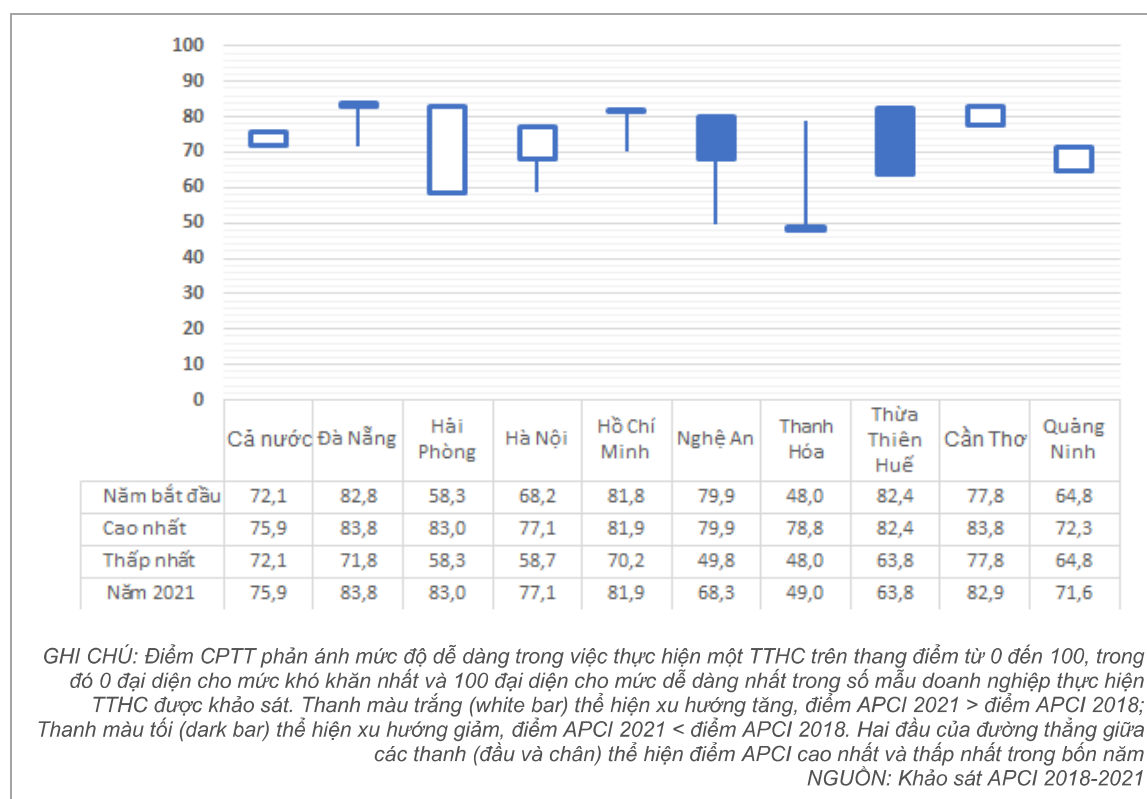
¹⁴ Bao gồm các tỉnh Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Hoà Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên theo Nghị định 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô

HÌNH 5: Mức độ cải thiện của các tỉnh thuộc vùng Thủ đô

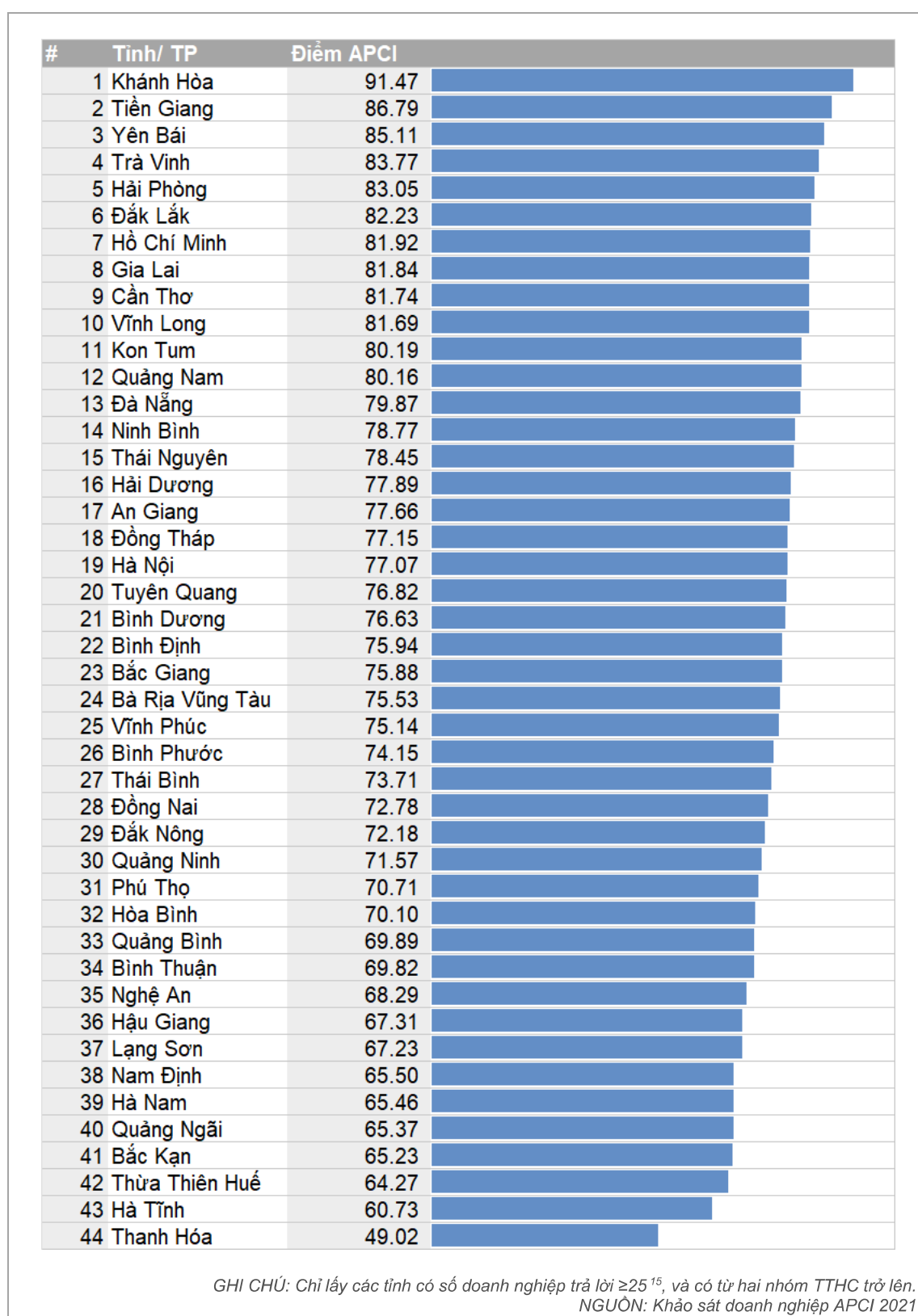


Một số cơ chế, chính sách đặc thù cho một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nghệ An, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế, Cần Thơ, Quảng Ninh để tạo động lực tăng trưởng kinh tế của vùng, miền chính là cơ chế phân cấp, phân quyền giữa cơ quan trung ương với địa phương. Vấn đề này cũng đã được Chính phủ thống nhất trong Nghị quyết số 04/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh xu hướng chung về chỉ số APCI của cả nước là cải thiện (tăng) thì 6/9 tỉnh có xu hướng tăng so với năm khởi đầu, 2/9 có xu hướng giảm so với năm khởi đầu. Thanh Hóa mặc dù tăng so với năm bắt đầu nhưng năm 2021 thấp hơn nhiều so với các năm khác. Các tỉnh Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ ở vị trí trên mức trung bình cả nước. Thanh Hóa và Quảng Ninh vị trí thấp hơn trung bình cả nước. Các tỉnh còn lại Hải Phòng, Hà Nội có xu hướng dịch chuyển lên trên mức trung bình cả nước, ngược lại Nghệ An và Thừa Thiên Huế có xu hướng dịch chuyển xuống dưới trung bình cả nước (xem HÌNH 6). Do đó, các địa phương được thí điểm áp dụng cơ chế đặc thù cần có những biện pháp cần thiết để có thể cải cách TTHC, quy trình xử lý công việc liên quan đến TTHC, điều kiện kinh doanh trên địa bàn để qua đó cải thiện được CPTT.

HÌNH 6: Mức độ cải thiện các tỉnh muốn được phân cấp, phân quyền



HÌNH 7: Xếp hạng tạm thời về CPTT của một số địa phương



¹⁵Phương pháp lấy mẫu: Phân tích nhân tố khám phá EFA, công thức $n=5 \cdot m$. Dựa theo nghiên cứu của Hair, Anderson, Tatham và Black (1998) cho tham khảo về kích thước mẫu dự kiến. Theo đó kích thước mẫu tối thiểu là gấp 5 lần tổng số

1.4. Thông điệp cải cách từ APCI 2021

Năm 2021 là năm chuyển giao giữa nhiệm kỳ Chính phủ 2016 - 2021 và nhiệm kỳ Chính phủ 2021 - 2026 nhưng các nỗ lực cải cách thể chế, cải cách TTHC nói riêng, chuyển đổi số vẫn được quyết liệt thúc đẩy. Đặc biệt khi dịch COVID-19 bùng phát ở nhiều tỉnh, thành phố, Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo, biện pháp, hành động để thúc đẩy các CQNN tìm giải pháp tháo gỡ các vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

Kết quả APCI 2021 tiếp tục ghi nhận các nỗ lực của các cơ quan thực hiện TTHC trong 9 nhóm được khảo sát tốt hơn các năm trước (2018, 2019 và 2020). APCI 2021 tiến hành khảo sát trên cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp thực hiện TTHC trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2020 và 3 tháng đầu năm 2021. Trong giai đoạn này, dịch COVID-19 chưa bùng phát mạnh ở các tỉnh phía Nam cũng như trên toàn quốc song việc một số địa phương áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch ở giai đoạn này có thể có những ảnh hưởng nhất định tới công tác thực hiện TTHC. Do đó, phần lớn các thông tin có trong APCI 2021 sẽ là những thông tin ở giai đoạn dịch COVID-19 bùng phát chưa mạnh và không phải là thông tin cá biệt của tình trạng dịch bệnh COVID-19 “chưa có tiền lệ” này. Nhận định này cũng phù hợp với thông tin kết quả xử lý hồ sơ TTHC có trên Cổng Dịch vụ công quốc gia vào giai đoạn khảo sát¹¹. Những thông tin, phản ánh của APCI 2021 hoàn toàn có giá trị để đánh giá chất lượng thực hiện TTHC và chi phí tuân thủ TTHC trong điều kiện bình thường hoặc trong điều kiện “khởi đầu mới” khi dịch bệnh đã được kiểm soát.

Điểm CPTT so sánh của cả nước ở APCI 2021 có xu hướng tốt hơn so với điểm CPTT ở APCI 2020 (75,9/100 so với 74,1/100). Số liệu này cho thấy nỗ lực cải cách của Chính phủ và các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương trong việc cải cách quy trình làm việc, TTHC và phương pháp giao tiếp với công dân, doanh nghiệp... để có thể giảm được CPTT. Nói cách khác, CPTT nói chung đang tiếp tục được cải thiện. Kết quả này ghi nhận công tác cải cách TTHC và quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh đang được vận hành đúng hướng. Khác với năm 2020, khác biệt về điểm số giữa các nhóm TTHC là không lớn. Những nhóm TTHC có điểm số thấp ở năm 2020 đã có những cải thiện đáng kể, đặc biệt như nhóm TTHC Môi trường (tăng 10,3 điểm), nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh (tăng 9,3 điểm), nhóm Giao dịch thương mại qua biên giới (tăng 7,4 điểm). Mặc dù trong giai đoạn khảo sát, Luật Bảo vệ Môi trường 2020 chưa có hiệu lực và Luật Đầu tư mới có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 nhưng CPTT vẫn giảm đã cho thấy công tác cải cách TTHC và CPTT không chỉ là kết quả của việc thay đổi pháp luật mà còn phụ thuộc vào các hành động, biện pháp cụ thể của các cơ quan giải quyết TTHC.

Khảo sát APCI 2021 được thực hiện khi đại dịch COVID-19 chưa bùng phát mạnh nhưng đã ghi nhận mong muốn của doanh nghiệp là TTHC cần phải được đẩy mạnh thực hiện trên môi trường điện tử một cách triệt để với các hướng dẫn thực hiện một cách rõ ràng và nhất quán. Các địa phương có sự bứt phá về CPTT thường có chi phí thời gian chuẩn bị hồ sơ và sửa đổi hồ sơ ngắn hơn, và doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí trực tiếp do nắm bắt được yêu cầu của điều kiện kinh

biến quan sát. Đây là cỡ mẫu phù hợp cho nghiên cứu có sử dụng phân tích nhân tố (Comrey, 1973; Roger, 2006). Trong so sánh t-test, $m=5$, là 5 bước tiêu chuẩn để thực hiện TTHC.

doanh và TTHC. Khảo sát APCI 2021 truyền tải mong muốn của doanh nghiệp là không nên áp dụng yêu cầu về hồ sơ trực tuyến đồng thời với yêu cầu về hồ sơ trực tiếp vì có thể khiến thời gian thực hiện TTHC bị kéo dài và qua đó phát sinh thêm CPTT cho người thực hiện.

APCI 2021 cũng như các năm trước đều có phản ánh điểm số về CPTT của một số vùng KTTĐ để nhằm tìm kiếm các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách TTHC, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tạo điều kiện cho việc thu hút đầu tư vào phát triển vùng kinh tế, khơi dậy khát vọng vươn lên mạnh mẽ của toàn vùng và từng địa phương¹⁶. APCI 2020 và 2021 cho thấy vùng KTTĐ ĐBSCL luôn là khu vực có điểm CPTT tốt hơn các vùng KTTĐ khác ở nhiều lĩnh vực. Tiếp đến vùng KTTĐ miền Trung là nơi được đánh giá có thời gian và chi phí thực hiện TTHC ở mức chấp nhận được. Vùng KTTĐ phía Nam hay vùng KTTĐ Bắc Bộ cũng là nhóm các địa phương có điểm CPTT cần phải cải thiện về chi phí và thời gian. Kể từ năm 2021, APCI 2021 có phân tích thêm CPTT của các địa phương ở trong vùng Thủ đô theo quy định của Luật Thủ đô và văn bản hướng dẫn để có thể thu hút vốn đầu tư xã hội vào các dự án trọng điểm của vùng nói chung và của từng địa phương trong vùng nói riêng¹⁷.

Đặc biệt, APCI 2021 có phân tích thêm số liệu về CPTT của các địa phương đang được Quốc hội cho phép thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển, bao gồm các địa phương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế. Các cơ chế, chính sách đặc thù thường tập trung về phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan trung ương với cơ quan địa phương để các địa phương có thể chủ động thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Để các cơ chế, chính sách đặc thù phát huy hiệu quả thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội thì cần gắn với công tác cải thiện TTHC, nâng cao chất lượng xử lý TTHC của cơ quan, cán bộ nhà nước nhằm thúc đẩy giảm CPTT cho người dân, doanh nghiệp. APCI 2021 cung cấp nguồn thông tin để các cơ quan trung ương và địa phương có thêm thông tin để xây dựng, hoàn thiện các cơ chế đặc thù về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, cấp phép và xử lý các TTHC liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh tại từng địa phương.

Khảo sát APCI qua các năm cho thấy, một số tỉnh thuộc nhóm được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù có chất lượng điểm APCI tốt hơn mức trung bình của cả nước (như Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ). Các tỉnh còn lại thường dao động ở mức trung bình chung của cả nước (như Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Thanh Hoá, Quảng Ninh). Những địa phương này có hoạt động đầu tư, kinh doanh sôi động và phát triển mạnh mẽ hơn các địa phương khác nên tác động mạnh mẽ theo hướng tích cực tới chi phí tuân thủ TTHC và điểm APCI hàng năm. Sử dụng APCI để theo dõi, đánh giá hoạt động mức độ cải cách TTHC sẽ giúp cho địa phương có được giải pháp thích hợp để thúc đẩy công tác cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế để thu hút đầu tư trên địa bàn.

¹⁶ Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ ngày 11/09/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.

¹⁷ Theo Nghị định 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô, các địa phương trong vùng Thủ đô bao gồm: Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Nguyên.

APCI 2021 chỉ ra một số bài học đối với công tác cải cách TTHC nói riêng, cải cách hành chính và hoàn thiện thể chế nói chung như sau:

Bài học thứ nhất: Việc cải thiện CPTT không hoàn toàn phụ thuộc vào sự thay đổi trong quy định pháp luật, mà chính các hành động, biện pháp cụ thể giải quyết TTHC của các CQNN có tác động tích cực tới CPTT. Áp dụng thực hiện và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, phát triển các hệ thống hỗ trợ, tư vấn, thông tin về TTHC, điều kiện kinh doanh hay tăng cường giám sát để giảm chi phí không chính thức... đều là những hành động, biện pháp có thể thực thi ngay mà không cần phải chờ tới việc thay đổi các quy định pháp luật. Kết quả khảo sát của các nhóm Môi trường, Xây dựng trong APCI 2021 xác nhận cho nhận định của bài học này. Bài học này cần phải được thể chế hoá thành nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể để các địa phương, bộ, ngành có thể xây dựng, thúc đẩy một môi trường kinh doanh lành mạnh và minh bạch trong thời kỳ “bình thường mới”. Các CQNN ở trung ương hay các địa phương cần sáng tạo trong cách thức giải quyết TTHC. Những ví dụ tốt như Phú Thọ (nhóm Khởi sự doanh nghiệp) hỗ trợ kinh phí chuyển phát trong thời kỳ dịch bệnh hay thái độ làm việc tận tâm, tận tình với doanh nghiệp của cán bộ CQNN là những hành động cải cách thiết thực nhất hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

Bài học thứ hai: Tổ chức xử lý TTHC trực tuyến cần phải được thúc đẩy mạnh mẽ, đặc biệt trong giai đoạn “bình thường mới”. Kinh nghiệm từ thực tiễn phòng, chống dịch COVID-19 cho thấy nhu cầu thực hiện TTHC trực tuyến ngày càng cấp thiết. Việc thực hiện TTHC trực tuyến phải thực chất, triệt để và hiệu quả và từng bước thay thế cho việc TTHC theo phương thức trực tiếp, tránh việc yêu cầu về TTHC trực tuyến dần trở thành CPTT bổ sung. Để phát huy hiệu quả việc giải quyết TTHC trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, các CQNN cần phải chia sẻ dữ liệu, thông tin và phối hợp trên nền tảng trực tuyến, xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (dung lượng đường truyền, khả năng xử lý của máy chủ...) phù hợp với nhu cầu phát triển của việc xử lý TTHC trực tuyến thì mới có thể giảm CPTT một cách đột phá.

Bài học thứ ba: Báo cáo APCI 2021 và các năm trước cho thấy để người dân, doanh nghiệp tin tưởng thực hiện TTHC trực tuyến, hạn chế tiêu cực và loại bỏ tâm lý lo bị xử phạt vi phạm hành chính vì thực hiện không đầy đủ quy định về TTHC thì **CQNN tiếp tục đẩy mạnh chuyển yêu cầu, điều kiện từ cơ chế “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Công tác “hậu kiểm” cần được quy định và thực hiện một cách rõ ràng, hiệu quả và hợp lý, bảo đảm giảm gánh nặng CPTT cho doanh nghiệp hơn so với “tiền kiểm”.** Khảo sát APCI qua bốn năm cho thấy doanh nghiệp mong muốn có những quy định, khuôn khổ, phương thức cụ thể, rõ ràng và bảo đảm các tiêu chí giảm CPTT cho doanh nghiệp trong công tác hậu kiểm. Điển hình việc chuyển đổi từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” đã cải thiện CPTT đối với các TTHC của nhóm Giao dịch thương mại qua biên giới giữ được điểm APCI ổn định ở mức độ cao qua các năm. APCI 2021 ghi nhận nhóm TTHC về Môi trường thể hiện rõ nét những đột phá đổi mới phương thức quản lý môi trường “từ bị động giải quyết sang chủ động phòng ngừa”, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” hướng tới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững.

Công tác hậu kiểm nên mang tính hỗ trợ doanh nghiệp nhận thức và tự giác thực hiện đúng pháp luật, cảnh báo sớm nguy cơ vi phạm các quy định pháp luật. Để các biện pháp này có thể được

triển khai hiệu quả, công tác thống kê, phân tích cần được chú trọng để kịp thời xác định nguy cơ vi phạm và cảnh báo doanh nghiệp. Công tác hậu kiểm không nên được hiểu theo hướng tìm soát “lỗi” của doanh nghiệp để xử phạt.

Bài học thứ tư: Để thúc đẩy cải cách TTHC và giảm CPTT việc giải quyết các kiến nghị, ý kiến phản ánh về những vướng mắc đối với TTHC cần được nâng cao chất lượng về nội dung, thái độ và công nghệ (như tạo ứng dụng hoặc cửa sổ gửi phản ánh kiến nghị, khiếu nại trên các nền tảng kết nối trực tuyến, như trang thông tin điện tử (website), cổng thông tin trên mạng xã hội, hoặc các địa chỉ nhận thông tin qua điện thoại, tin nhắn trên mạng internet (OTT) như Zalo, Messenger...). Các công nghệ thông tin được áp dụng để thực hiện TTHC cần chú ý tới việc giảm tối đa chi phí cho người dân, doanh nghiệp khi sử dụng. Thông tin từ khảo sát APCI 2021 cho thấy Cổng Dịch vụ công quốc gia hay trang thông tin điện tử (website) của Chính phủ là nơi được doanh nghiệp gửi nhiều phản ánh kiến nghị về vướng mắc liên quan đến việc xử lý TTHC, điều kiện kinh doanh và đây chính là ví dụ điển hình về việc giải quyết kiến nghị của người dân và doanh nghiệp nhanh chóng và kịp thời để các CQNN, địa phương có thể nghiên cứu áp dụng.

Bài học thứ năm: Để thu hút đầu tư từ các nguồn lực xã hội, các CQNN cần có những cải cách có tính đột phá về quy trình xử lý TTHC theo phương thức trực tiếp cũng như trực tuyến để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, và để giảm chi phí tuân thủ TTHC. Bên cạnh đó, công tác hướng dẫn (bao gồm nội dung hướng dẫn, phương thức hướng dẫn...) việc thực hiện TTHC, điều kiện kinh doanh cần được nâng cao chất lượng. Khảo sát APCI 2021 cho thấy các địa phương có sự bứt phá về CPTT thường có chi phí thời gian chuẩn bị hồ sơ và sửa đổi hồ sơ ngắn hơn, doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí trực tiếp do hiểu rõ thủ tục để thực hiện mà không cần phải trả chi phí cho một bên thứ ba thực hiện. Các doanh nghiệp phản ánh rằng **các cơ quan giải quyết TTHC ở địa phương cần có những hướng dẫn thực hiện TTHC được xử lý tại nơi tiếp nhận hồ sơ để các đối tượng thực hiện TTHC hiểu và chuẩn bị đầy đủ, tạo điều kiện cho việc thực hiện TTHC thông suốt và thuận lợi.**

Bài học thứ sáu: Cải cách TTHC, thực hiện TTHC trực tuyến sẽ giảm CPTT không chính thức. APCI 2021 phản ánh một kinh nghiệm tốt của ngành Thuế về việc giảm CPTT không chính thức trong thực hiện TTHC. Khảo sát 2021 cho thấy không có phản ánh nào của doanh nghiệp về chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC trong lĩnh vực thuế, trong khi ở các lĩnh vực khác vẫn còn xuất hiện mặc dù có xu hướng giảm, trừ TTHC về đất đai và TTHC Kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến kết quả này khi khảo sát các TTHC do ngành Thuế thực hiện như áp dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong thực hiện và xử lý TTHC, đơn giản hoá các yêu cầu về báo cáo thuế, cập nhật thông tin và các hướng dẫn thủ tục rõ ràng và dễ hiểu. Việc thực hiện và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử sẽ giảm cơ hội tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ nhà nước với doanh nghiệp sẽ hạn chế được chi phí không chính thức và tạo điều kiện cho cán bộ tập trung giải quyết các vấn đề chuyên môn hiệu quả hơn.

Những khuyến nghị cải cách từ APCI 2021

Để thực hiện thành công mục tiêu được đề ra tại Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ năm 2022 về “**cắt giảm thực chất các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và đẩy mạnh chuyển đổi số**” theo tinh thần “**Đoàn kết kỷ cương, chủ động thích ứng, an toàn hiệu quả, phục hồi phát**

triển”, cải cách TTHC và cắt giảm CPTT cần tiếp tục được coi là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 và thời gian tới của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương. APCI 2021 đề xuất những cải cách như sau:

- Tập trung đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 – 2025 theo Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hoá quy định. Đặc biệt, công tác rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hoá quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tập trung trong 9 nhóm của nghiên cứu APCI. Những hoạt động này có tác động lan toả và bao trùm tới các hoạt động kinh tế. Các hoạt động này cần thực hiện theo đúng kế hoạch mà Nghị quyết đã đặt ra. Kết quả APCI 2021 đã cho thấy bất kỳ hành động cụ thể nào của các cơ quan xử lý TTHC đều có ảnh hưởng trực tiếp và nhanh chóng đến kết quả của CPTT.
- Đẩy mạnh công tác quản lý và điều hành nhà nước dựa trên dữ liệu, đặc biệt là các dữ liệu phản ánh thông tin thực theo thời gian và ý kiến của doanh nghiệp. Các bộ chỉ số phản ánh thông tin về tình hình xử lý hồ sơ TTHC và phản ánh kiến nghị, chất lượng của các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh... do Văn phòng Chính phủ đang xây dựng và thử nghiệm là những công cụ tốt cần sớm đưa vào vận hành để có thể nâng cao chất lượng công tác quản lý và điều hành, tăng cường kỷ luật và kỷ cương hành chính, cá thể hoá trách nhiệm, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, giảm tham nhũng tiêu cực. Để thực hiện được thành công các bộ chỉ số này, các CQNN cần xây dựng dữ liệu về CPTT đối với từng TTHC, nhóm TTHC kết hợp với sơ đồ hoá các quy định về TTHC được dự thảo hoặc đã ban hành để có cơ sở đơn giản hoá hoặc cắt giảm TTHC đang dự kiến ban hành hoặc đang áp dụng. Các chỉ số này sẽ góp phần thúc đẩy đạt mục tiêu cắt giảm 20% CPTT được yêu cầu trong Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hoá quy định.
- Tiếp tục đẩy mạnh áp dụng thực hiện và xử lý TTHC trực tuyến, gia tăng các TTHC được thực hiện thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và cổng dịch công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương. Như đã đề cập trong Báo cáo APCI 2020, Chính phủ và các CQNN cần tập trung áp dụng phương thức trực tuyến đối với các TTHC đơn giản với số lượng người thực hiện đông, tần suất thực hiện nhiều. Kinh nghiệm thành công của TTHC trong lĩnh vực Thuế, Kiểm tra chuyên ngành, Giao dịch thương mại qua biên giới cho thấy thực hiện TTHC trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và giảm CPTT. Ngoài ra, tổ chức xử lý TTHC trực tuyến cần phải được thúc đẩy mạnh mẽ, đặc biệt trong giai đoạn “bình thường mới”. Kinh nghiệm thực hiện TTHC trong giai đoạn phòng, chống dịch COVID-19 cho thấy nhu cầu thực hiện TTHC trực tuyến là rất cấp bách và cần thiết. Việc thực hiện TTHC trực tuyến phải thực chất, triệt để và hiệu quả và từng bước thay thế cho việc thực hiện TTHC theo phương pháp truyền thống. Các ứng dụng để liên lạc thông tin, thực hiện TTHC áp dụng cho người dân, doanh nghiệp cần chú ý tới việc giảm tối đa chi phí cho người dân, doanh nghiệp khi sử dụng. Do đó, hạ tầng công nghệ (giao diện, tốc độ xử lý dữ liệu, thường xuyên lỗi hệ thống...) cũng cần được phát triển kịp thời để theo kịp với số lượng hồ sơ TTHC trực tuyến không ngừng tăng lên trong giai đoạn hiện nay. Cũng cần tránh tình trạng đưa yêu cầu thực hiện TTHC trực tuyến trở thành một TTHC mới và sẽ tạo thành CPTT bổ sung.

Bên cạnh đó, cũng cần tăng cường tuyên truyền về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến nhằm thay đổi nhận thức, thói quen, sự e ngại của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, góp phần nâng cao tỷ lệ áp dụng phương thức này.

- Các CQNN cần đẩy mạnh công tác chia sẻ dữ liệu, thông tin giữa các cơ quan để người dân, doanh nghiệp không phải thực hiện các TTHC “con”/“phụ” để có thể giảm CPTT. Nếu các dữ liệu về thông tin về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng, đăng ký doanh nghiệp, thông tin về dự án đầu tư... được chia sẻ giữa các CQNN thì sẽ trở nên rất thuận tiện cho cả CQNN và người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nếu các CQNN có thể phối hợp thẩm tra, đánh giá và cấp ý kiến liên quan đến điều kiện kinh doanh, TTHC trên nền tảng trực tuyến thì có thể giảm CPTT cho nhiều TTHC có liên quan đến nhiều cơ quan.
- Các địa phương (cấp tỉnh) cần nghiên cứu xây dựng các cơ chế hợp tác về chia sẻ dữ liệu, liên thông trong việc thực hiện các TTHC có tính liên kết giữa các địa phương, đặc biệt là những địa phương lân cận, trong cùng một vùng KTTĐ hoặc trong vùng liên kết (như vùng Thủ đô). Vấn đề này phù hợp với quy định mới về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC được quy định tại Nghị định 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/12/2021¹⁸. Công tác này sẽ tạo nên cơ chế phối hợp hiệu quả về cấp phép giữa các CQNN ở các địa phương khác nhau đối với các dự án đầu tư trải dài trên nhiều tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, như các dự án giao thông, dự án truyền tải điện, cấp nước hoặc thoát nước... Sự phối hợp này cũng tác động tới động lực hợp tác phát triển kinh tế giữa các tỉnh trong vùng kinh tế hoặc vùng Thủ đô. Một địa phương trong vùng KTTĐ hoặc vùng Thủ đô làm thật tốt có thể làm hạt nhân và truyền cảm hứng cải cách cho các địa phương trong vùng.
- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” một cách đồng bộ, hiệu quả và hợp lý hơn. Công tác hậu kiểm cần có những quy định, khuôn khổ, phương thức cụ thể, rõ ràng và bảo đảm các tiêu chí giảm CPTT cho doanh nghiệp. Công tác hậu kiểm nên mang tính hỗ trợ doanh nghiệp nhận thức và tự giác thực hiện đúng pháp luật, cảnh báo nguy cơ vi phạm các quy định pháp luật để nâng cao kỷ cương thực thi pháp luật. Để có thể thực hiện thành công mục tiêu này, các quy định pháp luật liên quan đến TTHC, điều kiện kinh doanh cần phải được hướng dẫn chi tiết, đầy đủ để người thực hiện TTHC nắm rõ và chủ động thực hiện. Các CQNN cần nghiên cứu cải cách TTHC theo hướng bãi bỏ hoặc chuyển đổi từ việc thực hiện TTHC để tuân thủ điều kiện đầu tư kinh doanh thành hình thức “các yêu cầu khác mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền”¹⁹. Công khai thông tin về tình hình giải quyết TTHC (bao gồm cả nội dung quy định cũng như tình trạng giải quyết, kết quả giải quyết TTHC), sơ đồ hóa TTHC theo hướng đơn giản, dễ hiểu, thống nhất giữa các địa phương sẽ tăng cường minh bạch trong các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và công tác xử lý TTHC. Việc mô tả

¹⁸ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Điều 1.

¹⁹ Luật Đầu tư 2020, Điều 7, khoản 6, điểm đ.

từng bước TTHC đơn giản, dễ hiểu như ở Cổng Dịch vụ công quốc gia hay Cơ sở dữ liệu và Cổng Tham vấn quy định kinh doanh của Văn phòng Chính phủ đang xây dựng và thử nghiệm là kinh nghiệm tốt để các địa phương, các bộ, ngành có thể tham khảo ứng dụng ở trên cổng thông tin về xử lý TTHC của mình. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành cần phải được nâng cao chất lượng và tăng cường giám sát để hạn chế rủi ro lạm dụng hoặc tham nhũng.

- Cần đổi mới công tác giải quyết các kiến nghị, ý kiến phản ánh về những vướng mắc đối với TTHC, điều kiện kinh doanh để người thực hiện TTHC có thể tìm hiểu được phương án thực hiện TTHC hoặc phản ánh những vướng mắc trong quá trình thực hiện. Kinh nghiệm tốt từ Cổng Dịch vụ công quốc gia cho thấy các kiến nghị, ý kiến phản ánh vướng mắc được giải quyết tốt thì tạo được niềm tin cho người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động của cơ quan nhà nước, đặc biệt là công tác xử lý TTHC và tháo gỡ được các vướng mắc trong quá trình giải quyết TTHC và thực thi các quy định pháp luật. Việc xử lý tốt các kiến nghị, ý kiến phản ánh cũng sẽ góp phần hạn chế tham nhũng, tiêu cực trong quá trình giải quyết TTHC, tăng cường được kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ. Có thể nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định pháp luật về xử lý các kiến nghị, phản ánh của người dân và doanh nghiệp để công tác này được thực hiện một cách có hiệu lực và hiệu quả hơn. Đổi mới công tác giải quyết kiến nghị, ý kiến phản ánh cần được thực hiện song song với khuyến nghị về “chú trọng và chỉ đạo đẩy mạnh việc nâng cao trình độ, năng lực và thái độ làm việc của cán bộ trực tiếp thực hiện TTHC” đã được đề xuất trong Báo cáo APCI 2020. Đổi mới công tác giải quyết kiến nghị, phản ánh tác động tới hình thành nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; góp phần xây dựng Chính phủ đổi mới, liêm chính, kỷ cương, hành động, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ.
- Cần thiết phải đổi mới phương thức và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả đối với việc công bố, công khai và giải quyết TTHC (bao gồm cả nội dung quy định cũng như tình trạng giải quyết, kết quả giải quyết TTHC) như đã được khuyến nghị tại APCI 2020. APCI 2021 cũng có tính cần thiết về: (1) thông tin hướng dẫn về quy trình thực hiện TTHC cần được sơ đồ hóa các bước theo hướng đơn giản, dễ hiểu, thống nhất giữa các địa phương và công bố cho người dân thông qua website của cơ quan thực hiện TTHC; (2) công khai dữ liệu về quá trình xử lý TTHC, bao gồm thông tin của từng TTHC đang giải quyết; (3) bài học kinh nghiệm trong quá trình xử lý TTHC và (4) tăng cường khả năng tương tác trực tuyến (qua website, điện thoại, phương thức liên lạc điện tử (như Zalo...) giữa CQNN với người thực hiện TTHC. Đặc biệt là các phương thức giảm chi phí hoặc miễn phí cho người dân, doanh nghiệp, như các phương thức liên lạc miễn phí (OTT) như Zalo, Messenger.
- Cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần gắn với công tác cải cách TTHC, xây dựng các phương án giảm CPTT để phát huy hiệu quả về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và gắn với chủ trương về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước để tạo động lực tăng trưởng kinh tế của vùng, miền theo Nghị quyết 04/NQ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022. Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính cũng là nội dung mà các bộ ngành và địa phương phải tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá và đề xuất để triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính tại Nghị

quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030. Cụ thể, việc phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính cần được triển khai theo hướng cấp nào gần cơ sở, gần nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết. Khi các địa phương được phân cấp trong giải quyết TTHC cần phải bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu về giải quyết TTHC được giao, tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, loại bỏ các thủ tục thỏa thuận, chấp thuận, xin ý kiến, cho phép của cơ quan nhà nước cấp trên đối với những vấn đề đã được quản lý trên cơ sở quy hoạch và xác định rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn tiêu chí, điều kiện, định mức kinh tế - kỹ thuật và đã được phân cấp, phân quyền quản lý

- Cần sớm đưa các công cụ giám sát trực tuyến từ khâu xây dựng các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đến khâu tổ chức thực thi, thực hiện TTHC/DVC sau khi quy định được ban hành; các bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp, cắt giảm quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh;... vào sử dụng, áp dụng chính thức. Đồng thời, có cơ chế để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá mức độ hài lòng, đối thoại trực tuyến với các CQNN trong việc xây dựng, thực thi các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, thực hiện TTHC/DVC. Qua đó, góp phần tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính, cá thể hoá trách nhiệm, nâng cao chất lượng phục vụ, giảm tham nhũng tiêu cực; phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dựa trên dữ liệu và theo thời gian thực.

PHẦN II

HỒ SƠ CÁC NHÓM

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẤT ĐAI

Nhóm TTHC Đất đai khảo sát trong năm 2021
bao gồm 03 TTHC:



Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu



Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất



Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức

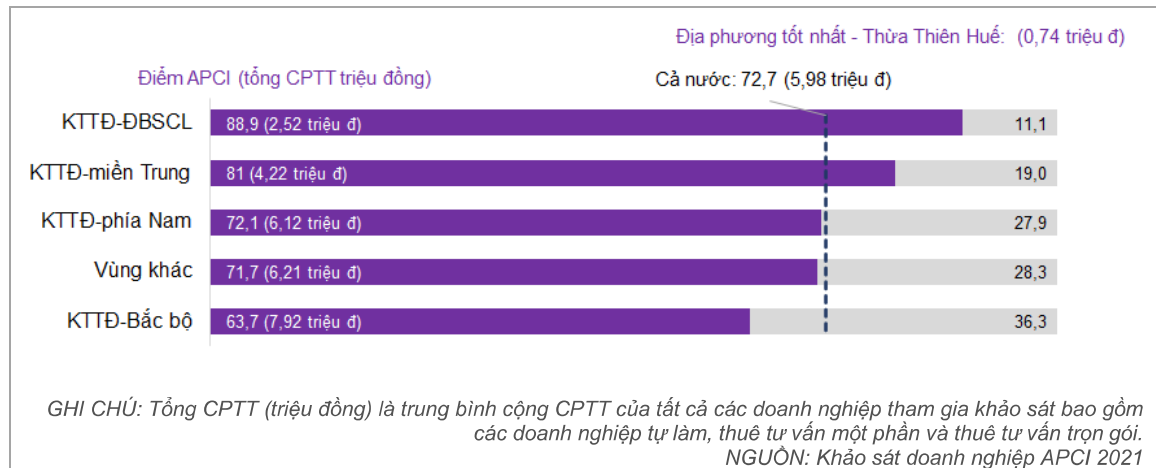
Phân phân tích nhóm TTHC Đất đai bao gồm 3 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của 3 TTHC Đất đai và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...); (ii) Phân tích so sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này; và (iii) Một số khuyến nghị để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC Đất đai.

2.1.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Đất đai

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm TTHC Đất đai

HÌNH 8 dưới đây trình bày kết quả khảo sát APCI 2021 của ba TTHC Đất đai. Cụ thể, điểm APCI của nhóm TTHC Đất đai đạt 72,7/100 điểm với mức CPTT trung bình là 5,98 triệu đồng. Vùng KTTĐ ĐBSCL có điểm số tốt nhất với 88,9 điểm và mức CPTT chỉ 2,52 triệu đồng, chỉ bằng 1/3 mức CPTT của vùng KTTĐ Bắc bộ – vùng có điểm APCI thấp nhất cả nước. Thừa Thiên Huế là địa phương có thực tiễn thực hiện TTHC tốt nhất với tổng CPTT, khoảng 0,74 triệu đồng/TTHC, chỉ bằng 29% so với CPTT trung bình của Vùng tốt nhất, và 12% CPTT trung bình của cả nước.

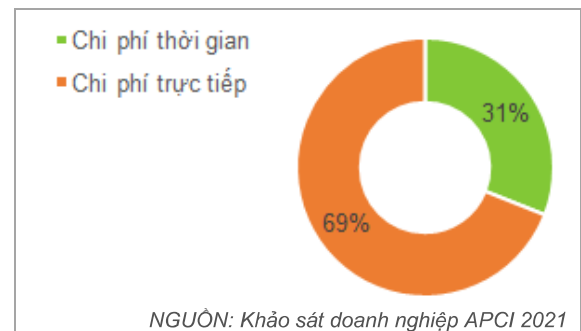
HÌNH 8: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Đất đai



Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai được phản ánh tại HÌNH 9. Cụ thể, chi phí thời gian chiếm 31% và chi phí trực tiếp chiếm 69% trong tổng CPTT để thực hiện một TTHC Đất đai. Phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai được trình bày dưới đây.

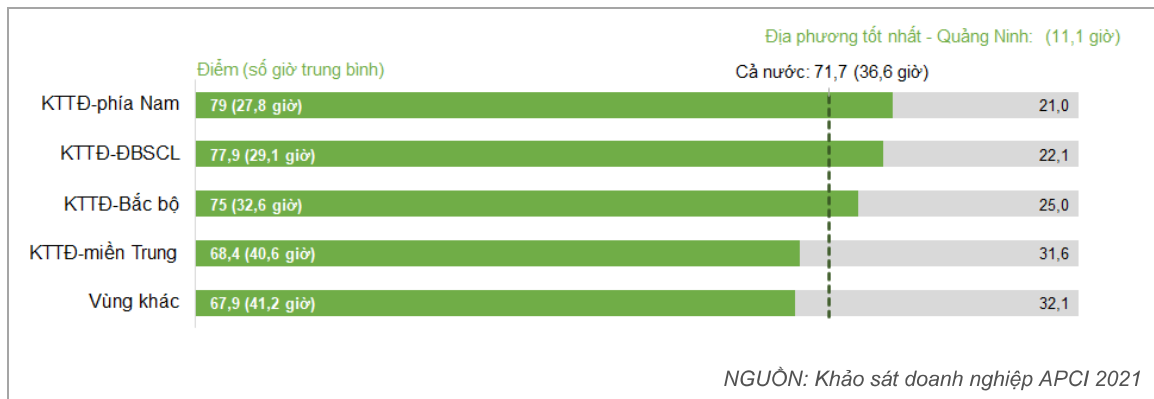
HÌNH 9: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai



THỜI GIAN THỰC HIỆN

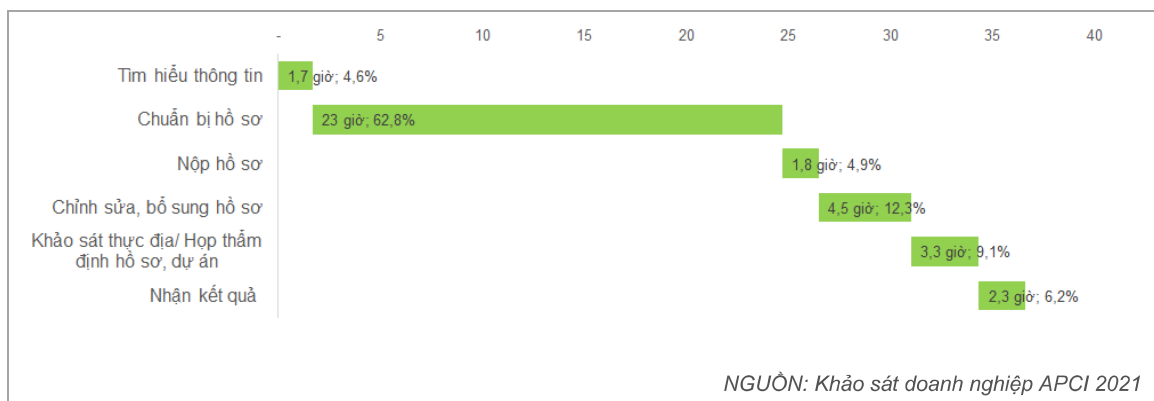
Thời gian trung bình doanh nghiệp trên cả nước cần bỏ ra để thực hiện một TTHC Đất đai là 36,6 giờ với điểm chi phí thời gian của nhóm TTHC Đất đai là 71,7 điểm. Vùng KTTĐ phía Nam dẫn đầu cả nước về chi phí thời gian thực hiện TTHC Đất đai với 79 điểm; doanh nghiệp tại vùng này chỉ mất khoảng 27,8 giờ để thực hiện 1 TTHC Đất đai (thấp hơn 8,8 giờ so với thời gian thực hiện trung bình của cả nước). Vùng khác vùng KTTĐ có điểm thấp nhất về chi phí thời gian với 68/100 điểm. Quảng Ninh là địa phương có thực tiễn thực tốt nhất về thời gian thực hiện TTHC Đất Đai, với chỉ 11,1 giờ, thấp hơn mức thời gian trung bình 3,8 lần (HÌNH 10).

HÌNH 10: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Đất đai

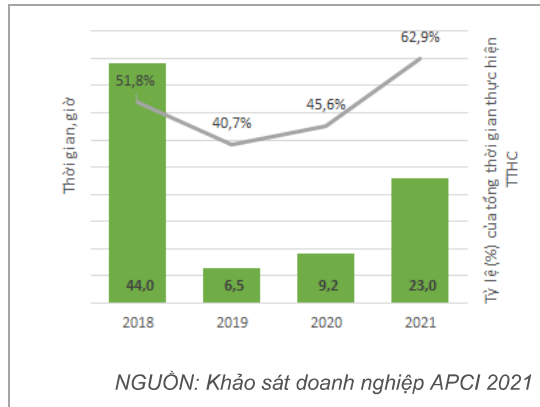


Trong số chín nhóm TTHC được khảo sát trong APCI, các TTHC về Đất đai là những TTHC phức tạp về yêu cầu hồ sơ, do vậy việc doanh nghiệp/nhà đầu tư dành nhiều thời gian (62,9% tổng số thời gian thực hiện) để chuẩn bị bộ hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu của các CQNN là điều dễ hiểu (HÌNH 11).

HÌNH 11: Tỷ trọng thời gian chia theo theo các bước thực hiện của một TTHC Đất đai



HÌNH 12: Thời gian Chuẩn bị hồ sơ TTHC Đất đai của doanh nghiệp qua các năm



Tuy nhiên, so sánh với các năm trước, thời gian Chuẩn bị hồ sơ cho các TTHC về Đất đai có xu hướng ngày càng kéo dài hơn, cụ thể ở các khảo sát APCI năm 2019, và APCI 2020 thời gian này lần lượt là 6,5 giờ và 9,2 giờ. Thời gian Chuẩn bị hồ sơ ở APCI 2021 gấp từ 2 đến 3 lần so với các năm trước đây (HÌNH 12). Lý do của việc thời gian kéo dài hơn này vẫn nằm ở các khâu là làm việc với UBND địa phương nơi có đất để thực hiện xác nhận tình trạng không có tranh chấp quyền sở hữu đất đai, tài sản; và làm việc với Văn phòng đăng ký đất đai để trích lục bản đồ địa chính/trích đo bản

đồ địa chính khu đất. Việc làm việc với UBND địa phương, và/hoặc văn phòng đăng ký đất đai là những TTHC con nằm trong các TTHC về cấp mới, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và chuyển mục đích sử dụng đất. Thời gian làm việc với UBND địa phương nơi có đất để thực hiện xác nhận tình trạng không có tranh chấp quyền sở hữu/sử dụng đất đai là khoảng nửa ngày làm việc, và có thể dao động đến 1,5 ngày do phải đi lại nhiều lần. Đa số doanh nghiệp cho biết không mất chi phí khi làm việc với UBND địa phương, nhưng có một vài trường hợp ghi nhận chi phí không chính thức để “được làm cho nhanh” hoặc “cảm ơn”. Các trường hợp khu đất chưa có bản đồ địa chính sẽ phải thực hiện trích đo địa chính. Thủ tục này yêu cầu cán bộ địa chính phải thực hiện đo đạc thực địa, do đó doanh nghiệp sẽ có thể mất nhiều thời gian và sẽ phải chi trả nhiều hơn. Doanh nghiệp sẽ phải cử người tiếp đón cán bộ địa chính ở quá trình đo đạc thực địa, trung bình khoảng 1-2 giờ làm việc. Chi phí trích đo địa chính có thể lên đến vài triệu đồng tùy theo quy định của địa phương và diện tích khu đất, và có thể bao gồm cả chi phí không chính thức để “bồi dưỡng” cho cán bộ địa chính.

Thực hiện DVC trực tuyến: Nghiên cứu về việc tìm hiểu thông tin và khả năng thực hiện trực tuyến (cấp độ 3 và 4) của các TTHC về Đất đai tại thời điểm tháng 3/2021 cho thấy có 18 tỉnh có kết nối thực hiện DVC trực tuyến mức độ 3 đối với ít nhất một trong số ba TTHC về đất đai, trong đó nhiều nhất là TTHC Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.²⁰ Tại tất cả các trang thông tin (website) hoặc cổng DVC trực tuyến của các tỉnh thành và Cổng DVCQG, người dùng có thể tìm thấy các thông tin về (i) trình tự thực hiện, (ii) cách thức thực hiện, (iii) thành phần, số lượng hồ sơ, (iv) thời hạn giải quyết, (v) đối tượng thực hiện TTHC, (vi) cơ quan giải quyết TTHC, và (vii) phí và lệ phí thực hiện dịch vụ. Các cổng DVC trực tuyến hoặc trang thông tin điện tử đều có chức năng cho phép người dùng tải về các mẫu đơn/mẫu hồ sơ (nếu có) trong quá trình chuẩn bị hồ sơ.

Tuy nhiên chỉ có 16% doanh nghiệp khảo sát trong APCI cho biết đã tìm hiểu về các TTHC Đất đai thông qua internet, và 2,6% doanh nghiệp đã thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến. Mặc dù những tỷ lệ này đã tăng so với các khảo sát APCI trước đây, nhưng xét trong bối cảnh những nỗ lực về thúc đẩy giải quyết TTHC trên môi trường điện tử trong thời gian vừa qua của Chính phủ, các Bộ ngành

²⁰ An Giang, Tuyên Quang, Lâm Đồng, Bắc Ninh, Kon Tum (mức độ 3 đối với cả 3 TTHC về Đất đai), Thái Nguyên, Đồng Nai, Lạng Sơn, Gia Lai, Quảng Ninh, Thành phố Cần Thơ, Trà Vinh, Bình Định, Cao Bằng, Nam Định, Đà Nẵng (mức độ 3 đối với cả 3 TTHC về Đất đai), Yên Bái, Phú Thọ.

và địa phương, thì những tỷ lệ vẫn còn khá khiêm tốn. Một số ý kiến về thông tin TTHC cung cấp tại các cổng DVC như hộp dưới đây:

HỘP 1: Ý kiến của Doanh nghiệp về thông tin TTHC cung cấp tại các cổng DVC

“Tôi tìm hiểu thông tin về TTHC đăng ký biến động quyền sử dụng đất trên Cổng DVCQG và chuẩn bị đầy đủ giấy tờ dựa theo hướng dẫn trên đó. Nhưng khi mang bộ hồ sơ lên Sở TNMT nộp, tôi được yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung thêm hồ sơ. Cán bộ chuyên môn của sở giải thích do trường hợp của tôi không quy định chi tiết trong nghị định của Chính phủ và thông tư của Bộ TNMT, nên tôi cần chuẩn bị thêm hồ sơ theo quy định của tỉnh thì mới được chấp nhận.”

“Trung tâm hành chính công ở tỉnh mặc dù có đăng tải danh sách các thành phần hồ sơ cần thiết, nhưng lại không đính kèm các mẫu giấy tờ, đồng thời trung tâm cũng không có tổng đài trả lời thắc mắc của công dân; tôi đề nghị cần đăng tải và thường xuyên cập nhật mẫu giấy tờ mới nhất lên website của Trung tâm hành chính công để doanh nghiệp chuẩn bị đúng hồ sơ và không mất thời gian chỉnh sửa nhiều lần, đồng thời thiết lập tổng đài để doanh nghiệp gọi điện trực tiếp hỏi đáp thắc mắc, tiết kiệm thời gian đi lại.”

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Kết quả khảo sát APCI 2021 cho thấy các doanh nghiệp đã thực hiện TTHC trực tuyến tập trung ở các tỉnh Đà Nẵng, Phú Thọ, và Quảng Ninh thông qua Cổng DVCQG. Tổng số thời gian thực hiện TTHC của các doanh nghiệp thực hiện trực tuyến ngắn hơn 20% so với tổng thời gian của các doanh nghiệp thực hiện trực tiếp. Cụ thể tại khâu Nộp hồ sơ, thời gian doanh nghiệp nộp trực tuyến sẽ tiết kiệm được 1,6 giờ so với việc đi nộp hồ sơ trực tiếp tại CQNN.

Một nguyên nhân khác dẫn tới giảm hiệu quả của thực hiện TTHC trực tuyến là thiếu sự phối hợp và kết nối giữa các cơ quan chức năng trong việc chia sẻ thông tin dẫn đến việc doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần giữa các cơ quan. Sự thiếu phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan chức năng không phải là vấn đề mới, nhưng trong APCI 2021 lại là một vấn đề nổi cộm, ghi nhận nhiều phản ánh gay gắt từ các doanh nghiệp thực hiện TTHC về Đất đai.

HỘP 2: Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong giải quyết TTHC

“Doanh nghiệp tôi nộp hồ sơ tại Sở TNMT của tỉnh, tuy nhiên khu đất do UBND cấp huyện quản lý, nên, tôi được hướng dẫn là phải đến UBND cấp huyện để trích lục bản đồ địa chính khu đất. Tôi kiến nghị UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện nên có cơ chế liên thông thông tin, cụ thể là sử dụng chung một phần mềm để có thể truy xuất dữ liệu chung trên toàn tỉnh. Nếu có cơ chế liên thông trên, Sở TNMT tại UBND cấp tỉnh có thể trực tiếp truy xuất dữ liệu để trích lục bản đồ địa chính cho doanh nghiệp tôi, tôi không cần phải mất thời gian đi xuống UBND huyện xin trích lục bản đồ rồi quay lại UBND tỉnh để nộp”

“Tôi đã đóng thuế online nhưng khi đến nhận kết quả thì vẫn bị yêu cầu phải in biên lai điện tử và xin dấu xác nhận của ngân hàng và nộp lại, thì mới có thể hoàn tất thủ tục và nhận kết quả.”

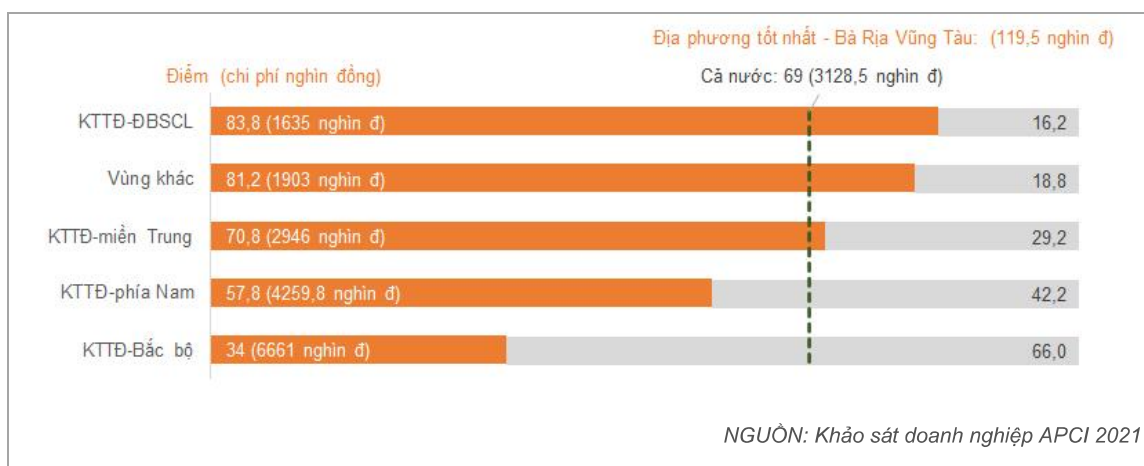
“Tôi được biết thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký và cấp GCN quyền sử dụng đất tại tỉnh là 30 ngày. Tuy nhiên, đến giai đoạn tính thuế, doanh nghiệp tôi phải đợi mất 3 tháng mới có kết quả tính thuế của cơ quan thuế. Do thời hạn 30 ngày làm việc không bao gồm thời gian tính thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính, nên doanh nghiệp chúng tôi cũng không thể khiếu nại lên cơ quan chức năng nào cả”

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

Chi phí trực tiếp trung bình của một TTHC về Đất đai là 3,1 triệu đồng, tương ứng với 69,1/100 điểm so với thực tiễn tốt nhất. Vùng KTTĐ ĐBSCL có mức chi phí trực tiếp thấp nhất trung bình là 1,6 triệu đồng, tương ứng với điểm số cao nhất 83,8/100 điểm trong số các vùng KTTĐ. Bà Rịa - Vũng Tàu là địa phương có thực tiễn tốt nhất với chi phí trung bình là 119,5 nghìn đồng (HÌNH 13).

HÌNH 13: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đất đai theo vùng



Các chi phí trực tiếp của nhóm TTHC về Đất đai không có thay đổi nhiều qua các năm, vẫn là phí thẩm định hồ sơ (tối đa 7,5 triệu đồng), lệ phí cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (tối đa 0,5 triệu đồng/GCN), phí công chứng.... Thực tế khảo sát APCI qua các năm 2018, 2019, 2020 vào 2021 cũng không ghi nhận sự thay đổi đáng kể nào về mức chi phí trực tiếp này.

Chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện TTHC Đất đai được ghi nhận ở 12,7% doanh nghiệp, phát sinh trong các khâu Làm việc với UBND địa phương, đo đạc địa chính, Khảo sát thực địa. Có sự thay đổi đáng kể về tỷ lệ doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức đối với nhóm TTHC về Đất đai so với các năm trước đây (APCI 2019: là 9%, APCI 2020: là 5,2%)

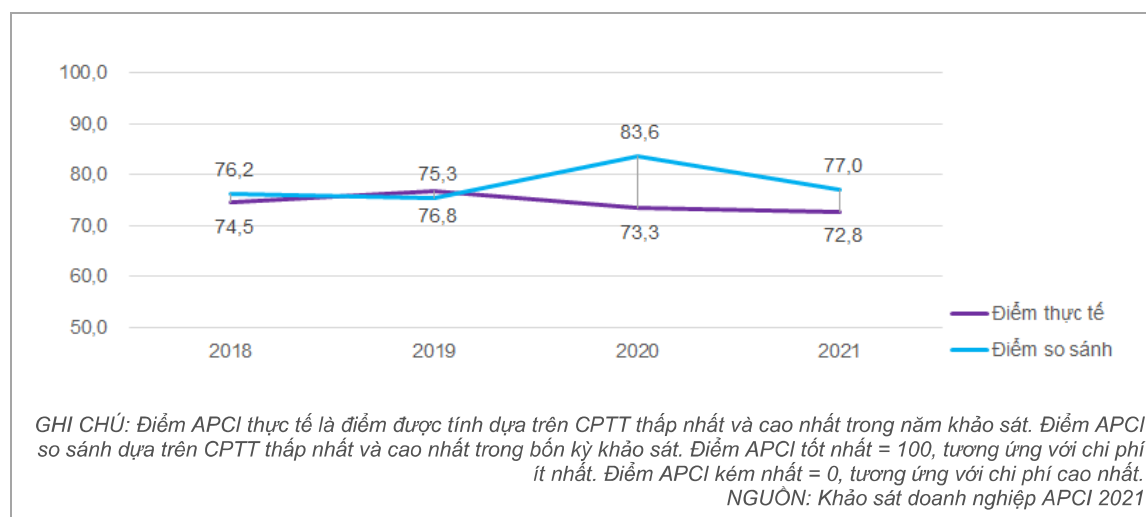
Dịch vụ trung gian, tư vấn thực hiện TTHC: Việc doanh nghiệp thuê các đơn vị trung gian, tư vấn để thực hiện các TTHC về Đất đai ngày càng trở nên phổ biến, nhưng việc doanh nghiệp giao phó toàn bộ công việc cho đơn vị trung gian tư vấn thì có xu hướng giảm đi. Việc thuê các đơn vị trung gian, tư vấn có thể giúp doanh nghiệp giảm bớt thời gian Tìm hiểu thông tin, nhưng ngược lại làm tăng chi phí trực tiếp cho doanh nghiệp. Theo APCI 2021, mức chi phí phổ biến mà các

doanh nghiệp chi trả cho đơn vị trung gian, tư vấn là khoảng từ 5-10 triệu đồng. Tuy nhiên về mặt tổng thời gian thực hiện TTHC, APCI 2021 không ghi nhận sự khác biệt đáng kể giữa doanh nghiệp tự thực hiện và doanh nghiệp có thuê tư vấn.

2.1.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Đất đai

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần 2.1.1) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 14: Điểm APCI của Nhóm TTHC Đất đai



Xem xét tổng thể quá trình và điểm số APCI của nhóm TTHC Đất đai qua bốn năm từ 2018 đến 2021 chưa thể khẳng định chắc chắn về một xu hướng cải cách tích cực (HÌNH 14). Tuy nhiên, nếu nhìn vào điểm số APCI so sánh và sự tăng giảm CPTT trung bình qua các năm có thể thấy những tín hiệu khả quan. Cụ thể điểm APCI so sánh năm 2021 cao thứ hai và tổng CPTT ở khảo sát năm 2021 ở mức thấp thứ 2 trong bốn năm (BẢNG 2).

BẢNG 2: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Đất đai qua các năm

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	6.171.811	6.395.953	4.303.692	5.950.284
Thời gian thực hiện (giờ)	85	16	20	37
Chi phí trực tiếp (đồng)	2.816.768	3.985.972	2.502.626	3.122.597
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	44.580.000	26.038.462	36.527.778	n/a ²¹

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

²¹ Số mẫu không đủ điều kiện để phân tích

2.1.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Nhóm TTHC Đất đai là một trong những trọng tâm ưu tiên cải cách của Chính phủ và các địa phương nhằm thực hiện nhiệm vụ Cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực quốc gia. Tuy nhiên, dường như những nỗ lực cải cách TTHC của Bộ TNMT và các địa phương cải thiện này còn chậm và chưa thực sự tạo ra được những đột phá trong năm 2021, thể hiện ở các chỉ số về CPTT qua các kỳ khảo sát APCI trong giai đoạn 2018 - 2021.

Một trong những điểm sáng của nhóm thủ tục về Đất đai được ghi nhận trong năm 2021 là việc áp dụng DVC đã trở nên phổ biến. Các doanh nghiệp được khảo sát đã thể hiện sự hưởng ứng và đánh giá cao việc các cơ quan quản lý về đất đai áp dụng DVC trực tuyến. Tuy nhiên, trong bối cảnh Chính phủ và tất cả các Bộ/ngành đều tích cực đẩy mạnh DVC trực tuyến, thì cơ quan quản lý đất đai vẫn cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa, tập trung vào một số vấn đề như theo gợi ý của các doanh nghiệp trong khảo sát APCI 2021 như dưới đây.

Để hỗ trợ quá trình ***tim hiểu thông tin*** về TTHC được dễ dàng và hiệu quả hơn, doanh nghiệp đề xuất một số biện pháp với các cơ quan quản lý đất đai như sau:

- *Thường xuyên cập nhật các quy định mới về TTHC, chính sách quản lý của nhà nước theo hướng trọng tâm, dễ hiểu (ví dụ như những thay đổi cần lưu ý thay vì chỉ đưa tên văn bản) trên website/cổng DVC trực tuyến. Xây dựng các trang thông tin hỏi đáp về TTHC, các tình huống hay gặp phải và giải pháp xử lý); và*
- *Duy trì hoạt động của đường dây nóng hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu, hoặc giải đáp thắc mắc trong quá trình Chuẩn bị hồ sơ thủ tục, thực hiện TTHC. Các cán bộ hỗ trợ, tiếp nhận hồ sơ doanh nghiệp nên là những người có kinh nghiệm và chuyên môn vững vàng để có thể hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả.*

Đối với việc ***xử lý bộ hồ sơ, giải quyết TTHC của các cơ quan chức năng***, doanh nghiệp kỳ vọng nhiều vào sự phối hợp chặt chẽ, và thông tin minh bạch của các CQNN, thông qua các đề xuất:

- *Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để thúc đẩy chia sẻ dữ liệu đất đai và luân chuyển hồ sơ giữa các cơ quan chức năng giải quyết TTHC Đất đai; chấp nhận các hồ sơ là bản sao điện tử, hoặc bản sao điện tử có chứng thực theo Nghị định 45/2020/NĐ-CP; và*
- *Xây dựng cơ chế phản hồi sớm trong môi trường điện tử, có thể thông qua các công cụ như email, hotline, zalo, chatbot để công khai quá trình xử lý hồ sơ, giúp doanh nghiệp nắm bắt được tiến độ giải quyết TTHC của CQNN, và kịp thời cung cấp thông tin, sửa đổi bổ sung hồ sơ theo yêu cầu.*

Một số doanh nghiệp được khảo sát cũng thể hiện kỳ vọng vào công tác xây dựng cơ sở dữ liệu số về quy hoạch và quản lý đất đai của Bộ TNMT, và các cơ quan quản lý đất đai địa phương. Nếu bộ cơ sở dữ liệu này được hoàn thiện và thống nhất thì sẽ có thể giúp doanh nghiệp giảm thời gian và tiết kiệm chi phí trích lục địa chính khi chuẩn bị bộ hồ sơ về đất đai, đồng thời giúp các cơ quan giải quyết TTHC rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.

Trong giai đoạn từ 2018 – 2021, ngành TNMT nói chung và Tổng cục Quản lý Đất đai nói riêng đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách TTHC Đất đai, bao gồm: (i) rà soát, cắt giảm số lượng TTHC; (ii) công khai phí, lệ phí phải nộp để thực hiện TTHC khắc phục tình trạng “cò mồi”, nhũng nhiễu, tham nhũng vặt; (iii) kết nối điện tử liên thông trong giải quyết TTHC về cấp GCN quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, cấp CGN sở hữu công trình xây dựng với các thủ tục xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai..., và (iv) hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý đất đai²². Doanh nghiệp mong muốn rằng những hoạt động trên sẽ vẫn được tiếp tục thực hiện, và nên được thực hiện mạnh mẽ hơn nữa để có thể tạo ra những đột phá trong cải cách TTHC, cải thiện năng lực cạnh tranh của địa phương, thúc đẩy đầu tư trong thời gian tới.

²² Báo Tài nguyên và Môi trường, 2021, *Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đất đai: Tiếp tục tháo gỡ khó khăn*, truy cập tại: <https://baotainguyenmoitruong.vn/day-manh-cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-ve-dat-dai-tiep-tuc-thao-go-kho-khan-328943.html>

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIẤY PHÉP, CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh khảo sát trong năm 2021 bao gồm 07 TTHC:



Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh)



Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu



Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế



Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật



Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện



Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc



Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc

Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh được khảo sát năm 2021 gồm 7 TTHC thuộc 4 lĩnh vực: i) Nông nghiệp²³, ii) Công Thương²⁴, iii) Y tế²⁵, và An ninh trật tự²⁶.

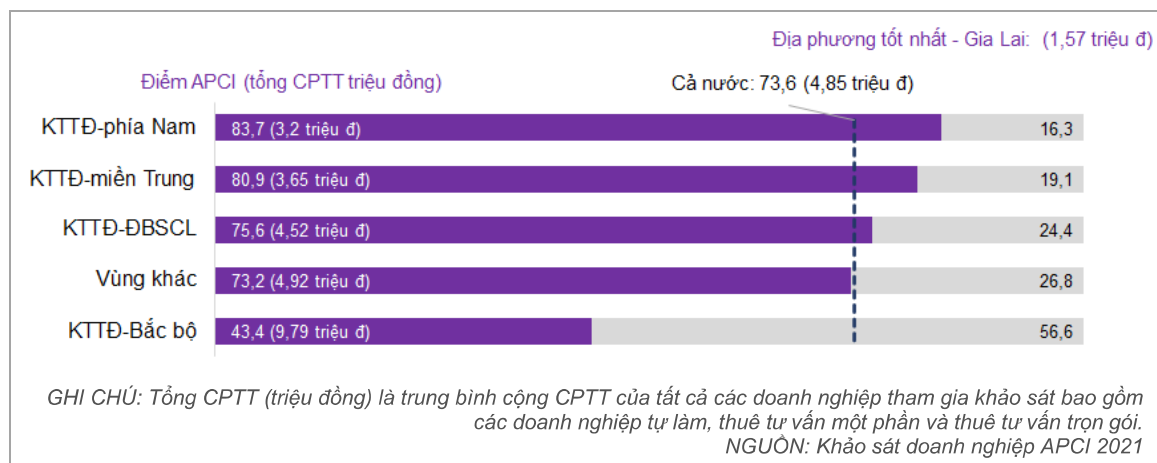
Phân phân tích nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh bao gồm 3 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của các TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng, lĩnh vực...); (ii) Phân tích so sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này; và (iii) Một số khuyến nghị để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.

2.2.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm

Kết quả khảo sát APCI 2021 của 7 TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh được trình bày tại HÌNH 15 dưới đây. Theo đó, điểm APCI của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh đạt 73,6 điểm, cách 26,4 điểm so với thực tiễn tốt nhất (100 điểm) với CPTT trung bình để thực hiện 1 TTHC trong nhóm là hơn 4,8 triệu đồng. Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ phía Nam có số điểm cao nhất là 83,7 điểm; trung bình các doanh nghiệp ở vùng này chỉ mất khoảng 3,2 triệu đồng để thực hiện 1 TTHC thuộc nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Trong khi đó, vùng KTTĐ Bắc bộ có số điểm thấp nhất với 43,4 điểm; và các doanh nghiệp tại vùng này phải chi trả trung bình gần 9,8 triệu đồng để thực hiện 1 TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Gia Lai được ghi nhận là địa phương có CPTT trung bình thấp nhất cả nước với CPTT trung bình chỉ khoảng 1,57 triệu đồng/TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.

HÌNH 15: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh



²³ Gồm TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

²⁴ Gồm các TTHC: Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

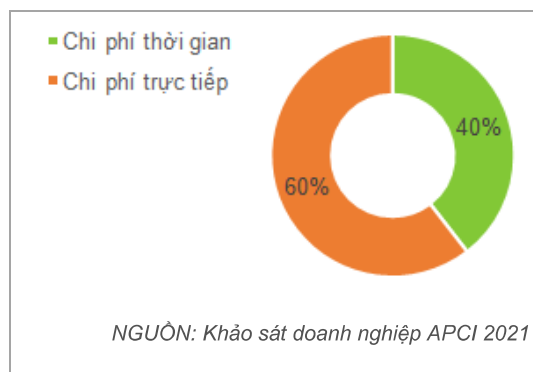
²⁵ Gồm các TTHC: Giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa (Sở Y tế); Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc; Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc

²⁶ Gồm các TTHC: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh)

Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh được thể hiện tại HÌNH 16. Theo đó, chi phí thời gian chiếm 40% trong tổng CPTT của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, còn lại (60%) là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp phải chi trả để thực hiện các TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh được trình bày dưới đây.

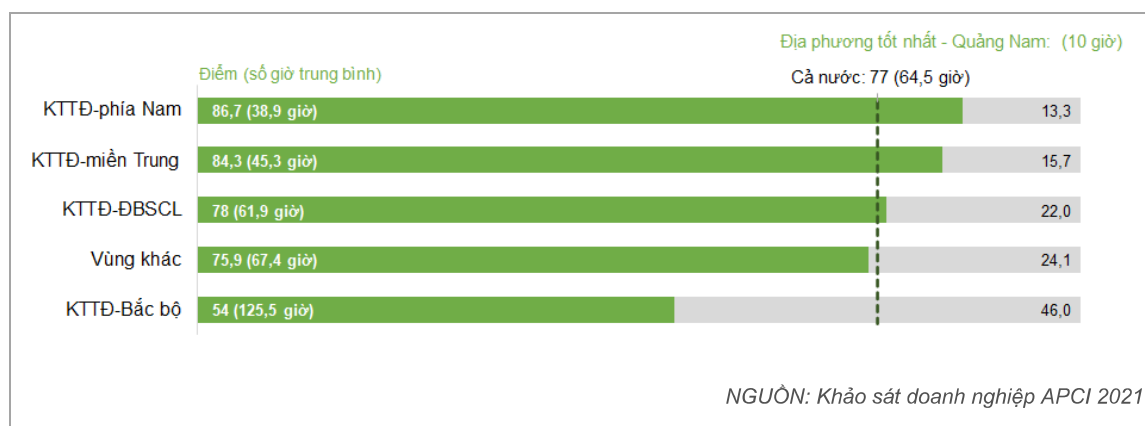
HÌNH 16: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh



THỜI GIAN THỰC HIỆN

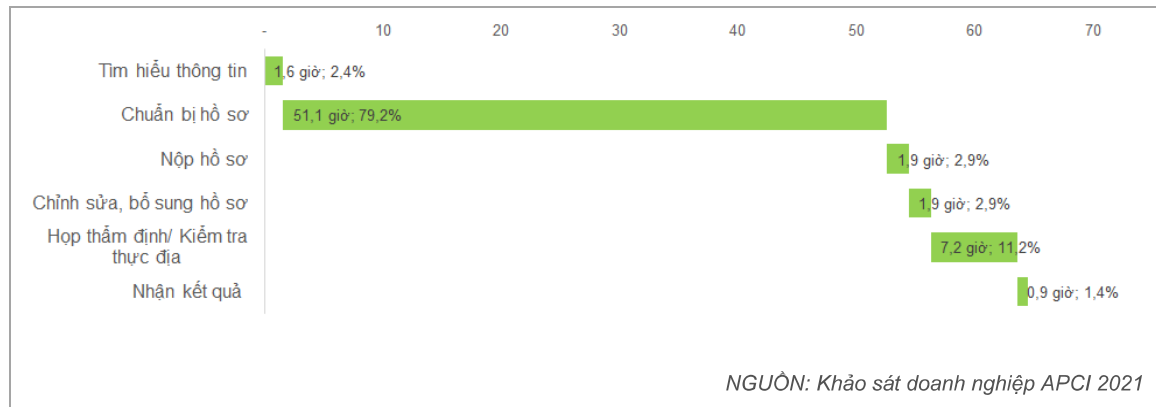
Số giờ làm việc trung bình mà mỗi doanh nghiệp trên cả nước phải bỏ ra để thực hiện 1 TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh là khoảng 64,5 giờ. Quảng Nam là địa phương có thực tiễn tốt nhất cả nước về chỉ số thành phần thời gian thực hiện nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh khi các doanh nghiệp tại địa phương này chỉ mất trung bình 10 giờ để thực hiện 1 TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Vùng KTTĐ phía Nam có điểm số tốt nhất với 86,7 điểm, và các doanh nghiệp ở vùng này chỉ mất trung bình 38,9 giờ (bằng khoảng 2/3 so với trung bình cả nước) để hoàn thành 1 TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Trong khi đó, vùng KTTĐ Bắc bộ có điểm số thấp nhất là 54 điểm, và các doanh nghiệp tại vùng này trung bình phải mất 125,5 giờ (gấp gần 2 lần thời gian so với trung bình cả nước) để thực hiện 1 TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh (HÌNH 17).

HÌNH 17: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh



Trong 5 bước thực hiện TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, Chuẩn bị hồ sơ là bước chiếm nhiều thời gian nhất (51,1 giờ; tương ứng 79,2%), tiếp đến là bước Hợp thẩm định/Kiểm tra thực địa (7,2 giờ; tương ứng 11,2%), tương tự với APCI 2020.

HÌNH 18: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh



Thực tế khảo sát cho thấy với các thủ tục về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, doanh nghiệp thường phải mất nhiều thời gian cho việc thực hiện các công việc bao gồm tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và thu thập các loại giấy tờ theo yêu cầu. Cụ thể, trong 07 TTHC thuộc nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, có đến 5/7 TTHC yêu cầu thực hiện thủ tục “dắt dây”²⁷ tại bước Chuẩn bị hồ sơ (trừ 02 thủ tục về đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc), trong đó có 04 TTHC yêu cầu tập huấn hoặc có bằng cấp về kiến thức chuyên môn (trừ thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự). Bước Hợp thẩm định/Kiểm tra thực địa cũng là một khâu thường thấy trong quá trình thực hiện các thủ tục nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh khi có 6/7 TTHC yêu cầu việc thực hiện bước này (trừ thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự). Do vậy, có thể nói rằng tỷ trọng thời gian ghi nhận nêu trên cũng phần nào phản ánh điểm đặc thù về mức độ phức tạp của hồ sơ trong các thủ tục Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Khi so sánh với APCI 2020, có thể thấy rằng thời gian trung bình Chuẩn bị hồ sơ mặc dù vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất nhưng số giờ chuẩn bị trên thực tế đã giảm đến hơn 60%, từ 138,9 giờ xuống 51,1 giờ.

HỢP 3: Kiểm tra thực địa tại thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa²⁸

Phòng khám nội cơ xương khớp A tại Hà Nội có phản ánh một số vướng mắc trong quá trình Kiểm tra thực địa, cụ thể là việc thông báo về việc kiểm tra thực địa tương đối muộn (tin nhắn nhận được vào tối liền trước ngày kiểm tra) và thông tin không rõ ràng (không rõ số lượng cán bộ, giờ kiểm tra cụ thể). Ngoài ra, hướng dẫn về việc bố trí cơ sở vật chất còn chưa rõ ràng dẫn đến việc doanh nghiệp được yêu cầu phải thực hiện một số công việc bổ sung (ví dụ: treo biển

²⁷ Là các thủ tục/TTHC phải thực hiện trước để có được kết quả đưa vào làm thành phần hồ sơ của TTHC dự kiến thực hiện (ví dụ như phải làm TTHC xin cấp Phiếu lý lịch tư pháp trước để lấy kết quả đưa vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự)

²⁸ Ý kiến của doanh nghiệp tại Tọa đàm tham vấn thực trạng và giải pháp cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong bối cảnh COVID-19 ngày 07/10/2021

bỏ trống số giấy chứng nhận hoạt động, kê thêm giường,...). Doanh nghiệp cũng cho biết đã mất 8 triệu chi phí mềm cho đoàn kiểm tra.

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Đứng thứ hai trong tỷ trọng thời gian trong các bước thực hiện TTHC, thời gian thực hiện trung bình của bước Hợp thẩm định/Kiểm tra thực địa của APCI 2021 đã tăng khoảng 63% so với APCI 2020, từ 4,4 giờ tăng lên 7,2 giờ. Theo đó, các doanh nghiệp thực hiện thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (thuộc nhóm TTHC lĩnh vực y tế) và Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (thuộc nhóm TTHC lĩnh vực công thương) thường mất nhiều thời gian cho khâu sửa chữa, khắc phục cơ sở (ví dụ: mua thiết bị, lát gạch,...), cá biệt có doanh nghiệp mất 112 giờ để khắc phục, sửa chữa theo yêu cầu của đoàn thẩm định.

Trong năm 2021, bước Tìm hiểu thông tin của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh ghi nhận thời gian giảm đáng kể, đạt mức thấp nhất trong các năm khảo sát với mức thời gian trung bình là 1,6 giờ thực hiện. Một trong những lý do cho việc giảm thời gian bước Tìm hiểu thông tin trong Khảo sát APCI 2021 là phần lớn các doanh nghiệp tham gia khảo sát năm nay đã có kinh nghiệm về việc thực hiện thủ tục từ trước. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp thực hiện các thủ tục trong lĩnh vực công thương, y tế, nông nghiệp phản ánh là hướng dẫn trên cổng thông tin của các CQNN về thành phần hồ sơ còn chưa được cập nhật hoặc còn khó hiểu; hoặc cán bộ có thái độ chưa thân thiện, chưa làm việc đúng giờ, hoặc chưa nắm vững chuyên môn, chưa hướng dẫn được người dân khi thực hiện thủ tục lần đầu, từ đó khiến người dân mất nhiều thời gian chờ đợi cũng như chuẩn bị hồ sơ hoặc phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ tại các bước sau.

HỢP 4: Thực hiện trực tuyến thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa

Phòng khám nội cơ xương khớp A tại Hà Nội cũng phản ánh một số vướng mắc khi nộp hồ sơ qua phương thức trực tuyến, cụ thể như sau:

Tại bước Tìm hiểu hồ sơ và Nộp hồ sơ, hiện tại Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công Bộ Y tế vẫn hiển thị rằng thủ tục không thể thực hiện qua phương thức trực tuyến (DVC mức độ 2). Do không có hướng dẫn cụ thể, doanh nghiệp đã gửi hồ sơ nhằm vào mục thủ tục cấp Bộ tại Cổng DVC Bộ Y tế nhưng chỉ được giải đáp khi tự gọi điện hỏi về tiến độ hồ sơ. Sau đó, doanh nghiệp đã tự tìm hiểu lại và nộp hồ sơ qua Cổng DVC trực tuyến thành phố Hà Nội và được nhắn tin xác nhận sau đó. Tại bước Nhận kết quả, sau khi khắc phục theo hướng dẫn của đoàn kiểm tra và nộp hồ sơ khắc phục, khi đến thời hạn quy định doanh nghiệp vẫn chưa nhận được kết quả và phải nhờ người quen hỏi giúp. Doanh nghiệp cũng nhận định rằng việc thực hiện thủ tục trực tuyến ban đầu khá bài bản, tuy nhiên càng về các bước sau càng gặp nhiều vướng mắc. Cụ thể, sau khi nhận kết quả, doanh nghiệp cho biết tình trạng hồ sơ trên Cổng DVC vẫn chưa giữ nguyên trạng thái “đang xử lý” mà chưa được cập nhật.

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Trong năm 2021, khảo sát ghi nhận nhóm thủ tục thuộc lĩnh vực y tế dẫn đầu về tỷ lệ các doanh nghiệp lựa chọn phương thức nộp hồ sơ thông qua phương thức trực tuyến. 03 thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế, đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, và đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc có tỷ lệ doanh nghiệp nộp hồ sơ thông qua phương thức trực tuyến tương ứng là 9,7%, 8,1% và 5,6%. Bên cạnh đó, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực công thương cũng ghi nhận 5,4% doanh nghiệp lựa chọn phương thức trực tuyến khi nộp hồ sơ. Điều này thể hiện nỗ lực của ngành y tế và công thương trong việc điện tử hóa, đơn giản hóa việc thực hiện TTHC nhằm cắt giảm CPTT cho doanh nghiệp.

Kết quả so sánh tổng thời gian thực hiện thủ tục theo phương thức nộp hồ sơ trực tuyến và nộp hồ sơ trực tiếp của nhóm TTHC thuộc lĩnh vực y tế cho thấy thời gian trung bình thực hiện thủ tục trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trong cả 03 thủ tục đều được rút ngắn từ khoảng 3 - 4 giờ so với thời gian tương ứng trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp. Trong đó, thủ tục đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc ghi nhận mức giảm lớn nhất, từ xấp xỉ 20,5 giờ xuống 16,15 giờ. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng trên thực tế, việc nộp hồ sơ trực tuyến nói riêng và thực hiện thủ tục trực tuyến nói chung trong lĩnh vực y tế vẫn còn những vướng mắc nhất định, ví dụ như việc công khai thông tin hướng dẫn chưa thực sự cụ thể, hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến chưa được rõ ràng (ví dụ như cấp thực hiện thủ tục là cấp tỉnh hay cấp trung ương, hoặc phân biệt mức độ trực tuyến của DVC), hay thời gian phản hồi hoặc cập nhật thông tin trên hệ thống còn chưa kịp thời. Ngoài ra, một số trường hợp cho biết sau khi nộp hồ sơ trực tuyến vẫn được yêu cầu nộp hồ sơ bản cứng và lệ phí trực tiếp tại CQNN hoặc qua đường bưu điện.

Cũng cần lưu ý rằng, trên thực tế, việc nộp hồ sơ trực tuyến có thể tương đối nhanh, từ 15 – 30 phút nhưng cũng có thể kéo dài từ 1 - 4 giờ, tùy thuộc mức độ phức tạp của hồ sơ cần sao chụp (scan). Ngoài ra, việc nộp lệ phí qua phương thức trực tuyến cũng là vấn đề được các doanh nghiệp lưu tâm khi có một số ý kiến cho rằng hệ thống thanh toán trên Cổng DVC vào thời điểm khảo sát chưa tích hợp nhiều ngân hàng vào hệ thống thanh toán trực tiếp qua thẻ ATM và phương thức ví điện tử còn chưa thực sự phổ biến, đặc biệt là với đối tượng người lớn tuổi, từ đó gia tăng thời gian cho khâu nộp lệ phí.

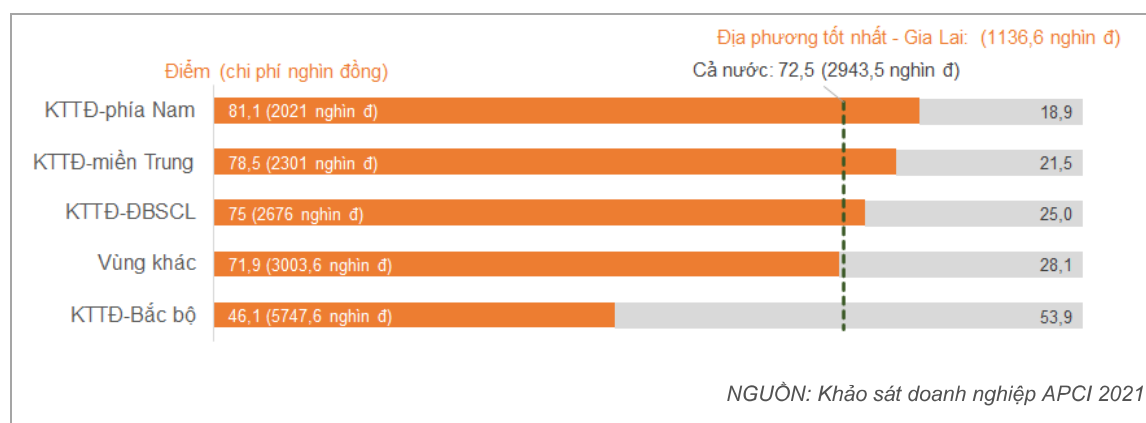
Đối với 03 thủ tục còn lại là Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự), Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (thuộc lĩnh vực nông nghiệp), và Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (thuộc lĩnh vực công thương) chưa ghi nhận trường hợp nộp hồ sơ qua phương thức trực tuyến. Trong đó, trong giai đoạn khảo sát APCI 2021 chỉ có thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự chưa được tích hợp trên hệ thống DVC trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Điều này không chỉ đặt ra yêu cầu chuyển đổi sang áp dụng DVC trực tuyến mà còn về tăng cường tuyên truyền để nâng cao tỷ lệ lựa chọn phương thức trực tuyến.

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

Chi phí trực tiếp để thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh bao gồm các loại chi phí sau: i) Chi phí sao chụp, chứng thực tài liệu; ii) Các loại

phí và lệ phí (của thủ tục khảo sát và các thủ tục “dắt dây” (nếu có)); iii) Chi phí tập huấn, bồi dưỡng như học phí, tiền trợ cấp cho người lao động của doanh nghiệp tham gia các khoá tập huấn/bồi dưỡng (nếu có); và iv) Chi phí không chính thức (nếu có).

HÌNH 19: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh theo vùng



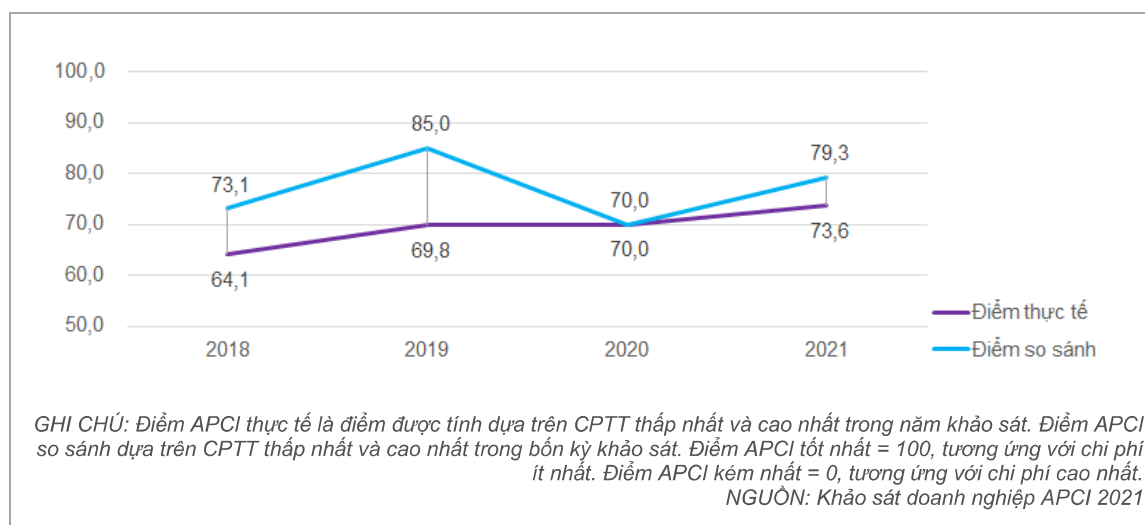
Theo HÌNH 19, nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh có chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra hơn 2,9 triệu đồng/TTHC. Vùng KTTĐ phía Nam có số điểm cao nhất là 81,1 điểm, và các doanh nghiệp ở vùng này chỉ phải chi trả trực tiếp trung bình khoảng 2 triệu đồng/TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Với điểm số 46,1 điểm, vùng KTTĐ Bắc bộ là vùng có số điểm thấp nhất và các doanh nghiệp ở vùng này trung bình phải chi trả trực tiếp 5,7 triệu đồng/TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh.

Chi phí không chính thức: 3,5% doanh nghiệp cho biết đã chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ CQNN với mức chi phí không chính thức trung bình khoảng 2 triệu đồng/trường hợp. Cụ thể, chi phí này thường phát sinh tại bước Hợp thẩm định/Kiểm tra thực địa hoặc Nộp hồ sơ.

2.2.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần 2.2.1) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 20: Điểm APCI của Nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh qua các năm



Những cải cách về mặt chính sách và pháp luật đã đóng góp một phần cho sự thay đổi tích cực của các thủ tục trong nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Tiêu biểu, lệ phí thực hiện 02 thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế và Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện đã giảm lần lượt là 30% và 10% trong một khoảng thời gian nhất định và trùng với thời gian khảo sát²⁹. Đây là một trong những biện pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trước những khó khăn trong dịch COVID-19, từ đó góp phần giảm chi phí trực tiếp cho doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh. Kết quả APCI 2021 cũng ghi nhận việc bắt đầu áp dụng quy định về việc xác nhận người trực tiếp sản xuất đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm sẽ được thực hiện bởi chủ cơ sở căn cứ theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương thay vì xin cấp Giấy chứng nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định như trước kia. Hoạt động này nâng cao tính chủ động và kiến thức cho doanh nghiệp cũng như giảm thiểu CPTT cho doanh nghiệp³⁰.

So sánh chi tiết các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, BẢNG 3 cho thấy so với năm 2020, thời gian trung bình thực hiện 01 TTHC trong nhóm Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh đã giảm hơn ½, từ 150 giờ xuống 64 giờ trong năm 2021; tuy nhiên chi phí trực tiếp lại tăng khoảng 500 nghìn đồng/TTHC.

²⁹ Thông báo 61/TB-KCB ngày 15/01/2021 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh về thay đổi mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021, Mục IV.1(c) và (d)

Thông tư 75/2020/TT-BTC sửa đổi Thông tư 279/2016/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, Điều 1, khoản 1

³⁰ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, Điều 10, khoản 5

BẢNG 3: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh qua các năm

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	6.204.167	3.592.688	6.877.605	4.845.628
Thời gian thực hiện (giờ)	81	39	150	64
Chi phí trực tiếp (đồng)	3.159.111	2.304.547	2.491.731	2.943.523
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	18.657.143	6.433.333	n/a	n/a ³¹

NGUỒN: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

2.2.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Đơn giản hóa các bước thực hiện thủ tục nhằm giảm thiểu thời gian và chi phí thực hiện TTHC đã và đang là mục tiêu trong việc cải cách nhóm thủ tục về Giấy phép, chứng chỉ, điều kiện kinh doanh. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước, xu hướng hạn chế tiếp xúc trực tiếp bằng việc tăng cường thực hiện thủ tục qua phương thức trực tuyến, liên hệ với CQNN qua phương tiện điện tử như email, điện thoại ngày càng phổ biến. Theo Khảo sát APCI 2021, những nội dung kiến nghị của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các TTHC thuộc nhóm Giấy phép, chứng chỉ, điều kiện kinh doanh tập trung vào các nội dung sau:

- Cung cấp thông tin và hướng dẫn sửa đổi, bổ sung hồ sơ: Nhiều doanh nghiệp có nhu cầu được hướng dẫn cách điền đơn cụ thể, được giải thích rõ ràng về các thành phần hồ sơ và cách thực hiện, đặc biệt là các thông tin đối với thủ tục “dắt dây” hoặc khi có thay đổi về thủ tục chính. Ví dụ như trong thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP (có hiệu lực từ 22/03/2020) quy định giao cho chủ cơ sở nghề vụ xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm thay cho việc thực hiện xin cấp Giấy chứng nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình của Bộ Công Thương. Quy định này được ban hành với mục đích tăng tính chủ động cho doanh nghiệp trong khâu tập huấn và xác nhận kiến thức, giúp cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp phản ánh qua khảo sát rằng họ đã gặp vướng mắc trong việc tự tập huấn và xác nhận do chưa được CQNN tại địa phương hướng dẫn cụ thể về nội dung này. Trên thực tế, ngay sau khi Nghị định 17/2020/NĐ-CP có hiệu lực, Bộ Công Thương đã ban hành bộ câu hỏi kiểm tra và đáp án để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm với những hướng dẫn cụ thể, chi tiết về cách thức lựa chọn câu hỏi, đáp án... cũng như biểu mẫu Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm nhằm kịp thời hỗ trợ, định hướng các doanh nghiệp trong quá trình tự tập huấn*

³¹ Trên thực tế, các doanh nghiệp khảo sát vẫn ghi nhận việc thuê đơn vị tư vấn để chuẩn bị hồ sơ. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp được khảo sát từ chối cho biết chi phí thuê đơn vị tư vấn cụ thể hoặc không thể bóc tách chi phí thực hiện TTHC thuộc nhóm Giấy phép, chứng chỉ, điều kiện kinh doanh do doanh nghiệp thuê trọn gói các thủ tục khởi sự doanh nghiệp và điều kiện kinh doanh. Do vậy không thể ghi nhận phí dịch vụ trung bình cụ thể các doanh nghiệp đã chi trả cho đơn vị tư vấn

và kiểm tra³². Theo đó, vấn đề đặt ra trong trường hợp này là cần nâng cao hơn nữa tính hiệu quả trong việc trao đổi thông tin giữa CQNN tại địa phương và doanh nghiệp. Cụ thể, các CQNN tại địa phương cần có những phương thức cung cấp thông tin hiệu quả hơn tới doanh nghiệp (đặc biệt cần cung cấp/chỉ dẫn tới văn bản cụ thể), đồng thời các doanh nghiệp cũng cần chủ động hơn trong việc tìm hiểu thông tin về TTHC;

- *Nâng cao chất lượng cung cấp DVC tại CQNN: Nhiều doanh nghiệp bày tỏ mong muốn được chuyên viên xử lý hồ sơ xem xét kỹ toàn bộ hồ sơ và thông báo cho các doanh nghiệp đầy đủ một lần về những điểm cần sửa đổi, bổ sung để tránh tình trạng doanh nghiệp phải đi lại hay chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nhiều lần. Việc tăng cường thông báo qua phương thức điện tử như điện thoại, email,... cũng được nhiều doanh nghiệp đề xuất nhằm hạn chế tiếp xúc cũng như giảm thiểu CPTT cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng bày tỏ mong muốn cán bộ sẽ cải thiện về mặt chuyên môn, thái độ, tác phong, đặc biệt là làm việc đúng giờ để tiết kiệm thời gian chờ đợi; và*
- *Nộp hồ sơ/nhận kết quả và phương thức thanh toán qua phương thức trực tuyến: Nhiều doanh nghiệp đã đề xuất đẩy mạnh việc nộp hồ sơ và nhận kết quả qua phương thức trực tuyến, đặc biệt là trong thời điểm dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đặc biệt lưu tâm vấn đề đóng lệ phí qua phương thức trực tuyến, trong đó có doanh nghiệp phản ánh rằng cổng thanh toán còn xuất hiện lỗi hoặc các ngân hàng liên kết còn chưa thật sự đa dạng trong khi người dân vẫn chưa hoàn toàn quen thuộc với hình thức ví điện tử, đặc biệt là người lớn tuổi.*

Theo đó, để tăng cường hiệu quả cải cách các TTHC về Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, giúp cắt giảm CPTT đối với doanh nghiệp và cả cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện và giải quyết các TTHC Giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, các cơ quan quản lý nhà nước về các TTHC thuộc nhóm này nên cân nhắc tới các khuyến nghị sau:

- *Thứ nhất, bên cạnh duy trì các chính sách khuyến khích việc thực hiện thủ tục như hiện nay (giảm phí/lệ phí trong giai đoạn dịch COVID-19), các CQNN quản lý TTHC liên quan cần áp dụng các biện pháp nhằm cắt giảm CPTT cho doanh nghiệp bằng cách cập nhật hướng dẫn chi tiết về hồ sơ và các bước thực hiện thủ tục (ví dụ như trong thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực công thương) cũng như cân nhắc tính khả thi của việc kéo dài thời hạn của giấy phép để giúp doanh nghiệp giảm thiểu CPTT. Nghiên cứu phương án trả kết quả giải quyết TTHC bằng bản điện tử thay thế cho bản giấy để TTHC có thể được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử (trừ trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu nhận bản giấy). Ngoài ra, cần tăng cường sử dụng các kênh liên lạc điện tử để liên lạc với doanh nghiệp trong quá trình thực*

³² Quyết định 1390/QĐ-BCT ngày 20/05/2020 về bộ câu hỏi kiểm tra, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 sửa đổi quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

hiện TTHC cũng như các kênh hỗ trợ giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục trực tuyến sẵn có như đường dây nóng điện thoại (hotline) hay email, Zalo...;

- Thứ hai, đẩy mạnh việc điện tử hoá các TTHC trong lĩnh vực giấy phép, chứng chỉ hành nghề, điều kiện kinh doanh, giúp tiết kiệm CPTT cho doanh nghiệp. Hiện nay, các thủ tục trong nhóm đã có thể được thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 (trong đó Cổng Dịch vụ công quốc gia đã ghi nhận Kiên Giang là địa phương cho phép thực hiện trực tuyến thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự ở mức độ 3). Do đó, nhằm tăng tỷ lệ lựa chọn DVC trực tuyến, cần mở rộng phạm vi các địa phương áp dụng DVC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cũng như tăng cường tuyên truyền về việc thực hiện DVC trực tuyến. Cho tới thời điểm hiện tại, TTHC áp dụng điện tử hoá mạnh nhất trong nhóm TTHC này là thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (hiện nay đã có 49 tỉnh, thành phố tiếp nhận hồ sơ trực tuyến với thủ tục này so với 12 tỉnh, thành phố theo số liệu APCI 2020);

Bên cạnh việc tăng mức độ DVC trực tuyến và tuyên truyền về việc thực hiện thủ tục trực tuyến, rất cần thiết phải nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trên môi trường điện tử một cách thực chất, tránh tình trạng chỉ thực hiện tốt một số bước ban đầu (như cung cấp thông tin hay nộp hồ sơ) dẫn tới vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục. Cần có sự đồng bộ hóa giữa các hệ thống cung cấp thông tin về TTHC và thông tin trong quá trình thực hiện TTHC (Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến địa phương, Cổng thông tin của cơ quan quản lý cấp trung ương và địa phương). Đảm bảo các thông báo được gửi tới doanh nghiệp (ví dụ như thông báo về việc kiểm tra thực địa) đầy đủ, rõ ràng (ví dụ bao gồm thông tin về số người của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra, giờ dự kiến kiểm tra...) và được gửi cho doanh nghiệp trước một khoảng thời gian hợp lý để doanh nghiệp có sự chuẩn bị (ví dụ gửi trước 2-3 ngày làm việc thay vì gửi vào buổi tối liền trước); và

- Cuối cùng, cần tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ chuyên viên tiếp nhận và thẩm định hồ sơ, đảm bảo doanh nghiệp được hướng dẫn cụ thể, chính xác, và đầy đủ trong quá trình thực hiện thủ tục. Bên cạnh đó cũng cần thúc đẩy thái độ thân thiện, tác phong đúng giờ, thực thi đạo đức công vụ của công chức, tiến tới loại bỏ hoàn toàn chi phí không chính thức.

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐẦU TƯ

**Nhóm TTHC Đầu tư khảo sát trong năm 2021
bao gồm 04 TTHC:**



Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)



Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư



Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)



Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

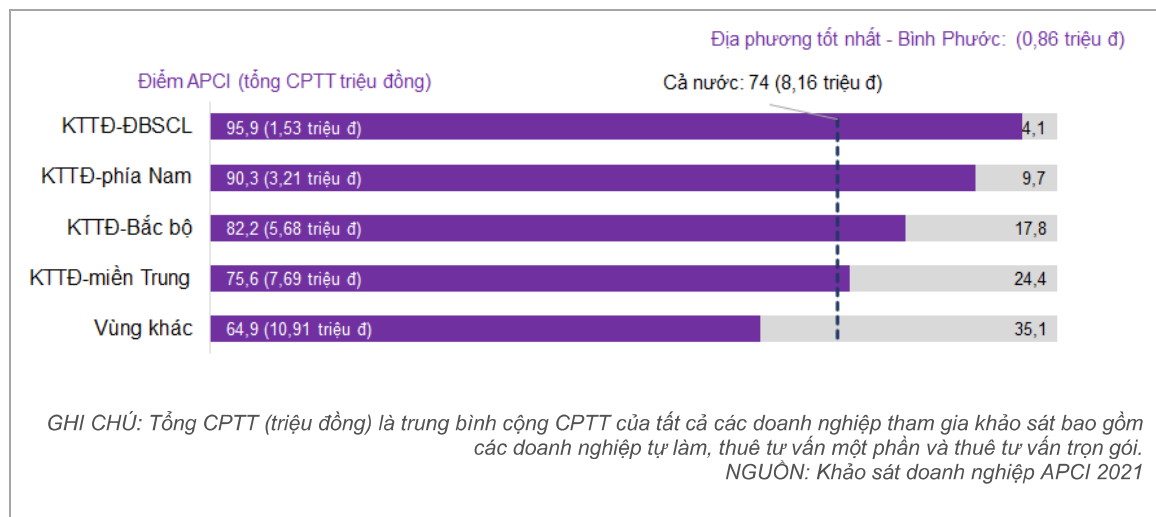
Phân phân tích nhóm TTHC Đầu tư bao gồm 3 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của 4 TTHC Đầu tư và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...); (ii) Phân tích so sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này; và (iii) Một số khuyến nghị để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC Đầu tư.

2.3.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Đầu tư

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm TTHC Đầu tư

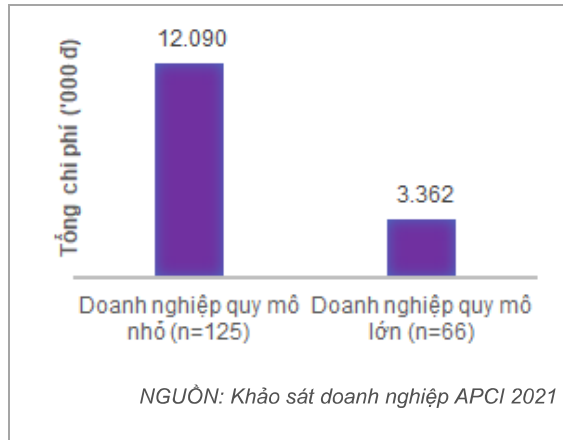
Kết quả khảo sát APCI 2021 của bốn TTHC nhóm Đầu tư được trình bày tại HÌNH 21. Điểm APCI trung bình cả nước của nhóm TTHC Đầu tư đạt 74,2/100 điểm với CPTT khoảng 8,09 triệu đồng. Vùng ĐBSCL là vùng KTTĐ có điểm số cao nhất với 95,9/100 điểm, tương ứng với 1,53 triệu đồng CPTT, chỉ bằng 19% so với CPTT trung bình cả nước. Vùng khác (không thuộc vùng KTTĐ) có điểm APCI thấp nhất, đạt 65/100 điểm, tương ứng với CPTT là 10,88 triệu đồng, cao gấp 7,1 lần so với vùng KTTĐ ĐBSCL, và 1,3 lần so với trung bình cả nước. Bình Phước là địa phương có thực tiễn thực hiện TTHC Đầu tư tốt nhất, với CPTT trung bình là 860 nghìn đồng/TTHC nhóm Đầu tư, chỉ bằng 11% so với CPTT trung bình cả nước.

HÌNH 21: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Đầu tư



Phân tích trải nghiệm doanh nghiệp theo quy mô, cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ với nhóm doanh nghiệp quy mô lớn ở CPTT. Nhóm doanh nghiệp quy mô lớn có CPTT chỉ bằng 1/3 so với CPTT của nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ trong việc thực hiện các TTHC về Đầu tư (HÌNH 22). Theo các chia sẻ của các doanh nghiệp quy mô lớn trong APCI, việc thực hiện TTHC thường do một bộ phận chuyên trách về quản lý dự án có chuyên môn về pháp lý và kỹ thuật thực hiện. Những người này vốn đã có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện TTHC, các mối quan hệ với CQNN, và hiểu biết về các vấn đề chuyên môn, do vậy họ thường không tốn quá nhiều thời gian vào việc Tìm hiểu thông tin, Chuẩn bị hồ sơ, Chính sửa, bổ sung hồ sơ, hay phải thuê các dịch vụ tư vấn bên ngoài để thực hiện TTHC.

HÌNH 22: So sánh về CPTT giữa nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ với nhóm doanh nghiệp quy mô lớn



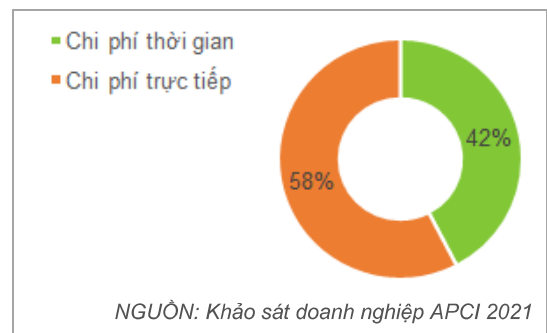
Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (2020)³³ về “Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư – đất đai – xây dựng – môi trường: Một số kết quả từ khảo sát doanh nghiệp năm 2020” cũng có những phát hiện tương tự. Báo cáo của VCCI cho rằng các nhóm doanh nghiệp quy mô lớn gặp ít khó khăn khi tuân thủ các thủ tục hơn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt ở các thủ tục “quyết định chủ trương đầu tư”. Theo VCCI, doanh nghiệp quy mô lớn thường có nhiều nguồn lực hơn, chẳng hạn như có bộ phận nhân sự riêng giải quyết các vấn đề pháp lý, có sự chuyên nghiệp trong quản lý dự án và có chuyên môn sâu hơn

về các vấn đề kỹ thuật, nghiệp vụ liên quan đến công trình xây dựng. Do đó, khả năng đáp ứng các yêu cầu tuân thủ quy định pháp luật ở các doanh nghiệp này nhìn chung tốt hơn so với doanh nghiệp ở các nhóm còn lại. Điều này khá trùng khớp với những chia sẻ của các doanh nghiệp có quy mô lớn về quá trình thực hiện TTHC.

Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư được thể hiện ở HÌNH 23. Cụ thể, chi phí thời gian và chi phí trực tiếp có tỷ lệ gần tương đương với nhau, chiếm lần lượt 42% và 58% CPTT thực hiện một TTHC Đầu tư. Phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư được trình bày dưới đây.

HÌNH 23: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư

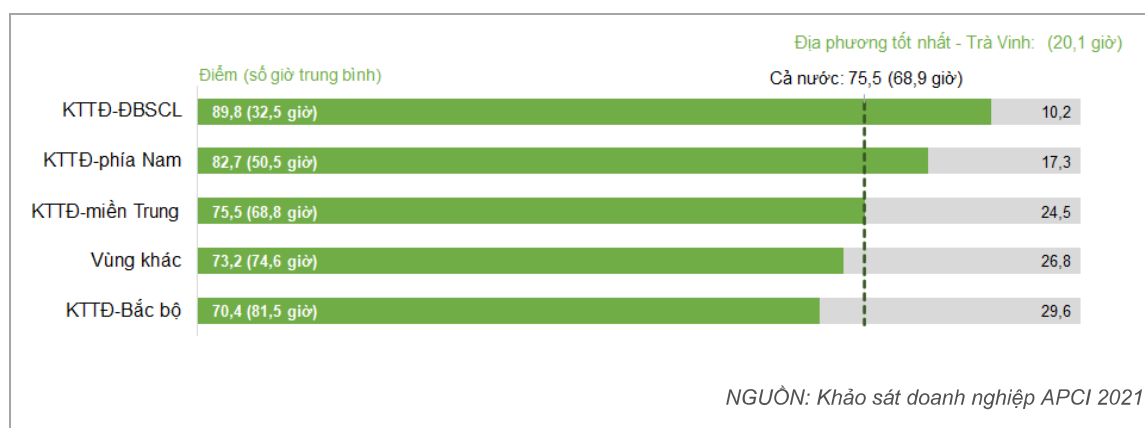


THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian trung bình một doanh nghiệp cần bỏ ra để thực hiện một TTHC nhóm Đầu tư trong năm 2021 là 68,9 giờ. Trà Vinh là địa phương có thời gian thực hiện TTHC Đầu tư ngắn nhất với 20,1 giờ, bằng 29% so với trung bình của cả nước (HÌNH 24). Vùng KTTĐ ĐBSCL là vùng có điểm số tốt nhất trong số các vùng kinh tế với 89,8/100 điểm, tương đương 32,5 giờ, chỉ bằng 47% thời gian thực hiện trung bình của cả nước.

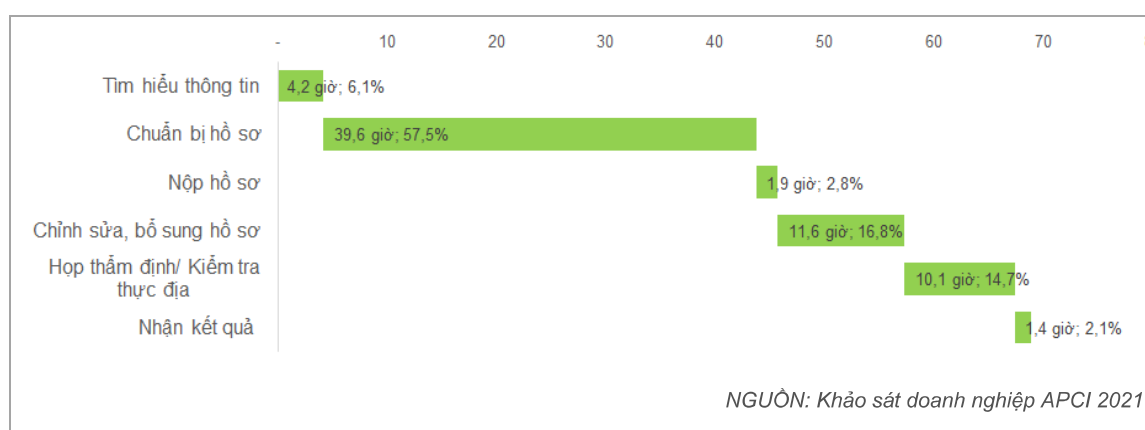
³³ Báo cáo Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư – Đất đai – Xây dựng – Môi trường | Ấn phẩm | Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) (pcivietnam.vn)

HÌNH 24: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Đầu tư



Tính trung bình cả nước, trong tổng số 68,9 giờ làm việc để thực hiện TTHC Đầu tư, doanh nghiệp dành đến 62,4% tổng thời gian để Tìm hiểu thông tin và Chuẩn bị hồ sơ; 33% tổng thời gian để Chính sửa, bổ sung hồ sơ và tham gia Họp thẩm định/Kiểm tra thực địa (HÌNH 25).

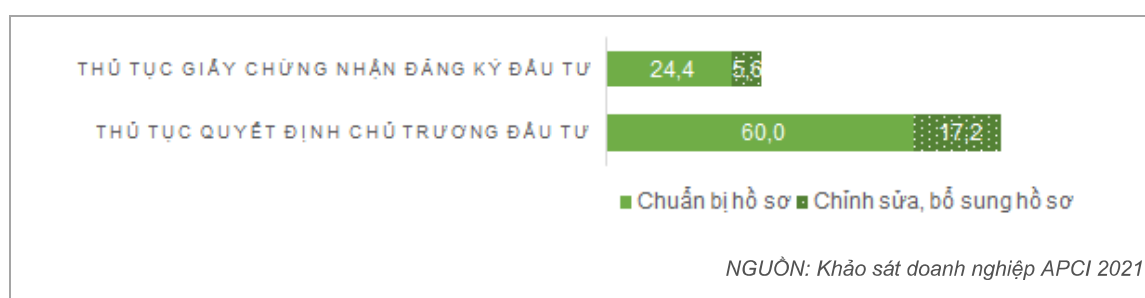
HÌNH 25: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC Đầu tư



Bước Chuẩn bị hồ sơ chiếm hơn một nửa thời gian thực hiện TTHC nhóm Đầu tư (57,5%). Phản hồi từ các doanh nghiệp cho thấy, 2 TTHC thuộc trường hợp Quyết định chủ trương đầu tư là những thủ tục rất phức tạp và khó. Doanh nghiệp đã phải sử dụng phần lớn thời gian (trung bình 60 giờ) để lập Đề xuất dự án đầu tư, Đề xuất nhu cầu sử dụng đất và giải trình về sử dụng công nghệ với sự trợ giúp của đơn vị tư vấn liên quan đến phần công nghệ và/hoặc quy hoạch xây dựng. Trong khi đó, ở thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư, thời gian trung bình để Chuẩn bị hồ sơ chỉ khoảng 24,4 giờ và cũng ít có sự tham gia của tư vấn trong quá trình này.

Bên cạnh đó sự phức tạp của thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư và thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn thể hiện ở cả khâu Chính sửa, bổ sung hồ sơ. Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư với thời gian dài hơn gấp ba lần (HÌNH 26) và việc phải chỉnh sửa bổ sung nhiều lần (từ 2 lần trở lên) cũng góp phần làm tăng các chi phí về nguồn lực đối với doanh nghiệp. Khoảng một nửa số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết đã phải trải qua ít nhất một lần chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ. Việc phải chỉnh sửa bổ sung hồ sơ nhiều lần sẽ ảnh hưởng đến cơ hội đầu tư của doanh nghiệp do thời gian cấp phép kéo dài.

HÌNH 26: Thời gian dành cho các công việc liên quan đến hồ sơ thủ tục



HỢP 5: Khó khăn của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC nhóm Đầu tư

“Trong tất cả các khâu, xin ý kiến các sở ban ngành là bước phức tạp nhất, và tương đối những nhiều. Đầu tiên là nếu không đến gặp thì các sở sẽ không cho ý kiến, mặc dù Sở KHĐT đã gửi xin ý kiến các sở ban ngành. Doanh nghiệp sẽ cứ phải chờ ở đấy và không biết đến bao giờ thì các sở mới cho ý kiến, mặc dù đã quá thời hạn xin ý kiến. Tiếp theo là, các ý kiến của sở ban ngành lại không tập trung vào chuyên môn của các sở đấy, mà xiên xẹo đi các nội dung khác làm cho nhà đầu tư mất nhiều thời gian ở đây. [Dự án] đã phải chỉnh sửa hồ sơ ít nhất là ba lần theo ý kiến của các sở ban ngành”.

“Ý kiến của các sở ngành nhiều khi không đúng với chuyên môn của họ, ví dụ như Sở Nông nghiệp lại có ý kiến về quy hoạch xây dựng thay vì có ý kiến liên quan đến quy hoạch sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất. Ngoài ra, nhiều khi các chuyên viên ở các sở cũng có nhiều việc quá, nên thời gian lấy ý kiến toàn bị delay [chậm] hơn so với yêu cầu của bên đơn vị thụ lý hồ sơ là Sở KHĐT. Trường hợp mà Sở KHĐT không nói rõ là phải trả lời ngày nào thì việc lấy ý kiến càng bị lâu hơn”.

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Thực hiện DVC trực tuyến. Khảo sát APCI ghi nhận việc thực hiện trực tuyến các TTHC về Đầu tư ở 15 địa phương trong tổng số 48 địa phương có doanh nghiệp tham gia khảo sát, với tỷ lệ trung bình doanh nghiệp thực hiện TTHC trực tuyến là 3,9%. Tuy nhiên, lưu ý rằng thực hiện trực tuyến của các doanh nghiệp chủ yếu ở khâu Nộp hồ sơ, và chỉ một tỉ lệ rất nhỏ doanh nghiệp nhận kết quả TTHC trực tuyến.

Về nộp hồ sơ trực tuyến, khảo sát ghi nhận các doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến có tổng chi phí thời gian thấp hơn 50% so với tổng chi phí thời gian của các doanh nghiệp chọn nộp hồ sơ trực tiếp tại CQNN. Đi sâu phân tích các trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến cho thấy phần lớn người thực hiện TTHC đã có kinh nghiệm/đã từng trải qua các TTHC tương tự, thời gian về Tìm hiểu thông tin và Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ của những doanh nghiệp này cũng thấp hơn so với trung bình chung. Số liệu cũng cho thấy có đến gần một nửa (42%) doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến rồi những vẫn phải đến trực tiếp CQNN để nộp thêm hồ hồ sơ bản giấy. Lý do về việc phải nộp hồ sơ bản giấy được doanh nghiệp chia sẻ tại HỢP 6 dưới đây. Rõ ràng là nộp hồ sơ trực tuyến chưa giúp giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp, ngược lại còn làm gia tăng chi phí do doanh nghiệp phải thực hiện gấp đôi công việc.

HỢP 6: Khó khăn của doanh nghiệp khi thực hiện TTHC nhóm Đầu tư trực tuyến

“Do Sở KHĐT phải gửi bản cứng (bản giấy) đến các cơ quan liên quan để xin ý kiến thẩm định, nên tôi được yêu cầu phải nộp đầy đủ bản cứng lên cho cơ quan chuyên môn sau khi đã hoàn tất việc nộp hồ sơ online, việc này quá mất thời gian và công sức!”

“Để nộp hồ sơ online tôi đã phải scan toàn bộ văn bản, mất 2 tiếng do tập tài liệu rất dày, nhưng sau đó tôi vẫn bị yêu cầu mang bộ hồ sơ bản gốc đến nộp trực tiếp. Nếu biết như vậy, tôi đã sớm đến nộp trực tiếp để không phải mất thời gian scan bộ hồ sơ, thời gian tôi đi từ công ty đến Sở để nộp hồ sơ chỉ mất khoảng 15 phút.”

“Trong thời gian giãn cách xã hội, cán bộ nhà nước cho phép doanh nghiệp nộp bản scan giấy tờ hồ sơ, nhưng sau khi kết thúc giãn cách, những doanh nghiệp nộp hồ sơ scan đều bị yêu cầu nộp lại bản cứng cho CQNN.”

Nguồn: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Về nhận kết quả trực tuyến, doanh nghiệp này nhận kết quả trực tuyến (qua email hoặc Cổng DVC), tuy nhiên chỉ một số rất ít doanh nghiệp lựa chọn cách thức này. Nguyên nhân chính của việc doanh nghiệp muốn nhận kết quả (Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) qua bản giấy hơn là bản điện tử là do các yêu cầu về hồ sơ đầu vào cho các TTHC ở các giai đoạn tiếp theo của quá trình đầu tư như đất đai, môi trường, xây dựng, và ưu đãi thuế.

Thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính. Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các TTHC về Đầu tư qua dịch vụ bưu chính là 12,7% trên tổng số doanh nghiệp được khảo sát, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính chiếm ưu thế lớn hơn nhiều so với khâu Nộp hồ sơ. Điều này ngược với thực hiện TTHC qua phương thức trực tuyến, tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến cao hơn so với nhận kết quả trực tuyến. Phân tích từ kết quả khảo sát cho thấy, các doanh nghiệp nộp hồ sơ qua bưu điện là những doanh nghiệp mà trước đó đã nộp hồ sơ trực tuyến. Ngoài ra, tâm lý chung của người thực hiện TTHC không muốn chọn dịch vụ bưu điện để nộp hồ sơ là mong muốn có sự phản hồi nhanh về tính đầy đủ và hợp lệ của bộ hồ sơ, nếu nộp hồ sơ qua đường bưu điện tức là doanh nghiệp sẽ phải chờ đợi ít nhất là một ngày để bộ hồ sơ đến được CQNN. Đây là điểm yếu của việc sử dụng dịch vụ bưu chính so sánh với các phương thức khác. Ngược lại, việc nhận kết quả TTHC qua bưu điện giúp doanh nghiệp tiết kiệm được trung bình 11,9% so với tổng chi phí thời gian của các doanh nghiệp chọn nhận kết quả trực tiếp tại CQNN. Thời gian tiết kiệm được là từ việc không phải đi lại giữa nơi làm việc và CQNN và không phải chờ đợi ở CQNN để được lấy kết quả.

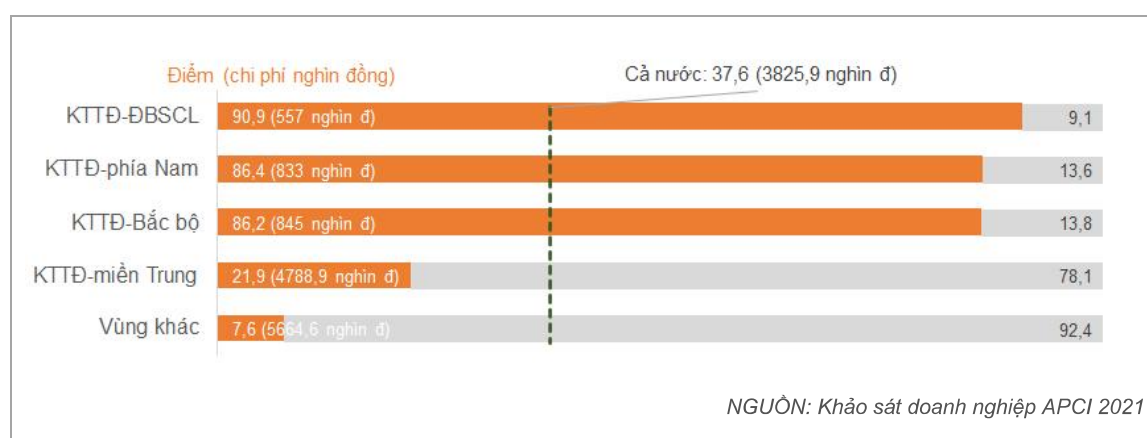
Có 22/48 địa phương ghi nhận doanh nghiệp thực hiện các TTHC về Đầu tư qua dịch vụ bưu chính. Hậu Giang, Khánh Hòa, và Hải Dương là những địa phương có tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các TTHC về Đầu tư qua dịch vụ bưu chính cao nhất, lần lượt là 40%, 38%, và 37% tổng số doanh nghiệp được khảo sát ở tỉnh. Những kết quả này là một nỗ lực đáng ghi nhận của các CQNN quản lý về đầu tư tại địa phương trong việc thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg về việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

Những phân tích trên phần nào chứng minh sự hiệu quả của việc kết hợp giữa nộp hồ sơ trực tuyến và nhận kết quả qua bưu điện trong thực hiện TTHC, khi mà kết quả bản giấy vẫn có những giá trị sử dụng nhất định đối với doanh nghiệp.

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

Chi phí trực tiếp trung bình mỗi doanh nghiệp trên cả nước cần chi trả để thực hiện TTHC Đầu tư là 3,8 triệu đồng, tương đương với 37,6 điểm. Thái Nguyên và Hải Phòng là hai địa phương có thực tiễn về chi phí trực tiếp tốt nhất cả nước với mức chi phí chỉ 100 nghìn đồng, bằng 2% chi phí trung bình của cả nước. Vùng KTTĐ ĐBSCL là vùng có chi phí trực tiếp tốt nhất trong số các vùng KTTĐ, với 557 nghìn đồng, bằng 14,5% so với chi phí trực tiếp trung bình toàn quốc.

HÌNH 27: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư theo vùng



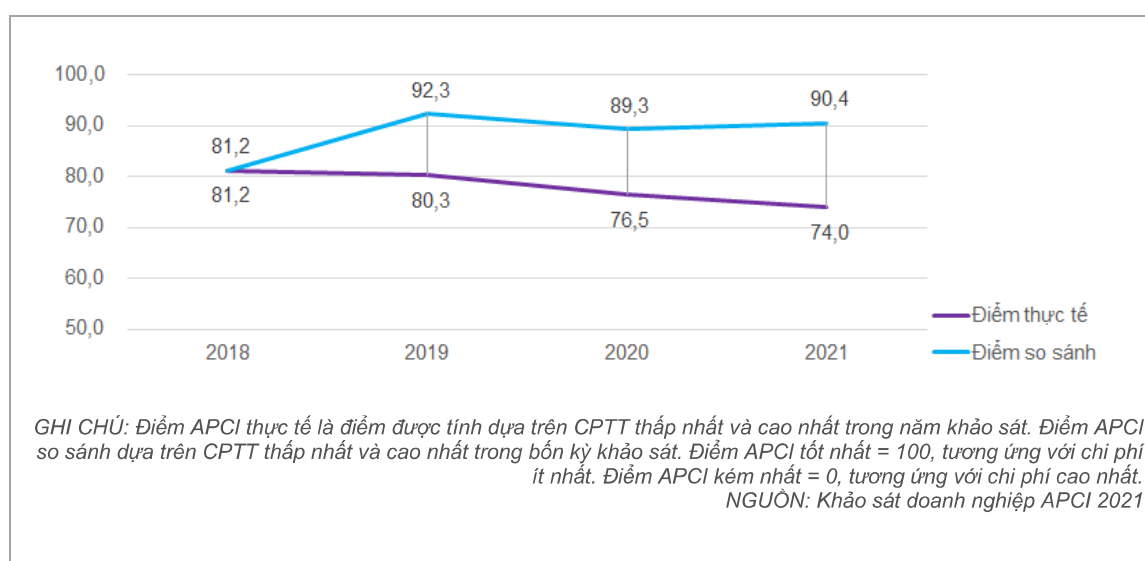
Phần lớn chi phí trực tiếp chi trả cho việc Chuẩn bị hồ sơ bao gồm sao chụp, in ấn, dịch thuật, công chứng hồ sơ. Mức chi phí phổ biến dao động khoảng 100 nghìn đến 1,5 triệu đồng. Doanh nghiệp nước ngoài cần dịch thuật hồ sơ phát sinh thêm khoảng 3 triệu đồng. Chi phí lớn nhất là khoản chi trả cho đơn vị tư vấn để xây dựng đề án đầu tư, thiết kế bản vẽ hoặc giải trình công nghệ, mức chi phí này khoảng từ vài chục triệu đến hơn 100 triệu đồng và tỷ lệ thuận với quy mô dự án.

Chi phí không chính thức được ghi nhận tại 15% doanh nghiệp tham gia khảo sát. Những chi phí này, theo doanh nghiệp, là để đẩy nhanh quá trình xử lý hồ sơ, hoặc là mang tính chất “quà cảm ơn”, “thù lao” cho cán bộ chuyên môn trong các hoạt động thực địa.

2.3.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Đầu tư

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần 2.3.1) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 28: Điểm APCI của Nhóm TTHC Đầu tư qua các năm



Nhìn vào điểm APCI so sánh qua các kỳ có thể thấy nhóm TTHC Đầu tư có xu hướng cải thiện theo thời gian, nhưng mức độ cải thiện chậm và không ổn định (HÌNH 28).

Chi tiết về mức độ cải thiện ở từng chỉ số thành phần của nhóm TTHC Đầu tư được thể hiện ở BẢNG 4 dưới đây. Cả thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Đầu tư trong khảo sát APCI 2021 đều tăng cao so với hai năm liền trước, mặc dù chi phí trung bình chung không thay đổi rõ rệt. Điều này có thể được giải thích bởi tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng trung gian trọn gói giảm rõ rệt ở năm 2021 (chỉ 5% tổng số doanh nghiệp được khảo sát trong kỳ) so với các năm liền trước. Thông thường, tổng CPTT của doanh nghiệp chi trả cho dịch vụ tư vấn trọn gói thực hiện TTHC thường gấp từ 4 đến 8 lần so với việc chỉ sử dụng một phần dịch vụ tư vấn cho những công việc yêu cầu chuyên môn sâu. Những số liệu này là tín hiệu tích cực về những nỗ lực của Chính phủ và các địa phương trong quản lý đầu tư nhằm hạn chế các dự án ma, dự án treo, dự án lập ra để chiếm đất. Chỉ những dự án phù hợp với quy hoạch, mang lại lợi ích cho xã hội, và khả thi mới có thể được cấp phép thực hiện.

BẢNG 4: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Đầu tư qua các năm

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	15,908,604	6,618,238	9,145,934	8,156,210
Thời gian thực hiện (giờ)	125	23	36	69
Chi phí trực tiếp (đồng)	3,294,941	1,061,354	1,787,725	3,825,930
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	14%	21%	9%	5%
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	65,707,317	23,812,844	66,387,179	37,494,444

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

2.3.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Khảo sát APCI đã ghi nhận những tín hiệu tích cực về CPTT của nhóm TTHC Đầu tư, mặc dù những tín hiệu này chưa thực sự rõ nét trong năm 2021. Ở nhóm doanh nghiệp quy mô nhỏ, CPTT được đánh giá là có sự khác biệt đáng kể so với nhóm doanh nghiệp quy mô lớn. Đồng thời, CPTT ở các vùng KTTĐ khác nhau cũng có sự chênh lệch tương đối rõ ràng. Những kết quả của APCI 2021 cho thấy chưa có sự bứt phá của các cơ quan quản lý về đầu tư cấp tỉnh trong việc đơn giản hóa TTHC, giảm gánh nặng CPTT và tạo sự minh bạch cho nhà đầu tư.

Trong xu hướng chung về thực hiện chủ trương đẩy mạnh DVC trực tuyến của Chính phủ, việc thực hiện trực tuyến các TTHC Đầu tư được ghi nhận ở 15/48 địa phương có doanh nghiệp tham gia khảo sát, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện TTHC trực tuyến chỉ ở mức khiêm tốn. Thực tế cho thấy các cơ quan quản lý về đầu tư cấp địa phương còn khá e ngại trong việc chuyển đổi cách thức tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, còn doanh nghiệp lại không mặn mà với việc nhận kết quả trực tuyến. Điều này phần nào làm cản trở quá trình số hóa và mục tiêu thực hiện DVC trực tuyến cấp độ 3 và 4 của các cơ quan quản lý đầu tư với nhóm các TTHC Đầu tư.

Có thể nói việc cải cách các TTHC Đầu tư chưa song hành với các chính sách thu hút đầu tư ở cấp địa phương. Doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi thực hiện các TTHC về đầu tư liên quan đến việc tìm hiểu thông tin, và hoàn thiện bộ hồ sơ cấp phép. Sự minh bạch thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước về sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, các thông tin về môi trường, và sự phối hợp của các cơ quan liên quan trong giải quyết TTHC chưa được như kỳ vọng của doanh nghiệp và các nhà đầu tư.

Khảo sát doanh nghiệp đã ghi nhận được một số gợi ý cải cách và kỳ vọng của doanh nghiệp đối với việc cải thiện các TTHC Đầu tư cấp địa phương như sau:

Đối với việc **Tìm hiểu thông tin**, doanh nghiệp đề xuất các cơ quan quản lý về đầu tư, xây dựng và đất đai:

- *Cùng phối hợp xây dựng các tài liệu hướng dẫn chi tiết, minh họa dễ hiểu về quy trình thực hiện các thủ tục liên ngành trong lĩnh vực đầu tư có sử dụng đất và xây dựng;*
- *Lập các trang thông tin hỏi đáp về TTHC trong đầu tư, đất đai và xây dựng để cập nhật thường xuyên các văn bản pháp lý, các tình huống hay gặp phải và giải pháp xử lý;*
- *Xây dựng các trang thông tin, các biểu mẫu bằng tiếng Anh để giúp nhà đầu tư nước ngoài có cơ hội tìm hiểu TTHC, và tiết kiệm thời gian và chi phí dịch thuật cho doanh nghiệp;*
- *Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết TTHC thông qua các cổng DVC trực tuyến, rà soát hệ thống pháp luật về đầu tư và các lĩnh vực có liên quan như đất đai, môi trường để tiếp tục cải cách theo hướng lồng ghép, tích hợp thành các nhóm thủ tục để giảm thời gian Chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp; và*
- *Tăng cường các hình thức hỗ trợ, các kênh truyền thông, giải đáp thắc mắc trong thực hiện TTHC cho nhóm doanh nghiệp nhỏ. Hình thức hỗ trợ được gợi ý bao gồm các chương trình*

tập huấn định kỳ cho doanh nghiệp, xây dựng các kênh hỗ trợ, giải đáp thắc mắc về TTHC cho doanh nghiệp dưới hình thức chuyên trang điện tử công khai các vấn đề thường gặp và giải pháp thực tế.

Đối với việc **thẩm tra hồ sơ và giải quyết TTHC**, doanh nghiệp có kiến nghị đối với UBND cấp tỉnh về việc:

- *Thành lập các tổ công tác chuyên môn về các dự án đầu tư có sử dụng đất và xây dựng để tăng cường sự hợp tác và trách nhiệm của tất cả các bên liên quan trong việc giải quyết TTHC. Nhà đầu tư kỳ vọng rằng tổ công tác chuyên môn sẽ là đầu mối duy nhất trong giải quyết TTHC về Đầu tư, đặc biệt là thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư. Với đầu mối duy nhất này việc phải gõ cửa tất cả các sở ban ngành để xin ý kiến, và tình trạng kéo dài thời gian xử lý so với quy định sẽ được giải quyết triệt để; và*
- *Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Các cơ quan quản lý có thể cân nhắc việc phát triển rộng rãi hình thức thanh toán trực tuyến cấp độ 4 cho TTHC để giảm thiểu cơ hội phát sinh chi phí không chính thức và tình trạng nhũng nhiễu...*

Với các **chính sách khuyến khích đầu tư**, doanh nghiệp mong muốn có sự đồng bộ các quy định về áp dụng ưu đãi đầu tư (thuế, hải quan, đất đai) với các quy định về quản lý hành chính, tăng cường sự chia sẻ thông tin, phối hợp giữa các cơ quan liên quan để giảm thiểu các yêu cầu về giấy tờ đối với nhà đầu tư. Ví dụ như trường hợp các dự án điện mặt trời áp mái được nhận ưu đãi về thuế theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP và được miễn đăng ký GCN đăng ký đầu tư, tuy nhiên cơ quan quản lý thuế có thể sẽ không chấp nhận thực hiện ưu đãi thuế cho doanh nghiệp nếu không có GCN đăng ký đầu tư với lý do không có đủ căn cứ đảm bảo được hưởng ưu đãi thuế.

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI QUA BIÊN GIỚI

**Nhóm thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới khảo sát
trong năm 2021 bao gồm 02 TTHC và các hoạt động dịch vụ
logistics liên quan:**



**Thủ tục hải quan và dịch vụ logistics có liên
quan đến hàng hóa nhập khẩu**



**Thủ tục hải quan và dịch vụ logistics có liên
quan đến hàng hóa xuất khẩu**

Quá trình thực hiện các thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới khảo sát bao gồm: i) TTHC về hải quan, và ii) Thủ tục liên quan đến logistics. Quá trình thực hiện các thủ tục liên quan đến logistics giới hạn ở các hoạt động kho vận trong nước, không bao gồm các chi phí giao nhận vận chuyển quốc tế với hãng tàu và các loại thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.... Phần TTHC của các Bộ ngành về Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu trong APCI được tách thành một nhóm riêng và trình bày tại mục 2.6.

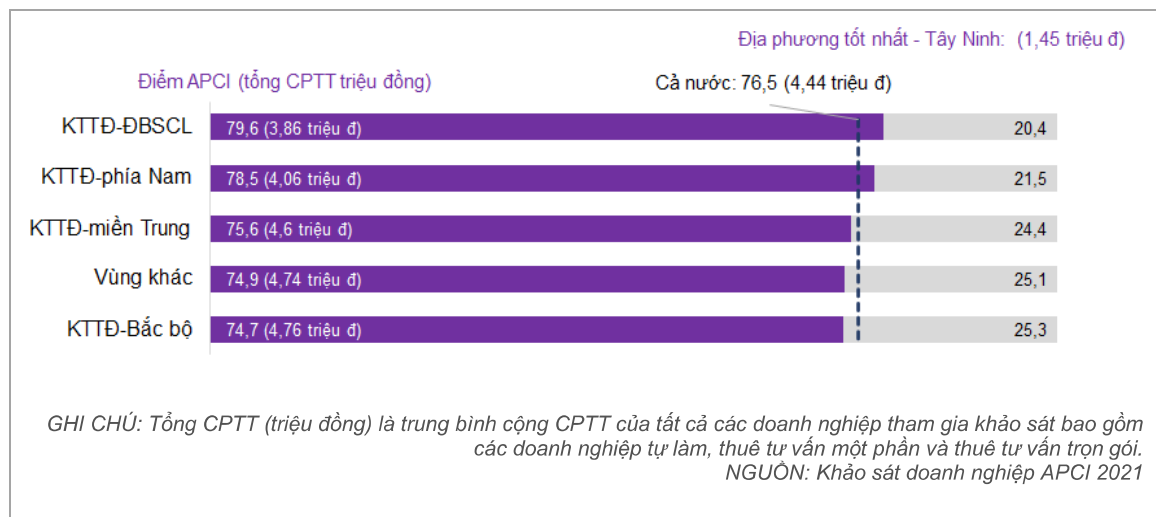
Phần phân tích nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới bao gồm 3 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của 2 TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...); (ii) Phân tích so sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này; và (iii) Một số khuyến nghị để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới.

2.4.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới

Kết quả khảo sát APCI 2021 của hai thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới chung cho cả nước, và theo vùng KTTĐ được trình bày tại HÌNH 29 dưới đây. Điểm APCI của nhóm thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới đạt 76,5/100 điểm với mức CPTT trung bình 4,44 triệu đồng/TTHC. Điểm APCI và CPTT của các vùng không có nhiều khác biệt; vùng KTTĐ ĐBSCL đạt điểm số tốt nhất (79,6/100 điểm), tương ứng với 3,86 triệu đồng CPTT, nhưng chỉ cao hơn vùng có điểm số thấp nhất 4,9 điểm. Tây Ninh là nơi có thực tiễn xử lý các thủ tục liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới tốt nhất với mức CPTT 1,45 triệu đồng, chỉ bằng khoảng 1/3 mức CPTT trung bình của vùng tốt nhất – vùng KTTĐ ĐBSCL.

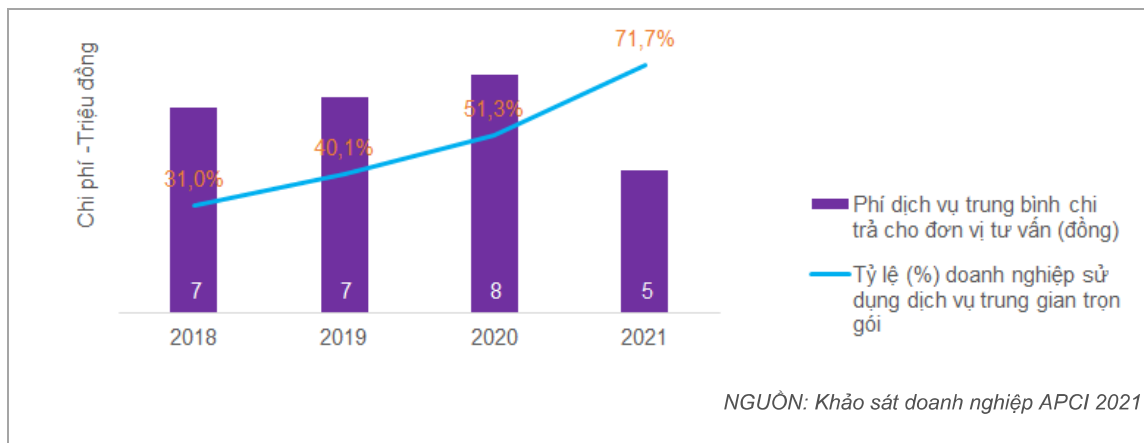
HÌNH 29: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới



Trong tổng số 307 doanh nghiệp tham gia khảo sát, có 28,3% doanh nghiệp tự thực hiện các thủ tục liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới, và 71,7% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian để thực hiện các thủ tục giao dịch thương mại qua biên giới. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ trung

gian trong APCI 2021 của nhóm TTHC này được ghi nhận là cao nhất trong bốn năm khảo sát của APCI, thể hiện ở HÌNH 30 dưới đây. Bên cạnh đó chi phí trọn gói chi trả cho đơn vị dịch vụ để thực hiện thủ tục giao dịch thương mại qua biên giới đã tiệm cận với tổng CPTT của doanh nghiệp tự thực hiện. Năm 2021, tổng chi phí trung gian trọn gói là 4,6 triệu đồng và tổng CPTT của nhóm doanh nghiệp tự thực hiện là 3,9 triệu đồng. Chi phí dịch vụ trung gian trọn gói cũng được ghi nhận ở mức thấp nhất trong các kỳ khảo sát của APCI. Đây là những dấu hiệu minh chứng cho xu hướng sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói ngày càng gia tăng tại Việt Nam.

HÌNH 30: Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian và chi phí cho dịch vụ trung gian của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới



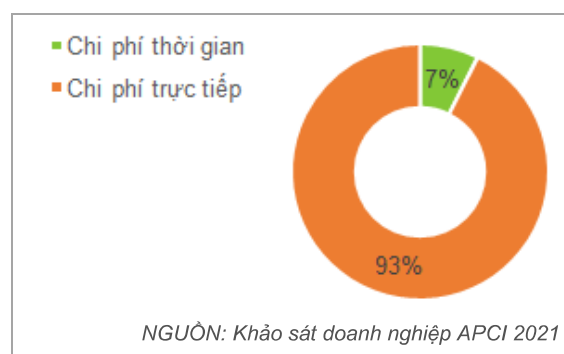
Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới được thể hiện tại HÌNH 31. Theo đó, chi phí thời gian chiếm tỉ trọng nhỏ (7%) so với chi phí trực tiếp doanh nghiệp (93%) trong tổng CPTT thực hiện TTHC. Dưới đây là phần phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới.

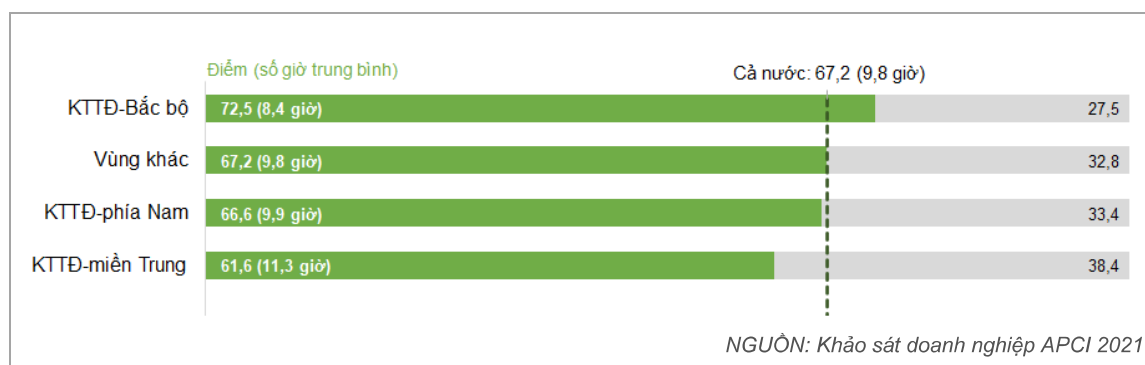
THỜI GIAN THỰC HIỆN

TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới là một trong số các nhóm TTHC có thời gian thực hiện ngắn, với số giờ làm việc bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 9,8 giờ (HÌNH 32). Vùng KTTĐ Bắc bộ có điểm số chi phí thời gian tốt nhất với 72,5/100 điểm, tương ứng với 8,4 giờ làm việc.

HÌNH 31: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới

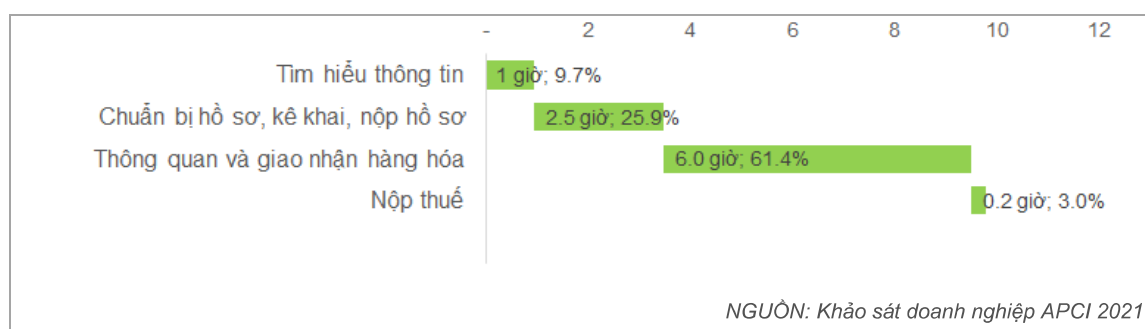


HÌNH 32: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới



Thời gian thực hiện của các thủ tục về Giao dịch thương mại qua biên giới bao gồm một chuỗi các hoạt động từ Tìm hiểu thông tin, Chuẩn bị bộ hồ sơ giấy tờ về hàng hóa xuất/nhập khẩu, khai tờ khai, Nộp thuế, Làm việc với các đơn vị vận chuyển/logistics, đơn vị quản lý cảng, Kiểm tra/kiểm hóa hàng hóa... cho đến khi hàng hóa được thông quan. Tất cả các hoạt động này được chia thành các bước thực hiện để có thể tính toán cụ thể về thời gian theo như HÌNH 33 dưới đây.

HÌNH 33: Tỷ trọng thời gian chia theo các hoạt động chính của một TTHC



Thời gian trung bình doanh nghiệp dành để tìm hiểu thông tin là 1 giờ. So với kết quả khảo sát ở các năm trước, thời gian trung bình để tìm hiểu thông tin của doanh nghiệp trong Khảo sát năm 2021 ở mức thấp nhất trong bốn năm, từ 2,3 giờ năm 2018 xuống còn 1 giờ năm 2021. Tìm hiểu thông tin qua internet là một kênh phổ biến nhất (98% số doanh nghiệp sử dụng) và dễ dàng nhất đối với tất cả các doanh nghiệp. Website của Tổng cục Hải quan, và của các Cục Hải quan các tỉnh/thành phố là nơi thường xuyên được doanh nghiệp tìm kiếm thông tin. Ngoài ra, việc tham gia vào các nhóm trên các nền tảng mạng xã hội, như facebook, hoặc zalo, để trao đổi thông tin, cập nhật các quy định và học hỏi kinh nghiệm cũng được một số doanh nghiệp nhắc đến. Kết quả này tương đồng với tỷ lệ 94% số doanh nghiệp lựa chọn Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan để tiếp cận thông tin về TTHC xuất nhập khẩu trong cuộc khảo sát năm 2020 do VCCI và Tổng cục Hải quan thực hiện³⁴. Việc kết hợp tra cứu các thông tin có sẵn trên internet và tìm hiểu thông tin trực tiếp tại các cơ quan hải quan địa phương (trực tiếp tại cơ quan, và/hoặc qua điện thoại) mang lại sự tự tin hơn trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan cho nhiều doanh nghiệp.

³⁴ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính, 6/2021, Báo cáo "Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu: Một số phát hiện từ kết quả khảo sát năm 2020", Trang 38.

HỢP 7: Chia sẻ của doanh nghiệp về quá trình Tìm hiểu thông tin

"Tôi thường xuyên cập nhật các văn bản, chính sách mới trên website của Tổng cục Hải quan, trên đó có đầy đủ thông tin mà tôi cần."

"Tôi mất 1 giờ đồng hồ đi lên Chi cục Hải quan để xin tư vấn về lô hàng xuất khẩu. Sau khi lấy sổ và chờ 30 phút, cán bộ hải quan liệt kê một số nghị định, thông tư và yêu cầu tôi về đọc; mà không có bất kỳ hướng dẫn cụ thể nào thêm. Có quá nhiều nghị định, thông tư cần phải tìm hiểu, mà sau khi đọc xong, tôi vẫn phải gọi điện hỏi vài người bạn có kinh nghiệm; sau đó lại lên cơ quan hải quan khoảng 2 lần nữa mới nắm rõ toàn bộ thủ tục."

"Các quy định, chính sách về mặt hàng thay đổi nhiều quá, năm nay cũng mặt hàng này thì làm như này, nhưng cũng thứ ấy sang năm lại đã khác rồi."

"Hiện tại không có cơ quan nào có thể tư vấn pháp lý đúng chuẩn về hàng hóa xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp. Mỗi lần cần thực hiện mình phải lên mạng tìm hiểu, hỏi chỗ nọ chỗ kia rất nhiều, mà cũng khó tìm thông tin chính xác."

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Thời gian chuẩn bị, kê khai và nộp hồ sơ trung bình của một lần thực hiện thủ tục khai hải quan là 2,5 giờ, bao gồm thời gian Chuẩn bị hồ sơ 1,8 giờ và thời gian điền thông tin 0,7 giờ. 50% số doanh nghiệp chỉ mất trung bình dưới một giờ để hoàn thành thủ tục khai hải quan qua hệ thống VNACCS/VCIS. So sánh kết quả khảo sát năm 2021 với năm 2018, thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ đã giảm gần 50%. Tuy nhiên so với các năm 2019 và 2020, thời gian doanh nghiệp hoàn thành việc khai thông tin, đăng tải hồ sơ lên hệ thống VNACCS/VCIS và chờ được duyệt không có sự khác biệt đáng kể. Những lỗi đường truyền hoặc hệ thống bị treo, bị lag vẫn còn bị phản ánh nhiều. Tuy nhiên, doanh nghiệp đánh giá cao sự hỗ trợ của các cán bộ hải quan trong việc hướng dẫn và hỗ trợ sửa lỗi hệ thống. Một số doanh nghiệp được khảo sát có đề xuất về việc hệ thống hỗ trợ cho sử dụng lại tờ khai cũ để tiết kiệm thời gian kê khai cho các lô hàng giống nhau.

HỢP 8: Trải nghiệm của doanh nghiệp với hệ thống VNACCS/VCIS

"Tôi đã từng gặp tình trạng hệ thống không nhận chữ ký số, sau khi gọi điện qua đường dây nóng Tổng cục Hải quan để báo cáo tình hình, cán bộ kỹ thuật gọi điện lại cho tôi để hỏi tình huống cụ thể và hỗ trợ tôi rất nhiệt tình."

"Hệ thống khai tờ khai không ổn định có thể do vấn đề đường truyền, nhiều lúc chậm vô cùng, nhất là khi chờ duyệt lệnh. Khi hệ thống nhanh, kê khai hồ sơ khoảng 15 phút, chờ duyệt khoảng một tiếng, còn có khi lâu hơn."

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Thông quan và giao nhận hàng hóa, bao gồm các thủ tục liên quan đến i) Thông quan: kiểm tra hồ sơ, và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa của cơ quan hải quan (gồm cả việc vận chuyển, thu xếp hàng hóa để kiểm tra thực tế), quyết định thông quan; và ii) Logistics và giao nhận hàng: chuẩn bị

hồ sơ giấy tờ, phương tiện để thực hiện các thủ tục lấy hàng tại cảng, làm việc với đơn vị kinh doanh cảng để được lấy hàng (bao gồm thời gian đi lại, chờ đợi...), thanh toán phí kho bãi, và các dịch vụ phát sinh tại cảng. Thời gian này được ghi nhận trong khảo sát năm 2021 là 6,0 giờ. Khảo sát ghi nhận có khoảng 25% số doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ trọn gói của các đơn vị vận tải, logistics để thực hiện các thủ tục thông quan và giao nhận hàng hóa. Như vậy nếu trừ số liệu doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trọn gói ra, thì thời gian thực tế thông quan hàng hóa trung bình là 8 giờ, trong đó thời gian kiểm tra hàng hóa của cơ quan hải quan đối với luồng đỏ có thể từ 1 giờ đến 3 giờ, tùy thuộc vào lưu lượng hàng hóa tại cảng và hình thức kiểm tra của cơ quan hải quan. Ngoài ra, trường hợp có kiểm tra hàng hóa của cơ quan chuyên ngành đối với lô hàng phải kiểm tra, thời gian này sẽ có thể được cộng thêm trung bình khoảng 2 giờ đến 3 giờ.

Thủ tục **nộp thuế** đối với hàng hóa xuất nhập khẩu khá dễ dàng đối với tất cả các doanh nghiệp. Số doanh nghiệp thực hiện thủ tục nộp thuế qua hình thức trực tuyến là 76,2%, số còn lại lựa chọn thực hiện tại ngân hàng hoặc chi nhánh kho bạc nhà nước.

Phân tích theo phân luồng hàng hóa và so sánh với kết quả khảo sát năm trước cho thấy có sự gia tăng đáng kể về thời gian thực hiện ở tất cả các luồng hàng hóa, như BẢNG 5 dưới đây. Sự gia tăng này phần lớn nằm ở khâu liên quan đến giao nhận và giải phóng hàng hóa. Ảnh hưởng của các biện pháp phòng chống đại dịch COVID-19 trong hoạt động tại các cảng biển, cửa khẩu và tình trạng ùn tắc hàng hóa tại các cảng biển, cửa khẩu thời gian qua là những nguyên nhân chính cho sự gia tăng này.

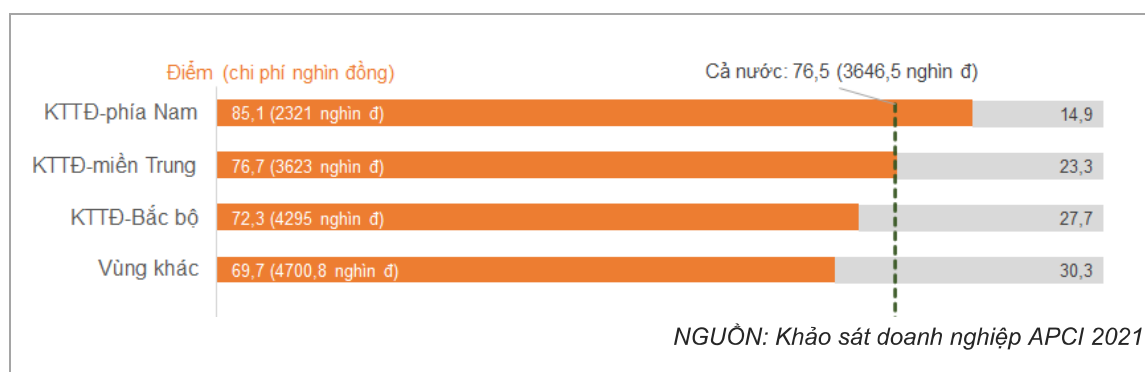
BẢNG 5: Thời gian thực hiện các thủ tục liên quan đến giao dịch thương mại qua biên giới theo phân luồng hàng hóa (giờ)

Phân luồng hàng hóa	Thời gian trung bình đối với hàng hóa xuất khẩu		Thời gian trung bình đối với hàng hóa nhập khẩu	
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021
Hàng hóa luồng xanh	5,1	7,6	7,2	10,0
Hàng hóa luồng vàng	10,2	9,6	9,5	13,6
Hàng hóa luồng đỏ	13,2	16,3	10,8	23,5
NGUỒN: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021				

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới có chi phí trực tiếp trung bình là 3,6 triệu đồng. Vùng KTTĐ phía Nam ghi nhận mức chi phí thấp nhất trong số các vùng KTTĐ của cả nước với 2,3 triệu đồng (HÌNH 34). Các địa phương thuộc Vùng khác vùng KTTĐ có mức chi phí cao nhất là 4,7 triệu đồng.

HÌNH 34: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới theo vùng



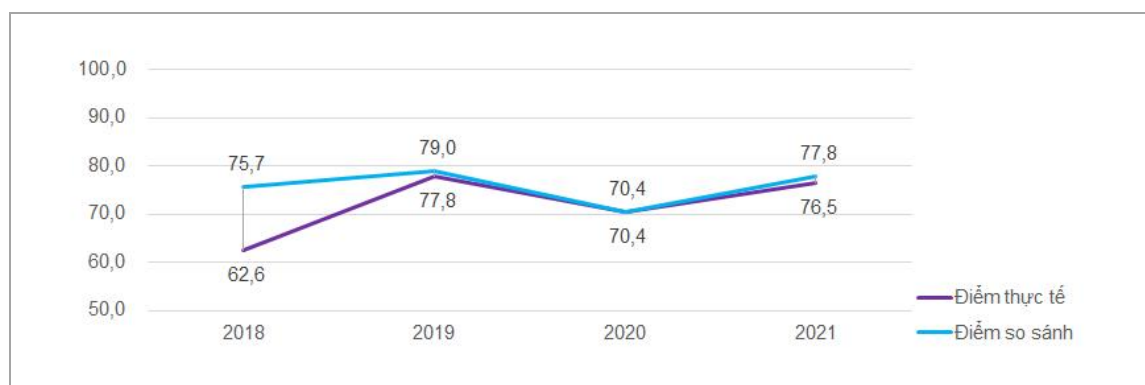
Các chi phí trực tiếp trong nhóm thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới có thể bao gồm: phí mở tờ khai 20 nghìn đồng/tờ khai, chi phí làm việc tại cảng khi lấy hàng (bao gồm: phí nâng hàng, phí hạ hàng, phí hạ tầng, phí cân hàng, phí cầu đường, phí bến bãi, phí bốc xếp hàng hóa...) hoặc tổng chi phí dịch vụ cho bên thứ ba để thay mặt doanh nghiệp hoàn thành việc thông quan, lấy hàng. Chi phí tại cảng có thể dao động từ vài trăm đến vài triệu đồng tùy thuộc vào khối lượng hàng hóa, các loại dịch vụ doanh nghiệp sử dụng và địa điểm thông quan. So với các kỳ khảo sát trước, chi phí này tăng khoảng gần 556 nghìn đồng so với năm 2020, nhưng vẫn thấp hơn 125 nghìn so với năm 2018.

Chi phí không chính thức: Có khoảng 6,8% doanh nghiệp được khảo sát xác nhận có chi phí không chính thức, tỷ lệ này thấp hơn so với 7% số doanh nghiệp thừa nhận có vấn đề này của năm liền trước. Do khác biệt về cách chọn mẫu mà số liệu này thấp hơn đáng kể so với số liệu được báo cáo năm 2020 do VCCI và Tổng cục Hải quan thực hiện³⁵, tuy nhiên cả hai khảo sát đều xác nhận một xu hướng giảm nhẹ về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức theo thời gian.

2.4.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần 2.4.1.) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 35: Điểm APCI của Nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới qua các năm



³⁵ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính, 6/2021, Báo cáo "Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu: Một số phát hiện từ kết quả khảo sát năm 2020", Trang 38.

GHI CHÚ: Điểm APCI thực tế là điểm được tính dựa trên CPTT thấp nhất và cao nhất trong năm khảo sát. Điểm APCI so sánh dựa trên CPTT thấp nhất và cao nhất trong bốn kỳ khảo sát. Điểm APCI tốt nhất = 100, tương ứng với chi phí ít nhất. Điểm APCI kém nhất = 0, tương ứng với chi phí cao nhất.
 NGUỒN: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

Điểm APCI của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới chưa thể hiện xu hướng rõ ràng trong giai đoạn 2018 - 2021. Tuy nhiên, nếu nhìn vào sự tăng giảm CPTT trung bình qua các năm có thể thấy những tín hiệu cải thiện tích cực. Cụ thể tổng CPTT ở khảo sát năm 2021 ở mức thấp thứ 2 trong bốn năm (BẢNG 6).

BẢNG 6: Các chỉ số thành phần qua các năm của nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	4.876.162	4.204.189	5.930.113	4.441.986
Thời gian thực hiện (giờ)	12	7	7	10
Chi phí trực tiếp (đồng)	3.771.679	2.150.969	3.089.663	3.646.494
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	31,0%	40,1%	51,3%	71,7%
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	6.675.935	6.988.506	7.741.915	4.641.364
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021				

2.4.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Nhóm TTHC liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới chịu tác động của nhiều yếu tố và nhiều cơ quan, đơn vị có liên quan, bao gồm cơ quan hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành, các đơn vị quản lý, kinh doanh cảng, vận tải, logistics. Những phân tích ở trên đã khẳng định về xu hướng tích cực của nhóm thủ tục liên quan đến Giao dịch thương mại qua biên giới, mặc dù những cải thiện này còn chậm và chưa thực sự tạo ra được những đột phá trong năm 2021. Trong những nỗ lực chung của toàn ngành, các phân tích các chỉ số thành phần về thời gian và chi phí trực tiếp cho thấy sự chuyển biến tích cực từ các cơ quan hải quan lớn hơn sơ với các cơ quan khác.

Bên cạnh những xu hướng cải thiện tích cực, khảo sát cũng cho thấy những gợi ý cải cách, và kỳ vọng của doanh nghiệp đối với nhóm thủ tục Giao dịch thương mại qua biên giới, mà nếu được thực hiện một cách đồng bộ và quyết liệt thì có thể duy trì và thúc đẩy những chuyển biến tích cực trong tương lai:

Ở khâu **Tim hiểu thông tin**, doanh nghiệp mong muốn các cơ quan chú trọng hơn, và hiệu quả hơn trong việc cung cấp thông tin, hướng dẫn giải đáp thắc mắc cho doanh nghiệp. Một số gợi ý được đề xuất là:

- Thường xuyên cập nhật các quy định mới về TTHC, chính sách quản lý của nhà nước theo hướng trọng tâm, dễ hiểu (ví dụ như những thay đổi cần lưu ý thay vì chỉ đưa tên văn bản) trên website của cơ quan hải quan, và Cổng thông tin một cửa quốc gia, trên phần mềm khai

báo hải quan để người khai hải quan có thể cập nhật được quy định ngay từ khi bắt đầu thực hiện TTHC;

- Tăng cường, bổ sung nhân sự chuyên trách, có hiểu biết để có thể tư vấn về hồ sơ, thủ tục cho doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp mới, chưa có nhiều kinh nghiệm. Nội dung tư vấn cần được rõ ràng và trả lời trực tiếp vào các câu hỏi của doanh nghiệp, đưa ra các ví dụ cụ thể, liên quan trực tiếp đến vấn đề của doanh nghiệp, tránh việc trả lời chung chung hoặc chỉ nêu tên các văn bản; và
- Trong quá trình khai tờ khai hải quan, việc xác định mã số hàng hóa - HS và xác định giá trị hải quan được phản ánh là khó nhất đối với doanh nghiệp, cần sự hỗ trợ nhiều nhất từ cơ quan hải quan. Một số doanh nghiệp đã đưa ra gợi ý về mô hình xã hội hóa dịch vụ tham vấn xác định giá trị hải quan hoặc cho phép doanh nghiệp tham vấn một lần, sử dụng kết quả tham vấn nhiều lần để giảm thời gian và tăng hiệu quả giải quyết công việc cho cả doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

Đối với các **hệ thống quản lý hải quan**, doanh nghiệp mong muốn cơ quan hải quan tiếp tục mở rộng việc áp dụng hệ thống quản lý hải quan tự động VASSCM để tăng cường kết nối giữa cơ quan hải quan và các doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi, từ đó giảm thời gian giải phóng hàng, chi phí, giấy tờ, thời gian đi lại...cho doanh nghiệp. Ngoài ra, doanh nghiệp cho rằng hệ thống VNACCS/VCIS cần phải được nâng cao khả năng xử lý, giảm thiểu các lỗi hệ thống.

Đối với bước **Kiểm tra thông quan hàng hóa**, doanh nghiệp đề xuất cơ quan hải quan, cơ quan kiểm tra chuyên ngành, đơn vị quản lý cảng:

- Bổ sung nguồn lực đặc biệt vào những thời gian cao điểm, có thể bổ sung nhân sự làm thêm, tăng ca để kịp thời giải phóng hàng cho doanh nghiệp;
- Chuẩn hoá quy trình kiểm tra hàng hoá..., ứng dụng công nghệ/trang thiết bị hiện đại để giảm thời gian chờ đợi thông quan, và thời gian kiểm tra, cũng như số lượng hàng hóa kiểm tra;
- Rà soát các điều kiện để cất giảm lượng hàng hóa phải kiểm tra trước khi thông quan, và tăng số lượng hàng hóa và doanh nghiệp được áp dụng hình thức miễn kiểm tra và kiểm tra giảm;
- Tiếp tục cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành theo hướng rà soát, cất giảm danh mục hàng hóa thuộc diện quản lý, kiểm tra chuyên ngành; áp dụng đầy đủ nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hóa; chuyển đổi phương pháp quản lý từ việc kiểm tra từng lô hàng sang kiểm tra theo mặt hàng; và
- Đẩy mạnh triển khai các giải pháp để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025.

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp kỳ vọng rằng cơ quan hải quan cần đẩy mạnh hơn nữa trong việc thống nhất quy trình thực hiện ở tất cả các Chi cục Hải quan, tăng cường hơn nữa sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan hải quan với các đơn vị quản lý chuyên ngành để rà soát các điều kiện kinh doanh, TTHC tránh tình trạng doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần giữa các cơ quan. Doanh nghiệp cũng gợi ý rằng việc áp dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ điện tử và liên thông giữa các cơ quan sẽ giải quyết được những bất cập kể trên.

Tháng 1 năm 2021, Chính phủ đã phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hoá nhập khẩu³⁶. Đề án đã đặt ra các yêu cầu về chuyển đổi phương thức, mô hình kiểm tra hàng hoá, đơn giản hoá TTHC liên quan. Đặc biệt, Đề án đưa ra “phương thức kiểm tra giảm” nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thường xuyên thực hiện đúng các yêu cầu, quy định pháp luật. Thực hiện đúng và đầy đủ các mục tiêu, nguyên tắc và nội dung của Đề án này sẽ góp phần cải thiện CPTT của nhóm TTHC về Giao dịch thương mại qua biên giới.

Tại thời điểm đầu năm 2022, Tổng cục Hải quan đã và đang tiến hành nghiên cứu và xây dựng Dự thảo Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng hải quan Việt Nam chính quy, hiện đại, ngang tầm các nước phát triển trên thế giới, dẫn đầu trong thực hiện Chính phủ số; thực hiện Đề án thí điểm cơ chế bảo hiểm bảo lãnh thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Đề án về cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu. Đây đều là những dự án quan trọng và kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp vào sự thành công sẽ tạo ra những đột phá trong hoạt động quản lý xuất nhập khẩu, cải thiện năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam.

³⁶ Quyết định số 38/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/01/2021 phê duyệt Đề án cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hoá nhập khẩu.

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp khảo sát trong
năm 2021 bao gồm 05 TTHC:



Đăng ký thành lập doanh nghiệp



Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp



Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp



Khai và nộp lệ phí môn bài



Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/
hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử

Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp được khảo sát năm 2021 gồm 5 TTHC thuộc quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT)³⁷, và Bộ Tài chính³⁸.

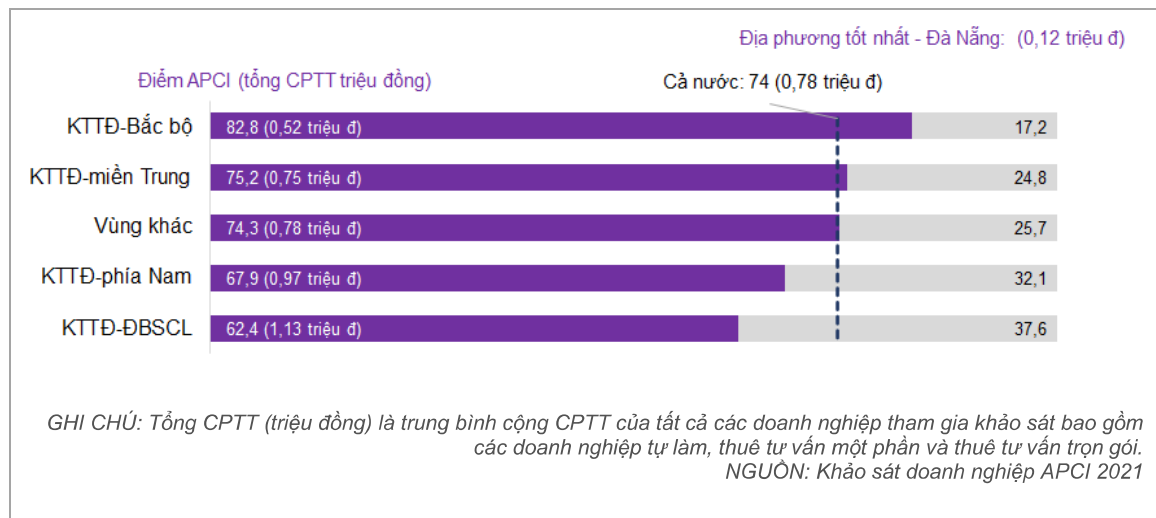
Phân phân tích nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp bao gồm 03 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của 05 TTHC Khởi sự doanh nghiệp và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...); (ii) Phân tích so sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này; và (iii) Một số khuyến nghị để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp.

2.5.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp

Kết quả khảo sát APCI 2021 của 05 TTHC Khởi sự doanh nghiệp được trình bày tại HÌNH 36 dưới đây. Theo đó, điểm APCI của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp đạt 74 điểm, cách 26 điểm so với thực tiễn tốt nhất (100 điểm) với CPTT trung bình để thực hiện 01 TTHC trong nhóm là xấp xỉ 785 nghìn đồng. Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ Bắc bộ có số điểm cao nhất là 82,2 điểm; trung bình các doanh nghiệp ở vùng này chỉ mất khoảng 521 nghìn để thực hiện 01 TTHC thuộc nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp. Trong khi đó, vùng KTTĐ BBSCL có số điểm thấp nhất với 62,4 điểm; và các doanh nghiệp tại vùng này phải chi trả trung bình 1,13 triệu đồng để thực hiện 01 TTHC Khởi sự doanh nghiệp. Đà Nẵng được ghi nhận là địa phương có CPTT trung bình thấp nhất cả nước với CPTT trung bình chỉ khoảng 120 nghìn đồng/TTHC Khởi sự doanh nghiệp.

HÌNH 36: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp



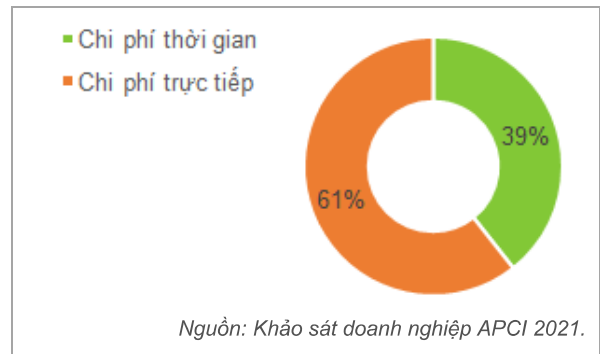
³⁷ Gồm TTHC: Thành lập doanh nghiệp; Thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Chuyển đổi doanh nghiệp

³⁸ Gồm các TTHC: Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/ hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử cấp tỉnh; Khai lệ phí môn bài

Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp được thể hiện tại HÌNH 37. Theo đó, chi phí thời gian chiếm 39% trong tổng CPTT của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp, còn lại (61%) là chi phí trực tiếp mà doanh nghiệp phải chi trả để thực hiện các TTHC về Khởi sự doanh nghiệp. Phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp được trình bày dưới đây.

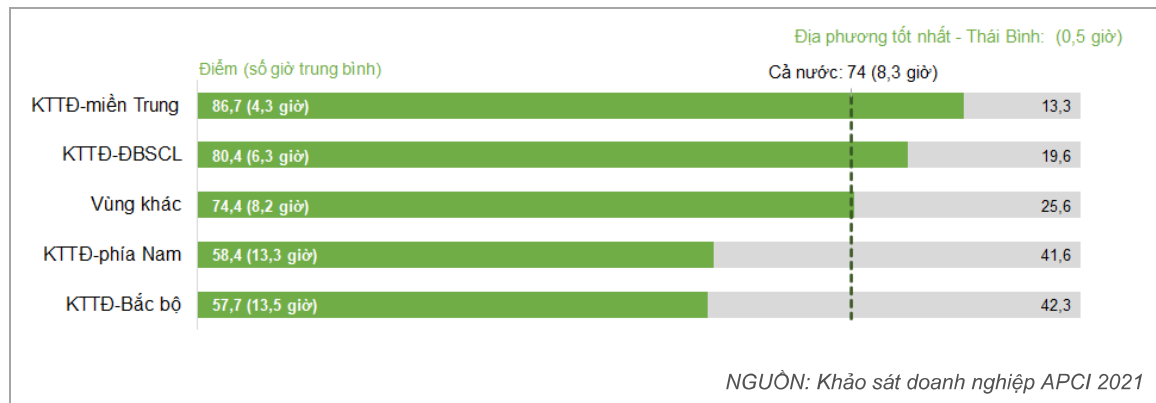
HÌNH 37: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp



THỜI GIAN THỰC HIỆN

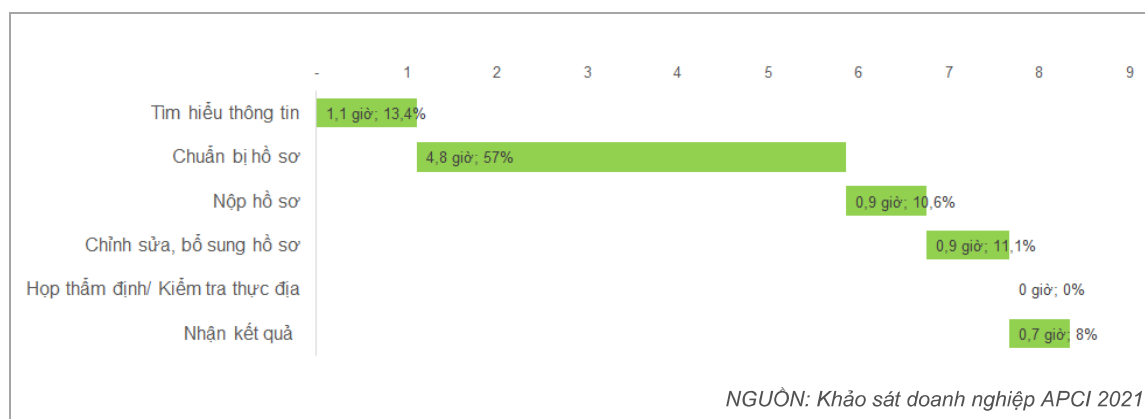
Số giờ làm việc trung bình mà mỗi doanh nghiệp trên cả nước phải bỏ ra để thực hiện 01 TTHC Khởi sự doanh nghiệp là 8,3 giờ. Thái Bình là địa phương có thực tiễn tốt nhất cả nước về chỉ số thành phần thời gian thực hiện nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp khi các doanh nghiệp tại địa phương này chỉ mất trung bình 0,5 giờ để thực hiện 01 TTHC Khởi sự doanh nghiệp. Vùng KTTĐ miền Trung có điểm số tốt nhất với 86,7 điểm, và các doanh nghiệp ở vùng này cũng chỉ mất trung bình 4,3 giờ (bằng khoảng 1/2 so với trung bình cả nước) để hoàn thành 01 TTHC Khởi sự doanh nghiệp. Trong khi đó, vùng KTTĐ Bắc bộ có điểm số thấp nhất là 57,7 điểm, và các doanh nghiệp tại vùng này trung bình phải mất 13,5 giờ (gấp hơn 1,5 lần so với trung bình cả nước) để thực hiện 01 TTHC (HÌNH 38).

HÌNH 38: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp



Trong 05 bước thực hiện TTHC về Khởi sự doanh nghiệp, Chuẩn bị hồ sơ là bước chiếm nhiều thời gian nhất (4,8 giờ; tương ứng 57%), tiếp đến là bước Tìm hiểu thông tin (1,1 giờ; tương ứng 13,4%). Thực tế khảo sát cho thấy với các thủ tục về đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp thường phải mất nhiều thời gian cho việc soạn thảo/chuẩn bị tài liệu trong bộ hồ sơ theo quy định pháp luật, ví dụ như tra cứu mã ngành, nghề, soạn thảo Điều lệ/Điều lệ sửa đổi hoặc phải tổ chức họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông theo quy định để ban hành quyết định (các quyết định này là thành phần bắt buộc phải có trong bộ hồ sơ).

HÌNH 39: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Khởi sự doanh nghiệp



Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp cũng là một vấn đề mà nhiều doanh nghiệp gặp phải. Một số doanh nghiệp cho biết do không nhận được sự hướng dẫn chi tiết, cụ thể của cơ quan đăng ký kinh doanh nên doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp cũng phản ánh rằng còn tình trạng cán bộ cơ quan đăng ký kinh doanh không xem xét hồ sơ trong một lần mà mỗi lần xem xét hồ sơ lại sửa một số lỗi khác nhau, khiến doanh nghiệp phải tiến hành sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì bộ hồ sơ mới được chấp nhận; hoặc bản thân các chuyên viên tại Phòng Đăng ký kinh doanh không thống nhất được quan điểm về hồ sơ dẫn tới doanh nghiệp cảm thấy lúng túng trong việc chuẩn bị và hoàn thiện hồ sơ.

Trong năm 2021, khảo sát ghi nhận một tỷ lệ lớn các doanh nghiệp lựa chọn phương thức nộp hồ sơ thông qua phương thức trực tuyến. Dẫn đầu là thủ tục Khai và nộp lệ phí môn bài và thủ tục Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử (thuộc sự quản lý của Bộ Tài chính) với tỷ lệ doanh nghiệp nộp hồ sơ bằng phương thức trực tuyến lần lượt là 96,3% và 90,5%. Điều này thể hiện nỗ lực của ngành Thuế trong việc điện tử hóa, đơn giản hóa việc thực hiện TTHC nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Kết quả so sánh tổng thời gian thực hiện thủ tục của 02 thủ tục này trong 02 trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và nộp hồ sơ trực tiếp cho thấy thời gian trung bình thực hiện thủ tục trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến đối với thủ tục Khai và nộp lệ phí môn bài chỉ bằng khoảng 1/4 so với thời gian tương ứng trong trường hợp nộp trực tiếp (0,4 giờ so với 1,6 giờ). Tuy nhiên, với thủ tục Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử, tổng thời gian thực hiện thủ tục trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lại nhiều hơn so với thời gian tương ứng trong trường hợp nộp trực tiếp (3,8 giờ so với 3,1 giờ). Trên thực tế, cũng cần nhìn nhận rằng việc nộp hồ sơ nói riêng và thực hiện thủ tục nói chung còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như tính ổn định của hệ thống Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, kỹ năng và kinh nghiệm của người thực hiện thủ tục khi thực hiện việc khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế...

Trong số 03 thủ tục còn lại (thuộc sự quản lý của Bộ KHĐT), thủ tục Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp ghi nhận một tỷ lệ khá cao doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến – đạt 57,4%. Các thủ tục còn lại là Đăng ký thành lập doanh nghiệp và Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (**GCNĐKDN**) có tỷ lệ doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến lần lượt là 28,8% và 22,4%.

Lý giải cho lý do không lựa chọn nộp hồ sơ bằng phương thức trực tuyến, một số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết họ nhận thấy việc nộp hồ sơ trực tiếp tại CQNN thuận tiện hơn do: (i) Có thể nhờ được cán bộ một cửa tiếp nhận hồ sơ xem giúp hồ sơ đã hợp lệ hay chưa để sửa đổi, bổ sung tại chỗ; (ii) Nộp trực tiếp nhận được kết quả sớm hơn so với nộp trực tuyến³⁹; và (iii) Các bước điền thông tin thực hiện thủ tục trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp còn hơi phức tạp, khó khăn cho người mới sử dụng.

Kết quả so sánh tổng thời gian thực hiện thủ tục trong 02 trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và nộp hồ sơ trực tiếp đối với 03 thủ tục thuộc sự quản lý của Bộ KHĐT cho thấy tổng thời gian thực hiện thủ tục trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thấp hơn so với thời gian tương ứng trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp ở 02 thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung GCNĐKDN (11,8 giờ so với 13,4 giờ) và Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (14 giờ so với 14,4 giờ); tuy nhiên lại cao hơn ở thủ tục Đăng ký thành lập doanh nghiệp (11,2 giờ so với 9,6 giờ). Có thể nhận thấy, số giờ chênh lệch về tổng thời gian thực hiện thủ tục giữa 02 trường hợp nộp hồ sơ bằng phương thức trực tuyến và nộp hồ sơ bằng phương thức trực tiếp trong 03 thủ tục trên là không thực sự đáng kể, dao động từ khoảng 0,4 đến 1,6 giờ. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục cải cách phương thức thực hiện thủ tục trực tuyến hơn nữa để gia tăng khoảng cách về thời gian giữa việc thực hiện thủ tục trực tuyến và việc thực hiện thủ tục trực tiếp theo hướng thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian hơn cho người thực hiện, từ đó tạo động lực cho người thực hiện thủ tục lựa chọn phương thức trực tuyến.

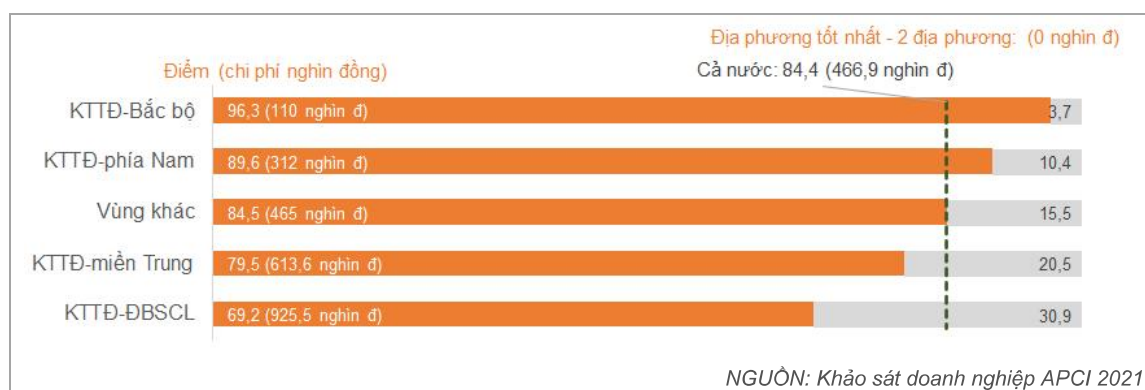
Cũng lưu ý rằng khác với các thủ tục Khai và nộp lệ phí môn bài và thủ tục Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử không yêu cầu doanh nghiệp phải nhận kết quả (do doanh nghiệp chỉ cần tiếp nhận 01 thông báo từ hệ thống Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về việc đã nộp hồ sơ thành công là hoàn tất việc thực hiện thủ tục), các thủ tục Đăng ký thành lập doanh nghiệp, Đăng ký thay đổi nội dung GCNĐKDN và Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đều có kết quả là các Giấy GCNĐKDN bản giấy, do đó doanh nghiệp không thực hiện được việc nhận kết quả trực tuyến mà chỉ có thể nhận kết quả trực tiếp hoặc nhận qua đường bưu điện. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn nhận kết quả qua đường bưu điện cũng không cao, dao động trong khoảng trên dưới 10%. Thực tế này một phần xuất phát từ việc thời gian chuyển kết quả qua đường bưu điện thường chậm hơn so với doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nhận trực tiếp. Một số doanh nghiệp cũng cho biết việc trả kết quả qua bưu điện không được áp dụng thống nhất, nhiều Phòng Đăng ký kinh doanh vẫn yêu cầu doanh nghiệp phải đến tận nơi lấy kết quả của các thủ tục.

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

Chi phí trực tiếp để thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp bao gồm các loại chi phí sau: (i) Chi phí sao chụp, chứng thực; (ii) Các loại phí và lệ phí (lệ phí đăng ký thành lập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cấp lại **GCNĐKDN**; phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; lệ phí môn bài); (iii) Chi phí không chính thức (nếu có).

³⁹ Ví dụ cùng nộp bộ hồ sơ hợp lệ, nếu nộp trực tiếp thì sau 03 ngày làm việc doanh nghiệp có thể nhận được kết quả, còn nếu nộp trực tuyến thì sau 03 ngày mới chỉ nhận được thông báo hồ sơ hợp lệ, phải chờ thêm ít nhất 01 ngày mới nhận được kết quả

HÌNH 40: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp theo vùng



Theo HÌNH 40, nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp có chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là 467 nghìn đồng/TTHC. Vùng KTTĐ Bắc bộ có số điểm cao nhất là 96,3 điểm, và các doanh nghiệp ở vùng này chỉ phải chi trả trực tiếp trung bình 110 nghìn đồng/TTHC. Với điểm số 69,2 điểm, vùng KTTĐ ĐBSCL là vùng có số điểm thấp nhất và các doanh nghiệp ở vùng này trung bình phải chi trả trực tiếp 925 nghìn đồng/TTHC.

Khoảng 2% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết đã chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ CQNN với mức chi phí không chính thức trung bình khoảng 1,3 triệu đồng/trường hợp. Chi phí này thường phát sinh tại bước Nộp hồ sơ hoặc bước Chính sửa, bổ sung hồ sơ.

HỢP 9: Chi phí không chính thức

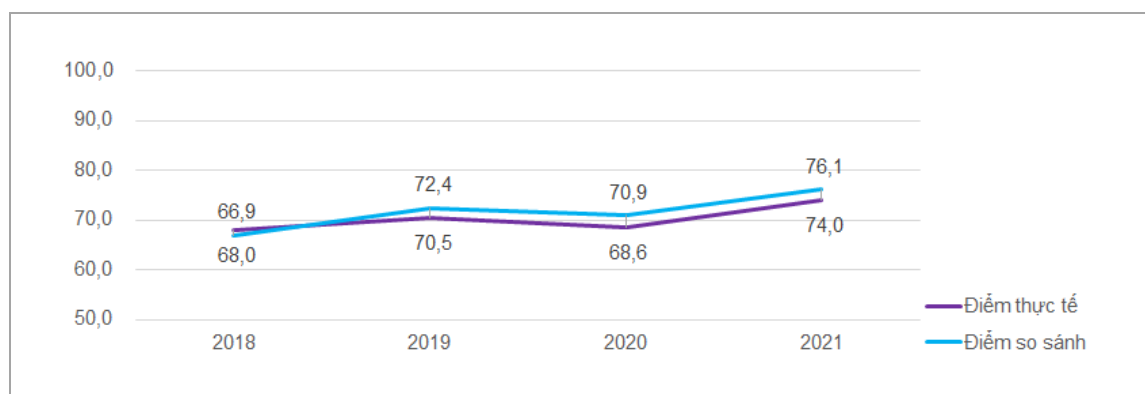
“Doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ 15 lần, mỗi lần cán bộ chỉ yêu cầu sửa những lỗi nhỏ như lỗi chính tả, lỗi trình bày. Sau đó doanh nghiệp đã phải đưa cán bộ 1 triệu để hồ sơ được chấp thuận.” – một doanh nghiệp tại phía Bắc chia sẻ.

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

2.5.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần 2.5.1) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 41: Điểm APCI của Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp qua các năm



GHI CHÚ: Điểm APCI thực tế là điểm được tính dựa trên CPTT thấp nhất và cao nhất trong năm khảo sát. Điểm APCI so sánh dựa trên CPTT thấp nhất và cao nhất trong bốn kỳ khảo sát. Điểm APCI tốt nhất = 100, tương ứng với chi phí ít nhất. Điểm APCI kém nhất = 0, tương ứng với chi phí cao nhất.
NGUỒN: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

Một phần đóng góp cho sự thay đổi tích cực của các TTHC trong nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp không thể không kể đến những cải cách về mặt chính sách và pháp luật. Tiêu biểu, Luật Doanh nghiệp 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn đã bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp phải nộp một bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy sau khi bộ hồ sơ nộp qua mạng điện tử được chấp thuận, từ đó tiết kiệm được thời gian và chi phí của doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục (Báo cáo APCI của các năm trước cũng đã đưa ra đề xuất này). Thêm vào đó, việc giảm mức lệ phí đăng ký doanh nghiệp, phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp cùng với việc tiếp tục miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử⁴⁰, miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp mới thành lập và miễn lệ phí môn bài cho một số doanh nghiệp đặc thù⁴¹ cũng góp phần giảm đáng kể chi phí trực tiếp cho doanh nghiệp khi thực hiện các TTHC Khởi sự doanh nghiệp. Bên cạnh đó, không thể không kể đến việc ban hành Nghị định 122/2020/NĐ-CP quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp đã đơn giản hoá việc thực hiện TTHC, từ đó giảm bớt thời gian và chi phí cho doanh nghiệp khi thực hiện TTHC.

Cũng cần nhấn mạnh rằng bên cạnh các hỗ trợ được ban hành theo quy định chung của luật, nghị định như đã đề cập, một số địa phương cũng chủ động ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục. Đơn cử như chính sách hỗ trợ 100% phí dịch vụ chuyển phát đối với doanh nghiệp đăng ký nhận kết quả thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính. Chính sách này được ban hành không chỉ nhằm hạn chế tiếp xúc để phòng, chống dịch COVID-19 mà còn hạn chế việc gặp gỡ trực tiếp giữa cơ quan hành chính với người dân, tổ chức nhằm tránh tình trạng gây phiền hà, những nhiễu, giúp nâng cao chất lượng giải quyết TTHC. Tại Phú Thọ, từ ngày 21/5 đến hết ngày 21/8/2020, khi thực hiện DVC mức độ 3, mức độ 4, người dân, doanh nghiệp và tổ chức được hỗ trợ 100% cước dịch vụ bưu chính công ích khi nhận kết quả giải quyết TTHC qua đường bưu chính⁴². Hay tại Hà Nội, từ ngày 04/08/2020, Sở KHĐT thực hiện trả 100% kết quả hồ sơ hành

⁴⁰ Thông tư 47/2019/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp

⁴¹ Nghị định 22/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 139/2016/NĐ-CP quy định về lệ phí môn bài, Điều 1, khoản 1

⁴² Theo thông tin của Cổng Dịch vụ công tỉnh Phú Thọ, các thủ tục về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp như: đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp đều được xếp vào dịch vụ công mức độ 4. Xem thêm tại: https://dichvucong.phutho.gov.vn/dichvucong/bothutuc?maCoQuan=SO_KE_HOACH_VA_DAU_TU&maLinhVuc=TLVHD_CDN&maMucDo=&dieuKienMoRong=&maCapTT=&Al|ThuTuc=0&numCQ=22&page=4

Thông tin về việc hỗ trợ 100% cước dịch vụ bưu chính công ích xem thêm tại: <https://soxaydung.phutho.gov.vn/TinTucChiTiet.aspx?key=mien-cuoc-nhan-ket-qua-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-qua-duong-buu-chinh-den-het-ngay-21-8-2020-14576>

chính về đăng ký doanh nghiệp qua đường bưu điện trên địa bàn Hà Nội năm 2020, hỗ trợ 100% phí dịch vụ chuyển phát⁴³.

So sánh chi tiết các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp, BẢNG 7 cho thấy so với năm 2020, thời gian trung bình thực hiện 01 TTHC trong nhóm Khởi sự doanh nghiệp tăng thêm 01 giờ trong năm 2021, tuy nhiên chi phí trực tiếp lại giảm khoảng 30 nghìn đồng/TTHC. Các kết quả so sánh chi tiết thời gian thực hiện TTHC theo từng bước thực hiện thủ tục (theo kết quả khảo sát 02 năm tương ứng) cho thấy sự gia tăng về mặt thời gian thực hiện TTHC nằm ở bước Chuẩn bị hồ sơ. Cũng theo BẢNG 7, chi phí thuê dịch vụ thực hiện nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp trong năm 2021 đang có xu hướng giảm, chỉ còn trung bình gần 1,3 triệu/TTHC thay vì 2 triệu/TTHC như năm 2020.

BẢNG 7: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp qua các năm

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	1.081.673	904.612	952.032	784.663
Thời gian thực hiện (giờ)	10,4	7,1	7,3	8,3
Chi phí trực tiếp (đồng)	442.735	296.215	493.564	466.851
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	2.890.909	2.393.939	2.007.815	1.282.222

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

2.5.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Thúc đẩy điện tử hóa đã và đang một yêu cầu tất yếu trong xu hướng cải cách TTHC tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Là một trong những nhóm TTHC tiên phong áp dụng điện tử hoá, nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp đã phần nào thể hiện được những ưu điểm của việc thực hiện TTHC trực tuyến, tuy nhiên các kết quả khảo sát APCI 2021 cho thấy vẫn còn có dư địa cải cách đối với các TTHC Khởi sự doanh nghiệp, đặc biệt là các thủ tục liên quan tới đăng ký kinh doanh.

Những nội dung chia sẻ của doanh nghiệp trong Khảo sát APCI 2021 liên quan tới các TTHC Khởi sự doanh nghiệp tập trung vào những nội dung sau:

- Cung cấp thông tin và hướng dẫn sửa đổi, bổ sung hồ sơ: Nhiều doanh nghiệp mong muốn CQNN hướng dẫn cách điền đơn cụ thể, chỉ rõ những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong bộ hồ sơ hoặc cung cấp các biểu mẫu cụ thể để doanh nghiệp không mất quá nhiều thời gian Chuẩn bị hồ sơ cũng như hạn chế phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần. Đồng thời, chuyên viên xử lý hồ sơ nên xem xét kỹ toàn bộ hồ sơ và thông báo cho các doanh nghiệp đầy đủ*

⁴³ Công văn số: 4915/CV-ĐKKD V/v: nộp hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, Cổng thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, 02/10/2020. Xem thêm tại: <http://hapi.gov.vn/vi-VN/so-4915-cv-%C4%91kkd-v-v-nop-ho-so-tra-ket-qua-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-qua-dich-vu-buu-chinh-c11148t1n26527>

một lần về những điểm cần sửa đổi, bổ sung, tránh tình trạng doanh nghiệp phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nhiều lần;

- *Hướng dẫn thực hiện TTHC trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Các doanh nghiệp phản ánh rằng việc thực hiện thủ tục trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp còn tương đối phức tạp, đặc biệt trong bước điền thông tin khiến doanh nghiệp mất nhiều thời gian để tìm hiểu về cách thức thực hiện. Doanh nghiệp mong muốn đơn giản hóa hơn nữa các bước thực hiện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để việc thực hiện TTHC trực tuyến được dễ dàng hơn. Việc cung cấp thông tin đầy đủ, rõ ràng ngay từ đầu (trước bước điền thông tin), bao gồm cả việc làm rõ các yêu cầu về bản chụp/bản sao/chứng thực, hướng dẫn chụp ảnh (scan) tài liệu, đưa ra danh mục kiểm tra (checklist) các tài liệu cần có trước khi thực hiện điền thông tin... sẽ giúp doanh nghiệp thuận tiện hơn trong việc thực hiện thủ tục trực tuyến, khắc phục được tình trạng phải đăng nhập lại nhiều lần do sự hạn chế về mặt thời gian của mỗi phiên làm việc trực tuyến⁴⁴; và*
- *Thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục thực hiện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: Một trong những lý do khiến các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thực hiện TTHC về đăng ký doanh nghiệp chưa sẵn sàng thực hiện TTHC qua môi trường điện tử là bởi thời gian giải quyết hồ sơ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có thể lâu hơn so với thực hiện TTHC trực tiếp tại CQNN. Cụ thể, cùng với một bộ hồ sơ, nếu nộp trực tuyến, doanh nghiệp phải đợi 03 ngày làm việc mới nhận được thông báo chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ; trong khi đó, nếu nộp tại CQNN, cán bộ tiếp nhận hồ sơ có thể xem xét luôn bộ hồ sơ và hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung cho doanh nghiệp.*

Các chia sẻ của doanh nghiệp trong khảo sát APCI 2021 cũng phù hợp với các đánh giá của doanh nghiệp được phản ánh trong khảo sát Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam PCI 2020. Theo khảo sát PCI 2020, chỉ có 39% doanh nghiệp nhận định rằng các thủ tục (thay đổi) đăng ký doanh nghiệp ứng dụng tốt công nghệ thông tin. Do đó, để tăng cường hiệu quả cải cách TTHC Khởi sự doanh nghiệp, giúp tiếp tục cắt giảm CPTT đối với doanh nghiệp và cả cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện và giải quyết các TTHC Khởi sự doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, cụ thể là cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế, nên cần nhắc tới các khuyến nghị sau:

- *Thứ nhất, tiếp tục đơn giản hoá việc thực hiện TTHC trên môi trường điện tử với các thủ tục liên quan tới đăng ký doanh nghiệp, cụ thể với việc đơn giản hoá các bước thực hiện và chỉnh sửa giao diện nhằm tăng sự thân thiện với người dùng. Chuẩn hoá và thường xuyên cập nhật mẫu hồ sơ, kèm theo các hướng dẫn thực hiện thủ tục trực tuyến đơn giản và dễ hiểu hơn nữa để doanh nghiệp có thể thực hiện thủ tục dễ dàng. Tiến hành triển khai việc đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục trực tuyến để nắm bắt kịp thời những vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Cho phép thanh toán phí/lệ phí qua nhiều kênh khác nhau, bên cạnh qua thẻ ngân hàng (ATM/thẻ tín dụng) thì có thể mở rộng thanh toán qua ví*

⁴⁴ Ý kiến của doanh nghiệp tại Tọa đàm tham vấn thực trạng và giải pháp cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong bối cảnh COVID-19 ngày 07/10/2021

điện tử và các kênh thanh toán không dùng tiền mặt khác (như Mobile Money) để đơn giản hoá hơn nữa quy trình thanh toán;

- Thứ hai, tiếp tục rà soát để xây dựng phương án giảm thiểu yêu cầu về đăng ký ngành nghề trong bộ hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp theo hướng chỉ yêu cầu doanh nghiệp đăng ký một ngành, nghề kinh doanh chính và các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện⁴⁵. Các doanh nghiệp phản ánh việc tra cứu mã ngành, nghề thường là bước mất nhiều thời gian nhất trong quá trình Chuẩn bị hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp, kể cả đối với các đơn vị tư vấn đã có nhiều kinh nghiệm thực hiện thủ tục. Việc giảm thiểu yêu cầu về đăng ký ngành, nghề không chỉ góp phần cắt giảm CPTT của doanh nghiệp đối với thủ tục Đăng ký thành lập doanh nghiệp mà còn giúp giảm thiểu đáng kể CPTT liên quan tới việc thực hiện thủ tục thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh;
- Thứ ba, đẩy mạnh các kênh hỗ trợ giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục trực tuyến bằng cách nâng cao chất lượng của các kênh sẵn có như đường dây nóng (hotline) hay email và nghiên cứu tính khả thi của các phương thức hỗ trợ qua các kênh khác như Chatbot hay Zalo... Thực tế cho thấy kênh hỗ trợ qua email có thể chưa thực sự phù hợp do doanh nghiệp thường cần hỗ trợ gấp và có xu hướng gọi đến hotline nhiều hơn. Tuy nhiên, kênh hỗ trợ qua hotline hiện nay của cơ quan đăng ký kinh doanh chủ yếu mới chỉ cung cấp được sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật (ví dụ hỗ trợ lỗi không tải được tài liệu) mà không trực tiếp hỗ trợ về mặt chuyên môn. Thay vào đó, người trả lời hotline thường chỉ cung cấp cho doanh nghiệp số điện thoại của chuyên viên phụ trách hồ sơ của doanh nghiệp để doanh nghiệp liên hệ giải đáp thắc mắc. Do đó, trong nhiều trường hợp chưa thực sự đảm bảo được tính khách quan và hữu ích của hoạt động tư vấn và hỗ trợ cho doanh nghiệp⁴⁶;
- Thứ tư, cần tiếp tục nghiên cứu rút ngắn thời hạn giải quyết hồ sơ nộp trực tuyến để doanh nghiệp có thêm động lực thực hiện hồ sơ bằng phương thức trực tuyến, bên cạnh duy trì các chính sách khuyến khích việc thực hiện thủ tục như hiện nay (giảm phí/lệ phí khi thực hiện thủ tục trực tuyến). Thống nhất việc cho phép và khuyến khích nhận kết quả qua đường bưu điện đối với các kết quả TTHC thể hiện bằng bản giấy (đồng thời giúp hạn chế tiếp xúc trong phòng, chống dịch COVID-19). Đổi mới cơ chế hợp tác giữa các Phòng Đăng ký kinh doanh và các đơn vị chuyển phát để rút ngắn thời gian trả kết quả. Trong tương lai gần cũng cần nghiên cứu phương án trả kết quả TTHC bằng bản điện tử thay thế cho bản giấy để TTHC có thể được thực hiện 100% trên môi trường điện tử với điều kiện bản điện tử cũng sẽ được các CQNN khác sử dụng trong các TTHC và công việc khác;
- Thứ năm, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ chuyên viên thuộc các Phòng Đăng ký kinh doanh để có thể nâng cao chất lượng hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện TTHC, khắc phục tình trạng yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nhiều lần do lỗi của chuyên viên Phòng Đăng

⁴⁵ Một nghiên cứu gần đây cũng đưa ra khuyến nghị “Chỉ cần khai ngành nghề kinh doanh chính. Trong trường hợp có ngành kinh doanh phụ là ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì khai báo riêng” trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của Singapore. Xem chi tiết tại Báo cáo *Thúc đẩy cải cách thủ tục khởi sự kinh doanh ở Việt Nam: Hiện trạng và giải pháp* (Đình Tuấn Minh, Hoàng Văn Trung, Nguyễn Thùy Liên, 7/2021)

⁴⁶ Ví dụ như sau khi doanh nghiệp trao đổi với chuyên viên phụ trách hồ sơ về việc các yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ chưa thực sự hợp lý nhưng không đạt được sự đồng thuận, doanh nghiệp gọi điện lên tổng đài để phản ánh vướng mắc. Khi đó, tổng đài lại cung cấp cho doanh nghiệp số của chính chuyên viên phụ trách hồ sơ đó để doanh nghiệp trao đổi.

ký kinh doanh⁴⁷. Bên cạnh đó cũng cần thúc đẩy việc thực thi đạo đức công vụ của công chức, tiến tới loại bỏ hoàn toàn chi phí không chính thức; và

- Cuối cùng, tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật của hệ thống Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để hạn chế tình trạng lỗi hệ thống khi nộp hồ sơ.

⁴⁷ Nghị định 01/2021/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp tại Điều 33, khoản 2 có quy định: “Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên doanh nghiệp yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Đăng ký kinh doanh ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với mỗi một bộ hồ sơ do doanh nghiệp nộp trong một Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp”.

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu khảo sát trong năm 2021 bao gồm 05 TTHC:



Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu



Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu



Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu



Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải chứng nhận và/hoặc công bố hợp quy



Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành được khảo sát năm 2021 gồm 5 TTHC thuộc 3 Bộ: i) Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NNPTNT)⁴⁸, ii) Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT)⁴⁹, và Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN)⁵⁰.

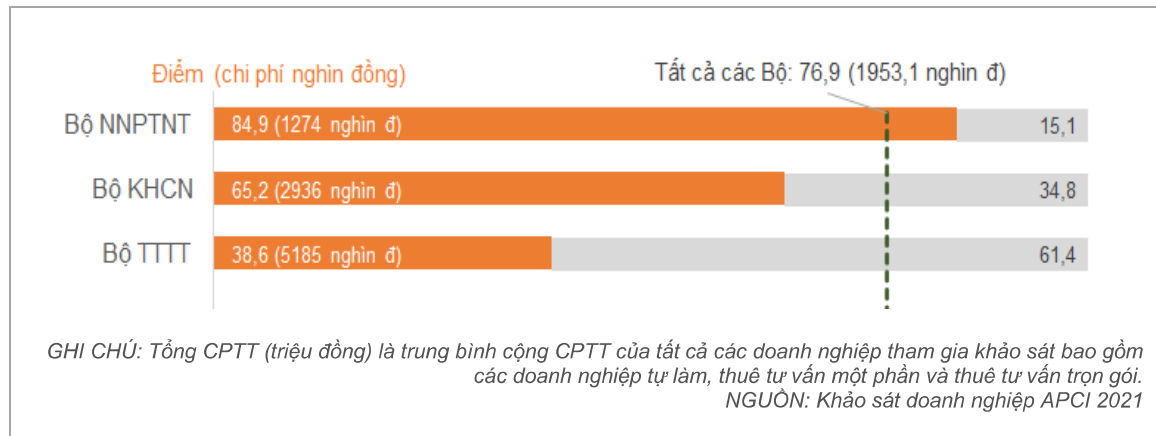
Phân phân tích nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành bao gồm 3 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của các TTHC Kiểm tra chuyên ngành và phân tích theo bộ chủ quản; (ii) Phân tích so sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này; và (iii) Một số khuyến nghị để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành.

2.6.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành

Kết quả khảo sát APCI 2021 của 5 TTHC nhóm Kiểm tra chuyên ngành được trình bày cụ thể tại HÌNH 42 dưới đây. Theo đó, điểm APCI của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành đạt 74,4 điểm với mức CPTT trung bình toàn quốc là 2,7 triệu đồng. Trong số ba Bộ chủ quản được khảo sát, Bộ NNPTNT có số điểm cao nhất, là 81,4/100 điểm, với CPTT khoảng 1,98 triệu đồng, thấp hơn 27% so với CPTT trung bình tất cả các bộ. Bộ TTTT có điểm số thấp nhất là 39,4/100 điểm, với CPTT cao gấp 2,3 lần CPTT trung bình chung, và 3,3 lần so với CPTT của bộ tốt nhất.

HÌNH 42: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành



Kết quả các chỉ số thành phần

HÌNH 43 thể hiện tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành. Trong đó, chi phí trực tiếp chiếm 77% tổng CPTT, 23% còn lại là chi phí thời gian. Phân

⁴⁸ Gồm các TTHC: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu; Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu; Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu

⁴⁹ Gồm các TTHC: Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải chứng nhận và/hoặc công bố hợp quy

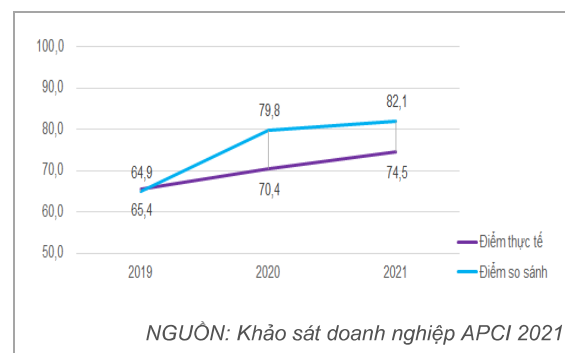
⁵⁰ Gồm các TTHC: Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KHCN

tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành được trình bày dưới đây.

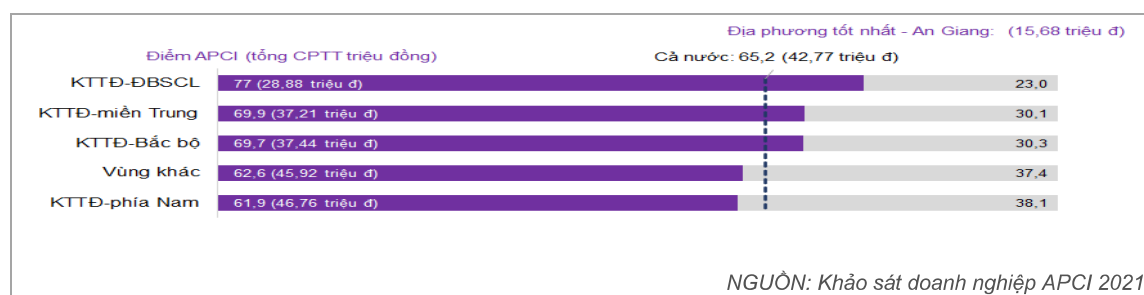
THỜI GIAN THỰC HIỆN

Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành bao gồm các thủ tục cấp giấy phép và giấy tờ tương đương, thủ tục công bố hợp quy và/hoặc thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa. Thời gian trung bình để một doanh nghiệp hoàn thành một TTHC Kiểm tra chuyên ngành bất kỳ là 14,5 giờ. Các TTHC thuộc Bộ NNPTNT có chỉ số thời gian thực hiện tốt nhất. Doanh nghiệp chỉ mất trung bình 12,6 giờ để thực hiện một TTHC Kiểm tra chuyên ngành thuộc Bộ NNPTNT, trong khi cần thêm gấp đôi thời gian để thực hiện một TTHC Kiểm tra chuyên ngành thuộc Bộ TTTT. Các TTHC thuộc Bộ TTTT cũng có điểm số thời gian thực hiện thấp nhất (HÌNH 44).

HÌNH 43: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành



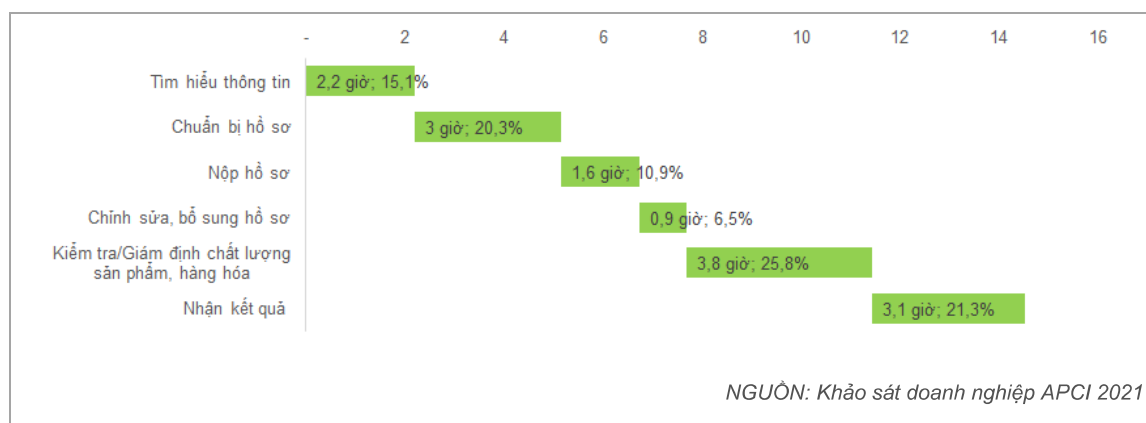
HÌNH 44: Thời gian thực hiện trung bình của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành



So sánh với Khảo sát APCI 2020, thời gian một doanh nghiệp cần bỏ ra để hoàn thành một TTHC bất kỳ thuộc nhóm Kiểm tra chuyên ngành dưới sự quản lý của Bộ KHCN và Bộ TTTT tăng đáng kể trong APCI 2021. Cụ thể, thời gian thực hiện TTHC thuộc Bộ KHCN và Bộ TTTT lần lượt tăng 5 giờ và 9,1 giờ.

HÌNH 45 dưới đây mô tả thời gian thực hiện ở từng bước thực hiện. Trong số 6 bước thực hiện của một TTHC Kiểm tra chuyên ngành, các bước tốn nhiều thời gian nhất là Chuẩn bị hồ sơ (3 giờ - 20,3%), Kiểm tra chất lượng hàng hóa (3,8 giờ - 25,8%) và Nhận kết quả bao gồm thủ tục công bố hợp quy (3,1 giờ - 21,3%).

HÌNH 45: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC Kiểm tra chuyên ngành



BẢNG 8 dưới đây cho thấy chi tiết về thời gian thực hiện của doanh nghiệp ở từng bước đối với từng nhóm TTHC thuộc ba bộ chủ quản được khảo sát trong năm 2021.

BẢNG 8: Chi tiết thời gian thực hiện TTHC theo các bước và bộ chủ quản (Đơn vị: giờ)

	Bộ NNPTNT	Bộ KHCHN	Bộ TTTT
Tìm hiểu thông tin	2,4	2,0	1,1
Chuẩn bị hồ sơ	2,5	4,3	4,4
Nộp hồ sơ	1,7	0,6	1,7
Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ	0,6	2,4	1,9
Kiểm định/Giám định thực tế sản phẩm, hàng hóa	4,3	4,6	n/a ⁵¹
Nhận kết quả (bao gồm thủ tục công bố/chứng nhận hợp quy)	1,1	0,4	17,0
Tổng cộng	36	35	26,0

GHI CHÚ: số thời gian ở từng bước là trung bình cộng thời gian của các doanh nghiệp có thời gian thực hiện >0.
NGUỒN: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

Nếu gộp chung hai bước Tìm hiểu thông tin và Chuẩn bị hồ sơ, chi phí thời gian trung bình của các doanh nghiệp được khảo sát bỏ ra để thực hiện hai bước không có sự khác biệt đáng kể theo từng nhóm TTHC của các Bộ NNPTNT, Bộ KHCHN, và Bộ TTTT.

Về thời gian nộp hồ sơ, kết quả khảo sát cho thấy các doanh nghiệp thực hiện TTHC của Bộ KHCHN có chi phí thời gian thấp hơn đến 65% so với việc nộp hồ sơ thực hiện các TTHC thuộc Bộ NNPTNT và Bộ TTTT. Mặc dù các TTHC thuộc Bộ NNPTNT đều đã có thể thực hiện trực tuyến, còn các TTHC thuộc Bộ TTTT thì vẫn phải thực hiện theo phương thức trực tiếp tại CQNN, nhưng thời gian dành cho việc nộp hồ sơ của hai nhóm TTHC này không có sự khác biệt.

Các hoạt động Kiểm định/Giám định thực tế sản phẩm, hàng hóa là khâu mất nhiều thời gian nhất đối với doanh nghiệp ở các TTHC thuộc Bộ NNPTNT và Bộ KHCHN. Việc Kiểm định/Giám định thực

⁵¹ TTHC thuộc Bộ TTTT không có bước Kiểm định/Giám định thực tế sản phẩm, hàng hóa

tế sản phẩm, hàng hóa có thể được diễn ra theo nhiều cách, như kiểm tra sơ bộ hàng hóa bằng mắt thường, lấy mẫu kiểm tra, hoặc kiểm tra toàn bộ lô hàng. Chi phí về thời gian của doanh nghiệp dành cho việc tuân thủ thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa tương ứng với mức độ phức tạp của hình thức kiểm tra do cơ quan quản lý quyết định, thời gian này có thể là dưới một giờ làm việc hoặc đến hơn 8 giờ làm việc. Khảo sát APCI 2021 ghi nhận 41% tổng số doanh nghiệp thực hiện TTHC thuộc Bộ NNPTNT, và 45,2% tổng số doanh nghiệp thực hiện TTHC thuộc Bộ KHCN mất dưới 1 giờ cho việc kiểm tra chất lượng hàng hóa. Kết quả khảo sát APCI khá tương đồng với khảo sát của VCCI năm 2020⁵², 65 – 70% các doanh nghiệp cho biết việc tuân thủ các thủ tục quản lý, kiểm tra chuyên ngành của các bộ ngành ở mức “bình thường”.

Có khoảng 12,7% tổng số doanh nghiệp được khảo sát thuộc cả ba Bộ mất từ 8 giờ trở lên cho việc kiểm tra chất lượng hàng hóa, với một số các lý do điển hình như sau:

HỢP 10: Chia sẻ của doanh nghiệp về thời gian chờ đợi Kiểm dịch động/thực vật

“Doanh nghiệp tôi đăng ký thời gian kiểm dịch ngay khi nộp hồ sơ, nhưng đây thường chỉ là thời gian tạm định do không thể nắm được thời gian chính xác tàu cập cảng. Do đó, khi hàng cập cảng, tôi gọi điện đến Chi cục Kiểm dịch thông báo thời gian kiểm dịch. Tuy nhiên, sau khi hạ và mở container, tôi phải đợi rất lâu cán bộ kiểm dịch mới tới để lấy mẫu đem đi kiểm định”.

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Hoạt động chứng nhận hợp quy mất khoảng 9,6 giờ, công bố hợp quy mất khoảng 6,3 giờ tại Bộ TTTT, nhưng không gây ra quá nhiều khó khăn cho doanh nghiệp. Dù vậy, nhiều doanh nghiệp trong khảo sát APCI 2021 cho rằng hoạt động chứng nhận/giám định nhiều lần với cùng một mặt hàng (giống nhau về mã HS, nhãn mác và đặc tính) như hiện tại là không cần thiết và gây tốn thời gian cho cả doanh nghiệp và cơ quan chuyên môn. Ngoài thời gian thực hiện hoạt động chứng nhận/công bố hợp quy với các doanh nghiệp có địa điểm tại miền Trung và miền Nam ghi nhận mất nhiều thời gian hơn so với các doanh nghiệp có địa điểm tại miền Bắc do quy định chỉ Cục Viễn thông nằm tại Hà Nội mới có thẩm quyền ký và ban hành quyết định (theo Thông tư 10/2020/TT-BTTTT), và đồng thời Bộ TTTT chưa triển khai DVC trực tuyến rộng rãi đối với thủ tục này.

Thực hiện DVC trực tuyến: Khảo sát APCI 2021 ghi nhận được việc thực hiện DVC trực tuyến tại 4/5 TTHC thuộc 02 Bộ (Bộ NNPTNT và Bộ KHCN). Địa chỉ online để nộp và theo dõi hồ sơ rất đa dạng, bao gồm: Cổng Thông tin một cửa quốc gia – VNSW (được nhiều doanh nghiệp sử dụng nhất – 34,2%), Cổng DVC trực tuyến các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương hoặc Cổng DVC của các cơ quan quản lý. Trong đó, Cổng VNSW là địa chỉ duy nhất liên thông kết quả TTHC Kiểm tra chuyên ngành với cơ quan hải quan, giúp hoạt động thông quan hàng hóa diễn ra dễ dàng và nhanh chóng hơn. Tuy nhiên, địa chỉ online này vẫn còn nhiều hạn chế về hệ thống được trình bày tại HỢP 11 dưới đây.

⁵² Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính, 6/2021, Báo cáo “Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu: Một số phát hiện từ kết quả khảo sát năm 2020”, Trang 133

HỢP 11: Hạn chế của Cổng Thông tin một cửa quốc gia (VNSW)

“Tôi đã sử dụng Cổng VNSW nhiều năm, nhưng vấn đề lỗi hệ thống tồn tại từ năm 2015 đến nay vẫn chưa được giải quyết. Tôi thường xuyên gặp trường hợp sau khi tải file lên, chuyển qua bước tiếp theo, đến khi quay lại kiểm tra file đã biến mất, làm tôi tốn thời gian tải hồ sơ lại nhiều lần.” – Doanh nghiệp thực hiện TTHC Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu

“Khi chuẩn bị hồ sơ, tôi cần scan nhiều hồ sơ, giấy tờ; một file scan rõ ràng và dễ nhìn thường có dung lượng lớn (có thể lên đến 4MB cho 1 file 10 trang). Tuy nhiên, dung lượng tải file lên Cổng VNSW chỉ giới hạn 2 MB. Do đó, tôi buộc phải sử dụng phần mềm làm giảm dung lượng file nhưng lại khiến chất lượng file scan bị giảm đi. Khi nộp file lên Cổng VNSW, hồ sơ của tôi bị từ chối do file quá mờ.” - Doanh nghiệp thực hiện TTHC Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Ngoài ra, khảo sát APCI 2021 còn ghi nhận việc thực hiện DVC trực tuyến chưa triệt để; doanh nghiệp vẫn phải mang bản cứng lên nộp cho các cơ quan chuyên môn sau khi nộp trực tuyến. Hiện tượng này diễn ra thường xuyên hơn với doanh nghiệp nộp hồ sơ qua Phần mềm PQS (Plant Quarantine Services) để thực hiện thủ tục Kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu (54% doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến đã phải nộp thêm bản giấy). Đây là lý do nhiều doanh nghiệp ngại chuyển đổi sang DVC trực tuyến bởi vô hình chung việc này đã làm tăng gấp đôi lượng công việc mà họ cần thực hiện.

TTHC Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải chứng nhận/công bố hợp quy của Bộ TTTT vẫn đang trong quá trình chuẩn hóa để tích hợp lên Cổng VNSW, Cổng DVCQG, Cổng DVC Bộ TTTT (dichvucong.mic.gov.vn) và Cổng DVC Cục Viễn thông (<http://dichvucong.vnta.gov.vn>). Việc không thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tuyến gây ra một số khó khăn cho doanh nghiệp như tại HỢP 12 dưới đây.

HỢP 12: Doanh nghiệp gặp khó gì khi không được thực hiện TTHC trên môi trường điện tử?

“Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2 chỉ nhận hồ sơ vào buổi sáng, nếu hồ sơ có sai sót, tôi không thể nộp lại hồ sơ ngay buổi chiều hôm đó, mà phải đợi đến ngày hôm sau. Nếu được nộp online thì tốt rồi, tôi nộp hồ sơ lúc nào cũng được”.

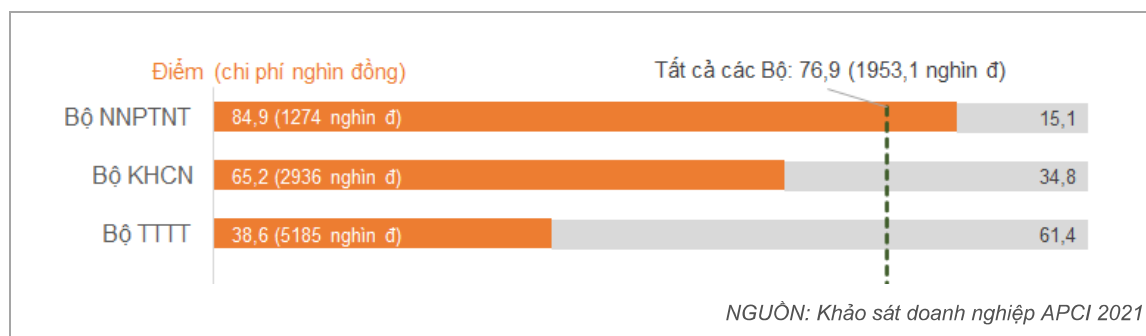
“Tôi nộp hồ sơ tại Trung tâm Đo lường Chất lượng Viễn thông chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, nhưng trung tâm không có thẩm quyền ký xác nhận đã đăng ký kiểm tra chất lượng lên hồ sơ, nên phải chuyển hồ sơ ra Hà Nội, xin chữ ký xác nhận, rồi lại một lần nữa chuyển toàn bộ hồ sơ vào lại Hồ Chí Minh. Tổng thời gian hai lần chuyển đi chuyển lại mất ít nhất một tuần. Trong khi đó doanh nghiệp tại Hà Nội chỉ cần chờ một ngày đã nhận được kết quả. Nếu mặt hàng của doanh nghiệp tôi có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tuyến trên Cổng VNSW kết nối thẳng với Hải quan thì sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian chờ đợi vô ích.

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành có chi phí thực hiện thuộc nhóm trung bình trong số các nhóm TTHC được khảo sát, với số tiền bình quân mà một doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện TTHC Kiểm tra chuyên ngành là 1,95 triệu đồng (HÌNH 46).

HÌNH 46: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành theo bộ quản lý



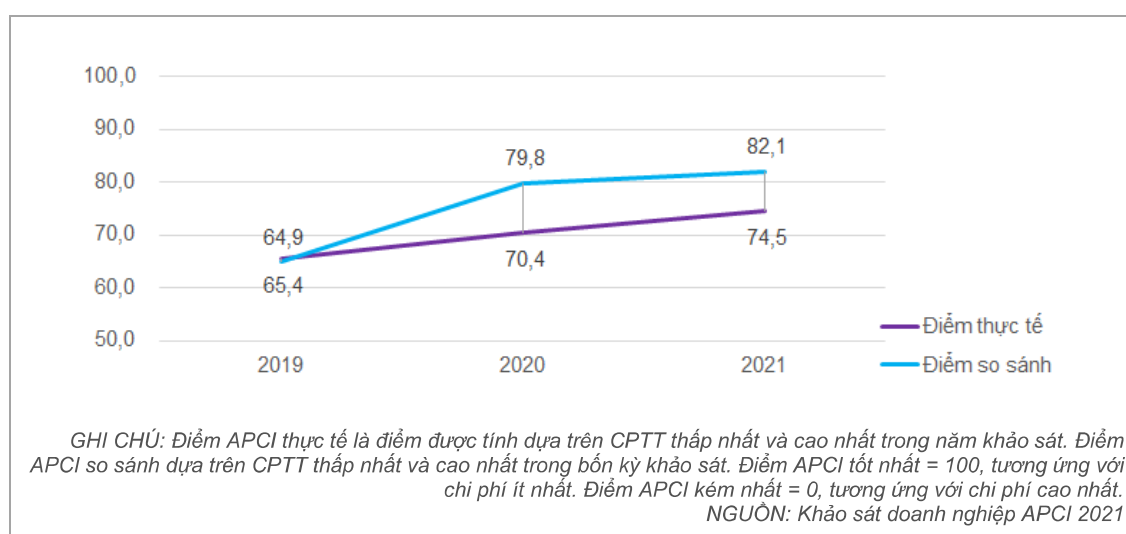
Trong nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành, phần lớn chi phí trực tiếp đến từ khâu Kiểm dịch thực tế lô hàng (với TTHC thuộc Bộ NNPTNT) và khâu Giám định, kiểm định hàng hóa (với TTHC thuộc Bộ KHCHN và Bộ TTTT). Chi phí kiểm dịch thực vật/động vật được tính theo khối lượng hàng hóa, mức chi phí trung bình mà phần lớn doanh nghiệp phải chi trả khoảng dưới một triệu đồng, khoảng 17,4% số doanh nghiệp có chi phí ở mức trên một triệu đồng. Đối với kiểm tra chất lượng hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ KHCHN và Bộ TTTT, khảo sát ghi nhận mức chi phí trung bình dao động khoảng từ 3 triệu đến 6 triệu đồng. Điều này khá hợp lý khi nhiều doanh nghiệp cho biết kiểm tra/giám định những hàng hóa thuộc quản lý của Bộ KHCHN và TTTT có yêu cầu kỹ thuật và công nghệ cao. Tuy nhiên, khi so sánh với APCI 2020, chi phí trực tiếp thực hiện TTHC thuộc quản lý của Bộ KHCHN và Bộ TTTT đều tăng mạnh, lần lượt là 1,6 lần và 2,3 lần.

Chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện TTHC Kiểm tra chuyên ngành được ghi nhận ở 21,3% doanh nghiệp, là một tỷ lệ cao trong chín nhóm TTHC được khảo sát năm 2021. Theo doanh nghiệp khâu Kiểm định/giám định thực tế sản phẩm, hàng hóa là bước có khả năng phát sinh chi phí không chính thức lớn nhất, đặc biệt là ở các TTHC trực thuộc Bộ NNPTNT. Theo doanh nghiệp, mức chi phí này khoảng từ năm trăm đến một triệu đồng nhằm rút ngắn thời gian chờ đợi để được kiểm dịch.

2.6.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần trên) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 47: Điểm APCI của Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành qua các năm



Xem xét điểm APCI qua các năm cho thấy xu hướng tích cực về giảm CPTT đối với nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành. BẢNG 9 so sánh chi tiết các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành qua các năm. Mặc dù có sự gia tăng về thời gian thực hiện so với các năm trước, kết quả APCI 2021 có sự cải thiện rõ rệt về tổng CPTT so với các kỳ khảo sát trước.

BẢNG 9: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành qua các năm

Tiêu chí so sánh	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	5.256.747	3.038.356	2.706.896
Thời gian thực hiện (giờ)	14	12	15
Chi phí trực tiếp (đồng)	3.143.108	1.948.672	1.953.089
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	8.705.882	5.076.923	3.262.235

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

Để đạt được những kết quả khả quan như trên, Chính phủ, Tổng cục Hải quan cùng các đơn vị liên quan đã và đang thực hiện cải cách một cách mạnh mẽ và toàn diện. Nghị quyết số 19 hàng năm của Chính phủ, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Nghị định số 85/2019/NĐ-CP và gần đây nhất là Quyết định 38/QĐ-TTg năm 2021 về Đề án Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu được ban hành là nỗ lực của Chính phủ trong việc cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành tại cửa khẩu. Tính đến tháng 9 năm 2021, đã có 13 bộ, ngành tham gia kết nối với 233 TTHC qua cơ chế một cửa⁵³ (bao gồm cả 4 TTHC trực thuộc Bộ NNPTNT và Bộ KH-CN được khảo sát). Nhiều bộ, ngành chuyển đổi phương thức kiểm tra chất

⁵³ Báo Điện tử Chính phủ, 4/10/2021, “233 thủ tục hành chính triển khai trên Cơ chế một cửa quốc gia”, truy cập tại: <https://baohinhphu.vn/233-thu-tuc-hanh-chinh-trien-khai-tren-co-che-mot-cua-quoc-gia-102301582.htm>

lượng đối với hàng hóa nhập khẩu từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", theo thông tin từ Báo điện tử Chính phủ⁵⁴.

2.6.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Nhóm TTHC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành chịu sự quản lý độc lập của nhiều bộ/ngành khác nhau. Báo cáo này chỉ tập trung phân tích thực trạng thực hiện 05 TTHC thuộc 03 Bộ: Bộ NNPTNT, Bộ KH-CN và Bộ TTTT. Kết quả khảo sát một lần nữa khẳng định xu hướng cải thiện của nhóm TTHC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành trong năm 2021. Những tín hiệu tích cực này phần lớn đến từ sự nỗ lực của các bộ/ngành liên quan trong việc tiếp tục triển khai thực hiện DVC trực tuyến và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động kiểm tra chất lượng hàng hóa.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực trong việc thực hiện TTHC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành, khảo sát APCI 2021 cũng ghi nhận được những gợi ý cải cách và kỳ vọng doanh nghiệp đối với nhóm TTHC như sau:

Ở khâu Tìm hiểu thông tin, doanh nghiệp mong muốn các cơ quan giải quyết TTHC có những hướng dẫn cụ thể và chi tiết hơn về TTHC; đồng thời cung cấp các kênh giải đáp thắc mắc mới thuận tiện hơn cho doanh nghiệp. Một số gợi ý được đề xuất là:

- *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật về TTHC liên quan đến Kiểm tra chuyên ngành đặc biệt là các quy định mới cần được cập nhật kịp thời lên trang thông tin điện tử (website) của đơn vị quản lý kèm theo giải thích, hướng dẫn chi tiết rõ ràng cụ thể;*
- *Các cơ quan chuyên môn trung ương và địa phương phụ trách tiếp nhận hồ sơ cần thiết lập đội ngũ hỗ trợ qua email, đường dây nóng, phản hồi trực tuyến tại website; và*
- *Đào tạo và thường xuyên cập nhật quy định mới nhất về TTHC cho cán bộ tư vấn, hướng dẫn TTHC, đặc biệt là thông tin về thực hiện TTHC trực tuyến; đảm bảo cán bộ tư vấn có đầy đủ năng lực chuyên môn và thái độ chuyên nghiệp khi tiếp nhận thắc mắc của doanh nghiệp.*

Đối với nộp hồ sơ trực tuyến, doanh nghiệp mong muốn có thể nộp toàn bộ hồ sơ tại một Cổng DVC trực tuyến duy nhất, với đường truyền mạng ổn định và tốc độ xử lý hồ sơ nhanh. Đồng thời, doanh nghiệp đề cập đến việc nâng cấp và tối ưu hóa Cổng VNSW, một số đề xuất được ghi nhận dưới đây:

- *Đẩy mạnh việc kết nối thực hiện trực tuyến TTHC về Kiểm tra chuyên ngành lên Cổng VNSW, đặt mục tiêu tất cả các TTHC liên quan đến quản lý nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh đều có thể được thực hiện thông qua Cổng VNSW ở mức DVC trực tuyến cấp độ 4;*

⁵⁴ Website của Văn phòng Chính phủ, 31/08/2021, "Thúc đẩy Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành", truy cập tại: <https://vpccp.chinhphu.vn/thuc-day-co-che-mot-cua-quoc-gia-co-che-mot-cua-asean-cai-cach-cong-tac-kiem-tra-chuyen-nganh-11526411.htm>

- *Triển khai kết nối, tích hợp và chia sẻ thông tin giữa Cổng VNSW và Cổng DVCQG, cụ thể, doanh nghiệp có thể sử dụng một tài khoản duy nhất để đăng nhập vào cả hai Cổng, thông tin chi tiết toàn bộ quá trình giải quyết TTHC trên hai Cổng được đồng bộ hóa với nhau; và*
- *Nâng cấp Cổng VNSW theo hướng (i) giao diện thân thiện với người dùng, (ii) cho phép tải tệp điện tử (file scan) với dung lượng lớn, (iii) gia tăng tốc độ xử lý và khả năng truy cập, (iv) thiết lập trình báo cáo tự động về số lượng TTHC được tích hợp trên Cổng, số lượng hồ sơ TTHC đang giải quyết, số lượng doanh nghiệp truy cập.*

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp kỳ vọng rằng các bộ/ngành đơn giản hóa hoạt động Kiểm tra chuyên ngành theo nguyên tắc quản lý rủi ro, chuyển đổi phương pháp quản lý từ việc kiểm tra từng lô hàng sang kiểm tra theo mặt hàng. Những kỳ vọng này đã được đưa vào Đề án Cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu (theo Quyết định 38/QĐ-TTg năm 2021), mà nếu thực hiện tốt sẽ có thể tạo nên bước đột phá trong hoạt động cải cách TTHC Kiểm tra chuyên ngành.

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MÔI TRƯỜNG

Nhóm TTHC Môi trường khảo sát trong năm 2021
bao gồm 03 TTHC:



Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường



Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường (cấp tỉnh)



Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

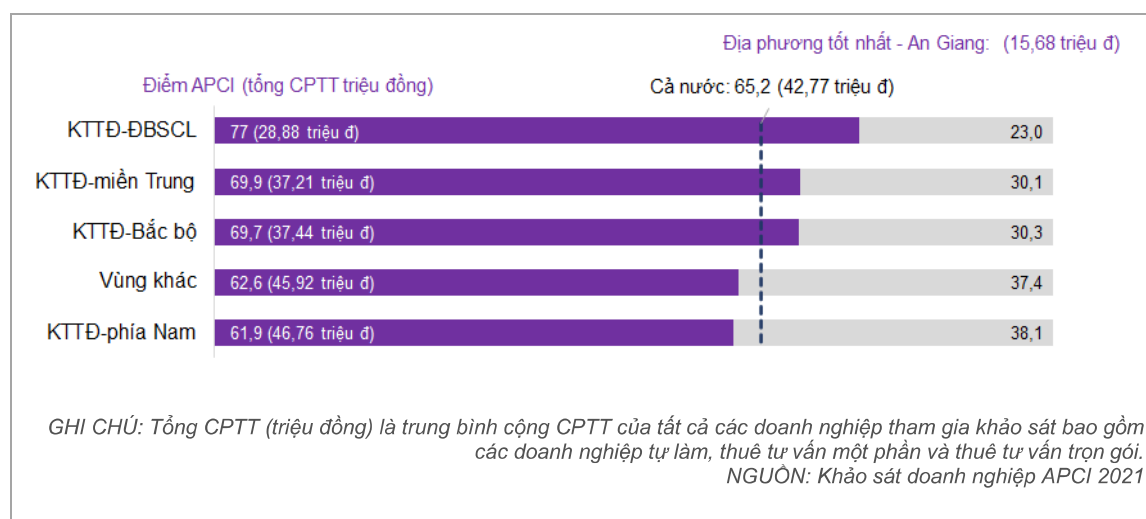
Phần phân tích nhóm TTHC Môi trường bao gồm 3 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của 3 TTHC Môi trường và phân tích theo nhiều chiều (tỉnh/vùng...); (ii) So sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC; và (iii) Một số khuyến nghị đề xuất để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC Môi trường.

2.7.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Môi trường

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm TTHC Môi trường

Kết quả khảo sát APCI 2021 của 3 TTHC Môi trường được trình bày tại HÌNH 48 dưới đây. Điểm APCI của nhóm TTHC Môi trường đạt 65,2/100 điểm, tương đương với mức CPTT 42,77 triệu đồng. Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ ĐBSCL có điểm số tốt nhất với 77 điểm tương đương 28,88 triệu đồng cho CPTT, chỉ bằng 2/3 CPTT trung bình cả nước. Ngược lại, vùng KTTĐ phía Nam có điểm APCI thấp nhất, chỉ 61,9 điểm tương đương với 46,76 triệu đồng cho CPTT, cao gấp 1,6 lần so với vùng tốt nhất - KTTĐ ĐBSCL. An Giang được ghi nhận là địa phương thực hiện TTHC Môi trường tốt nhất cả nước với mức CPTT chỉ khoảng 15,68 triệu đồng/TTHC, chỉ bằng 1/3 CPTT trung bình cả nước.

HÌNH 48: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Môi trường



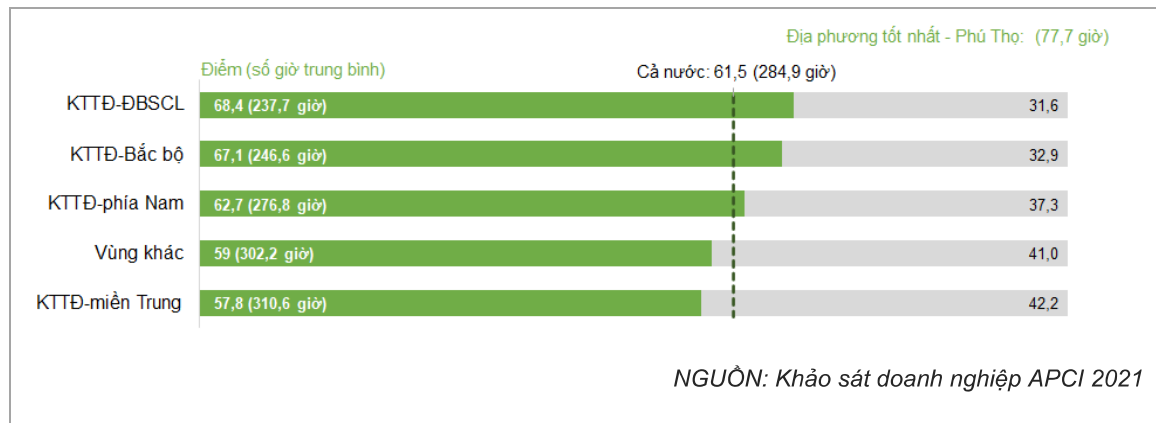
Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Môi trường được phản ánh tại HÌNH 49. Trong đó, chi phí trực tiếp chiếm 35% trong tổng CPTT, 65% CPTT còn lại là chi phí thời gian mà doanh nghiệp phải chi trả để thực hiện các TTHC về Môi trường. Phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Môi trường được trình bày dưới đây.

THỜI GIAN THỰC HIỆN

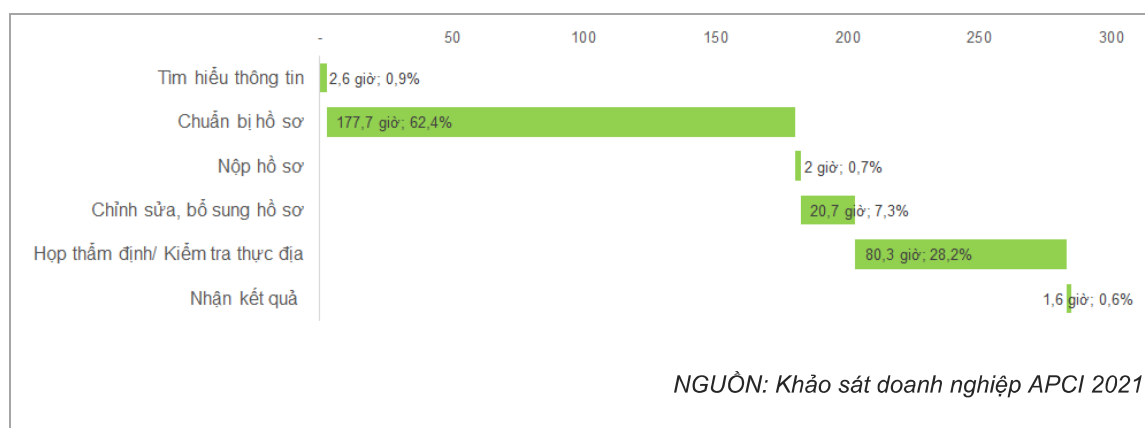
Nhóm TTHC Môi trường có thời gian thực hiện dài nhất trong chín nhóm TTHC được khảo sát. Số giờ làm việc trung bình mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện một TTHC Môi trường là 284,9 giờ (tương đương xấp xỉ 36 ngày làm việc). Vùng KTTĐ ĐBSCL dẫn đầu cả nước về thời gian thực hiện với 237,7 giờ (bằng 83,7% thời gian trung bình cả nước), trong khi đó doanh nghiệp tại vùng KTTĐ miền Trung mất đến 310,6 giờ để thực hiện một TTHC (nhiều hơn vùng KTTĐ ĐBSCL 72,9 giờ). Phú Thọ là địa phương có thực tiễn tốt nhất về thời gian thực hiện TTHC Môi trường với 77,7 giờ, bằng 27,3% thời gian thực hiện trung bình của cả nước (HÌNH 50).

HÌNH 50: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Môi trường



HÌNH 51 dưới đây thể hiện chi tiết về thời gian thực hiện ở sáu bước thực hiện của một TTHC Môi trường điển hình. Trong đó doanh nghiệp dành đến 90,6% tổng thời gian cho việc Chuẩn bị hồ sơ và tham gia vào quá trình thẩm định hồ sơ với cơ quan quản lý về môi trường.

HÌNH 51: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC Môi trường



Doanh nghiệp dành trung bình 177,7 giờ (tương đương với 62,4% tổng thời gian thực hiện) cho các hoạt động liên quan đến Chuẩn bị hồ sơ. Theo ghi nhận từ khảo sát, thời gian trung bình để xây dựng các bản kế hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) từ một đến ba tháng làm việc, bao gồm thời gian làm việc của tư vấn, thu thập dữ liệu môi trường, và thời gian phối hợp, hỗ trợ tư vấn của doanh nghiệp. Với các quy định ngày càng chặt chẽ về yêu cầu bảo vệ môi trường...cũng đồng nghĩa với việc doanh nghiệp càng phải đầu tư về nguồn lực, và chuyên môn cho các hoạt động này. Quy mô dự án càng lớn, càng phức tạp thì thời gian Chuẩn bị hồ sơ càng nhiều.

Với những doanh nghiệp thực hiện TTHC Thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM và Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, cơ quan thẩm định có thể yêu cầu hợp thẩm định/kiểm tra thực địa, và chỉnh sửa, bổ sung lại hồ sơ theo kết quả thẩm định (nếu cần). 90% doanh nghiệp tham gia khảo sát thực hiện một trong hai TTHC trên phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo kết quả thẩm định. Thời gian trung bình tham gia các hoạt động Hợp thẩm định/Kiểm tra thực địa và chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả hợp thẩm định bằng 1/3 thời gian Chuẩn bị hồ sơ ban đầu với các vấn đề liên quan đến nội dung chuyên môn sâu của báo cáo ĐMT hoặc báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm.

Về việc thực hiện DVC trực tuyến, khảo sát APCI 2021 ghi nhận 68% doanh nghiệp tìm hiểu thông tin về TTHC Môi trường thông qua internet, nhưng chỉ 6,1% doanh nghiệp được khảo sát nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng DVC của địa phương hoặc Cổng DVC của Bộ TNMT. Việc nộp hồ sơ trực tuyến chỉ ghi nhận được ở TTHC Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Đây là TTHC được đẩy mạnh triển khai DVC trực tuyến mức độ 3 hoặc mức độ 4 trên cả nước, trong đó có 43 tỉnh kết nối trực tiếp với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tuy nhiên, việc triển khai trực tuyến ở các địa phương dường như vẫn chỉ mang tính hình thức theo như trao đổi với các doanh nghiệp ở HỌP 13 dưới đây:

HỢP 13: Trải nghiệm của doanh nghiệp về Tìm hiểu thông tin và Nộp hồ sơ trực tuyến cho TTHC về Môi trường

“Phần mềm hành chính công của tỉnh quá lạc hậu, thường xuyên bị treo, thường xuyên phải gọi hotline lên kiến nghị. Thời gian nộp hồ sơ truyền thống chỉ mất 5 phút đi bộ, nhưng nộp online mất 10 ngày mới được chấp nhận”

“Website của Sở TNMT không được cập nhật thường xuyên, tra cứu khó, thông tin về các TTHC và hướng dẫn không rõ ràng”

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Mặc dù vậy, trong số các địa phương được khảo sát, Đà Nẵng là địa phương được nhiều doanh nghiệp nhắc đến với những trải nghiệm hài lòng khi nộp hồ sơ trực tuyến. Với 8/9 doanh nghiệp được khảo sát đã nộp hồ sơ điện tử, có 75% doanh nghiệp thực hiện thủ tục trực tuyến tại Đà Nẵng chỉ mất 5 phút để nộp hồ sơ. Khái quát về hoạt động của Cổng DVC trực tuyến của Đà Nẵng được tóm tắt ở HỢP 14 dưới đây.

HỢP 14: Áp dụng Cổng DVC trực tuyến tại Đà Nẵng

Ngày 2/10/2019, UBND thành phố Đà Nẵng đã chính thức vận hành, đưa Cổng DVC trực tuyến vào hoạt động tại địa chỉ <https://dichvucong.danang.gov.vn>. Đến nay, Thành phố đã áp dụng DVCTT mức độ 4 cho toàn bộ 21 TTHC lĩnh vực môi trường thuộc quyền quản lý của Sở TNMT. Nhằm khuyến khích người dân sử dụng Cổng DVCTT thực hiện TTHC Môi trường, sở TNMT Thành phố thực hiện một loạt các biện pháp như (i) ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện DVC trực tuyến, (ii) tổ chức cuộc thi về tìm kiếm giải pháp, sáng kiến, mô hình cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho Sở TNMT, (iii) vận hành cơ chế tiếp công dân thông qua bưu điện, email và điện thoại...

Trong năm 2020-2021, trước tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp tại Thành phố Đà Nẵng, dưới sự chỉ đạo của UBND Tỉnh, Sở TNMT Thành phố đưa ra thông báo tạm dừng việc tiếp nhận trực tiếp hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC vào khoảng thời gian dịch bệnh diễn ra căng thẳng; khuyến khích doanh nghiệp sử dụng Cổng DVCTT và sử dụng dịch vụ bưu chính công trong việc gửi hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính. Ngoài ra, Sở TNMT công khai số điện thoại của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và viên chức, công chức được phân công theo dõi, xử lý hồ sơ để các doanh nghiệp biết liên hệ công tác. Việc này đã gián tiếp thúc đẩy chính quyền, doanh nghiệp và người dân trên toàn thành phố nâng cao năng lực sử dụng và điều hành Cổng DVC trực tuyến.

NGUỒN: Tổng hợp từ các doanh nghiệp được khảo sát trong APCI 2021

Doanh nghiệp có thể nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan chuyên môn địa phương hoặc qua bưu điện, trong khảo sát APCI 2021, không có doanh nghiệp nào nhận kết quả trực tuyến. Tỷ lệ doanh nghiệp nhận kết quả qua bưu điện (11% tổng số doanh nghiệp được khảo sát) được ghi nhận tăng so với các kỳ khảo sát trước, đặc biệt là những doanh nghiệp thực hiện TTHC trong giai đoạn đầu năm 2021. Điều này thể hiện rõ những ảnh hưởng của dịch COVID-19 đến các thực hành về giải

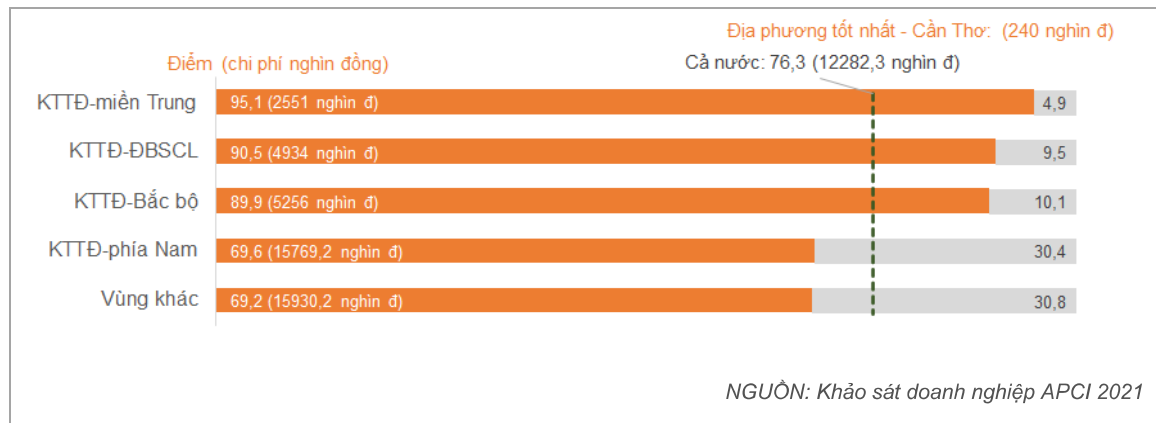
quyết TTHC của cả CQNN và doanh nghiệp. Ngoài ra, trong năm 2020, các giải pháp thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ bưu chính trong giải quyết TTHC của Chính phủ và các bộ ngành cũng đã có những kết quả nhất định. Thời gian kéo dài là một trong số những lý do của doanh nghiệp về việc không muốn sử dụng dịch vụ bưu chính mà muốn đến trực tiếp CQNN. Việc đến trực tiếp CQNN phụ trách để lấy hồ sơ sẽ tiếp kiệm được 3 ngày chờ đợi so với nhận kết quả qua đường bưu điện.

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

Chi phí trực tiếp để thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Môi trường gồm chi phí thuê đơn vị tư vấn môi trường, chi phí thẩm định của CQNN, các chi phí liên quan đến tham vấn cộng đồng, chi phí tổ chức họp thẩm định.

Khảo sát ghi nhận mức chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp cần bỏ ra để thực hiện một TTHC về Môi trường là 14,4 triệu đồng. Chi phí trực tiếp tại vùng KTTĐ miền Trung là thấp nhất trong số các vùng KTTĐ, khoảng 2,8 triệu đồng, chỉ bằng khoảng 1/5 chi phí trực tiếp trung bình cả nước. Hai địa phương là Bình Thuận và Cần Thơ ghi nhận mức chi phí trực tiếp thấp nhất cả nước với 1,2 triệu đồng, chỉ bằng khoảng 1/12 chi phí trực tiếp cả nước (HÌNH 52).

HÌNH 52: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Môi trường theo vùng



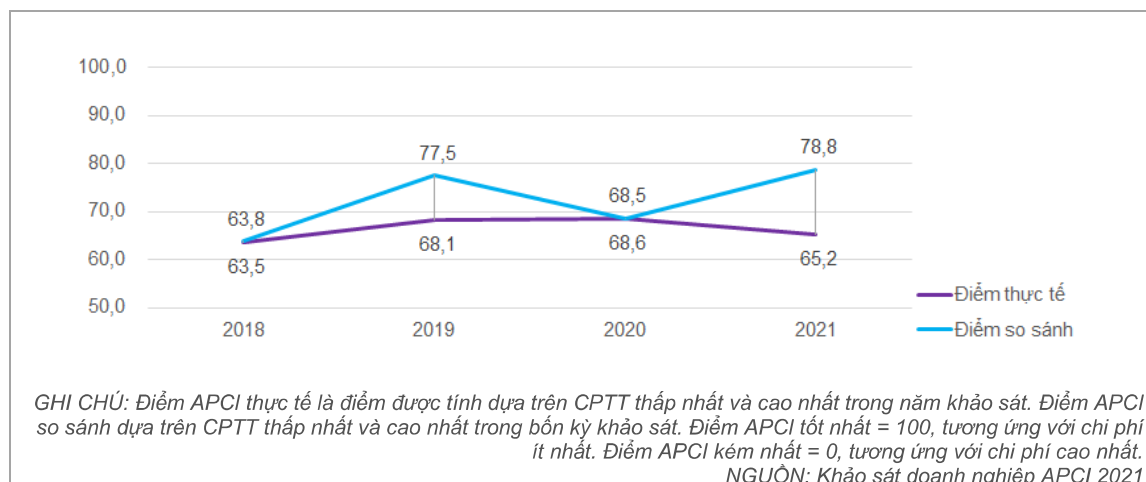
Do tính chất phức tạp của thủ tục, việc Chuẩn bị hồ sơ (sao chụp, in ấn, công chứng, dịch thuật, lấy mẫu quan trắc môi trường...) cho các TTHC Môi trường chiếm một khoản chi phí lớn, trong đó riêng việc sao chụp, in ấn, công chứng phổ biến là khoảng 1 triệu đồng, đây là một con số tương đối lớn so với chi phí cùng loại ở các nhóm TTHC khác. Mức chi phí trực tiếp cho thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường có sự khác biệt rõ rệt với hai thủ tục còn lại do tính chất khác biệt về công việc, và những yêu cầu khắt khe về bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp chia sẻ rằng chi phí lấy mẫu, quan trắc môi trường trong việc thực hiện báo cáo ĐTM tăng cao một phần là do nhiều vùng không có sẵn dữ liệu môi trường đầu vào, đặc biệt là dữ liệu về quan trắc không khí, nguồn nước.

Chi phí không chính thức: Khảo sát ghi nhận được 32 trong tổng số 280 doanh nghiệp (tương đương 11,4%) đã phải chi trả các chi phí không chính thức để hoàn thành TTHC Môi trường. Theo đó, chi phí không chính thức phát sinh ở tất cả các khâu cần làm việc trực tiếp với CQNN, đặc biệt ở các khâu Họp tham vấn cộng đồng, Khảo sát thực địa, và Họp thẩm định hồ sơ.

2.7.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Môi trường

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần 2.7.1) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 53: Điểm APCI của Nhóm TTHC Môi trường qua các năm



Nhìn vào điểm số APCI của nhóm TTHC Môi trường có thể thấy một số tín hiệu tích cực về sự cải thiện trong giai đoạn 2018 - 2021. Điều này cũng phần nào phản ánh sự thay đổi về môi trường pháp lý trong bảo vệ môi trường, và những nỗ lực cải cách hành chính của các cơ quan quản lý về môi trường.

Mặc dù điểm so sánh của nhóm trong năm 2021 là cao nhất trong các năm, tuy nhiên về điểm thực tế của năm 2021 chỉ cao hơn so với năm 2018. Cả thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm Môi trường trong khảo sát APCI 2021 đều tăng cao so với hai năm liền trước, mặc dù chi phí trung bình chung giảm (BẢNG 10). Điều này có thể được giải thích bởi tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng trung gian trọn gói giảm rõ rệt ở năm 2021 (chỉ 1% tổng số doanh nghiệp được khảo sát trong kỳ) so với các năm liền trước (trung bình 55% tổng số doanh nghiệp được khảo sát trong kỳ). Thông thường, tổng CPTT của doanh nghiệp chi trả cho dịch vụ tư vấn trọn gói thực hiện TTHC thường gấp từ 2 đến 3 lần so với việc chỉ sử dụng một phần dịch vụ tư vấn cho những công việc yêu cầu chuyên môn sâu. Những số liệu này là tín hiệu tích cực về tác dụng của các chính sách về bảo vệ môi trường. Đã có những thay đổi nhất định về nhận thức của các Chủ doanh nghiệp/chủ dự án, thực sự tham gia vào việc xây dựng và thực hiện các phương án để giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động sản xuất của mình đến môi trường thay vì phó mặc cho các đơn vị tư vấn xây dựng các phương án một cách hình thức chỉ để lấy cho đủ giấy phép theo yêu cầu của pháp luật.

BẢNG 10: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Môi trường qua các năm

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	72.694.629	45.412.763	63.316.780	42.765.532
Thời gian thực hiện (giờ)	218	20	62	285
Chi phí trực tiếp (đồng)	41.419.417	4.270.289	3.085.108	14.405.833

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói	24%	57%	52%	1%
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	106.979.592	75.632.704	112.535.211	n/a ⁵⁵
Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021				

2.7.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Kết quả APCI 2021 phần nào phản ánh những thay đổi tích cực của nhóm TTHC Môi trường về việc thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, khẳng định sự đúng đắn của việc đổi mới phương thức quản lý môi trường “từ bị động giải quyết sang chủ động phòng ngừa”, chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” hướng tới mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Kết quả APCI 2021 cũng ghi nhận được một số kết quả ban đầu của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các TTHC về Môi trường, thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2020. Tỷ lệ doanh nghiệp tìm kiếm thông tin về TTHC, nộp hồ sơ trực tuyến thông qua các trang thông tin, cổng DVC thay vì đến trực tiếp CQNN trong APCI 2021 tăng so với các năm trước đây.

Khảo sát doanh nghiệp đã ghi nhận được một số gợi ý cải cách của doanh nghiệp tập trung vào vấn đề **áp dụng rộng rãi thực hiện TTHC trên môi trường điện tử** đối với các TTHC Môi trường cấp địa phương như sau:

- *Áp dụng nộp hồ sơ trực tuyến với thủ tục Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chấp thuận hồ sơ điện tử (hiện nay chưa có tỉnh nào thực hiện). Việc nộp hồ sơ trực tuyến có thể giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí in ấn, và cơ quan quản lý dễ dàng chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan trong quá trình thẩm định hồ sơ.*
- *Thường xuyên cập nhật các quy định mới về TTHC, bao gồm các mẫu đơn, mẫu hồ sơ, và các thông tin về các vấn đề sai sót thường gặp của doanh nghiệp trên các Cổng thông tin điện tử, và DVC; nếu có thể tóm tắt và sơ đồ hóa các quy định thay vì chỉ đưa tên văn bản.*

Đối với quá trình xử lý hồ sơ, thẩm định hồ sơ của cơ quan quản lý về môi trường và các cơ quan liên quan, doanh nghiệp kỳ vọng vào sự chủ động phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, để hạn chế việc kéo dài thời gian xin ý kiến, xử lý hồ sơ so với quy định. Doanh nghiệp mong muốn rằng cơ quan thẩm định cung cấp các hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, và liên quan trực tiếp đến vấn đề của doanh nghiệp/dự án để hạn chế tối đa việc doanh nghiệp phải chỉnh sửa hồ sơ nhiều lần; xây dựng cơ chế phản hồi sớm về tiến độ và các yêu cầu phát sinh trong xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử như email, hotline, zalo, chatbot;

Trong bối cảnh ngành môi trường đang nỗ lực hỗ trợ Chính phủ thực hiện các cam kết của Việt Nam tại COP26, các chuyên gia môi trường trong khảo sát APCI đề xuất Bộ TNMT rà soát lại toàn bộ các quy chuẩn và tiêu chuẩn về môi trường để cập nhật với các thực hành tốt nhất về bảo vệ môi trường của khu vực và quốc tế, từ đó giúp nâng cao các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, góp

⁵⁵ Số mẫu không đủ điều kiện để phân tích

phần hiện thực hóa mục tiêu giảm phát thải ròng về 0 vào năm 2050 và giảm 30% lượng phát thải khí metan gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2030. Những quy chuẩn/tiêu chuẩn cần được ưu tiên rà soát và cập nhật ngay theo kiến nghị của doanh nghiệp bao gồm quy chuẩn/tiêu chuẩn liên quan đến sử dụng và tiêu thụ nước trong hoạt động nông nghiệp, quản lý chất thải, và các bộ quy chuẩn/tiêu chuẩn môi trường được xây dựng cách đây từ 10 đến 20 năm.

Theo thông tin từ Bộ TNMT, từ đầu năm 2021, Bộ đã bắt đầu tiến hành các hoạt động xây dựng hệ thống các trạm quan trắc môi trường trên khắp cả nước, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường quốc gia, theo Đề án "Xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường",⁵⁶ và Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Quyết định số 259/QĐ-TTg). Đây là những dự án và hoạt động quan trọng, cấp thiết và rất được cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng. Kết quả thành công của những hoạt động này bên cạnh ý nghĩa tăng cường hiệu quả kiểm soát chất lượng môi trường của cơ quan quản lý nhà nước, còn là điều kiện để giúp giảm chi phí trong việc thực hiện báo cáo ĐTM của doanh nghiệp từ việc công bố và chia sẻ thông tin quan trắc môi trường của CQNN.

⁵⁶ Quyết định 1618/QĐ-TTg Ngày 24/10/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1618/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án Xây dựng Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUẾ

Nhóm TTHC Thuế khảo sát trong năm 2021
bao gồm 03 TTHC:



Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp



Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp



Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

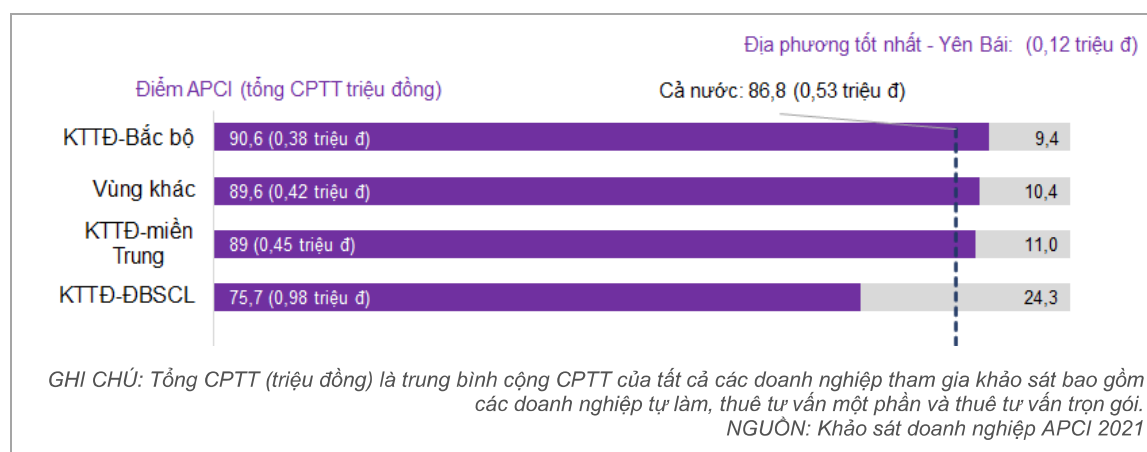
Phần phân tích nhóm TTHC liên quan đến Thuế bao gồm 03 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của 03 TTHC về Thuế; (ii) Phân tích so sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này; và (iii) Một số khuyến nghị để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC về Thuế.

2.8.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Thuế

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm TTHC Thuế

Kết quả khảo sát APCI 2021 của 03 TTHC về Thuế được trình bày tại HÌNH 54 dưới đây. Theo đó, điểm APCI của nhóm TTHC về Thuế đạt 86,8 điểm, cách 13,2 điểm so với thực tiễn tốt nhất (100 điểm) với CPTT trung bình để thực hiện 01 TTHC trong nhóm là hơn 530 nghìn đồng. Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ Bắc bộ có số điểm cao nhất là 90,6 điểm; trung bình các doanh nghiệp ở vùng này chỉ mất khoảng 380 nghìn đồng để thực hiện 01 TTHC thuộc nhóm TTHC về Thuế. Trong khi đó, vùng KTTĐ ĐBSCL có số điểm thấp nhất với 75,7 điểm; và các doanh nghiệp tại vùng này phải chi trả xấp xỉ 980 nghìn đồng để thực hiện 01 TTHC Thuế. Yên Bái được ghi nhận là địa phương có CPTT trung bình thấp nhất cả nước với CPTT trung bình xấp xỉ 120 nghìn đồng/TTHC Thuế.

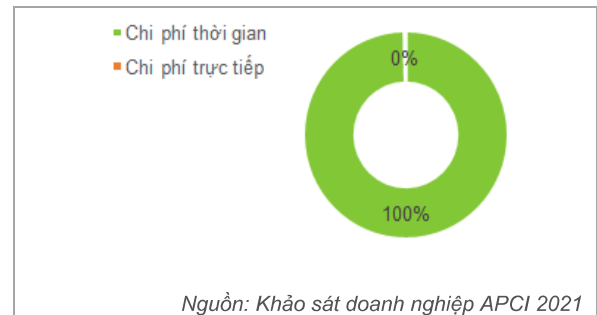
HÌNH 54: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC liên quan đến Thuế



Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế được thể hiện tại HÌNH 55. Theo đó, chi phí thời gian chiếm xấp xỉ 100% trong tổng CPTT của nhóm TTHC Thuế, doanh nghiệp gần như không mất chi phí trực tiếp khi thực hiện các TTHC Thuế. Phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế được trình bày dưới đây.

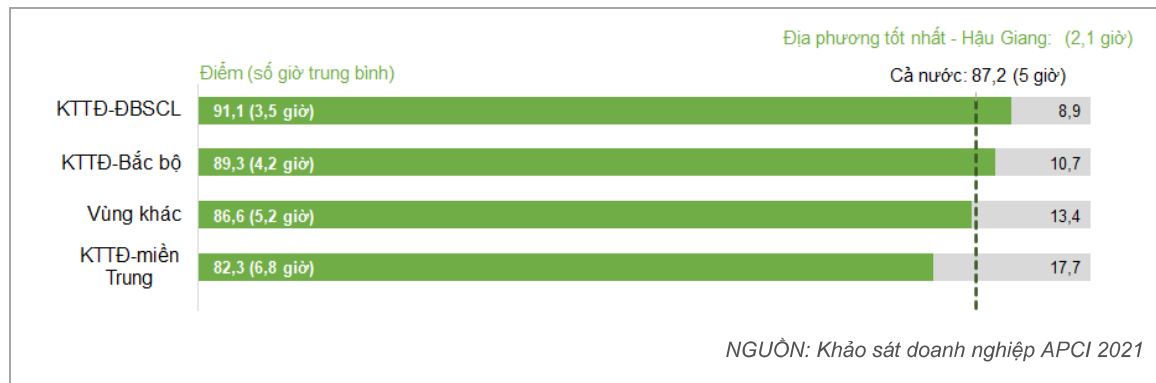
HÌNH 55: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế



THỜI GIAN THỰC HIỆN

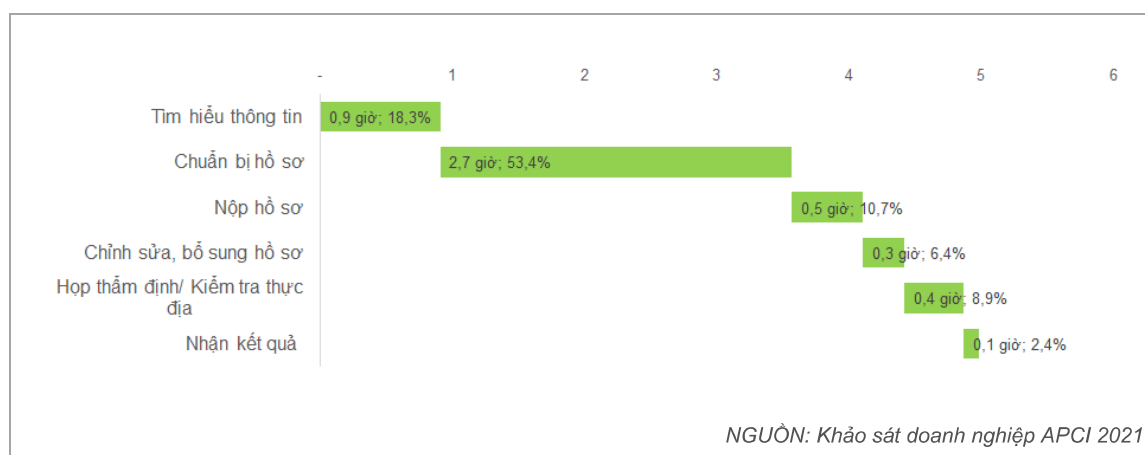
Số giờ làm việc trung bình mà mỗi doanh nghiệp trên cả nước phải bỏ ra để thực hiện 01 TTHC Thuế là khoảng 05 giờ. Hậu Giang là địa phương có thực tiễn tốt nhất cả nước về chỉ số thành phần thời gian thực hiện nhóm TTHC Thuế khi các doanh nghiệp tại địa phương này chỉ mất trung bình 2,1 giờ để thực hiện 01 TTHC về Thuế. Vùng KTTĐ ĐBSCL có điểm số tốt nhất với 91,1 điểm, và các doanh nghiệp ở vùng này chỉ mất trung bình 3,5 giờ (chỉ bằng khoảng 2/3 so với trung bình cả nước) để hoàn thành 01 TTHC Thuế. Trong khi đó, vùng KTTĐ miền Trung có điểm số thấp nhất là 82,3 điểm, và các doanh nghiệp tại vùng này trung bình phải mất 6,8 giờ để thực hiện 01 TTHC Thuế (HÌNH 56).

HÌNH 56: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Thuế



Trong 05 bước thực hiện TTHC về Thuế, Chuẩn bị hồ sơ là bước chiếm nhiều thời gian nhất (2,7 giờ; tương ứng 53,4%), tiếp đến là bước Tìm hiểu thông tin (0,9 giờ; tương ứng 18,3%) (HÌNH 57).

HÌNH 57: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC về Thuế



Tương tự kết quả khảo sát APCI 2020, Chuẩn bị và hoàn thiện hồ sơ là bước mất nhiều thời gian nhất trong số các bước thực hiện TTHC Thuế trong năm 2021. Điều này xuất phát từ tính chất đặc thù của một số TTHC Thuế. Cụ thể, khi thực hiện thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp, doanh nghiệp có thời gian Chuẩn bị hồ sơ khá lớn vì phải thực hiện một số thủ tục “dắt dây” (thủ tục phụ) để hoàn thiện hồ sơ, ví dụ như việc xin Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, quá trình khảo sát APCI 2021 cũng ghi nhận thời gian Chuẩn bị hồ sơ đối với thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp khá lớn khi một số doanh nghiệp cho biết họ mất khá nhiều thời gian để chuẩn bị và thu thập hồ sơ quyết toán thuế, có trường hợp lên đến 22 ngày làm việc.

Bước Tìm hiểu thông tin chiếm 18,3% trong tổng thời gian trung bình các doanh nghiệp tham gia khảo sát thực hiện một TTHC về Thuế. Theo kết quả khảo sát, hầu hết các doanh nghiệp đã có kinh nghiệm trong việc thực hiện thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và thủ tục Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ nên không mất thời gian tìm hiểu thông tin. Tuy nhiên vẫn có một số trường hợp, đặc biệt là ở thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể, doanh nghiệp mất thời gian tìm hiểu ở nhiều nguồn thông tin, ví dụ doanh nghiệp vừa tìm hiểu thông tin trên internet, vừa gọi điện, đi đến CQNN hoặc thông qua người thân, bạn bè để tìm hiểu thông tin về thủ tục. Mặc dù thời gian trung bình thực hiện Tìm hiểu thông tin không lớn (0,9 giờ), kết quả khảo sát năm 2021 liên quan đến bước này cao hơn kết quả năm 2020 xấp xỉ 1,2 lần (kết quả khảo sát APCI 2020 ghi nhận trung bình doanh nghiệp mất 0,7 giờ cho bước Tìm hiểu thông tin đối với nhóm TTHC Thuế).

Trong năm 2021, tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện TTHC Thuế lựa chọn nộp hồ sơ thông qua phương thức trực tuyến rất cao. Đặc biệt, thủ tục Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ dẫn đầu trong 03 thủ tục về thuế với tỷ lệ 100% doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến. Thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cũng đạt 92,2% doanh nghiệp nộp hồ sơ bằng phương thức trực tuyến. Tuy nhiên, thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp xếp cuối và đạt tỷ lệ nộp trực tuyến tương đối thấp so với 02 thủ tục còn lại (chỉ đạt 11,8%). Điều này có thể xuất phát từ mức độ phức tạp của thủ tục này. Bên cạnh đó, doanh nghiệp chưa có nhiều kinh nghiệm thực hiện thủ tục, do đó có tâm lý muốn nộp hồ sơ trực tiếp để an tâm hơn cũng như có

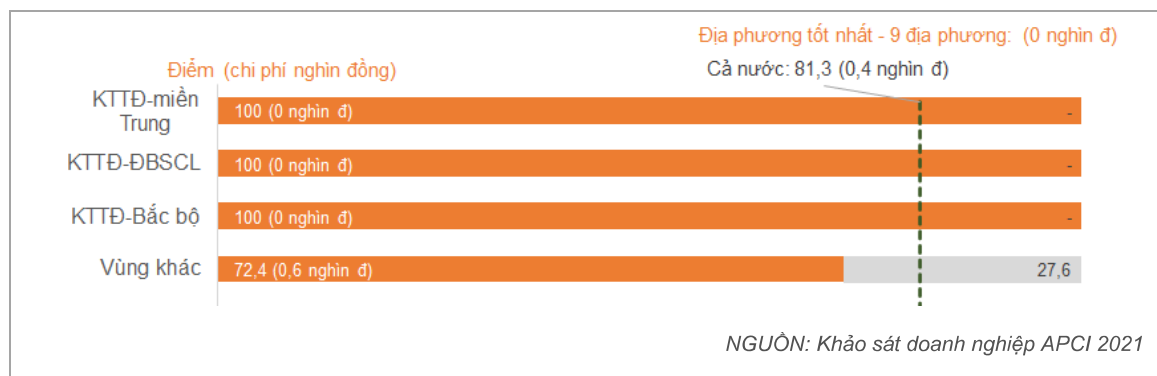
thể trực tiếp trao đổi với cán bộ xử lý hồ sơ trong trường hợp cần chỉnh sửa hồ sơ. Mặc dù vậy, với kết quả trên, có thể thấy rằng ngành Thuế đã và đang thành công trong mục tiêu triển khai tốt ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, hiện đại hoá công tác quản lý thuế.

Kết quả so sánh tổng thời gian thực hiện 03 thủ tục Thuế trong 02 trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và nộp hồ sơ trực tiếp cho thấy thời gian trung bình thực hiện thủ tục trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến đối với thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp xấp xỉ bằng 1/2 so với thời gian tương ứng trong trường hợp nộp trực tiếp (10,81 giờ so với 22,08 giờ). Tuy nhiên, với thủ tục Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, tổng thời gian thực hiện thủ tục trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến lại nhiều hơn so với thời gian tương ứng trong trường hợp nộp trực tiếp (3,83 giờ so với 2,25 giờ). Đối với thủ tục Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, kết quả khảo sát không ghi nhận thời gian nộp hồ sơ trực tiếp do 100% doanh nghiệp tham gia khảo sát thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến. Trên thực tế, cũng cần nhìn nhận rằng việc nộp hồ sơ nói riêng và thực hiện thủ tục nói chung còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như tính ổn định của hệ thống Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, kỹ năng và kinh nghiệm của người thực hiện thủ tục khi tìm hiểu thông tin, Chuẩn bị hồ sơ cũng như thực hiện việc khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế...

Tương tự với bước Nộp hồ sơ, tỷ lệ doanh nghiệp nhận kết quả bằng phương thức trực tuyến đối với các TTHC về Thuế cũng rất cao, giúp cho bước Nhận kết quả có thời gian thực hiện ngắn nhất trong các bước thực hiện thủ tục về Thuế (0,1 giờ). Bên cạnh đó, theo kết quả khảo sát, thủ tục Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp có tỷ lệ doanh nghiệp nhận kết quả bằng phương thức trực tuyến lần lượt là 99,1% và 93,8%. Thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp có 11,8% doanh nghiệp nhận kết quả trực tuyến.

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

HÌNH 58: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Thuế theo vùng



Theo HÌNH 58, kết quả khảo sát 2021 ghi nhận chi phí trực tiếp phát sinh với nhóm TTHC về Thuế trên cả nước rất thấp (xấp xỉ 400 đồng, đạt 81,3 điểm). Tất cả các vùng bao gồm KTTĐ miền Trung, KTTĐ ĐBSCL, KTTĐ Bắc bộ đều không ghi nhận chi phí trực tiếp khi thực hiện các TTHC về Thuế, chỉ có duy nhất vùng kinh tế khác phát sinh chi phí trực tiếp, tuy nhiên không đáng kể (600 đồng). Kết quả này xuất phát từ việc các doanh nghiệp thực hiện TTHC về Thuế hiện nay đa phần nộp

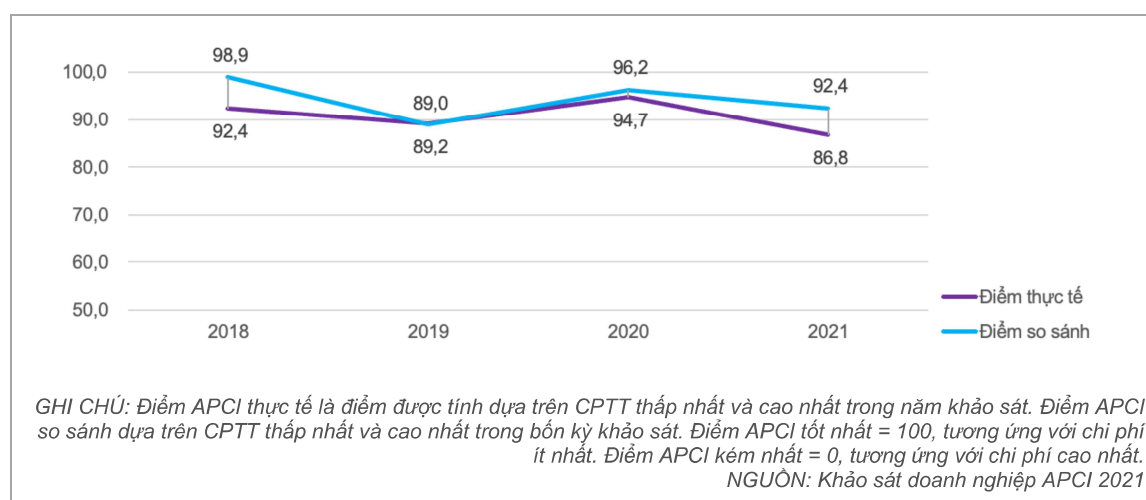
hồ sơ và nhận kết quả bằng phương thức trực tuyến, tiêu biểu là thủ tục Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ đạt xấp xỉ 100% doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tuyến. Từ đó, doanh nghiệp hạn chế được chi phí trực tiếp (như in ấn, photo tài liệu...) khi thực hiện thủ tục. Ngoài ra, TTHC Thuế cũng không phát sinh nghĩa vụ về phí/lệ phí dẫn đến hầu hết các doanh nghiệp không phát sinh chi phí trực tiếp.

Chi phí không chính thức Khảo sát không ghi nhận được phản ánh của doanh nghiệp về chi phí không chính thức đối với cán bộ CQNN khi thực hiện các thủ tục về Thuế.

2.8.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Thuế

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần 2.8.1) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 59: Điểm APCI của Nhóm TTHC Thuế



So sánh chi tiết các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Thuế tại BẢNG 11 cho thấy so với năm 2020, thời gian trung bình thực hiện 01 TTHC Thuế đã tăng hơn 1,25 lần từ 4 giờ lên 5 giờ trong năm 2021; tuy nhiên chi phí trực tiếp lại giảm, từ hơn 11 nghìn đồng ở năm 2020 còn xấp xỉ 0 đồng ở năm 2021 (374 đồng). Bên cạnh đó, phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn của năm 2021 cũng giảm gần 700 nghìn đồng so với năm 2020.

BẢNG 11: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC về Thuế

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	84.006	776.890	266.962	534.323
Thời gian thực hiện (giờ)	3	5	4	5
Chi phí trực tiếp (đồng)	n/a ⁵⁷	54.437	11.593	374
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	2.500.000	2.683.212	2.852.500	2.156.372

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

⁵⁷ Số mẫu không đủ điều kiện để phân tích

Mặc dù điểm số APCI năm 2021 của nhóm TTHC Thuế giảm nhẹ so với kết quả khảo sát ở các năm trước, tổng quan các điểm số liên quan đến thời gian thực hiện, chi phí trực tiếp, chi phí tuân thủ của nhóm TTHC về Thuế năm 2021 vẫn nằm ở mức tốt. Điều này cho thấy được những nỗ lực của ngành Thuế trong công cuộc cải cách TTHC theo hướng hiện đại hoá, đơn giản hoá thủ tục, và cả những hỗ trợ tích cực đối với doanh nghiệp và người dân trong bối cảnh phức tạp của dịch COVID-19 hiện nay. Tiêu biểu, từ ngày 17/01/2021, thành phần hồ sơ của thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể của doanh nghiệp đã lược bỏ Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan nếu doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu⁵⁸. Cũng từ ngày 17/01/2021, đối với thủ tục này cơ quan thuế chỉ tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp trong trường hợp chấm dứt tồn tại của doanh nghiệp bị chia, sáp nhập, hợp nhất và chấm dứt hoạt động của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp. Các trường hợp khác doanh nghiệp nộp hồ sơ cho cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế sẽ nhận thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh qua Hệ thống trao đổi thông tin để xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định⁵⁹. Có thể thấy, ngành Thuế đã phối hợp với các cơ quan, bộ ngành khác như đăng ký kinh doanh, hải quan trong việc trao đổi thông tin giúp giảm thời gian xử lý TTHC, mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp, người nộp thuế. Trong giai đoạn thực hiện khảo sát, quy định về trình tự, thủ tục của 02 thủ tục còn lại không có nhiều thay đổi so với năm trước đó, tuy nhiên để hỗ trợ thêm cho các doanh nghiệp trong bối cảnh dịch COVID-19, ngành Thuế cũng thực hiện gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2020 và 2021 cho các đối tượng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19⁶⁰.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý đã giúp cán bộ thuế xử lý thông tin ngày càng tốt hơn, tạo thuận lợi cho việc chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm, từ đó thời gian giải quyết hồ sơ sẽ được giảm thiểu. Trong 05 năm gần đây, ngành Thuế đã xây dựng cổng thông tin điện tử và thực hiện kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế trực tiếp qua mạng, áp dụng hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn giấy; nâng cấp hệ thống website để làm tốt việc công khai chính sách, chế độ, TTHC về thuế; cung cấp phần mềm hỗ trợ kê khai thuế miễn phí cho doanh nghiệp và người nộp thuế. Hệ thống máy chủ xử lý tập trung của ngành Thuế được quy hoạch chi tiết, rõ ràng theo chức năng cụ thể, hạ tầng máy chủ liên tục được cập nhật các công nghệ mới, các ứng dụng được đầu tư sử dụng các thiết bị chuyên dụng để xử lý, phân tích dữ liệu lớn, phức tạp. Theo đánh giá của Tổng cục Thuế, Tổng cục cũng đã duy trì hệ thống website hoạt động ổn định, cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin chính sách pháp luật, các hoạt động của cơ quan thuế⁶¹. Bên cạnh đó ngày 04/01/2021, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 02/QĐ-BTC ngày 04/01/2021 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp

⁵⁸ Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế (có hiệu lực ngày 17/01/2021), Điều 14, khoản 3, khoản 4; Điều 16

⁵⁹ Luật Quản lý thuế 2019, Điều 38, khoản 2; Thông tư 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế, Điều 14, khoản 2

⁶⁰ Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19; Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/04/2021 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021

⁶¹ Các thành tựu của ngành Thuế liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thuế, tham khảo thêm tại: <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/nganh-thue-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-quan-ly-thue-40843.html>

tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021. Trong đó, ngành Thuế được đặc biệt nhấn mạnh trong công tác cải cách TTHC theo hướng đơn giản hoá, điện tử hoá⁶².

2.8.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Mặc dù được đánh giá là đã có nhiều cải cách, mang lại sự thuận lợi cho người nộp thuế, tuy nhiên Tổng cục Thuế vẫn đang tiếp tục rà soát, đơn giản hoá TTHC, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế để giảm thêm thời gian làm thủ tục thuế. Đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 còn nhiều diễn biến phức tạp, người dân, doanh nghiệp có xu hướng thực hiện các TTHC thông qua phương thức trực tuyến, hạn chế tiếp xúc trực tiếp. Khảo sát APCI 2021 liên quan đến nhóm TTHC Thuế cũng đã cho thấy những kết quả tích cực về việc điện tử hoá, đơn giản hoá TTHC, tuy nhiên vẫn còn một số khuyến nghị từ phía doanh nghiệp về nhóm thủ tục này. Những kiến nghị của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các TTHC thuộc nhóm Thuế chủ yếu tập trung vào *tính ổn định khi sử dụng Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế*. Theo đó, khảo sát vẫn ghi nhận phản ánh của một số doanh nghiệp gặp trường hợp lỗi hệ thống khi thực hiện khai hồ sơ thuế và nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, đặc biệt là trong thời điểm cuối tháng hoặc cuối kỳ quyết toán thuế. Đây là vướng mắc mà một bộ phận doanh nghiệp gặp phải khi thực hiện TTHC về Thuế và đã được phản ánh trong cả Báo cáo APCI 2018, Báo cáo APCI 2019 và Báo cáo APCI 2020.

Nghiên cứu các nội dung phản ánh bởi doanh nghiệp và phân tích các kết quả khảo sát APCI 2021 cho thấy vẫn còn dư địa cải cách trong Nhóm TTHC Thuế, tập trung vào một số vấn đề sau:

- *Tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp hệ thống khai và nộp thuế trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, đảm bảo khả năng truy cập và sử dụng được thông suốt, tránh trường hợp không thể truy cập (đặc biệt vào cuối tháng hoặc cuối kỳ quyết toán thuế). Có cơ chế thông báo cho doanh nghiệp trong trường hợp bị lỗi hệ thống, có phương án khắc phục nhanh chóng và linh hoạt trong việc xử lý vi phạm với các tình huống doanh nghiệp nộp chậm do lỗi hệ thống mà không phải do lỗi của doanh nghiệp.*
- *Với diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 trong năm 2020 và năm 2021, số lượng các doanh nghiệp ngừng hoạt động, rời khỏi thị trường vẫn còn gia tăng. Trong quá trình khảo sát APCI năm 2021, có thể thấy nhiều doanh nghiệp mới thành lập nhưng do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 nên chưa thể hoạt động và không đủ khả năng để tiếp tục vận hành doanh nghiệp dẫn đến giải thể hoặc tạm ngừng kinh doanh có thời hạn. Vì vậy ngành Thuế cần tăng cường các biện pháp để hỗ trợ cho doanh nghiệp rời khỏi thị trường hoặc tạm ngừng kinh doanh trong thời gian nhanh nhất và duy trì được việc giúp doanh nghiệp không phải phát sinh thêm chi phí trực tiếp. Đặc biệt, việc đẩy mạnh thực hiện thủ tục Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp bằng phương thức trực tuyến để doanh nghiệp có*

⁶² Một số nội dung chính của Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 của Bộ Tài chính tham khảo thêm tại: https://vst.mof.gov.vn/webcenter/portal/ttc/r/o/ttsk/ttsk_chitiet?dID=203001&dDocName=MOFUCM188816&_adf.ctrl-state=s00lnrcfc_4&_afLoop=14074133745459937

thể rút gọn tối đa thời gian thực hiện thủ tục cũng là một mục tiêu mà ngành Thuế nên tập trung hướng tới khi kết quả thực hiện thủ tục này bằng phương thức trực tuyến trong năm 2021 còn chưa cao.

- Từ tháng 11/2021, Tổng Cục Thuế đã thực hiện thí điểm áp dụng hoá đơn điện tử tại 06 tỉnh, thành phố⁶³ theo Công văn 10847/BTC-TCT ngày 20/09/2021 về phối hợp triển khai hóa đơn điện tử theo quy định tại Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14, Nghị định 123/2020/NĐ-CP. Theo đó, các địa phương này đã triển khai áp dụng hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đủ điều kiện. Việc áp dụng hóa đơn điện tử được kỳ vọng giúp giảm rủi ro cho doanh nghiệp và tăng hiệu quả quản lý của cơ quan chức năng. Tuy nhiên, để phương án cải cách này mang lại hiệu quả cao, cơ quan thuế cần xác định và có phương án khắc phục vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để đảm bảo hệ thống vận hành luôn ổn định, tránh trường hợp bị lỗi, quá tải khiến người dân, doanh nghiệp không thể xin mã hoá đơn kịp thời và xuất hoá đơn trong ngày theo quy định. Bên cạnh đó, Tổng cục Thuế cũng cần lưu ý việc tiếp nhận và xử lý yêu cầu hỗ trợ từ phía doanh nghiệp và người dân trong quá trình sử dụng hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế một cách kịp thời và hiệu quả.

⁶³ Các tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm bao gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Phú Thọ và Bình Định

NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH XÂY DỰNG

**Nhóm TTHC Xây dựng khảo sát trong năm 2021
bao gồm 04 TTHC:**



Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42, Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP



Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)



Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)



Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

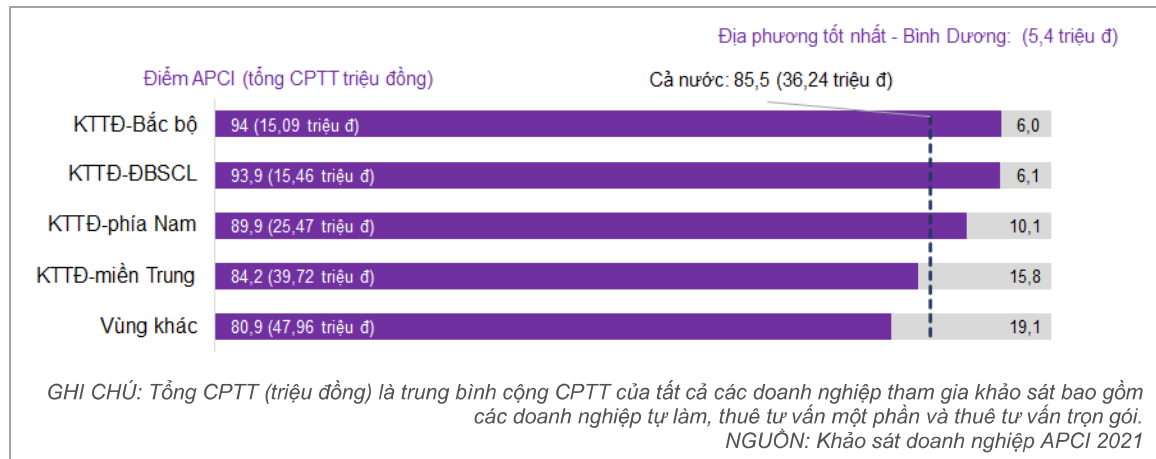
Phần phân tích nhóm TTHC Xây dựng bao gồm 03 nội dung chính: (i) Phân tích số liệu khảo sát năm 2021 của 04 TTHC Xây dựng và phân tích theo các chiều (tỉnh/vùng...); (ii) Phân tích so sánh với kết quả khảo sát của các năm trước để đánh giá mức độ cải thiện của nhóm TTHC này; và (iii) Một số khuyến nghị để tiếp tục cắt giảm CPTT của nhóm TTHC Xây dựng.

2.9.1. Số liệu khảo sát năm 2021 của nhóm TTHC Xây dựng

Tổng quan điểm APCI và CPTT trung bình của nhóm TTHC Xây dựng

Kết quả khảo sát APCI 2021 của 04 TTHC Xây dựng được trình bày tại HÌNH 60 dưới đây. Theo đó, điểm APCI của nhóm TTHC Xây dựng đạt 85,5 điểm, cách 14,5 điểm so với thực tiễn tốt nhất (100 điểm) với CPTT trung bình để thực hiện 01 TTHC trong nhóm là 36,2 triệu đồng. Trong số các vùng KTTĐ, vùng KTTĐ ĐBSCL có số điểm cao nhất là 93,9 điểm; trung bình các doanh nghiệp ở vùng này chỉ mất khoảng 15,5 triệu để thực hiện 01 TTHC Xây dựng. Trong khi đó, vùng KTTĐ miền Trung có số điểm thấp nhất trong số các vùng KTTĐ với 84,2 điểm; và các doanh nghiệp tại vùng này phải chi trả trung bình gần 40 triệu đồng để thực hiện 01 TTHC Xây dựng. Bình Dương được ghi nhận là địa phương có CPTT trung bình thấp nhất cả nước với CPTT trung bình chỉ khoảng 5,4 triệu đồng/TTHC Xây dựng.

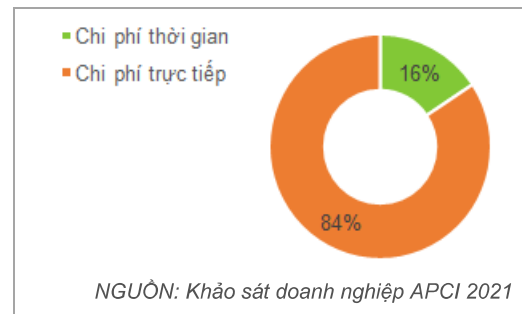
HÌNH 60: Kết quả APCI 2021 của nhóm TTHC Xây dựng



Kết quả các chỉ số thành phần

Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng được thể hiện tại HÌNH 61. Theo đó, chi phí trực tiếp chiếm 84% trong tổng CPTT của nhóm TTHC Xây dựng, còn lại (16%) là chi phí thời gian mà doanh nghiệp phải chi trả để thực hiện các TTHC Xây dựng. Phân tích cụ thể về chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng được trình bày dưới đây.

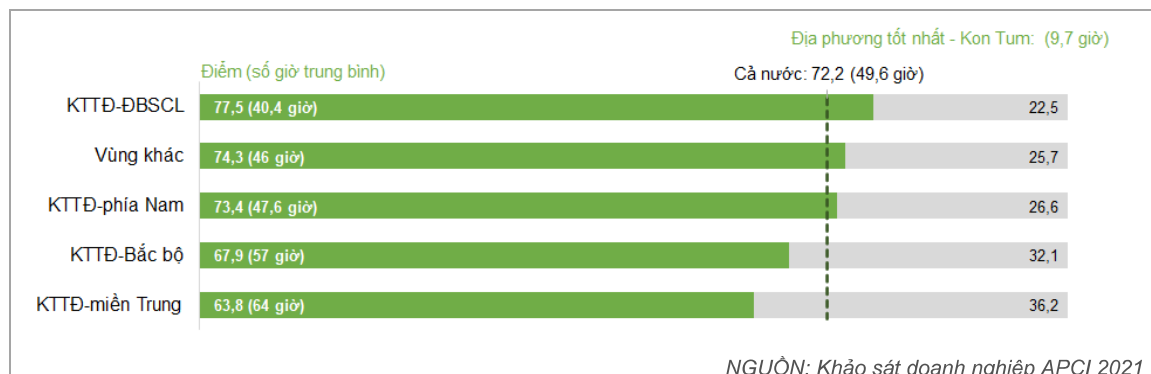
HÌNH 61: Tỷ trọng chi phí thời gian và chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng



THỜI GIAN THỰC HIỆN

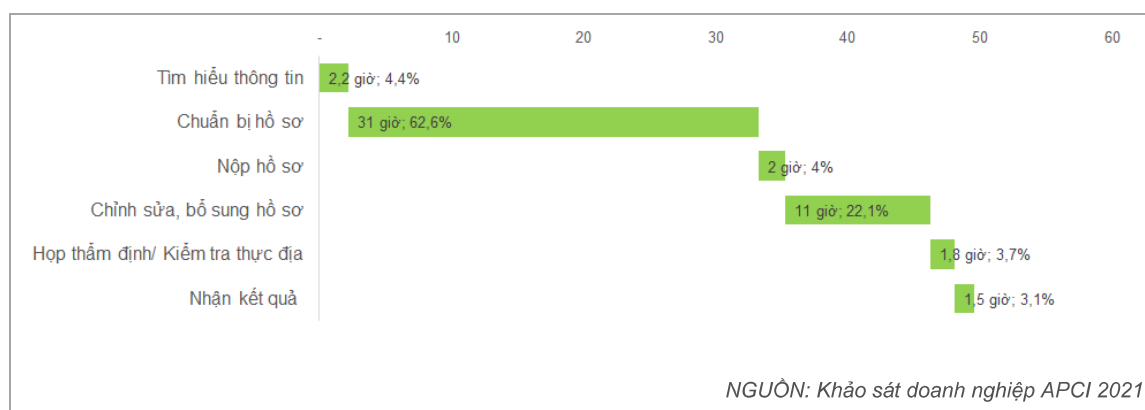
Số giờ làm việc trung bình mà mỗi doanh nghiệp trên cả nước phải bỏ ra để thực hiện 01 TTHC Xây dựng là 49,6 giờ. Kon Tum là địa phương có thực tiễn tốt nhất cả nước về chỉ số thành phần thời gian thực hiện nhóm TTHC Xây dựng khi các doanh nghiệp tại địa phương này chỉ mất trung bình 9,7 giờ để thực hiện 01 TTHC Xây dựng. Vùng KTTĐ ĐBSCL có điểm số tốt nhất về thời gian thực hiện với 77,5 điểm, và các doanh nghiệp ở vùng này mất trung bình 40,4 giờ để hoàn thành 01 TTHC Xây dựng. Trong khi đó, vùng KTTĐ miền Trung có điểm số thấp nhất về thời gian thực hiện với 63,8 điểm, và các doanh nghiệp tại vùng này trung bình phải mất 64 giờ để thực hiện 01 TTHC Xây dựng (HÌNH 62).

HÌNH 62: Thời gian thực hiện trung bình theo vùng của nhóm TTHC Xây dựng



Trong 05 bước thực hiện TTHC về Xây dựng, Chuẩn bị hồ sơ là bước chiếm nhiều thời gian nhất (31 giờ; tương ứng 62,6%). Điều này cũng phản ánh đặc thù về mức độ phức tạp của hồ sơ trong các thủ tục xây dựng, đặc biệt là thời gian làm việc với bên tư vấn thiết kế bản vẽ, hoặc tự thiết kế bản vẽ, và thu thập đủ các loại giấy tờ theo quy định.

HÌNH 63: Tỷ trọng thời gian chia theo các bước thực hiện của một TTHC nhóm Xây dựng



Yêu cầu của các CQNN về chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ trong nhóm TTHC Xây dựng cũng là một vấn đề mà nhiều doanh nghiệp gặp phải. Trong 49,6 giờ làm việc mà doanh nghiệp bỏ ra để thực hiện một TTHC Xây dựng, bước Chính sửa, bổ sung hồ sơ chiếm 22,1%, tương đương với 11 giờ làm việc. Bên cạnh việc sửa đổi, bổ sung phát sinh từ sự phức tạp về mặt kỹ thuật của các hồ sơ thẩm định, có một số doanh nghiệp cho biết phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần do CQNN không hướng dẫn chi tiết, cụ thể hoặc không xem xét hồ sơ trong một lần mà mỗi lần xem xét hồ sơ lại yêu cầu sửa một số lỗi, bổ sung thông tin hoặc các yêu cầu khác. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận một cách khách quan rằng trên thực tế, cũng còn tình trạng một số doanh nghiệp chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ, giấy tờ và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TTHC Xây dựng dẫn đến trong quá trình giải quyết TTHC bị thiếu, sai sót và phải bổ sung nhiều lần mới hoàn chỉnh được hồ sơ.

Trong năm 2021, khảo sát ghi nhận một tỷ lệ nhất định các doanh nghiệp lựa chọn nộp hồ sơ thông qua phương thức trực tuyến. Dẫn đầu là thủ tục Cấp giấy phép xây dựng với tỷ lệ nộp trực tuyến là 8,5%; tiếp sau đó là thủ tục Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh và thủ tục Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh - đều ghi nhận tỷ lệ gần 3% doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến. Khảo sát không ghi nhận trường hợp nào doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến khi thực hiện thủ tục Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. So với kết quả khảo sát APCI 2020 – chỉ có duy nhất 01 doanh nghiệp thực hiện TTHC Xây dựng trực tuyến (với thủ tục Cấp giấy phép xây dựng), tỷ lệ doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến theo khảo sát APCI 2021 đã ghi nhận sự cải thiện rõ rệt, và không chỉ trong thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mà còn mở rộng ra với các thủ tục Thẩm định, thường phức tạp về thành phần hồ sơ. Thực tiễn này phản ánh nỗ lực điện tử hoá TTHC của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng và nên được tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới.

Tuy nhiên, một số doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến với thủ tục Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh và thủ tục Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh cũng phản ánh rằng bên cạnh việc nộp hồ sơ trực tuyến, thực tế doanh nghiệp vẫn phải nộp hồ sơ bản giấy trực tiếp tại CQNN (sau khi hồ sơ nộp trực tuyến đã được chấp thuận). Ngoài ra, cũng có doanh nghiệp cho biết không phải tài liệu nào trong bộ hồ sơ cũng có thể chụp (scan) để nộp trực tuyến, đặc biệt là các bản vẽ, do

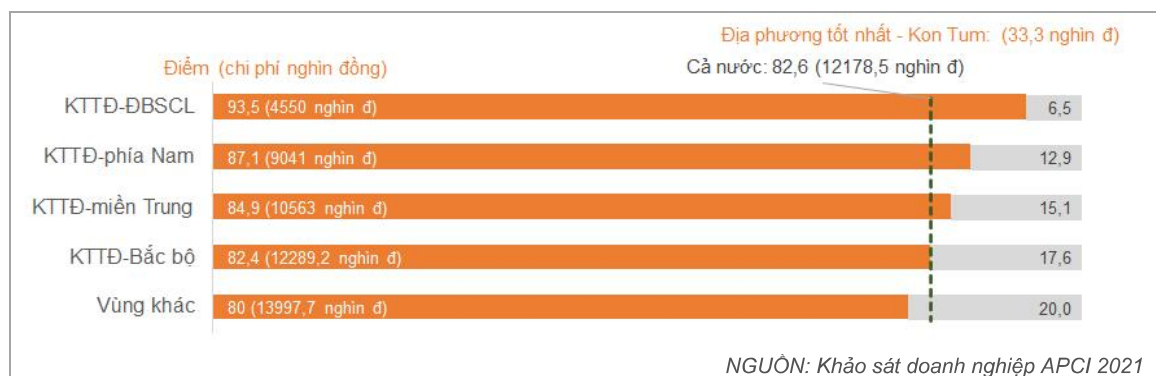
đó doanh nghiệp vẫn phải nộp trực tiếp bản giấy của những tài liệu này. Đây có thể là những vấn đề mà các cơ quan quản lý nhà nước cần giải quyết để tăng cường tính thuận tiện, tiết kiệm thêm thời gian, chi phí của doanh nghiệp khi thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, từ đó khuyến khích các doanh nghiệp lựa chọn việc nộp hồ sơ trực tuyến thay vì trực tiếp.

Cũng lưu ý rằng việc cho phép và khuyến khích nộp hồ sơ trực tuyến sẽ còn có thể giúp tiết kiệm được khá nhiều thời gian cho cả bước Nộp hồ sơ. Điều này xuất phát từ thực tế nhiều doanh nghiệp không trực tiếp thực hiện các TTHC Xây dựng (đặc biệt là các thủ tục Thẩm định) mà thuê các đơn vị tư vấn từ các tỉnh, thành phố khác thực hiện thủ tục nhằm đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của công trình. Khi đó các đơn vị tư vấn phải cử người đến địa phương có công trình xây dựng để thực hiện các TTHC Xây dựng. Trường hợp đi lại mất khoảng 01 ngày làm việc chỉ để nộp hồ sơ là khá phổ biến với các TTHC Xây dựng về Thẩm định, một số trường hợp người của đơn vị tư vấn có thể phải mất vài ngày cho việc di chuyển này.

CHI PHÍ TRỰC TIẾP

Chi phí trực tiếp để thực hiện các TTHC trong nhóm TTHC Xây dựng chủ yếu bao gồm các loại chi phí sau: (i) Chi phí in ấn, sao chụp, chứng thực; (ii) Các loại phí và lệ phí (phí thẩm định; lệ phí cấp giấy phép xây dựng).

HÌNH 64: Chi phí trực tiếp của nhóm TTHC Xây dựng theo vùng



Theo HÌNH 64, nhóm TTHC Xây dựng có chi phí trực tiếp bình quân mà mỗi doanh nghiệp phải bỏ ra là hơn 12 triệu đồng/TTHC. Vùng KTTĐ ĐBSCL có số điểm cao nhất là 93,5 điểm, và các doanh nghiệp ở vùng này chỉ phải chi trả trực tiếp trung bình 4,5 triệu đồng/TTHC Xây dựng. Với điểm số 82,4 điểm, Vùng KTTĐ Bắc bộ là vùng có số điểm thấp nhất trong số các vùng KTTĐ và các doanh nghiệp ở vùng này trung bình phải chi trả trực tiếp 12,2 triệu đồng/TTHC Xây dựng.

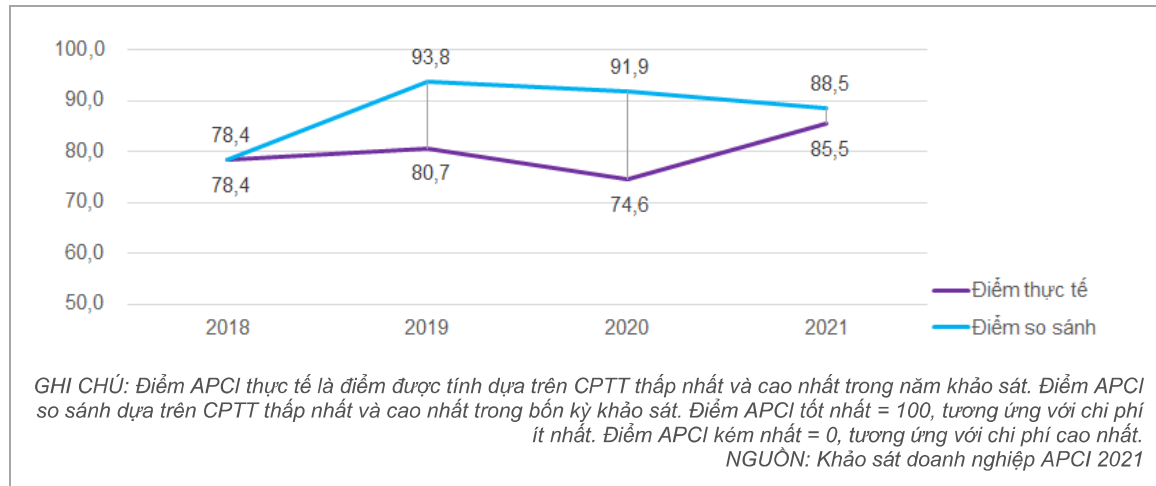
Như đã đề cập tại phần phân tích về bước Chuẩn bị hồ sơ, thực tế các thủ tục TTHC Xây dựng có thành phần hồ sơ khá phức tạp, đặc biệt là các bản vẽ thiết kế, và do đó khá tốn chi phí cho doanh nghiệp trong việc in ấn (có những trường hợp lên đến 30 – 40 triệu cho chi phí này). Do đó, nhiều doanh nghiệp mong muốn nộp hồ sơ trực tuyến để tiết kiệm chi phí dành cho in ấn, đặc biệt trong trường hợp phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nhiều lần.

Chi phí không chính thức: Khoảng 3% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết có phát sinh chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện các TTHC Xây dựng nhưng hầu hết các doanh nghiệp đều không chia sẻ mức chi phí cụ thể.

2.9.2. Mức độ cải thiện chung của nhóm TTHC Xây dựng

Hình dưới đây thể hiện điểm số APCI qua các năm, bao gồm điểm APCI thực tế theo CPTT hàng năm (được phân tích ở phần 2.9.1) và điểm APCI so sánh theo CPTT của tất cả các kỳ khảo sát.

HÌNH 65: Điểm APCI của Nhóm TTHC Xây dựng qua các năm



So sánh chi tiết các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Xây dựng, BẢNG 12 cho thấy so với năm 2020, thời gian trung bình thực hiện 01 TTHC trong nhóm Xây dựng tăng thêm 29 giờ trong năm 2021, chi phí trực tiếp tăng khoảng 7,4 triệu đồng/TTHC. Chi phí thuê dịch vụ thực hiện nhóm TTHC Xây dựng trong năm 2021 cũng có xu hướng tăng, trung bình gần 250 triệu đồng/TTHC so với 125 triệu đồng/TTHC như năm 2020. Điều này phần nào phản ánh quy mô lớn và tính chất kỹ thuật phức tạp của các công trình do các doanh nghiệp tham gia khảo sát triển khai xây dựng.

BẢNG 12: So sánh các chỉ số thành phần của nhóm TTHC Xây dựng qua các năm

Tiêu chí so sánh	2018	2019	2020	2021
Tổng CPTT (đồng)	68.150.169	19.589.220	25.528.911	36.236.703
Thời gian thực hiện (giờ)	109	18	21	50
Chi phí trực tiếp (đồng)	59.851.508	6.350.282	4.746.445	12.178.516
Phí dịch vụ trung bình chi trả cho đơn vị tư vấn (đồng)	130.190.000	67.900.000	125.461.538	249.245.455

Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp APCI 2021

2.9.3. Bài học cải cách và khuyến nghị

Xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số là mục tiêu mà Chính phủ đã đề ra trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, trong đó một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các bộ, ngành, địa phương trong việc phát triển DVC trực tuyến là “*ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng DVC trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện TTHC trực tuyến*”⁶⁴. Chính phủ đề ra mục tiêu đến năm 2025, 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức DVC trực tuyến mức độ 4⁶⁵. Quá trình điện tử hoá trong việc thực hiện TTHC về Xây dựng mới chỉ thực hiện ở những giai đoạn đầu, để có thể đạt được mục tiêu mà Chính phủ đề ra trong chiến lược xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, Bộ Xây dựng đã và đang có những kế hoạch hành động quyết liệt và mạnh mẽ hơn.

Năm 2020 và 2021 ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của ngành Xây dựng trong việc cải cách TTHC, điển hình là những cải cách về mặt chính sách và pháp luật. Tiêu biểu, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Xây dựng (**Luật Xây dựng sửa đổi 2020**) có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn đã có một số quy định mới nhằm cải cách TTHC. Theo đó, Luật này cho phép chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định bước thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở⁶⁶. Đồng thời, Luật Xây dựng sửa đổi 2020 cũng quy định miễn cấp giấy phép xây dựng với một số trường hợp cụ thể⁶⁷. Trong Quý I năm 2021, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng cũng đã được ban hành. Các văn bản mới này tích hợp thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng và cấp phép xây dựng; tích hợp, thực hiện đồng thời thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng với thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy, thủ tục về môi trường, thẩm định về công nghệ; giảm đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; tăng cường phân cấp thẩm quyền thẩm định cho địa phương; mở rộng đối tượng miễn giấy phép xây dựng; phân cấp toàn diện thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng cho địa phương; rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng từ 30 ngày xuống còn 20 ngày...⁶⁸. Những thay đổi về mặt quy định pháp luật này sẽ giúp đơn giản hoá quá trình thực hiện TTHC, dự kiến cắt giảm đáng kể chi phí tuân thủ với các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, trong năm 2021, Bộ Xây dựng cũng đã quyết định bãi bỏ 03 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; cắt giảm, đơn giản hóa 59/172 điều kiện đầu tư kinh doanh đối với 09 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đạt 34,3%; cắt giảm, đơn giản hóa 09 TTHC; cắt giảm yêu cầu, điều kiện đối với một số đối tượng khi thực hiện hoạt động xây dựng trong 03 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; tích hợp, thay thế 05 Nghị định, 07 Thông tư vào 02 Nghị định. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1963/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 phê duyệt Phương án cắt

⁶⁴ Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (**Quyết định 942**), trang 14

⁶⁵ Quyết định 942, trang 3

⁶⁶ Luật Xây dựng sửa đổi 2020, Điều 1, khoản 24

⁶⁷ Luật Xây dựng sửa đổi 2020, Điều 1, khoản 30

⁶⁸ Toàn Thắng, *Những điểm nhấn mang tính đột phá về cải cách TTHC trong lĩnh vực xây dựng*, Báo điện tử Chính phủ, 02/01/2022, truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/Hoat-dong-Bo-nganh/Nhung-diem-nhan-mang-tinh-dot-pha-ve-cai-cach-TTHC-trong-linh-vuc-xay-dung/457820.vgp>

giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong năm 2021 và năm 2022. Là một trong năm Bộ đầu tiên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, Bộ Xây dựng đang thể hiện những nỗ lực đáng ghi nhận trong quá trình cải cách TTHC, cải thiện môi trường kinh doanh.⁶⁹

Bên cạnh những nỗ lực đáng ghi nhận như trên, các kết quả khảo sát APCI cho thấy vẫn còn dư địa cho việc cải cách các TTHC trong lĩnh vực xây dựng. Cụ thể, những nội dung chia sẻ của doanh nghiệp trong khảo sát APCI 2021 liên quan tới các TTHC Xây dựng tập trung vào các nội dung sau:

- *Việc cung cấp thông tin về TTHC: Một số doanh nghiệp phản ánh rằng các văn bản, thông tin hướng dẫn của CQNN gửi cho doanh nghiệp chưa rõ ràng, cụ thể, không nêu rõ quy định pháp luật được trích dẫn nên doanh nghiệp nghiên cứu, thực hiện thủ tục còn khó khăn. Đồng thời, các doanh nghiệp đề xuất rằng website của Sở Xây dựng một số địa phương nên bổ sung hướng dẫn cụ thể về thông tin liên quan đến thực hiện TTHC, cập nhật theo quy định pháp luật hiện hành cũng như quy định của địa phương, bao gồm cả các biểu mẫu mới nhất theo quy định. Thêm vào đó, cần có người trực thường xuyên đường dây điện thoại giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp, tránh tình trạng doanh nghiệp gọi điện nhưng ít khi có người nghe máy.*
- *Liên quan đến quá trình giải quyết TTHC: Nên thông báo cho các doanh nghiệp đầy đủ một lần về những điểm cần sửa đổi, bổ sung một cách rõ ràng và cụ thể, tránh tình trạng doanh nghiệp phải chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn nhận xét rằng sự phối hợp giữa các CQNN trong một số trường hợp còn không thống nhất (giữa các lĩnh vực đất đai, môi trường và xây dựng), ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết TTHC. Đồng thời, cán bộ CQNN cần nhiệt tình hơn khi làm việc với doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp đề xuất rút ngắn thời gian thẩm định, mong muốn hồ sơ được trả kết quả đúng hạn và giảm bớt một số thủ tục thẩm định. Đặc biệt, khá nhiều doanh nghiệp bày tỏ mong muốn có thể thực hiện các thủ tục về xây dựng bằng phương thức trực tuyến (nộp hồ sơ trực tuyến, trao đổi về nội dung sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua email,...).*

Các chia sẻ của doanh nghiệp trong khảo sát APCI 2021 cũng phù hợp với các đánh giá của doanh nghiệp được phản ánh trong Báo cáo Thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư - đất đai - xây dựng - môi trường 2020 của VCCI khi kết quả khảo sát của Báo cáo này cho thấy còn một tỷ lệ đáng kể (43,7%) các doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện nhóm thủ tục “thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng”⁷⁰. Do đó, để thúc đẩy quá trình cải cách TTHC trong lĩnh vực xây dựng, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện TTHC Xây dựng, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng nên cân nhắc tới các khuyến nghị sau:

⁶⁹ Toàn Thắng, *Những điểm nhấn mang tính đột phá về cải cách TTHC trong lĩnh vực xây dựng*, Báo điện tử Chính phủ, 02/01/2022, truy cập tại: <https://baochinhphu.vn/Hoat-dong-Bo-nganh/Nhung-diem-nhan-mang-tinh-dot-pha-ve-cai-cach-TTHC-trong-linh-vuc-xay-dung/457820.vgp>

⁷⁰ VCCI, *Báo cáo Thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư - Đất đai - Xây dựng - Môi trường 2020*, truy cập tại <https://pcvietnam.vn/uploads/VN-Nghien-cuu-khac/4.-Bao-cao-TTHC-Xay-dung-2020.pdf>, hình 2.1, trang 29

- Thứ nhất, cải cách mạnh mẽ việc thực hiện TTHC bằng phương thức trực tuyến. Cho phép nộp hồ sơ và nhận kết quả hoàn toàn bằng phương thức trực tuyến, cắt giảm yêu cầu nộp thêm hồ sơ bản giấy. Nâng cấp cơ sở hạ tầng để CQNN có thể tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử. Từ đó cắt giảm chi phí trực tiếp của doanh nghiệp trong việc in ấn và cắt giảm chi phí thời gian cho việc nộp hồ sơ. Kinh nghiệm từ nhóm TTHC về Khởi sự doanh nghiệp đã cho thấy, việc bãi bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp nộp hồ sơ bản cứng sau khi hồ sơ trực tuyến được chấp thuận đã cắt giảm được đáng kể chi phí tuân thủ cho các doanh nghiệp khi thực hiện TTHC, đơn giản hoá việc thực hiện thủ tục và khuyến khích được việc thực hiện TTHC trực tuyến.

Cần nhắc thống nhất việc trao đổi về các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung trong hồ sơ với doanh nghiệp bằng thư điện tử hoặc tin nhắn để cắt giảm chi phí cho việc đi lại, tiếp nhận thông tin và trao đổi. Triển khai thống nhất việc yêu cầu chỉnh sửa bổ sung một lần duy nhất để không ảnh hưởng tới tiến độ dự án của doanh nghiệp. Việc đẩy mạnh nộp hồ sơ trực tuyến không chỉ nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp mà còn giúp hạn chế tiếp xúc trực tiếp giữa CQNN và doanh nghiệp, đảm bảo an toàn trong thời điểm dịch COVID-19 đang có nhiều diễn biến phức tạp và hạn chế phát sinh chi phí không chính thức.

- Thứ hai, nghiên cứu triển khai các phương thức hỗ trợ giải đáp thông tin cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC bên cạnh các phương thức phổ biến sẵn có như đường dây nóng (thực tế nhiều doanh nghiệp vẫn thường phải đến trực tiếp CQNN để tìm hiểu thông tin). Thực tế khảo sát cho thấy các phương thức cung cấp thông tin hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các TTHC Xây dựng, từ đó ảnh hưởng tới quá trình thực hiện thủ tục của doanh nghiệp và tạo gánh nặng cho cả CQNN trong quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ.

Do đó, để nâng cao chất lượng DVC, các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng có thể nghiên cứu thêm các phương thức hỗ trợ tự động như trợ lý ảo, phần mềm trả lời tự động. Bên cạnh đó, rất cần thiết phải thường xuyên cập nhật các biểu mẫu, trình tự, thủ tục liên quan đến việc thực hiện các TTHC về Xây dựng trên các trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng cũng như Sở Xây dựng địa phương để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin, đặc biệt trong bối cảnh pháp luật về xây dựng có sự thay đổi đáng kể trong thời gian gần đây.

- Thứ ba, tiếp tục cắt giảm thời gian giải quyết TTHC về Xây dựng. Luật Xây dựng sửa đổi 2020 đã rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng công trình từ 30 ngày xuống còn 20 ngày⁷¹. Từ thực tiễn tốt trong việc cắt giảm thời gian cấp giấy phép xây dựng nêu trên, Bộ Xây dựng tiếp tục cần nhắc rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC Xây dựng. Trên thực tế, một số địa phương đã chủ động rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, đơn cử như tại Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng Hà Nội. Trong đó, thủ tục thẩm định, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng giảm 3 ngày so với quy định; thủ tục thẩm định, điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau

⁷¹ Luật Xây dựng (sửa đổi) 2020, Điều 1, khoản 36

thiết kế cơ sở giảm 5 ngày so với quy định hiện hành⁷². Cũng lưu ý rằng việc cắt giảm thời gian giải quyết TTHC phải song hành với việc đảm bảo trả kết quả đúng thời gian quy định, tránh tình trạng lùi ngày trả kết quả so với giấy hẹn, ảnh hưởng tới tiến độ dự án và lãng phí thời gian, nhân lực của doanh nghiệp.

- *Cuối cùng, tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ của cán bộ CQNN. Các cán bộ CQNN cần có thái độ nhiệt tình hơn khi trao đổi với doanh nghiệp, hỗ trợ tích cực doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC, đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp còn khá lúng túng khi chuyển dịch thực hiện TTHC sang môi trường điện tử.*

⁷² Hà Nội: Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng, Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng, 04/01/2022, truy cập tại: <https://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1166/70067/ha-noi-don-gian-hoa-thu-tuc-hanh-chinh-trong-linh-vuc-xay-dung.aspx>

PHỤ LỤC 1: CÁCH THỨC THỰC HIỆN VÀ TÍNH TOÁN CHỈ SỐ APCI 2021 (CẬP NHẬT VỀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN)

Phương pháp thực hiện APCI 2021

Báo cáo chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (APCI) 2021 của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ là báo cáo đánh giá chi phí thực tế mà doanh nghiệp và tổ chức phải chi trả để thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trên cả nước theo quy định hiện hành trong khuôn khổ của Đề án xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC của Hội đồng tư vấn cải cách TTHC (Đề án 383) và theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 01 năm 2021 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 (Nghị quyết 02/NQ-CP). Đây là sự tiếp nối hai Nghị quyết 02/NQ-CP (các năm 2019 - 2020) và các Nghị quyết 19/NQ-CP (các năm 2014 - 2018) về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

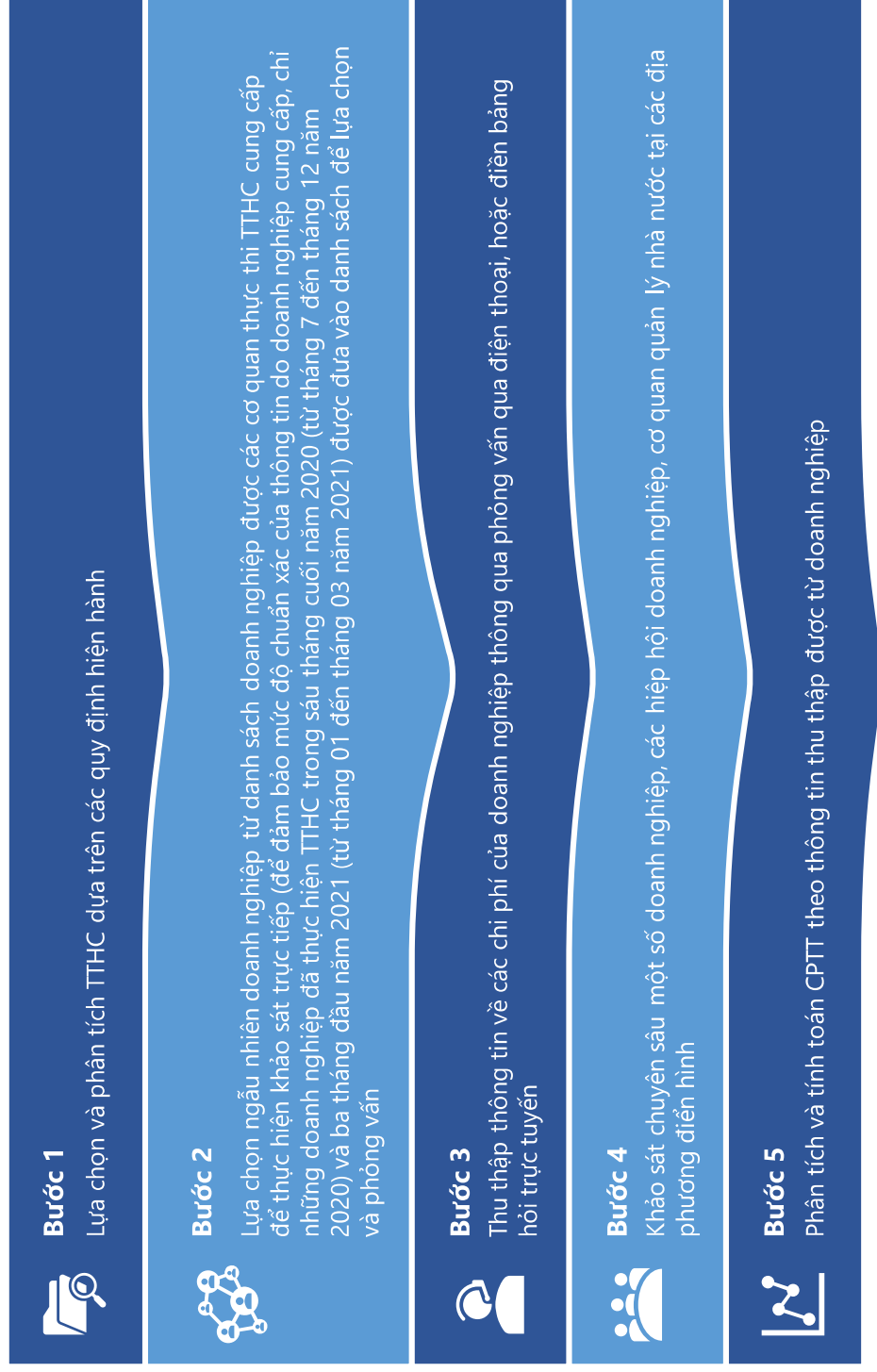
Chỉ số APCI được công bố lần đầu tiên vào năm 2018 và Báo cáo APCI 2021 sẽ là báo cáo được thực hiện lần thứ tư. Trong năm thứ tư này, APCI 2021 tiếp tục đánh giá chi phí tuân thủ (CPTT) của doanh nghiệp để thực hiện các TTHC do các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giải quyết, qua đó xác định những nhóm TTHC đã và đang là gánh nặng về chi phí của doanh nghiệp. Đồng thời, Báo cáo APCI 2021 có thể được sử dụng như một trong những thước đo về hiệu quả của những nỗ lực cải cách TTHC ở cấp trung ương (cấp ban hành chính sách) và cấp địa phương (cấp thực thi) nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành, chất lượng quản trị công của bộ máy hành chính nhà nước các cấp, và tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Các TTHC thuộc phạm vi đánh giá của Báo cáo APCI 2021 được lựa chọn dựa trên nguyên tắc là: 1) các nhóm TTHC liên quan đến vòng đời hoạt động của doanh nghiệp, và 2) các nhóm TTHC gắn với ưu tiên cải cách liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của Chính phủ.

Phương pháp xây dựng APCI 2021 và tổ chức thực hiện nghiên cứu được bám sát theo đúng Đề án 383 của Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ TTHC⁷³, gồm năm bước chính như dưới đây.

⁷³ Quyết định số 383/QĐ-HĐTV của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính ngày 07/06/2017 về xây dựng và công bố Chỉ số đánh giá chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

HÌNH 66: Phương pháp xây dựng và tổ chức thực hiện APCI 2021

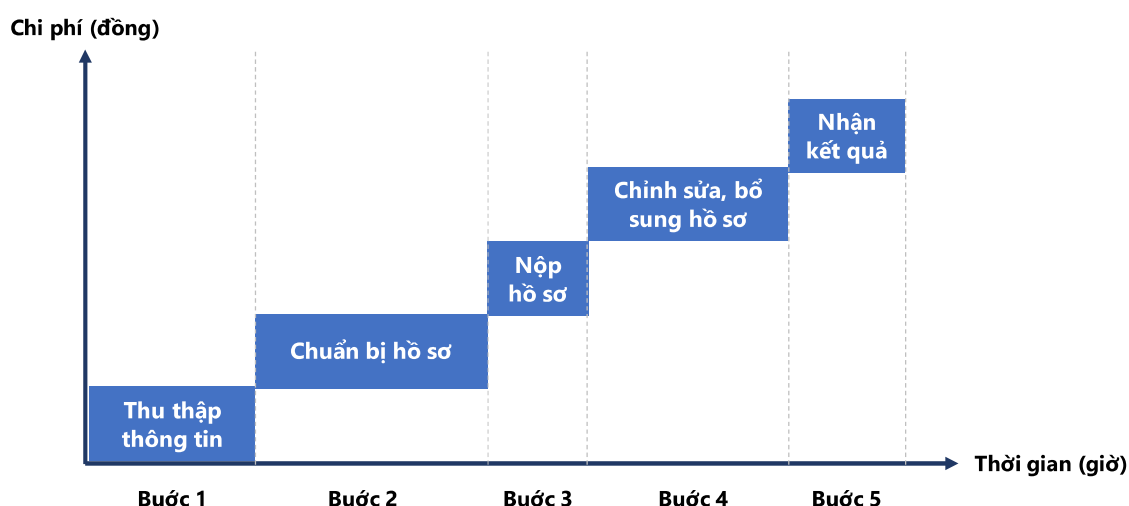


Mô hình tính toán chỉ số APCI - Cập nhật công thức cho khảo sát năm 2021

Chỉ số Đánh giá Chi phí tuân thủ Thủ tục hành chính (APCI) được xây dựng bằng cách kết hợp phương pháp tính chi phí tuân thủ TTHC theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP và việc khảo sát đối tượng thực hiện TTHC (phương pháp thu thập dữ liệu đầu vào thông qua thực tế việc thực hiện TTHC từ góc độ của cộng đồng doanh nghiệp).

Chi phí tuân thủ TTHC được đánh giá bằng cách xem xét và ghi lại tất cả các yêu cầu điều kiện và các TTHC chính thức (theo quy định của pháp luật hiện hành), và/hoặc thông thường được thực hiện trong thực tế đối với một doanh nghiệp để có được kết quả của TTHC (có thể là giấy phép, giấy chứng nhận, quyết định/văn bản hành chính của CQNN...). Quá trình này bao gồm các hoạt động mà doanh nghiệp phải trải qua từ khi bắt đầu tìm hiểu thông tin, chuẩn bị bộ hồ sơ, cho đến khi nhận được kết quả cuối cùng và cả việc hoàn thành bất kỳ yêu cầu kiểm tra, xác minh thông tin, hoặc bổ sung giấy tờ theo yêu cầu của cơ quan thụ lý TTHC (Hình 65). Chi phí này là chi phí bằng tiền hoặc thời gian làm việc được quy đổi ra tiền.

HÌNH 67: Mô hình tính toán CPTT



Thời gian thực hiện cho từng bước được đo lường theo năm bước dưới đây. Trong đó, thời gian sẽ được quy đổi thành chi phí theo giả định về chi phí ngày công. Cụ thể:

- **Bước 1: Thu thập thông tin**, bao gồm các công việc cần thiết để Doanh nghiệp hiểu rõ về thông tin cần thiết để thực hiện thủ tục. Các phương thức thu thập thông tin bao gồm và không giới hạn ở các hoạt động thu thập thông tin trực tiếp, gián tiếp và qua các kênh thông tin khác nhau...
- **Bước 2: Chuẩn bị hồ sơ**, bao gồm các hoạt động thu thập và tổng hợp thông tin để thỏa mãn các yêu cầu hồ sơ để nộp TTHC. Việc thu thập và tổng hợp thông tin bao gồm và không giới hạn ở các hoạt động điền mẫu biểu, phô tô, công chứng, dịch thuật tài liệu, thực hiện một số thủ tục/giấy phép con để hoàn thành bộ hồ sơ theo yêu cầu của CQNN.
- **Bước 3: Nộp hồ sơ**, bao gồm các hoạt động nộp hồ sơ đã chuẩn bị theo hướng dẫn CQNN thụ lý hồ sơ. Việc nộp hồ sơ có thể được thực hiện theo ba cách:

- Đến nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước;
 - Nộp trực tuyến qua internet (đối với các thủ tục cấp độ 3, và CQNN có cổng thông tin trực tuyến để thực hiện việc này); và
 - Nộp qua đường bưu điện.
- **Bước 4: Chính sửa, bổ sung hồ sơ**, bao gồm các hoạt động sửa đổi hồ sơ, bổ sung giấy tờ và nộp theo yêu cầu của CQNN thụ lý hồ sơ.

Các hoạt động khảo sát/thăm tra thực địa, họp hội đồng thẩm định,... theo yêu cầu của quá trình thẩm định hồ sơ.

- **Bước 5: Nhận kết quả**, bao gồm các hoạt động tiếp nhận kết quả theo ngày hẹn của CQNN tại địa điểm được hướng dẫn. Một số hoạt động cần thiết như thông báo/công bố thông tin trên các phương tiện thông tin được chỉ định theo luật để hoàn tất quá trình thực hiện TTHC nhưng không dẫn đến một TTHC khác cũng sẽ được bao gồm trong bước này.

Chi phí thời gian là tổng thời gian của một doanh nghiệp để thực hiện một TTHC theo năm bước thực hiện (như trên). Thời gian trung bình (giờ) được quy đổi ra chi phí bằng tiền bằng cách nhân với Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc. Số liệu về thời gian được thực hiện thông qua khảo sát các doanh nghiệp trên cả nước. Công thức tính như sau:

$$\text{Chi phí thời gian} = \text{Thời gian thực hiện theo 5 bước} \times \text{Thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc}$$

Các chỉ số áp dụng cho APCI 2021 theo Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố như sau:

- Tổng sản phẩm trong nước năm 2020: 6.293.145,896 tỷ đồng;
- Tổng số dân năm 2020: 97.582.694 người.

Theo đó, mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc tính theo công thức:

Mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc	=	Tổng sản phẩm trong nước (theo thống kê của năm gần nhất)						
		Số dân (tương ứng năm thống kê)	x	12 tháng	x	22 ngày làm việc	x	08 giờ làm việc
		= 30.535 đồng						

Chi phí trực tiếp là các loại chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả cho một bên khác để thực hiện yêu cầu về hồ sơ ở từng bước thực hiện. Chi phí trực tiếp có thể bao gồm các khoản phí, lệ phí chính thức theo quy định, nhưng không bao gồm các khoản thuế (môn bài, thuế nhà đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng...). Số liệu về chi phí được thực hiện thông qua khảo sát các doanh nghiệp trên cả nước. Công thức tính như sau:

$$\text{Chi phí trực tiếp} = \begin{matrix} \text{Phí, lệ phí và các chi phí khác} \\ \text{theo quy định (nếu có)} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí tư vấn dịch vụ (in ấn, sao chụp,} \\ \text{xác nhận, công chứng, chứng thực, dịch} \\ \text{thuật; bưu điện, ...)}^{74} \end{matrix}$$

Tổng chi chí (Chi phí tuân thủ) là tổng các chi phí mà doanh nghiệp phải chi trả khi thực hiện TTHC. Đối với các doanh nghiệp trực tiếp thực hiện TTHC thì tổng chi phí được tính toán theo công thức sau:

$$\text{Chi phí tuân thủ 01 TTHC} = \text{Chi phí thời gian} + \text{Chi phí trực tiếp}$$

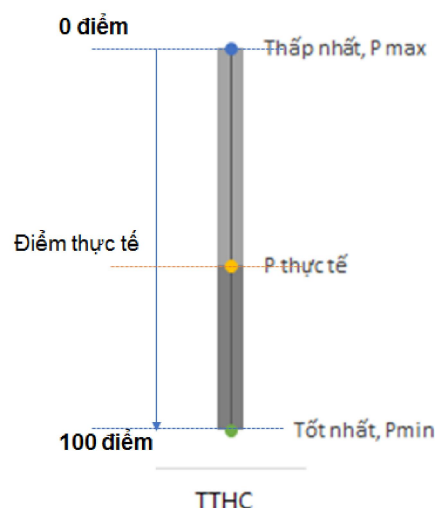
Đối với các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trung gian trọn gói để thực hiện TTHC thì *tổng chi phí = tổng chi phí cho dịch vụ trung gian trọn gói đã sử dụng*. Đối với các doanh nghiệp xác nhận có phát sinh chi phí không chính thức thì cũng được tổng hợp chung vào Tổng chi phí (Chi phí tuân thủ).

Chi phí tuân thủ TTHC được quy đổi ra điểm để so sánh sự thay đổi giữa các địa phương, vùng miền. **Điểm CPTT** được áp dụng theo công thức dưới đây:

$$\begin{aligned} \text{Điểm CPTT} &= \text{Điểm thực tế} \\ &= (P_{\max} - P_{\text{Thực tế}}) * 100 / (P_{\max} - P_{\min}) \end{aligned}$$

Trong đó:

- $P_{\text{Thực tế}}$ là giá trị trung bình của tỉnh/nhóm TTHC muốn so sánh
- $P_{\max}$ là giá trị của 99% của nhóm TTHC muốn so sánh
- $P_{\min}$ là giá trị thấp nhất của nhóm TTHC muốn so sánh



Phương pháp chọn mẫu

Danh mục TTHC khảo sát

Hàng năm, các Bộ ngành đều duy trì liên tục việc rà soát và cải cách các quy định kinh doanh, cắt giảm, sửa đổi TTHC. Do vậy, việc rà soát và cập nhật rõ TTHC để cập nhật danh mục TTHC cần thực hiện trước mỗi kỳ khảo sát. Năm 2021, bên cạnh các thủ tục xoay quanh vòng đời doanh nghiệp, các TTHC liên quan đến hỗ trợ khắc phục ảnh hưởng từ COVID-19 đã được đưa ra thảo luận với Hội đồng tư vấn cải cách TTHC, tuy nhiên sau khi đánh giá tình hình thực hiện từ các cơ quan quản lý, nhóm nghiên cứu đề xuất không đưa vào khảo sát diện rộng do số mẫu (số doanh nghiệp đã thực hiện các TTHC trong sáu tháng cuối năm 2020 và ba tháng đầu năm 2021) quá ít và không đủ để đảm bảo tính đại diện trong phân tích.

Do có sự thay đổi về quy định, trong số 67 TTHC được đề xuất cho APCI 2021, có tổng cộng 57 TTHC (Phụ lục) được lựa chọn để thực hiện khảo sát diện rộng trong APCI 2021.

⁷⁴ Chi phí trực tiếp bao gồm cả chi phí không chính thức, nếu có

So với năm 2020, danh mục các TTHC khảo sát có một số khác biệt sau:

- **Bỏ ba (03) TTHC** trong nhóm Khởi sự doanh nghiệp (KNG); trong đó, có (02) hai thủ tục không còn tồn tại trên CSDLQG về TTHC (KNG.7.5 và KNG.7.6) và một thủ tục được điều chỉnh về đối tượng thực hiện, và không còn phù hợp với APCI:
 - KNG.7.5 - Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) thành công ty TNHH hai thành viên trở lên;
 - KNG.7.6 - Chuyển đổi công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên; và
 - KNG.10 (mã TTHC 1.002051) - Đăng ký, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế.
- **Bổ sung sáu (06) TTHC** mới cho nhóm KNG do các quy định về điều chỉnh quy trình thực hiện TTHC thay thế cho một TTHC trước đây. Cụ thể, thủ tục KNG.2 - Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh), được thay thế bằng các TTHC dưới đây:
 - KNG.2.1 (mã TTHC 2.002041) - Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh);
 - KNG.2.2 (mã TTHC 1.005169) - Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh);
 - KNG.2.3 (mã TTHC 2.002010) - Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần;
 - KNG.2.4 (mã TTHC 2.002009) - Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh);
 - KNG.2.5 (mã TTHC 2.002008) - Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
 - KNG.2.6 (mã TTHC 1.005114) - Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức; và
 - KNG.2.7 (mã TTHC 2.002011) - Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh.
- **Bổ sung ba (03) TTHC** thuộc nhóm Kiểm tra chuyên ngành (KTN) theo các đề xuất của Hội đồng tư vấn và một số hiệp hội doanh nghiệp, gồm:
 - KTN.2 (mã TTHC 1.004038) - Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu;
 - KTN.3 (mã TTHC 2.001046) - Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu; và

- KTN.6 (mã TTHC 1.003113) - Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu.

Đối tượng khảo sát

Để đảm bảo phản ánh đúng tính chất “APCI 2021” theo như góp ý của các Hiệp hội doanh nghiệp tại Dự thảo báo cáo APCI 2020, nhóm nghiên cứu đề xuất sẽ lấy số mẫu khảo sát diện rộng không chỉ bao gồm các doanh nghiệp trên cả nước đã thực hiện một trong 67 TTHC trong sáu tháng cuối năm 2020, mà sẽ thêm cả các doanh nghiệp đã thực TTHC trong ba tháng đầu năm 2021.

Phương pháp chọn mẫu khảo sát

Các doanh nghiệp tham gia khảo sát APCI được chọn mẫu ngẫu nhiên từ danh sách các doanh nghiệp đã hoàn thành TTHC (nhận được kết quả của TTHC) trong sáu tháng cuối năm 2020 và ba tháng đầu năm 2021 do các cơ quan quản lý nhà nước địa phương cung cấp. Việc lựa chọn này nhằm đảm bảo tính khách quan của nghiên cứu.

Quy mô mẫu khảo sát

Tổng số mẫu khảo sát: 3279 doanh nghiệp

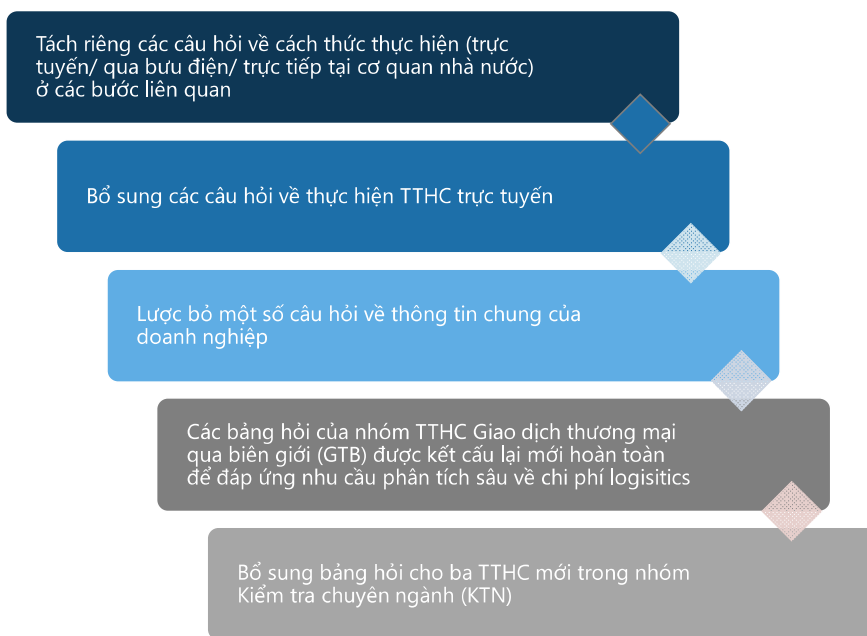
Số lượng mẫu tối thiểu cho mỗi nhóm TTHC được phân tích đảm bảo độ tin cậy 95% và khoảng sai số ± 5 . Ở mỗi địa phương/vùng được phân tích đảm bảo số lượng mẫu ≥ 5 đối với mỗi nhóm TTHC được phân tích, và đảm bảo tổng lượng mẫu ≥ 20 cho mỗi địa phương trong phân tích tổng thể các nhóm TTHC.



Bảng hỏi khảo sát 2021

Tất cả các bảng hỏi của từng TTHC được lựa chọn sẽ được cập nhật để theo sát với sự thay đổi của các quy định. Ngoài ra, một số bảng hỏi đã được tham vấn với các Bộ ngành liên quan để đảm bảo tính minh bạch, hợp lý và hiệu quả của đánh giá.

Một số điểm mới trong bảng hỏi APCI 2021 so với các năm trước:



Phương pháp phân tích

Việc phân tích được thực hiện đối với từng nhóm TTHC được lựa chọn điều tra. Tùy thuộc vào số liệu thu thập được, việc phân tích TTHC sẽ được thực hiện theo địa phương hoặc theo vùng kinh tế trọng điểm⁷⁵ (KTTĐ). Việc so sánh giữa các địa phương được thực hiện nếu địa phương đạt số lượng doanh nghiệp tham gia thực hiện TTHC có đủ độ tin cậy và mang tính đại diện. Trong mỗi nhóm TTHC, việc so sánh CPTT của nhóm với các vùng KTTĐ và địa phương có kết quả thấp nhất/cao nhất sẽ giúp có cái nhìn tổng quan về việc thực hiện TTHC ở từng vùng KTTĐ và khoảng cách tới điểm tốt nhất. Trong bối cảnh Chính phủ kiên định thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, việc đánh giá CPTT sẽ giúp mỗi vùng KTTĐ nói chung và các địa phương nói riêng xác định được điểm cần cải thiện và nhanh chóng có những quyết sách cải cách TTHC nhằm thu hút và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh và đầu tư trên địa bàn mình.

⁷⁵ Theo các Quyết định số 3318/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; và Quyết định 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020

PHỤ LỤC 2: HỒ SƠ DOANH NGHIỆP TRONG APCI 2021

Tổng số trả lời theo từng nhóm TTHC

Tên nhóm TTHC	Số DN trả lời	Tỷ lệ %
KNG-Khởi sự doanh nghiệp	632	19%
TAX-Thuế	234	7%
DDK-Điều kiện kinh doanh	463	14%
GTB-Giao dịch thương mại qua biên giới	307	9%
XDG-Xây dựng	241	7%
DDA-Đất đai	346	11%
DTU-Đầu tư	366	11%
MTR-Môi trường	280	9%
KTN-Kiểm tra chuyên ngành	410	13%
Tổng cộng	3.279	100%

Quy mô doanh nghiệp

Quy mô DN	Số DN trả lời	Tỷ lệ %
DN Lớn	271	8,3%
DN Siêu nhỏ	929	28,3%
DN Nhỏ	1292	39,4%
DN Vừa	145	4,4%
Không trả lời	641	19,6%
Tổng cộng	3.279	100%

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC NHÓM TTHC ĐƯỢC ĐỊNH HƯỚNG CHO CHỈ SỐ APCI 2021

TT	Tên nhóm TTHC	Số lượng TTHC trong nhóm
1.	Đất đai	3
2.	Điều kiện kinh doanh	7
3.	Đầu tư	4
4.	Giao dịch thương mại qua biên giới	2
5.	Khởi sự doanh nghiệp	5
6.	Kiểm tra chuyên ngành	5
7.	Môi trường	3
8.	Thuế	3
9.	Xây dựng	4
	Tổng cộng	36

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH CÁC TTHC ĐƯỢC KHẢO SÁT Ở APCI 2021

KÝ HIỆU	TÊN THỦ TỤC
Nhóm TTHC Đất đai (DDA)	
DDA.1	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
DDA.2	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
DDA.3	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức
Nhóm TTHC Điều kiện kinh doanh (DDK)	
DDK.1	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh)
DDK.3	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
DDK.4	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế
DDK.6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
DDK.7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện
DDK.8	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc
DDK.9	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc
Nhóm TTHC Đầu tư (DTU)	
DTU.1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
DTU.4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
DTU.7	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
DTU.8	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Nhóm TTHC Giao dịch thương mại qua biên giới (GTB)	
GTB.3	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu
GTB.4	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu
Nhóm TTHC Khởi sự doanh nghiệp (KNG)	
KNG.1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp
KNG.2	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh
KNG.7	Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
KNG.9	Khai và nộp lệ phí môn bài

KÝ HIỆU	TÊN THỦ TỤC
KNG.11	Thông báo phát hành hóa đơn đặt in/hóa đơn tự in/hóa đơn in trực tiếp từ máy tính tiền và hóa đơn điện tử
Nhóm TTHC Kiểm tra chuyên ngành (KTN)	
KTN.2	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu, kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc thực vật nhập khẩu
KTN.3	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu
KTN.5	Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải chức nhận và/hoặc công bố hợp quy
KTN.6	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu; kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu
KTN.8	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
Nhóm TTHC Môi trường (MTR)	
MTR.1	Đăng ký/Đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường
MTR.2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường (cấp tỉnh)
MTR.3	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
Nhóm TTHC Thuế (TAX)	
TAX.1	Hoàn thành nghĩa vụ trước khi giải thể đối với doanh nghiệp
TAX.2	Khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
TAX.3	Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
Nhóm TTHC Xây dựng (XDG)	
XDG.1	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42, Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP
XDG.2	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 24, Điểm b Khoản 1 Điều 25, Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; Khoản 9, 10, và 11 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)
XDG.3	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)
XDG.4	Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH CÁC TỈNH THUỘC VÙNG KTTĐ

Tỉnh	Nguồn
Khu Kinh tế trọng điểm phía Nam	
Bà Rịa Vũng Tàu	Quyết định số 3318/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035
Bình Dương	
Đồng Nai	
Bình Phước	
Tây Ninh	
Long An	
Tiền Giang	
Hồ Chí Minh	
Khu Kinh tế trọng điểm Bắc bộ	
Hải Phòng	Quyết định 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020
Hà Nội	
Quảng Ninh	
Hải Dương	
Hưng Yên	
Bắc Ninh	
Vĩnh Phúc	
Khu Kinh tế trọng điểm Miền Trung	
Đà Nẵng	Quyết định 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020
Thừa Thiên Huế	
Quảng Nam	
Quảng Ngãi	
Bình Định	
Khu Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long	
Cần Thơ	Quyết định 2360/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020
An Giang	
Kiên Giang	
Cà Mau	

